

TẠP CHÍ VĂN HỌC CỎ THƠM

SỐ 90 - THÁNG 12, 2020

BAN ĐIỀU HÀNH

CHỦ NHIỆM:

PHAN ANH DŨNG

dathphan1@gmail.com

PHÓ CHỦ NHIỆM:

PHAN KHÂM

phanvyle@yahoo.com

TỔNG THỦ KÝ:

ĐỖ TRĂNG MỸ HẠNH

hanhbang@hotmail.com

CÓ VẤN DANH DỰ:

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG

dsenser@yahoo.com

WEBSITE

PHAN ANH DŨNG

NGUYỄN VĂN BÀ

<http://cothommagazine.com>

TÒA SOẠN

105 WINDY KNOLL DR

ROCKVILLE, MARYLAND 20850 USA

TEL. (804)-387-8773

dathphan1@gmail.com

BAN BIÊN TẬP

Ý ANH. ĐỖ BÌNH. DIỄM CHÂU.

NGUYỄN THỊ NGỌC DUNG.

PHAN ANH DŨNG. NGUYỄN QUÝ ĐẠI.

TRƯỜNG ĐÌNH. NGÔ TĂNG GIAO.

VŨ HỒI. PHAN KHÂM. HUY LÂM.

NGUYỄN LÂN. PHẠM TRỌNG LỆ.

NGUYỄN PHÚ LONG.

PHẠM THỊ NHUNG. TRẦN BÍCH SAN.

NGUYỄN VĂN THÀNH23.

MỸ PHƯỚC NGUYỄN THANH.

PHONG THU. TIỂU THU.

HỒNG THỦY. TRƯƠNG ANH THỤY.

PHẠM VĂN TUẤN.

ĐẠI DIỆN

DIỄM CHÂU: Spring Valley, CA

TIỂU THU: Québec, Canada

VŨ VĂN TÂM: Germany

NGUYỄN MÂY THU: France



TẠP CHÍ CỎ THƠM SỐ 90 – THÁNG 12, 2020

MỤC LỤC

BIÊN KHẢO

- 6- SUSANA VÀ CÁC TRƯỜNG LÃO -
NGUYỄN VĂN THÀNH 23
- 24- NHÌN LẠI TRIẾT THUYẾT NHO-HỌC -
NGÔ THỊ QUÝ LINH
- 98- CẨM ĐŨA CHẤM NƯỚC MẮM - T.T.
THÁI AN
- 122- DANIEL DEFOE & TÁC PHẨM
ROBINSON CRUSOE - PHẠM VĂN TUẤN

VĂN

- 4- VÀI LỜI CHÂN TÌNH - PHAN ANH DŨNG
- 11- NGƯỜI EM XÓM GIÉNG - NGUYỄN VĂN
SÂM
- 40- BUỒN - HỒNG THÙY
- 44- ĐÍCH DANH THỦ PHẠM - LS NGÔ TÀNG
GIAO
- 51- VIETNAMESE GIRLS DON'T LOOK BACK
- BOB SENSER / PHỤ NỮ VIỆT KHÔNG
QUAY NHÌN LẠI - *Chuyển ngữ: NGUYỄN THỊ
NGỌC DUNG*
- 65- TĨA THỦY TIÊN, THÚ VUI TAO NHÃ NGÀY
TẾT- THU LÊ
- 74- MÙA ĐÔNG BẮT TẬN - TRẦN C. TRÍ
- 82- NÂNG NIU HẠNH PHÚC TRONG TÂM TAY
- TRÂM CÀ MAU
- 89- TRẮNG VÀ ĐEN - DIỄM CHÂU (CĐS)
- 106- CÂY NHÂN SINH – PHẠM THÀNH CHÂU
- 114- CÁNH HOA SYL-BÉA ÉP KHÔ –
NGUYỄN MÂY THU *France*
- 131- BÀN LUÂN VĨ CUỐI CÙNG (KỶ 2) -
NGUYỄN LÂN

- 142- NGÀY XƯA CÒN ĐI HỌC – VUU VẤN
TÂM *Germany*
- 147- VĂN CHUYỆN COVID - Ỡ NGUYỄN
- 155- THẰNG MẮT GÓC – VÕ PHÚ
- 160- MÙA NGUYÊN THỦY- QUỐC BẢO FAIFO
- 165- TÌNH NGHĨA THẦY TRÒ - LÊ MỘNG
HOÀNG
- 169- GIÁNG SINH TRÊN CAO NGUYÊN –
LÊ VĂN PHÚC
- 179- TRẢ LỜI PHÒNG VẤN VỀ NHÀ VĂN
NHẬT TIẾN - TRƯƠNG ANH THỤY
- 182- CÔ GIÁO XÓM NHỎ – NHẬT TIẾN
- 198- NHỮNG MÙA THU RẤT NHỚ – TIỂU THU

THƠ

- 10- THƠ XƯỞNG HỌA – TRẦN QUỐC BẢO &
PHAN KHÂM
- 21- ĐÔNG BUỒN - ĐT MINH GIANG
- 22- KÝ ỨC MÙA ĐÔNG - HẠ THÁI TQP
- 23- GIỮ VẠT NẮNG PHAI - NGUYỄN VÔ
CÙNG
- 31/32- NGÀY TẠ ƠN 2020 / GÓC TRỜI XANH
- GITHÉA HOÀNG HY
- 32- ƯỚC NGUYỆN - THÁI HƯNG/PGH
- 33- TIẾNG CHIM HY-VỌNG ĐÀU THẾ KỶ - BÀI
THƠ “DARKLING THRUSH” CỦA THOMAS
HARDY - PHẠM TRỌNG LỆ
- 39- BÀI THƠ CHO BIỂN - TUỆ NGA
- 42- BẾP LẠNH - QUANG HÀ
- 43- CAO NGUYÊN XỨ LẠ / HƯ VÔ - ĐỖ BÌNH
- 43- THU NHỚ PHỐ HỘI / MÙA THU ĐẾN –
LÝ HIỂU

50- CHÚC MỪNG THƯỢNG THỌ 88 CỦA THI
HỌA GIA VŨ HỐI – PHAN KHÂM

62/63- THU PARIS - PHẠM QUANG TRUNG /
Họa: NHỚ - MÙI QUÝ BÔNG

63- THU SANG - PHAN KHÂM

64- CÚ VUI CHO HẾT CUỘC ĐỜI NÀY –
HOA VẪN

72- LỜI YÊU THƯƠNG / BUỔI SÁNG - Ý ANH

73- YÊU EM TUỔI 15 - TRƯỜNG ĐÌNH United
Kingdom

88- TÔI LẠI NGHĨ TÔI / VỀ THĂM KỶ NIỆM-
NGUYỄN PHÚ LONG

97- Ê CHÈ - ANH ĐỘ ĐỒ CẨM KHÊ /
ANGUISH - Chuyển ngữ: THANH THANH

113- KHÓI THUỐC VÀNG TAY- QUANG HÀ

113- TÀN THU - PHẠM QUANG TRUNG

120- CÓ NHỮNG CON ĐƯỜNG - VŨU VẪN
TÂM Germany

121- Xương: TỰ THẤN – TRƯƠNG ANH
THỤY / Họa: TỰ TẠI - TÂM MINH

130- TẠ ƠN RỪNG - TRẦN QUỐC BẢO

140- SÀI GÒN MƯA GIÓ - TRƯỜNG ĐÌNH

146- TÌNH THỨC / ĐÓN BƯỚC CHÂN HỒNG -
KIM OANH Australia

159- THU ĐÔNG BẮC - Y THI

168- TRÁI TIM THƠ - HOA VẪN

174- NGƯỜI EM PHỐ NÚI - ĐỖ BÌNH France

175- MOURIR AUPRÈS DE MON AMOUR –
ALAIN MORISOD / Chuyển ngữ: PHẠM THỊ
NHUNG France

NHẠC

39- BÀI THƠ CHO BIÊN - Thơ: TUỆ NGA -
Phổ nhạc: VĨNH ĐIỆN

175- MOURIR AUPRÈS DE MON AMOUR –
ALAIN MORISOD France

192- TƯỜNG NIỆM NHẠC SĨ LÊ DINH (1934-
2020) - PHAN ANH DŨNG

** 194- THƯƠNG ĐỜI HOA – LÊ DINH

** 196- ĐÊM NGUYỆN CẦU – LÊ-MINH-BẰNG

HỘI HỌA, NHIẾP ẢNH

BÌA TRƯỚC & SAU: Ảnh: VŨ CÔNG HIỀN

5- THỤ HỌA VŨ HỐI - Thư họa: VŨ HỐI - Thơ:
VƯƠNG THANH

96- NÀNG XUÂN – Tranh: CÁT ĐƠN SA

105- HÀNG NGA - Thư pháp: QUANG HÀ - Thơ:
NHƯ LIÊN

121 – HAI BÀ KHỜ! NGHĨA / MÙA THU
VERMONT – Tranh: TRƯƠNG ANH THỤY

141- YÉM HOA –Thơ & Tranh: THANH TRÍ

203- VỀ ĐI – Thư pháp: VẤN TẤN PHƯỚC
France - Thơ: VƯƠNG THANH

TƯỜNG NIỆM

176- NHÀ VĂN, NHÀ GIÁO DỤC NHẬT TIẾN
(1936-2020)

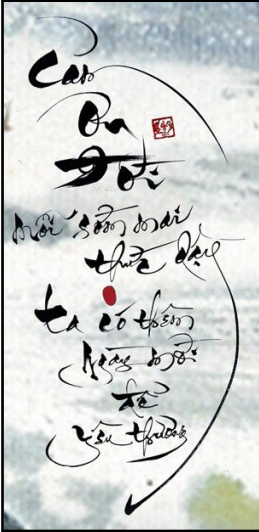
191- NHẠCSĨ LÊ DINH (1934-2020)



VÀI LỜI CHÂN TÌNH

Thưa quý mạnh thường quân, độc giả
và quý văn, thi, họa, nhạc sĩ, biên khảo gia, nhiếp ảnh gia của Cỏ Thơm,

Thời gian qua vun vút, hôm nay là ngày Lễ Tạ Ơn Thanksgiving ở Hoa Kỳ. Chúng tôi đang xem lại bản layout trước khi gửi cho nhà in ngày mai, với hy vọng tạp chí số 90 sẽ đến tay quý vị trước khi chúng ta bước qua năm 2021.



Nhân dịp Lễ Tạ Ơn chúng tôi xin chân thành cảm ơn:

- Các tác giả vẫn tích cực gửi bài và khuyến khích ban điều hành tiếp tục với chủ trương phổ biến văn học hải ngoại.
- Quý mạnh thường quân và độc giả dài hạn vẫn kiên trì ủng hộ Cỏ Thơm. Chúng tôi rất cảm động khi nhận được chi phiếu và có thêm độc giả mới.
- Quý vị trong ban điều hành đã cố gắng rất nhiều để hoàn tất và gửi 4 tạp chí trong năm 2020.

Cảm tạ Thượng Đế đã ban cho chúng ta sức khỏe để vượt qua đại dịch này.

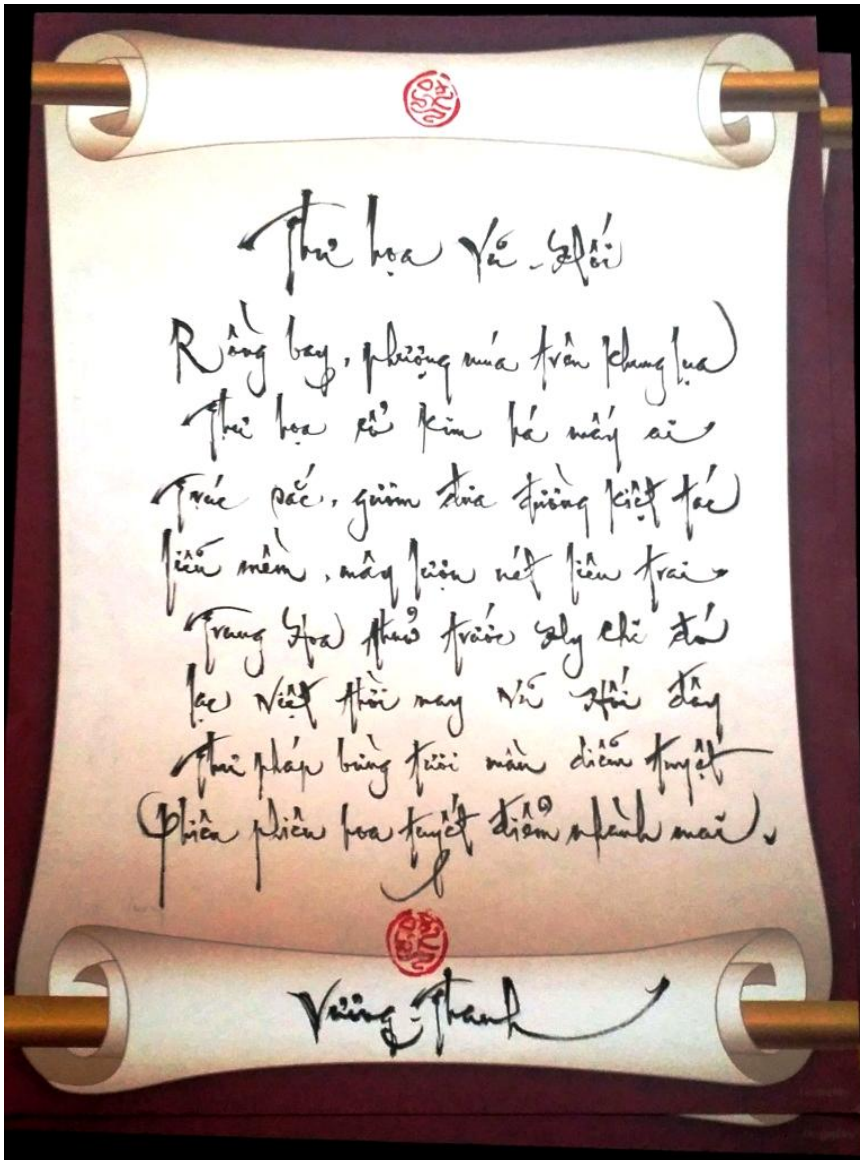
TIN VUI: “*Hy Vọng đã vươn lên trong màn đêm bao ưu phiền...*”: Vaccine cho covid19 từ vài hãng lớn nổi tiếng đã qua giai đoạn thử nghiệm theo luật định và đã được chấp thuận. Mong vaccine sẽ sớm được phân phối rộng rãi, đem an bình đến cho chúng ta và nhân loại.

TIN BUỒN: nhà văn NHẬT TIẾN (California, USA /1936-2020), nhạc sĩ LÊ DINH (Longueuil, Canada / 1934-2020) đã vĩnh viễn rời xa chúng ta. Cỏ Thơm xin thành kính chia buồn cùng tang quyến. Mời xem các bài tưởng niệm ở trang 176-202.

Cảm ơn Mục sư Phan Thanh Bình (El Cajon, California) đã gửi tặng quyển “Học Nơi Trường Đời II”, một trong 12 quyển sách ông viết rất bổ ích về đề tài gia đình; Bà Ngô Thị Quý Linh (Houston, Texas) đã gửi tặng 3 quyển “Lời Mẹ Hiền - 1993”, “Lược Sử Triết Lý Giáo Dục Việt Nam - 1997”, “Lịch Sử Việt Nam - 2002”.

Thân chúc quý vị cùng gia quyến những ngày Lễ cuối năm đầy ấm cúng, hạnh phúc và một năm Tân Sửu 2021 an khang như ý.

PHAN ANH DŨNG (Rockville, Maryland USA – 26 tháng 11, 2020)



Thơ: **Vương Thanh**
Thư họa: **Vũ Hối**

SỰ QUAN HỆ GIỮA LUẬT PHÁP VÀ VĂN HỌC NGHỆ THUẬT SUSANNA VÀ CÁC TRƯỞNG LÃO

(Trích trong The Apocrypha)

** tác giả: Nguyễn Văn Thành 23 **

Bài này đề cập tới quyền của bị can được đối chất với nhân chứng chống y. Vụ án được xét xử, theo Cổ Luật, từ thế kỷ thứ hai trước Công Nguyên.

Tinh thần trọng pháp hay “thượng tôn pháp luật” đóng một vai trò cực kỳ quan trọng và cần thiết để bảo vệ và thi hành nguyên tắc trên. Phân tích chủ đề này, một luật gia nổi tiếng đã nói một câu bất hủ “luật pháp cần thiết đến độ như không khí ta thở, cơm ta ăn, nước ta uống, áo quần ta mặc hằng ngày vậy.”

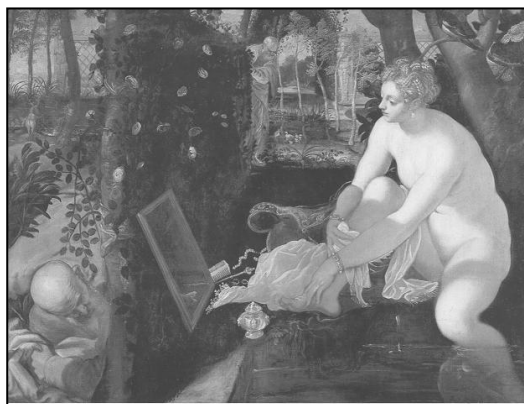
Đi theo chiều hướng đó, người viết sẽ trình bày tầm quan trọng của quyền thẩm vấn đối chất nhân chứng của nghi can để tìm ra sự thật trong vụ án tiêu biểu dưới đây.

Theo tiếng Hy Lạp, The Apocrypha (có nghĩa giấu kín hay bí mật) gồm 14 Sách nằm một phần trong Bộ Sưu Tầm Septuagint.

Do Thái Giáo bác bỏ cho rằng các Sách đó không xác thực. Đạo Tin Lành cũng không thừa nhận vì đi trái với luật lệ của Hội Thánh. Giáo Hội Chính Thống (Eglise orthodoxe) chấp thuận toàn thể 14 Sách trên. Trái lại, Giáo Hội Cơ Đốc Giáo La Mã chỉ chấp thuận 11 trong 14 Sách liệt kê ở Bộ Sưu Tầm Septuagint, được phiên dịch từ Kinh Hy-bá-lai (Do Thái xưa-Hebrew Scriptures) ra tiếng Hy Lạp và La Tinh vào Thế kỷ thứ 2 trước Công Nguyên

nhưng không đưa vào Kinh Thánh Cựu Ước lẫn Tân Ước.

Mười một Sách được chấp nhận đề cập tới nhiều đề tài như Sách về lịch sử, truyện hư cấu Judith, Bel hay Tobit, sự thông thái, ngày tận thế, truyện phụ về Susanna...



(Tác phẩm nghệ thuật của Họa Sĩ Ý Tintoretto (Jacopo Robusti). Susanna và các Trưởng Lão 1555. Họa phẩm sơn dầu trên vải bố. Tàng trữ tại Bảo Tàng Viện Kunsthistorische, Vienna, Áo Quốc).

Truyện “Susanna và các Trưởng Lão” ghi trong văn kiện phụ của Sách viết về Daniel, người anh hùng trẻ tuổi nổi tiếng đã cứu Susanna thoát khỏi án tử hình vì bị hai trưởng lão khả kính khai gian cáo buộc thiếu phụ kiêu diễm

này can tội “Ngoại Tình” (Sus. 1:51 và 1:49).

TÓM TẮT CÂU CHUYỆN

Có một nhà Kinh doanh Do Thái Joacim nổi tiếng giàu có tại Babylon, đã kết hôn với Susanna, một thiếu nữ đẹp và đức hạnh nhất trong cộng đồng. Vốn thuộc gia đình gia giáo, ông bà Chelcias đã giáo dục Susanna theo đúng luật lệ Môi-se (Moses).

Công việc kinh doanh ngày một phát triển, nhà triệu phú Joacim xây một dinh thự nối liền với cái vườn rất đẹp làm nơi giải trí cho gia đình cũng như dành cho các buổi họp mặt thân hữu của người Do Thái trong cộng đồng.

Chính quyền Babylon bổ nhiệm 2 bộ lão uy tín giữ chức vụ pháp quan cai quản dân chúng phải tuân hành nghiêm chỉnh luật Môi-se, và hai Trưởng Lão đặc biệt chú ý tới gia đình Joacim bởi lẽ ông Joacim là người được nể trọng hơn tất cả mọi người Do Thái khác tại Babylon.

Khi mọi người ra khỏi nhà, Susanna đi tản bộ trong vườn của chồng. Hai Trưởng Lão trông thấy thiếu phụ diễm lệ này thường đi tản bộ hàng ngày nên đem lòng say mê đến mức không sao kiềm chế nổi lòng ham muốn. Họ đã làm đường lạc lối, quay mặt đi, không nhìn lên thiên đường mà cũng chẳng còn nhớ tới sự phán xét cuối cùng nữa.

Hai Trưởng Lão cảm thấy xấu hổ không dám bộc lộ với nhau mối tình bất chính đó, nhưng cả hai vẫn mãi miết quan sát, ngày này qua ngày khác, Susanna đi dạo trong vườn vào mỗi buổi trưa. Gặp nhau tại chỗ quen thuộc gần khu vườn, người này nói với người

kia, “Ta đi về thôi vì tới giờ dùng cơm tối”. Rồi họ chia tay nhau, mỗi người đi một ngã, nhưng chỉ ít phút sau, họ đều quay trở lại cũng tại nơi đó, và cuối cùng đành thú nhận với nhau lòng thèm khát Susanna. Hai Trưởng Lão đòi bại này hẹn nhau sẽ tìm mọi cách gặp Susanna một mình vào thời gian thuận tiện nhất.

Vào một buổi trưa hè nóng bức, họ vào ẩn ở cuối vườn để theo dõi thiếu phụ này. Thật đúng lúc, Susanna từ trong nhà qua cửa riêng vào vườn, theo sau có hai cô hầu. Nàng ra lệnh cho người hầu mang dầu và khăn tắm, và phải đóng cửa vườn cẩn thận để nàng có thể tự tắm một mình vì trưa nay nóng quá. Hai người tớ gái trẻ tuổi thi hành lệnh của chủ nhân xong xuôi rồi đi vào nhà, nhưng cả ba đều không nhìn thấy hai người cao niên đang ẩn ở góc vườn.

Hai cô hầu vừa rời khỏi khu vườn thì hai Trưởng Lão vội đứng lên và chạy tới Susanna nói, “Bây giờ không có ai nhìn thấy chúng ta nữa, cửa vườn đã đóng, và hai ta mê say nhan sắc rực rỡ của nàng, nếu nàng ưng thuận hãy nằm với chúng ta. Nếu không, hai ta sẽ đưa bằng chứng buộc tội nàng đang tư tình với một thanh niên, vì thế nàng đã cho hai cô hầu vào nhà để được tự do làm tình với người trẻ tuổi.”

Susanna từ chối. Hai Trưởng Lão toan cưỡng hiếp, nàng la thất thanh chống đối và hai Trưởng Lão bèn thét mắng lại. Một Trưởng Lão vội chạy ra mở cửa vườn. Nghe thấy tiếng kêu to, hai người hầu chạy ra vườn. Hai Trưởng Lão thuật lại các sự việc khiến hai cô hầu vô cùng thẹn thùng vì chưa

bao giờ thấy chuyện như vậy xảy ra đối với nữ chủ nhân của mình.

Ngày hôm sau, hai Trưởng Lão đưa Susanna ra phiên tòa tổ chức tại một nơi công cộng trong vùng để xét xử về tội “ngoại tình”. Dân chúng tham dự rất đông và lập ra Hội Đồng xét xử. Hai Trưởng Lão tới với trí óc đầy tưởng tượng ác ý để lên án tử hình Susanna.



(Tác phẩm nghệ thuật của Họa Sĩ Ý RAPHAEL (RAFFAELLO SANZIO). Công Lý. 1510. Tranh lắp ghép. Điện Vatican, Rome.)

Nàng ra Tòa cùng với thân phụ và thân mẫu, chồng và con, bà con họ hàng cùng bạn hữu. Tất cả nhìn thấy nàng che mặt, ai nấy đều khóc. Hai Trưởng Lão ra lệnh bỏ khăn che mặt để cho mọi người thấy nét mặt thanh tú và vẻ đẹp của nàng.

Họ đặt tay lên đầu bị cáo, và Susanna khóc nhìn lên thiên đường vì nàng hết lòng tin tưởng ở Thượng Đế.

Hai Trưởng Lão bắt đầu khai, “Khi chúng tôi đang đi trong vườn, thiếu phụ này vào vườn cùng với hai cô hầu, ra lệnh đóng cửa vườn rồi cho người hầu vào nhà. Tiếp đến có một thanh niên ẩn nấp bỗng xuất hiện đến gặp Susanna và nằm với nàng. Khi đó, chúng tôi đứng ở góc vườn nhìn thấy hành động đồi trụy đó vội chạy tới. Chúng tôi đã nhìn thấy hai người cùng nhau ở đó nhưng không bắt được người trẻ tuổi vì hấn ta khỏe hơn chúng tôi nên mở cửa vườn chạy thoát ra ngoài. Chúng tôi có hỏi Susanna thanh niên đó là ai nhưng Susanna nhất định không nói. Đó là lời khai của chúng tôi đã chứng kiến vụ ngoại tình này.”

Tất cả dân chúng tham dự vụ xét xử đều tin tưởng hai Trưởng lão này vì đang giữ chức pháp quan đáng kính trọng của dân trong vùng: họ kết án Susanna tử hình.

Nàng kêu la phản đối bản án rồi nói, “Lạy Thượng Đế muôn thuở và muôn đời, chỉ có Thượng Đế là thấu hiểu tất cả những sự bí mật, biết hết mọi chuyện: hai pháp quan này đã đưa ra bằng chứng giả mạo hãm hại con. Họ đã ác ý bịa đặt ra những tội lỗi xấu xa buộc tội con mà con không hề vi phạm.”

Thượng Đế đã nghe lời cầu nguyện của Susanna. Bỗng một người trẻ tuổi

thấy thần trí sáng suốt lạ thường, rẽ đám đông ra phiên Tòa hô to, “Tôi sẽ làm sáng tỏ vụ án này để cứu người con yêu của đất nước Do Thái không bị đổ máu một cách oan uổng. Quý Tòa chưa thẩm cung đối chất hai nhân chứng này và cũng chưa tìm ra được sự thật mà đã vội kết án Susanna. Tôi xin phép cho tái thẩm vụ án vì lời khai buộc tội một chiều của hai Trưởng Lão này rất đáng nghi ngờ.”

Daniel vừa dứt lời, toàn thể dân chúng tụ tập dự phiên xử hoan nghênh nhiệt liệt ý kiến trên. Người trẻ tuổi liền ra lệnh cho giam giữ riêng biệt hai Trưởng Lão ở một nơi khá xa để họ không thể tiếp xúc được với nhau. Tiếp đến, cho dẫn giải Trưởng Lão thứ nhất để chấp cung về một điểm quan trọng sau:

“Khi nhân chứng nhìn thấy Susanna tư tình với người thanh niên, lúc đó nhân chứng đứng ở dưới cây nào trong vườn?”

“Thưa, tôi đứng dưới cây nữ hương.” Trưởng Lão thứ nhất trả lời.

Sau đó, nhân chứng này bị dẫn đi nơi khác, và Daniel cho đòi Trưởng Lão thứ hai ra khai trước Tòa.

“Bây giờ nhân chứng hãy nói cho Tòa rõ, nhân chứng đứng ở dưới cây nào khi trông thấy người đàn ông nằm với Susanna?”

Trưởng Lão thứ hai trả lời, “Thưa, tôi đang đứng dưới cây sồi xanh.”

Daniel kết luận: “Như vậy hai nhân chứng đã khai gian.”

Hai Trưởng Lão bị kết án tử hình vì làm chứng gian, theo đúng sự quy định

của luật Môi-se (Moses). Susanna được minh oan vì thiếu phụ này không hề làm điều gì đáng hổ thẹn cả.

Tóm lại, truyện Susanna được phiên dịch ra tiếng Hy Lạp từ thế kỷ thứ 2 trước Công Nguyên, nhưng “chủ đề làm chứng gian để gây làm lẫn” trở nên bất tử. Nếu không có cuộc thẩm cung đối chất hai Trưởng Lão thì chắc rằng Susanna đã bị hành quyết.

Từ vụ án đó cho đến nay, ta thấy quyền thẩm vấn đối chất để tìm ra sự thật không thể không có được trong hệ thống pháp lý hiện nay của các nước theo chế độ pháp trị.



NGUYỄN VĂN THÀNH 23

Tham khảo và trích các tài liệu sau:

- The Complete BIBLE Handbook by John Bowker.
- Bé Xé ra To hay là Vụ Án của Thế Kỷ của Tiến Sĩ Luật Khoa Nguyễn Trọng Liệu.
- Hình Sự Tố Tụng Hoa Kỳ của Luật Sư Đoàn Văn Tiên và Trần Danh San.
- The American Heritage History of The Law In America by Bernard Schwartz).

CHIẾN BINH TƯƠNG NGỘ

Xương

Mười mấy năm trời gặp lại nhau
Lệ mừng tương kiến bạn tâm giao
Chiến chinh thuở ấy vừa xanh tóc
Lưu lạc giờ đây đã bạc đầu
Câu chuyện cổ hương nghe thấm hận
Nỗi niềm vong quốc nghĩ mà đau
Nắm tay còn tưởng cơn trường mộng
Ly rượu tha hương chất ngắt sầu.

Trần Quốc Bảo



MẢNH VƯỜN KỶ NIỆM

Xương

Mảnh vườn nho nhỏ ở sau nhà
Một nửa trồng rau một nửa hoa
Hồng tím cúc vàng bên xích thước
Đậu xanh dền đỏ cạnh thì là
Cải chèn chen giữa dăm hàng muống
Mướp đắng bò quanh mấy luống cà
Mượn thú ươm cây ươm kỷ niệm
Ngắm vườn tìm lại chút hương xa.

Trần Quốc Bảo

GIẤC MỘNG VƯỜN XUÂN

Hạ

Bao giờ còn hạnh ngộ bên nhau
Không lẽ quỳnh đành đoạn với giao
Niệm khúc tình dang giây phút cuối
Cầu kinh chuông gọi buổi ban đầu
Nhân duyên ràng buộc cung bi lụy
Định mệnh an bài kiếp khổ đau
Giấc mộng vườn xuân mơ cánh bướm
Hoa rơi trắng lạnh khép mi sầu.

Phan Khâm

ĐÊM CUỐI ÂN TÌNH

Hạ

Thoai thoai đôi thông một mái nhà
Bên kia con suối tới vườn hoa
Gót son nhè nhẹ êm nhung gấm
Mắt biếc long lanh mát lụa là
Mưa xuống tốt tươi từng luống cải
Nắng lên xanh thắm cả vườn cà
Xuân thu mong ước về nơi cũ
Vương vấn ân tình nhớ xót xa.

Phan Khâm

NGƯỜI EM XÓM GIẾNG

** Tác giả: Nguyễn Văn Sâm **

Người đàn bà trẻ để nhẹ cái thau đồ giặt xuống kế bên miệng giếng rồi đặt đứa con nhỏ nãy giờ chị xúc nách đứng hơi xa xa một chút. Chị vừa kéo nước vừa ngó chừng con bé. Giặt quần áo dơ của con mà chị nhăn nhó mũi kiêu tiểu thơ nhà giàu phải săn sóc con so khi chưa quen cực khổ. Đứa nhỏ lần quần bên mẹ. Con bé chừng 4 tuổi kháu khỉnh, mặt mày rất dễ thương. Thằng Tín nằm dựa lưng vô góc mít nghỉ trưa tránh nắng thấy hết cảnh tượng. Nó đưa hai ngón tay búng ‘tróc tróc’ con bé để hai đứa cùng cười. Rồi nó thiu thiu ngủ gà ngủ gật khi một vài cơn gió mát thổi qua.

Trong mơ màng nó cảm giác như ai đó bỏ gàu kéo nước mà nhấp cái gàu gần đầy xuống mặt nước quá mạnh. Nó vẫn chấp chờn giữa mê và tỉnh của cơn nắng trưa chói chang muốn làm nổ màng tang người. Rồi nó tỉnh giấc hẳn hoi, mắt ráo hoảnh khi nghe tiếng khóc kể của người đàn bà trẻ. Không cần suy nghĩ nhiều nó cũng biết chuyện gì đã xảy ra. Buổi trưa nắng nóng, quanh giếng không có bao nhiêu người, chắc nịch là chẳng ai có thể giúp gì cho chị ta: vợ chồng ông thầy giác lễ thì khỏi nói, yếu nhớt như sên, ba bà cụ quá già người Bắc di cư, mới tới Xóm Giếng không được bao lâu.

Thằng Tín ngó qua năm người kia rồi chú ý tới người đàn bà trẻ. Mới nhìn thấy nước mắt nước mũi của chị ta thì nó đã tính leo xuống giếng rồi, nhưng khi bắt gặp ánh mắt khinh khi của ông thầy giác lễ, nó thấy lại như in cặp mắt đó với hai bạt tai nẩy lửa trên má nó mấy tháng trước thì lòng lại lạnh tanh và chần chờ rồi lại muốn bỏ đi. Hình ảnh sự phụ nó bị lính kín còng tay dẫn độ về đồn. Tiếng xầm xì về sự cáo gian để đoạt chùa. Cặp mắt hơn hờ và cái cười thỏa mãn trước đây của bà thầy như mình bắt được kẻ trộm danh tiếng làm cho thằng Tín muốn quay lưng bỏ đi hơn nữa.

Nó ngừng suy nghĩ thiệt hơn khi nhớ tới nụ cười vô tư của con bé chừng nửa tiếng đồng hồ trước khi nó đưa tay làm tiếng ‘tróc tróc’...

‘Anh em nói mình từng là người Sài Gòn, sống ở đó mấy chục năm chớ có biết đường Huỳnh Quang Tiên không vậy?’

Ông Ba ngừng nói, đảo mắt qua mấy người bạn cùng bàn. Ai nấy đều tránh cặp mắt của ông như thăm thú nhận rằng mình không biết.

Ngoài kia nắng đã liếm tới churen cột bàn ông Thiên. Người đàn bà đang

cong lưng quét sân, bụi bay lên coi bộ nhiều, thỉnh thoảng ngó về phía tiệc nhậu dã chiến của bốn người đàn ông, lắc lắc đầu nhẹ nhẹ. Ông Ba nhăn mặt không vừa ý nhưng rồi cũng kể tiếp.

‘Hồi năm đó nhe, tôi lăn lóc từng ngày gần hai chục năm ở đó, qua bao khổ khổ này nọ nên thỉnh thoảng cảnh xóm giềng đường Huỳnh Quang Tiên hiện ra trong chiêm bao với đầy đủ tình huống buồn, sợ, chán chường, với chuyện tình si, tình lụy đến đau. Nhiều khi thức dậy còn thấy nước mắt chảy ròng, kiểu như đàn bà lưu lạc tha phương, hôm nào đó chạnh lòng nhớ quê sứt sùi thốn thức.’

Thấy mấy bạn cùng bàn vẫn còn ngỡ ngác, ông Ba nói tiếp, kiểu lập đi lập lại của dân nhậu:

‘Đường Huỳnh Quang Tiên đó hả?’

‘Nói vậy cho dễ hiểu nè! Bắt đầu từ góc đường Nguyễn Cư Trinh với Trần Hưng Đạo nhe! Từ đó băng qua đường Trần Hưng Đạo thẳng xuống tới bờ sông Bến Chương Dương là đường Huỳnh Quang Tiên.’ Tôi nói là nói tên đường Việt Nam có sau thời Pháp chớ nói tên đường trước đó như là Blancsubé de CauKho, Galiéni hay Quai de Belgique thì anh em còn bù trất hơn nữa!’

Cả bàn lại yên lặng. Một người nhẹ nhàng đưa tay quơ quơ đuổi vài ba con ruồi hỗn hào đậu lên miếng cánh gà

xương xẩu nầy giờ chưa ai chịu bỏ vô chén mình.

‘Bây giờ thì tên mới là con mẹ gì đó hông nhớ nổi... Ồ! Hơi sức đâu mà nhớ mấy cái tên lạ quắc lạ quơ đó! Anh hùng với ai chứ đâu có anh hùng gì với bọn mình, phải không các bạn?’

‘Đường Huỳnh Quang Tiên đó nhe, dọc theo đường này bên tay mặt hồi trước là khu nhà sàn cát trên đầm lầy rạch cùn rạch cạn, nước ra nước vô hằng ngày. Đi ngoài đường thì hông thấy nhà sàn gì hết nhưng chỉ cần rẽ vô một đường hẻm là thấy liền bởi vì mặt tiền đường nhà cửa tương đối khang trang, họ cát tiếp nối che kín bên trong. Tốt khoe xấu che mà!’

Ông Ba ngừng nói, đưa tay bóc một miếng cóc bỏ vô miệng. Miếng mồi coi bộ cứng nên ông nhả ra bỏ lại vô chén mình.

Mẹ! Lúc nào cũng tưởng rằng cò còn cứng như hồi đó. Cắn nhẹ mà đau thấu tới óc. Ông than thầm. Thấy bạn nhậu ngó mình, ông tiếp:

‘Còn bên tay trái phía trong có một khu đất trống lai rai vài ba cái mà đá ong, giữa đám đất trống là cái **giếng mồi**. Người ta quen kêu như vậy nhưng mà hông trúng. Giếng nào lại chẳng là giếng mồi, không mồi làm sao có nước? Tui nói vậy anh em thấy phải hông?’

Lại vài ba phút yên lặng, yên lặng tới tiếng ruồi bay vo ve cũng nghe...

‘Giếng này phải kêu bằng **giếng xây** mới đúng, xây đàng hoàng, lớp dưới cùng thì là đất sét, trên đó là đá ong, dày đâu chừng hai thước, trên cùng cũng độ hai thước là gạch đỏ, thứ gạch xây tường đó. Xưa người ta không văn minh bằng mình bây giờ nhưng xây giếng có ý lắm, chừng cách ba bốn tấc thì họ chừa một lỗ nhỏ để thợ vét giếng hay khi ai đó có chuyện gì cần xuống giếng thì leo dễ dàng. Tứ bề đều như vậy!’

‘Tui nói vậy anh em hình dung được không nè!’

‘Hai chun giang ra hai bên, hai tay cho vô hai lỗ đối diện, lần lần thay đổi vị trí tay chơn là leo tới đáy giếng ngon lành. Nước giếng luôn luôn chỉ cao tới ngực người lớn nên người bình tĩnh té giếng cũng không có gì phải quá sợ. Lên thì cũng cách đó thôi. Anh em biết không? Thợ vét giếng dầu kinh nghiệm nghề bao lâu cũng vậy, không được ở dưới đáy giếng quá mười lăm phút. Ngộp thở mà chết. Muốn ở lâu họ phải đem theo một cái đèn dầu, hay là cây đuốc dầu chai, đốt lên để thay đổi không khí mới có đủ ốc xy mà thở.’

Bạn nhậu hai người há hốc miệng ra nghe, một người trẻ nhứt bợn chăm chăm *đĩa* mấy miếng thịt ngon trong đĩa rồi từ tốn gắp một miếng ngon nhứt bỏ vô chén mình. Bác Ba chuyển hệ liền:

‘Ừ ăn đi! Tự nhiên nhe! Miếng đó nhiều thịt mà bợn nhậu tui này thì không ưa thịt, chỉ khoái xương thôi.’

Bác tiếp câu chuyện của mình tỉnh bơ.

‘Giếng này nước trong veo mà xài bao nhiêu cũng không cạn nên cả xóm đầu độ chừng cả trăm nhà xúm xít nhau cùng xài. Tui tui hỏi đó kêu là Xóm Giếng Huỳnh Quang Tiên. Lúc đó xa lắm mới có một cái *phông tên*, bây giờ kêu là máy nước đó! Còn nước của nhà máy nước chuyên vô nhà hả? Đừng có mơ! Chỉ xóm giàu nhà gạch, nhà lầu mới có, xóm nghèo thì đừng hòng. *Tường giếng sâu anh nổi sọt dây dài. Ai dè giếng cạn anh tiếc hoài sọt dây... Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô.* Giếng vàng không phải là giếng có vàng đâu à nhe! Đó là giếng có vài ba lá ngô đồng trở màu vàng rụng xuống trong đó. Thi sĩ nói giếng có lá rụng vô thì đẹp. Đẹp ông nội tôi chứ đẹp. Thúi giếng thì có.’

Ông Ba hể rượu vô thì nói chuyện nọ xọ chuyện kia sang đàng nhưng bạn nhậu không ai tỏ ý bất mãn để phê bình. Có người còn tán thưởng bằng cách khi thấy ông ngừng nói liền mời chun rượu nãy giờ đương chờ. Thường thì ông tiếp cái chun mời một cách lịch sự nhưng cầm chừng vài phút là đặt xuống kiếm chuyện gì đó làm để câu giờ!

Lúc này không biết ông ứng bà hành gì mà ông Ba cầm chun để đưa lên miệng

húp cái rột, để xuống mạnh tay, k...h...à một hơi dài dáng vẻ gì đó như tự hào mình đã làm tròn bổn phận với anh em. Ông ngã lưng vô ghé dựa, mắt chớp chớp:

‘Nói này nghe nè! Ở gần xóm giếng có cái lợi là biết nhiều chuyện hay lắm của xóm. Biết trước thiên hạ à nhe! Cô nào bắt cặp với cậu nào. Con gái nhà ai *chịu đên* với con trai nhà ai, mình khỏi cần có cặp mắt tinh đời cũng biết qua cái nhìn vui buồn của họ hay nghe vài ba câu đong đưa trao qua đáp lại. Không trật đâu được, mười lần như một đều trúng.

Một người trẻ đưa tay rút cho mình một chun rồi rút vòng cho ba người khác. Cậu để chai rượu xuống, cầm chun của ông Ba đưa lên cao, nói:

‘Cháu kính Bác Ba chun này. Ngồi uống với bậc trưởng thượng có cái lợi là biết được nhiều chuyện đời xưa mà không có sách vở nào ghi lại. Lần trước được nghe chuyện con Gái, em mà biết lo thay mẹ tấm cho anh. Lại nghe chuyện bà già chuyên nghề khóc mướn tới chừng con gái mình chết thì không còn nước mắt để khóc. Thảm biết là bao nhiêu. Bữa nay Bác kể chuyện gì đó của Xóm Giếng Huỳnh Quang Tiên cho anh em mở trí khôn nha Bác!’

Một người tuổi cũng xồn xồn, xách chai rượu đứng dậy:

‘Để tui lo vụ này’. Chú vừa nói vừa đưa chai rượu còn chút cặn lót đáy lên

lắc lắc. Trước khi dậm cẳng bước đi còn nói thêm: ‘Nhưng chú Ba chậm kể chuyện đời tôi về nha!’

Bác Ba trở mình vói lấy gói thuốc rê trong túi áo móc trên lưng ghé của người bạn ngồi gần:

‘Xóm giếng đó thì đã để lại cho tôi mấy kỷ niệm nhớ đời, nhớ đời buồn buồn trong dạ ... nhưng đời mà, kỷ niệm buồn làm cho cuộc sống của mình phong phú hơn, chứ trơn lu, trót quớt thì đời đâu có gì đáng nói. Tôi quý hai chục năm ở đó còn hơn vàng. Càng quý hơn nữa là mình đã làm đúng, chẳng hại ai, chẳng làm lỡ đời ai. Tiếng lỡ đời bác xuống giọng kéo dài hơi với âm thanh thê lương kiểu than thở của kếp Năm Phôi ngày nào.’

Bàn nhậu trở nên im lặng một cách kỳ lạ.

Xóm Giếng sống bình thản tháng ngày. Ngôi chùa *Hoa Nghiêm Tự* làm tròn vai trò tạo nên nếp sống êm ả của vùng. Sáng chiều đều có tiếng gõ mõ công phu. Nhà ở gần nghe lời kinh ê a của sư trụ trì miết rồi biết giờ giấc khỏi cần coi đồng hồ. Chú tiểu Tín Giác ra vô quét tước, nấu nước pha trà sớm chiều cho thầy cách kính cẩn và nghiêm trang của một đứa trẻ hiểu chuyện mình cần làm.

Một sáng kia hai xe traction đen, bản xanh, bảng số VNN-XXX đậu trước

chùa. Bốn người lính áo vàng đẩy cửa hùm hổ bước vô. Người lối xóm không dám bu tới coi chuyện gì như họ thường làm khi có chuyện lạ trong xóm, chỉ rút trong nhà, len lên vạch màn ngó ra.

Một lúc sau mấy người lính áp giải sự cụ ra xe. Tay cụ bị còng về phía trước. Tiểu Tín Giác vừa khóc vừa chạy theo trao vội tay nải cho sự khi xe bắt đầu lăn bánh.

Lối xóm ào ra. Mỗi người một câu quanh mấy từ thường nghe trao đổi nhỏ nhỏ trên miệng người dân: Việt Minh, truyền đơn, quốc sự, lựu đạn, dao găm, thuốc Tây, trong khu, tiền giả...

Ai nghe cũng lắc đầu le lưỡi.

Rồi tiểu Tín Giác phải về nhà với cha mẹ, cũng ở trong xóm sau khi ở trong chùa một mình độ chừng mười bữa nửa tháng trông đợi thầy về mà không thấy.

Tiểu về lại nhà, cái đầu trọc chùa chóp tóc trên mỏ ác được hớt gọn để chờ ngày mọc tóc. Chùa đóng cửa, coi như bỏ hoang từ đó. Cho tới một hôm nhà ông bà thầy giác lễ kế bên cho người mở cửa chùa dọn đồ đạc nhà mình vô, hạ những liễn đối, những đồ vật thờ phượng xuống và kêu người đem tất cả tượng Phật dâng tặng cho mấy chùa ở gần gần như Thủ Đức, Nhà Bè, Giồng Ông Tố, Bình Nhâm, Bình Hòa...

Người trong xóm bàn tán cho rằng gia đình kia chiếm ngang vì ông thầy chủ chùa không còn nữa. Thằng Tín mỗi khi đi ngang ngôi chùa xưa, nơi nó từng sống những năm êm đềm dưới sự dạy dỗ của thầy mình luôn luôn thấy nao nao lòng. Bốn tiếng bao hàm sự kính trọng thân thiết *chú tiểu Tín Giác* đã được thay bằng mấy tiếng coi thường đờm chút khi để *Thằng Tín xách nước tưới* ban đầu nó không muốn nghe, nhưng thét rồi cũng quen.

Có lần thằng Tín tình cờ nghe một người nào đó trong xóm xầm xì với ba nó là nên làm đơn đòi lại chùa cho nó với lý do nó là đệ tử ruột của thầy. Ba nó là người bình dân, ít học, có đời sống đơn giản nên chỉ nghe mà không ý kiến cũng không có hành động gì sau đó.

Người kia nói rõ ràng ý mình:

‘Chắc ông bà thầy giác lễ toan tính trước nên tố cáo gian gì đó để ông thầy bị bắt. Tố cáo thì đâu khó gì. Có chứng cứ hay không người bị tố cáo cứ bị lính kín bắt đi trước đã. Vài tháng ở trong bót Catina, hay vài ba năm ở trong Khám Lớn nếu được thả về, thân tàn ma dại, sản nghiệp về tay người khác cũng được kêu là may mắn do phước đức ông bà để lại...’.

Người đàn bà quét sân ý chừng đã làm xong phận sự, xách chổi vô nhà, đi

ngang qua đám nhậu, để xuống bàn họ mấy trái xoài sống lấy từ đĩa trái cây cúng bàn ông Thiên. Bác Ba gật theo từng cử chỉ của vợ nhưng không nói gì. Người vợ đi ra nhà sau, một lúc đem tới cho tiệc nhậu con dao Con Chó với chén nước mắm đường trong đó lênh bênh ba bốn trái ớt mọng đỏ. Ông Ba ngó lên vợ như cảm ơn rồi ngó bạn nhậu, tiếp tục câu chuyện của mình....

‘Ờ ... ờ... ờ. ... Hồi đó tôi nghe bàn tán thiếu điều đầy lỗ tai nhưng mà nghe thì nghe vậy chớ không biết đúng không nữa. Mấy chục năm nay tôi nghĩ hoài mà không ra câu trả lời. Thôi thì mình theo cách từ bi, không đổ oan cho người, nên bỏ qua không truy cứu.’

Ông cười ra tiếng, nói giọng mai mỉa:

‘Mà truy cứu mẹ gì được. Bằng chứng đâu?’

‘Rồi chú Tiểu gì đó sau này sống ra sao ông Ba biết không?’

Ông Ba trầm ngâm thiệt lâu, mới thủng thảng kể từng tiếng chậm chậm như xúc động chuyện đời mình. Bạn nhậu chăm chú lắng tai nghe.

Trong xóm giếng, thằng Tín không ghét ai hết. Vậy mà hôm rằm vừa qua nó bắt đầu ghét ông chồng bà thầy giác lễ. Số là nhà bà Tư giác lễ có tục cúng rằm trước bàn Ông Thiên. Mỗi lần cúng thì bà thầy thấp nhang xá bốn phía xong xuôi rồi vô nhà ngồi ngó ra canh chừng

đĩa trái cây. Xóm thỉnh thoảng có dừa bưng nguyên đĩa khiến cho bà cảnh giác trong giận hờn trách móc. Để bào chữa tánh keo kiệt của mình bà thường nói rằng dừa lớn nhỏ nào bất kỳ, thềm thì xin, bà cho không hạn lượng. Nếu không dám xin thì trút hết trái cây cũng được nhưng đừng bưng nguyên cái đĩa bà mất công mua đĩa khác.

Thằng Tín sau khi hết ở chùa thì về nhà sống với cha mẹ nghèo ở ngoài rìa xóm giếng, nghĩa là ở sát chợ Cầu Kho. Nó không còn cái chỏm tóc trên đầu của chú điếu nữa và nhiều lần khi tóc lún phún ra chừng hai lóng tay là đã lo đi hớt để mong tóc mọc lên nhiều... Người trong xóm kêu nó bằng *thằng Tín xách nước mướn*. Mười ba tuổi nó bự xộn, cao nhông, xách hai tay hai thùng nước, loại thùng dầu hôi hiệu con gà, đi te te một hơi tới nhà ai đó mướn đổ nước thàng mà nước vẫn còn mát mé miệng thùng, không vơi bao nhiêu. Nghề đơn giản vậy mà sống được, còn có tiền giúp cho cha mẹ nó là đàng khác.

Bực bội nhứt là bà thầy giác lễ quả quyết là nó ăn cắp đồ cúng rằm trên bàn ông Thiên kỳ rằm đó.

‘Chuyện hay a nhe, mà Bác Ba biết là anh Tín có ăn cắp không vậy?’

Tiếng một bạn nhậu phát ngôn lớn hơn bình thường. Người vợ bác đứng đầu đó ngược mặt lên ngó rồi nói nhỏ nhỏ nhưng cũng đủ cho bạn nhậu của

chồng nghe. 'Cũng ba cái chuyện đó mà kể năm này qua năm khác không nhàm. Người thiệt lạ lùng! Hễ có chút rượu vô là giờ chuyện cũ ra nói hoài.'

Ông Ba nghe hết từng tiếng lèm bèm của vợ nhưng coi như không, trả lời bạn hùng hồn:

'Đâu có! Nó gốc tu mà! Tu đâu hồi 6, 7 tuổi gì đó. Sanh khó nuôi khó, ban của lười trắng nên cha mẹ nó đem dâng cho Phật, ăn mày cơm Phật, nghe kinh nghe kệ nên tánh cũng thuần lương. Tu chừng 4 năm thì sư cụ bị nạn. Nó mới rời chùa chừng độ 2, 3 năm chứ mấy, đâu nhiễm thói hư tật xấu mau được.'

.....Thằng Mẹo đi ngang nhà bà thầy giác lễ. Nó chíp trong bụng đĩa trái cây trên bàn ông Thiên nhưng chưa dám ra tay, bả ở trong nhà ngó ra lờm lờm. Dịp may là bà thầy nghe tiếng chồng kêu liền đi vô, nó chạy mau tới bưng cái đĩa xuống, lật vạt áo lên đỡ hết vô. Lật đặt nó làm rớt hai trái xoài xuống đất. Nó lượm lên, chợt thằng Tín xách hai thùng nước đi ngang nó lẹ tay liệng vô thùng nước rồi ba churen bốn cẳng chạy mất.

Bà thầy giác lễ ra không thấy đĩa trái cây lại thấy thằng Tín với hai thùng nước, đứng xớ rớ đó thì cũng hơi nghi. Bà tới dòm vô thì thấy hai trái xoài của mình. Bà la lớn...

Thằng Tín thiệt thà, không đủ miệng lưỡi chỉ ú ớ là không phải tui...

Và hai ba bạt tai xáng xuống làm nó xiểng niểng. Những lời miệt tuông ra phũ phàng rằng là đồ tu dối thể, may mà hết tu chớ không thì sau này thành Đạo Chuối, Đạo Xôi hay là kiểu thầy chùa Lỗ Trí Thâm ăn thịt chó ... Mặt đỏ gay, thằng Tín đứng thẩn thờ buồn hiu. Nó chợt nhớ tới thầy mình năm ngoài ông về không thấy chùa, hai thầy trò nói với nhau rằng mình đã hết duyên *tu chùa*, bây giờ ra đời *tu chợ* cũng là cách tu, nhưng phải nhẫn thiệt nhiều... Nó rơm rớm nước mắt, ngó băng quơ rồi xách hai thùng nước tiếp tục làm công chuyện của mình.

Thằng Tín được cả xóm nhìn bằng cặp mắt có chút xanh sau việc cứu con bé té giếng. Cô gái rượu của ông thầy giác lễ đã chịu cười chào với nó. Con bé Diễm thì thân thiện hết mức. Cái thuộc từ *xách nước mướn* bị rớt đi lúc nào không biết. Tiếng *thằng* trước tên Tín cũng được nhiều người tự động bỏ đi. Năm 18 tuổi thì thằng Tín mua được chiếc xe mobilette xanh. Nó làm nghề bỏ hàng cho mấy tiệm tạp hóa trong vùng bằng cách xách xe vô Chợ Lớn Mới mua về theo đơn đặt hàng của từng chủ tiệm với một chút tiền công. Bữa kia con nhỏ Diễm đem tới cho thằng Tín cái thơ của Di Út nó mà mặt mày bùng thụng bùng thịu, hỏi gì cũng không nói. Thơ chỉ có mấy dòng nói là

hai người mình nên làm quen nhau qua thơ từ. Câu nó thích nhất là: *Cháu Diễm sẽ làm chim xanh cho hai người*. Thơ từ qua lại chừng hai năm thì Thăng Tín nhận được cái thơ chót rằng bao lâu nay nàng viết thơ qua lại cho đỡ buồn do thất tình anh H. đương học trường Y Dược. Cô cháu Diễm bây giờ mới thấy có bộ vui vui. Rồi Di Út đi lấy chồng không buồn từ giã người tình thơ. Ông thầy giác lễ không nói thẳng mặt với ai nhưng bản tiếng là con gái mình lấy chồng giàu, có tương lai vì thằng rể sắp ra trường làm Dược sư, mở nhà bào chế thuốc như hai ông La Thành Nghệ, La Thành Trung ở đường Boresse vùng Cầu Ông Lãnh. Xóm giếng Huỳnh Quang Tiên thêm một kẻ thất tình thường thẩn thờ ngày mấy lần đi qua nhà ông bà thầy giác lễ mà len lén ngó vô như cố tìm hình bóng người xưa còn vương vấn đâu đó.

Nó lục tìm hoài trong trí mà vẫn không giải thích được thích đáng rằng người ấy nói câu giã từ dối hay thiệt. Nó thường tưởng tượng ra khuôn mặt của cô Di Út rồi tự an ủi để khỏi đau lòng. Rằng đó là lời thiệt. Nó bị lừa dai, cái thói lừa tàn nhẫn của bọn con gái nhà giàu mới tanh tanh chút tiền mà những năm gần đây học trò các trường lớn thường bắt chước nhau. Đùa để vui, để tự hào có người si mình và để khoe với chúng bạn. Nó nhủ mình tin như vậy để khỏi đau đớn vì bị tình phụ. Nhưng mà

vẫn đau đau, vẫn thẩn thờ, vẫn nghi ngờ câu trả lời của mình không đúng.

Thằng Tín bỏ xóm giếng Huỳnh Quang Tiên qua vùng Tân Qui Đông sinh lầy, muỗi mòng sanh sống để quên mối tình được ban phát bất ngờ hai năm qua.

Một lần nhớ xóm giếng ngày xưa nó trở về thăm. Ba năm mà vật đổi sao dời nhiều, lấm nhá mọc lên bễ thế. Có nhà làm hàng rào bao bọc luôn ngôi má để chiếm đất. Mấy gia đình di cư đã khá hơn nên rủ nhau cùng dọn đi nơi khác. Ông thầy giác lễ đã chết. Bà thầy bị ung thư gì đó, rề rề ốm yếu thường ngồi trong nhà ngó mong, vô hồn. Cô bé Diễm bây giờ trở mã coi cũng được ớn. Mẹ của bé trở thành cô phụ khi người chồng biệt không để lại vết tích.

Thấy thằng Tín, con nhỏ Diễm mừng rơn, chạy ra nắm tay nắm chun, trách móc sao bỏ đi biệt không nói lời chia tay để nó được đứng trông theo tới khi anh trở thành cái bóng nhỏ mờ lần. Nghe trách, thằng Tín, chỉ cười trừ. Con nhỏ này cái lượng để sợ. Nó nói thầm.

Con Diễm coi bộ tự do. Nó liếng thoảng leo lên chiếc xe mobilette cả chục tuổi đời của tôi bắt chở ra Sài Gòn. Nó nói leo lẻo khi mới ngồi an vị và choàng tay qua hông tôi nhột nhột:

‘Anh Tín còn nhớ hồi đó em đếm trước ngực anh có mấy mục ruồi son và sau lưng anh có mấy mục ruồi đen không?’
‘Nhớ chứ sau không? Cứ đếm hoài nhột muốn chết. Bà ngoại em rầy bao nhiêu lần mà cũng không sợ. Hồi đó nghèo, trưa chiều gì cũng ở trần bận quần xà lỏn. Trời nắng nằm dựa gốc mít ngủ nên mới cứu được con nhỏ té giếng.’

Có tiếng cười như nước nể, tiếp theo là tiếng thở thê nhẹ nhàng:

‘Tám tuổi mà em biết yêu anh rồi đó. Muốn ở gần anh nên lẩn quẩn ngoài giếng hoài. Trưa má kêu đi ngủ lần nào cũng chần chờ!’

‘Em còn nhớ anh dọa là con gái gần con trai hoài thì có chữa không?’

‘Nhớ!’

Cả hai làm thình một hồi hơi lâu. Đường Sài Gòn chật chội. Ga xe lửa Sài Gòn tủa người băng qua đường Boudhoné bắt chấp xe cộ. Máy chiếc xe buýt xích tới xích lui khiến con nhỏ ôm người chở mạnh hơn.

‘Em hỏi bà ngoại. Bà nói gần này khác, không phải gần như vậy.’

Tôi thấy chuyện này cũng lạ. Con bé quyền luyến mình từ đời cố Hỷ cố Lai nào không biết mà lèo đèo theo mỗi khi có dịp đầu là mới có 8, 9 tuổi.

‘Hay là mình ăn trưa cơm gà nấu đậu ở quán Thanh Bạch kế bên rạp hát Vĩnh Lợi đi anh.’

Tôi e dè:

CT-SỐ 90

‘Đi lâu coi chừng chị Hai chửi.’

Con nhỏ sửa liền:

‘Anh không được kêu bằng chị Hai nữa, thay đổi cách xưng hô ngay từ bây giờ là vừa.’

Trời mát mà tôi nghe lạnh xương sống. Con nhỏ nói xa gần, thiết tha như tôi cũng hiểu ý. Tôi ngó lên mấy con chim bay trên bầu trời rồi ngó sang bên kia đường, dây tiệm bán vải của những người Chà Bombay giàu có để quên hiện tại. Không biết nên buồn hay nên vui, cũng không biết ứng phó kiểu nào cho hợp. Nó vừa mới lớn, còn lạnh chanh trong tình yêu trai gái. Tôi lại còn tương tự Dì Út nó chết bỏ làm sao dính dáng với nó được?

‘Anh cứu em té giếng hồi nhỏ. Nếu không có anh cứu thì em đâu còn sống nên em thấy mình thích anh. Cũng là một cách trả ơn vậy mà.’ Con nhỏ nói có vẻ thành thật nhưng với tôi chỉ là trò chơi của ngôn ngữ.

Lấy tay gỡ tay con nhỏ ôm mình quá chặt, tôi nói:

‘Chờ em đi như vậy anh sợ Chị Hai má em rầy, chị có thể kêu cảnh sát bắt anh đó. Mà em nói chuyện đàng hoàng đi, nhỏ bằng hột tiêu mà nói chuyện gì đâu không!’

‘Lại chị Hai, anh đổi cách xưng hô đi thì vừa. Đâu anh nói coi, kêu má em bằng gì?’

‘Tới nơi rồi, vô ăn món gì dần bụng rồi về Diễm ơi!’ Tôi đánh trống lảng và

giao xe cho người giữ xe trước tiệm, lấy cái thẻ bỏ vô túi quần vỗ vỗ cho chắc ăn.

‘Cả chục năm rồi không đi ngang chỗ này. Hồi trước mỗi lần anh bệnh, sự phụ dất đi nhà thương Sài Gòn thế nào cũng xin sự phụ cho mấy phút đọc chuyện tình của công chúa Margaret và ông Thompson dán ở phòng Thông Tin Anh kể đây.’

‘Anh cù lằn và làm kiêu thầy chùa như vậy hèn chi Dì Út bỏ anh đi lấy chồng. Cũng phải thôi, đâu có oan ức gì.’

Con nhỏ mau lớn và coi bộ trưởng thành về sự suy nghĩ hơn mình tưởng. Nó dùng chiêu vừa trách cứ về dọa nạt, khiến tôi nín thinh.

Ngồi chưa yên vị con nhỏ nắm hai bàn tay tôi đương mở cái khăn bọc muỗng nĩa dao vừa mới được đặt trên bàn, và đương ngạc nhiên khi thấy lần đầu cái khăn trắng muốt, sang trọng quá chừng:

‘Anh Tín này, em lớn rồi phải không? Thành nhơn chi mỹ rồi, học Đệ Nhị rồi, cuối năm thi Tú Tài rồi. Phải không nói thiệt đi? Mà chỉ lớn với anh thôi nhe. Người khác thì đừng hòng tới gần.’

Tôi chu mỏ:

‘Lớn cái con khỉ. Ngày nào cũng lật báo đọc mục Mai Bê Bi mà đòi làm người lớn.’

Con bé mặt tươi vui, chọt đôi đê tài:

‘Nhớ khi đó anh nói anh tuổi Tý phải không. Tuổi Tý là người có tánh chù

chừ, không quyết định gì đúng lúc hết. Nói cho anh nghe: Lẹ tay thì còn, chậm tay thì hết, con chuột chù chừ thì... thì có thể mất mũi và mất mạng.’

Con bé làm tôi hoang mang, Gì mà ghê vậy em?

Nó nói nhỏ: ‘Anh hiền như cục bột lò bánh mì, ai muốn nặn sao thì nặn, không ý kiến. Bộ anh mới đẻ ngày hôm qua chắc. Còn em, bộ em là gỗ đá chắc, không biết yêu.’

Hai tay nó nắm tay tôi bóp mạnh:

‘Anh Tín, có cần phải nghe em nói là em yêu anh anh mới chịu hay sao?’

Tôi rút tay về khi người bồi bàn đem hai đĩa cơm gà nấu đậu ra, nói nhỏ:

‘Anh vẫn còn nhớ Dì Út. Không thể để em đền bù chuyện cứu mạng ngày xưa bằng tình yêu nông nổi của em.’

Nông nổi! Con bé lập lại hai tiếng đó rồi đứng phắc dậy chạy ra đường phóng bạt mạng lên một chiếc xích lô đương chờ tới.

Tôi ngồi lặng. Rồi em sẽ quên thôi.

Tôi về thẳng bên Tân Qui Đông. Lúc qua bến đò Tôn Thất Thuyết, nhìn bóng mình trôi trôi trong dòng nước tôi tự an ủi rằng mình đúng, rồi má với bà em sẽ bắt em đi lấy chồng. Cuộc sống mới sẽ giúp em quên chuyện tình cảm thời mới lớn. Nhưng mà cha mẹ ơi, hai chục năm lính, hai chục năm sống bất như ý, hễ khi trời mưa thì tôi nhớ đến chuyện mình với hai người con gái, chuyện nào cũng lỡ làng. Mình tới họ lui. Họ tới

mình lui. Lỗi tại duyên số hay lỗi tại tui trừ trừ không quyết đoán. Tôi như cục bột ở lò bánh mì, chỉ chờ người ta nặn mình, chứ không thể tự mình thành gì hết.

Ta chỉ có một đời để sống, chỉ có một lúc thật quyết liệt để quyết định. Phải sống chơn thật với lòng và với giá trị phổ biến. Phải quyết định cách đúng đắn không lợi dụng để thủ lợi. Tôi trên căn bản là một chú tiểu mà, một người con Phật ngày từ nhỏ mà...

Mấy bạn hỏi sao mưa thì lại nhớ đến chuyện tình buồn của mình hả?

Ông nhạc sĩ nào đó thiết rành đời lắm mới viết câu: *Mưa bên chồng có làm em khóc?* Bất như ý cuộc hôn nhân thì trời càng mưa càng nghe buồn, càng thấy cuộc đời mình là một đau thương lớn. Không khóc sao được. Thương cho thân phận của họ nên mình buồn thôi.

NGUYỄN VĂN SÂM

Victorville, CA

Feb. 28, 2020



ĐÔNG BUỒN

*Sao tình hoài cách xa
Đông buồn giọt sương sa
Tiếc thương ngày tháng cũ
Nụ ân tình thiết tha.*

*Thao thức từng đêm dài
Giữ mãi bóng hình ai
Tâm tư chùng nỗi nhớ
Hồn hoang sơ lạc loài.*

*Lạnh lòng ngọn gió đông
Thổi bay mảnh tình hồng
Bâng khuâng mờ kỷ niệm
Sầu giăng giữ đêm nồng.*

*Đường xưa giờ phai nắng
Xa vắng bóng người thương
Bên góc trời thăm lặng
Riêng mình mối tơ vương.*

*Hoài mơ tà áo trắng
Gió lay giữa phố phường
Năm mươi năm sâu lắng
Như còn thoảng mùi hương.*

ĐT Minh Giang

KỶ ỨC MÙA ĐÔNG



Cây trơ cành, tiếng chim buồn gọi chi
...(1)

Nghe nã nùng da diết
những chiều đông
Bắc lạnh căm, nước bạc phủ láng đồng
Đàn vạc óm kiếm mồi tung cánh vỗ.

Những mùa đông mãi còn trong trí nhớ
Khi bồi hồi nhắc lại khoảnh thời gian
Ý lan man giăng tràn trong ký ức
Là vết bầm cháy nám cả tâm can!

Khi mùa đông trở về buồn nản thật
Mà bốn mùa xuân hạ... xoay vòng
Giữ mãi mùa đông trong tận đáy lòng
Tiễn người đi vào thiên thu lòng đất.

Ấy là một mùa đông lạnh ngắt
Quê hương thời giặc già
ngập chiến tranh
Người ra đi trút hơi cuối cùng
Đành yên phận một đời ngắn ngủi

Người đi rồi như gió mùa ngưng thổi
để đàn chim chịu nheo nhóc bơ vơ
Trong trí nhớ những ngày vào cái thuở
Mông quạnh đồng
ngọn bác đập hất hiu!

Giữa hoang liêu sáng tinh mờ rừng rú
Bàn chân non phải chen lẩn chợ đời
Tuổi nhọc nhằn không sót hạt cơm rơi
Tự vươn vai bước vào
vùng oan nghiệt.

Làm sao quên những mùa buồn da diết
Lạnh, đến trường mơ ước chiếc áo len
Giữa cổ đô nơi hoàng thành lấm liệt
Nhận bát cơm "phiếu mẫu"
nuốt ưu phiền!

**

Khi tắt tả vào đời ngang trái
Bằng tháng năm gian khổ sớm trui rèn
Kiếm cung nhận
những ngày dài liên tiếp
Giữa rừng gươm lửa đạn
bước chân rên!

Có ngày đông
kết thúc những chặng đời
Lau nước mắt
tiễn đưa người quá vãng!
Những mùa đông
trên bước đường lang bạt
Trải phong trần khắp mai đó rày đây.

**

Những ngày đông khốn khổ bị đọa đày
Hoàng Liên Sơn, Sơn La ...
đèo heo hút gió
Đếm thời gian qua từng mùa lá đỏ
Hoa rừng tàn từng thu rũ rượi qua!

Những đêm khuya
đốt củi giữa rừng già
Hạnh phúc với từng củ khoai củ sắn
Những mùa đông ấy vô cùng cay đắng
Đưa bạn lên đồi
lạnh lẽo chẳng áo quan.!!!

Ký ức mùa đông quá đổi kinh hoàng
là tất cả những năm dài khủng khiếp
là đoạn đời trải qua nhiều oan nghiệt
treo kiếm gác gươm
tức tửu tan hàng...!

Rồi những ngày đông lê lét lang thang
bước xuôi ngược
như thuyền không bến ghé
ký ức mùa đông nào nùng như thế
khắc nạm buồn nhói buốt cả tâm can!

**

Nay lập đông giữa thung lũng hoa vàng
nhìn lá phong bay buồn man mác
trong ký ức
những mùa đông thuở trước
mà bụi ngùi nhớ lại để xót xa!

Hạ Thái

(Lập Đông Đinh Dậu 2017)

(1) Chim Đám Đám, tiếng kêu "Chị Mi":- Theo truyền thuyết ở quê tôi, hai chị em nhà nghèo, chỉ có một phần ăn cho một người để sống đến mùa gặt sau, người Chị nhường cho người Em. Chị chịu chết. Khi người em mất, nhớ ơn và tiếc thương Chị mình, người Em hóa thành con chim ấy, đến mùa Đông nó đứng trên cây cao, khô lá trụi cành, kêu suốt mùa hai tiếng "Chị Mi"!!! Tiếng kêu rất buồn, rất thảm thiết! nã nùng!



GIỮ VẬT NẮNG PHAI

(Gửi Chị phương xa)

Góc phố hoang vu chiều quán trọ
Nhìn quanh mây vẫn kín ngang trời
Phải chẳng cảm cảnh người cô lữ
Nên hạt mưa sầu trút chẳng rơi

Bài thơ chị viết trầu hôn em
Đâu giữa trần ai bóng dáng tiên
Có lúc nương vãn theo lối mộng
Mà quên nhân thế lạnh màn đêm

Lều thơ cứ ngỡ bút đơm hoa
Sao nhận giếng đầy với bóng ta?
Say khướt có lần châm lửa đốt
Thơ tan thành khói nỏ giang hà

Nhặt mảnh hồn say đem tặng chị
Tình thơ còn vẹn chút nào phai nguôi
Chiều buông bóng ngả ngày hiu hắt
Xin giữ bên trời vật nắng phai.

Nguyễn Vô Cùng

NHÌN LẠI TRIẾT THUYẾT NHO-HỌC

** Tác giả: **Ngô Thị Quý Linh** **

Trong khi tìm hiểu về tam giáo, tôi đã từng đặt câu hỏi về học thuyết Nho-học: Nho-học có phải là một môn học hữu ích cho người đời không? Tại sao Nho-học lại được dùng trong nền giáo dục lịch triều trong một thời gian dài khoảng 700 năm? Nếu đời trước cho rằng nền giáo dục Nho-học có một mục đích cao đẹp, tại sao ngày nay không còn ai ngó ngàng đến nữa, thậm chí đã từng có dư luận cho rằng nền giáo dục theo Nho-học là nguyên nhân khiến cho Việt-Nam yếu kém, thua Tây-phương?

Tôi rất mong độc giả vui lòng cho tôi cơ hội này để trình bày sự tìm hiểu của tôi về quan điểm của giới trí thức Việt-Nam đối với ảnh hưởng của Khổng-tử và Nho-học trong xã hội Việt-Nam. Xin đừng hiểu lầm bài viết này có ý bênh vực cho bất cứ công việc gì đương thời hay ý kiến nào của ai.

Chúng ta ngày nay được hấp thụ các quan niệm triết lý Tây-phương, khác với các nhà nho thế kỷ thứ 19 trở về trước ở Việt-Nam. Đối với các vị tiền bối, *Tứ-thư Ngũ-kinh* là các sách gối đầu giường, luân lý Nho-học là kim chỉ nam trong đời sống. Trong bao nhiêu thế kỷ, mấy ai dám nghĩ đến việc phê bình Nho-học? Người ta chỉ một mực tuân theo mà thôi.

Từ thập niên 1920 - 1930, Nho-học không còn giữ địa vị độc tôn trong phạm vi tư tưởng nữa cho nên những quan niệm thuộc hệ tư tưởng Nho-học bị đem ra sát hạch hoặc công kích, một điều mà trước kia không hề có.

Một nhà nho thích lý luận như **Phan Khôi** (1887-1959) đã phê bình Khổng-tử là một “vô thần luận giả” không tin có quỷ thần. Ông chê đạo *Trung-dung* của Khổng-tử khó mà đem ra thi hành, đồng thời chê Khổng-giáo trái với khoa

học và có nhiều điều trở ngại cho khoa học. Ông cũng chê rằng quan niệm *trung-quân* không hợp thời và đã từng đem thuyết “*tam cương ngũ luân*” của Nho-giáo ra nghị luận.



Khổng Tử

Bùi Công Trừng và **Ngô Văn Triện** tranh luận về vấn đề “Khổng-tử có vũ-trụ-quan duy-vật hay duy-tâm?” (*Tao Đàn* số 8, 16 Juin 1939). Bùi Công

Trùng cho vũ-trụ-quan của Khổng-tử là duy-tâm trong khi Ngô Văn Triện cãi lại là duy-vật. Phan Khôi không chấp nhận Khổng-tử có vũ-trụ-quan nào cả, nếu có ắt “mờ tối và yếu đuối”, và kết luận rằng “Khổng-tử chẳng duy-vật mà cũng chẳng duy-tâm.” (*Tao Đàn* số 12, 16 Septembre 1939)

Học giả **Trần Trọng Kim** (1883 – 1953), trong *Lời Phát Doan* của bộ sách *Nho-giáo* (1930) do ông biên soạn, cũng đã nhận thấy là “Nho-giáo tự-hồ cái nhà cũ đã hằm-nát cả, động đến là đổ bẹp xuống.” Tuy nhiên, học giả họ Trần hy vọng rằng tài liệu của ông về Nho-giáo có thể được các nhà nghiên cứu sử dụng để kê cứu và phê bình Nho-giáo. Cho nên ông đã hoàn tất bộ sách *Nho-giáo* (hai tập) với ý định “vẽ cho đúng cái chân-tượng của Nho-giáo trải qua các thời đại.”

Sĩ-phu Duy-Tân **Phan Bội Châu** (1867-1940) cũng để lại di cảo với nhan đề *Khổng-học-đăng*. Ông đã khởi thảo bộ sách này từ năm 1929 và hoàn tất vào năm 1936. Nhà xuất bản sách *Khổng-học-đăng* đã giới thiệu về sách này trong đó có đoạn nói rằng:

“Cụ Phan đã diễn giải tất cả những phần cốt yếu trong bộ Tứ Thư (gồm Luận Ngữ, Đại Học, Trung Dung, Mạnh Tử). Cụ trình bày mạch lạc kèm theo những thí dụ xác thực để người đọc có thể thấu đáo ý nghĩa trong lời nói của

thánh hiền. Cụ lại đính chánh những chỗ chú giải sai lầm của các tiên-nho, sai lầm vì kiến thức bất cập hay vì cố ý xuyên-tạc (nhất là của giới Tống nho). Cụ biện luận rành rẽ, lại nêu ra nhiều chứng tích Đông, Tây, kim, cổ. Những câu trong sách cổ rất súc tích, chỉ thay đổi một dấu chấm câu, người ta có thể hiểu bằng nghĩa khác. Ngoài ra có những chữ có nhiều nghĩa, muốn hiểu cách nào tùy người đọc. Đây là những điểm để cho các nhà phản-nho lợi dụng xuyên-tạc, và cũng là cơ để kẻ nông cạn hiểu lầm.

Đã đành rằng không có một học-thuyết nào toàn bích, nhưng ít nhất những nhà chú giải phải vô tư, để nhận thấy những ưu điểm trong đó.”

Trong phần mở đầu sách *Khổng-học-đăng* (Phàm lệ), sĩ-phu họ Phan đã dặn trước rằng: “Hễ ai đọc bản sách này, trước phải lập định một cái chí-khí tự-nhiên rằng: “Ta là Khổng-tử, ta là Mạnh-tử, ta là Platon, ta là Emmanuel Kant, chẳng qua đời tuy có xưa nay, đất tuy có đông tây, mà tâm-lý in như nhau, thánh-hiền tức là ta, ta tức là thánh-hiền; ta chỉ là người hậu-tiến của cổ-nhân mà thôi.”

Đọc câu đó, chúng ta thấy được cái tính không phục tùng, không nô lệ cổ nhân – mà là *người hậu tiến của cổ nhân* – đã khiến ông có thể đạt đạo thánh hiền chứ không bị trói buộc trong cái hình thức chật hẹp của các nhà nho

hương-nguyện. Quan niệm *phục tùng*, được xem như là kết quả của luân-lý Nho-học, đã được ông giải thích lại cho xác đáng như sau.

“Tôi xin tóm tắt lại, xưa ông thánh nói rằng: *phụ phụ, tử tử, phu phu, phụ phụ* nghĩa là cha phải hiệp đạo làm cha, con phải hiệp đạo làm con, chồng phải hiệp đạo làm chồng, vợ phải hiệp đạo làm vợ. Mà cũng có nghĩa là: cha phải có nghĩa vụ làm cha, con phải có nghĩa vụ làm con, chồng phải có nghĩa vụ làm chồng, vợ phải có nghĩa vụ làm vợ. Nói tóm lại: cha có nên cha thì con mới nên con, chồng có nên chồng thì vợ mới nên vợ. Mấy câu ấy thiệt là cái gương cho sự phục tùng đó vậy. Vậy nên chúng ta phải biết: phục tùng về đạo đức thì phục tùng là thánh nhân, phục tùng về oai quyền thì phục tùng là trâu ngựa. Điều gì phải lẽ mà không phục tùng vẫn là người dở, điều gì trái lẽ mà cứ phục tùng thì cũng không phải là người hay, ấy là luân lý Đông phương người ta cũng không có thể tai mà thay óc được vậy”.

Thượng-thư **Thân Trọng Huề** (1869 – 1925) là một người hấp thụ cả hai nền văn hóa Đông và Tây. Ông người phủ Thừa-Thiên, được đi Pháp học. Khi về nước, được bổ Biên-tu Viện Cơ-mật, từng làm quan ở Trung và Bắc, làm đốc-học Trường Hậu-bổ (1905), Bồi-thẩm Tòa Thượng-thẩm Hà-Nội

(1913), được triệu vào kinh (Huế) làm Thượng-thư Bộ Học và Bộ Binh (1921).

Mặc dù theo Tây-học nhưng ông cho rằng đạo Khổng là căn bản luân lý xã hội Việt-Nam nên ông đã bàn về *Trung* và *Hiếu* trong bài *Cung dịch thánh ý* (Nam Phong Aout 1921).

“Theo ý riêng tôi thì xã-hội nước ta lấy đạo Đức Khổng-tử làm cơ-sở, mà đạo Đức Khổng-tử lấy lễ-nhạc làm tôn-chỉ gốc, vậy thì lễ-nhạc là tôn-chỉ gốc của xã-hội nước ta.

“Lễ-nhạc là hai tôn-chỉ chớ không phải hai chữ thường như chữ khác; nhưng mà người đời ít kẻ hiểu hai tôn-chỉ ấy, tưởng lễ là cúng-tế, nhạc là trống kèn; chẳng những người bây giờ ít kẻ hiểu hai tôn-chỉ ấy, chính người đồng-thời với Đức Khổng-tử cũng ít hiểu hai tôn-chỉ ấy, cho nên Đức Khổng-tử tức giận mà than rằng: “*Khi người ta nói rằng lễ, khi người ta nói rằng lễ, có phải nói ngọc với lụa vậy thay! Khi người ta nói rằng nhạc, khi người ta nói rằng nhạc, có phải nói chuông với trống vậy thay!*”

“Lễ là trật-tự (ordre), nhạc là điều-hòa (harmonie), ở trong vũ-trụ chỗ nào cũng có lễ-nhạc, nơi nào cũng có lễ-nhạc, nghĩa là chỗ nào cũng có trật-tự điều-hòa, nơi nào cũng có trật-tự điều-hòa, nếu không như vậy, thì sự sinh-tồn không thể có được.

“Hết xuân đến hạ, hết thu sang đông, là lễ-nhạc, tức là trật-tự điều-hòa ở trong trời đất; nhờ có thế mà muôn

vật mới phát-sinh được. Nếu xuân hành hạ lệnh, thu hành đông lệnh, thì thiên-khí quai-hòa, mà muôn vật cũng vì đó mà đau mà chết.

“Vua làm nghĩa-vụ của vua, tôi làm nghĩa-vụ của tôi” là lễ-nhạc, tức là trật-tự điều-hòa ở trong nước; *“cha làm nghĩa-vụ của cha, con làm nghĩa-vụ của con”* là lễ-nhạc, tức là trật-tự điều-hòa ở trong nhà. Khi vua Cảnh-công nước Tề nghe Đức Khổng-tử nói mấy lời ấy bèn than rằng: *“Nếu vua không làm nghĩa-vụ của vua, tôi không làm nghĩa-vụ của tôi, cha không làm nghĩa-vụ của cha, con không làm nghĩa-vụ của con, tuy có lúa chúng ta há được ăn ru!”* Bởi vì vua không làm nghĩa-vụ của vua, tôi không làm nghĩa-vụ của tôi, thì trong nước không lễ-nhạc, hay là không trật-tự điều-hòa, nghĩa là nước loạn; cha không làm nghĩa-vụ của cha, con không làm nghĩa-vụ của con, thì trong nhà không lễ-nhạc, hay là không trật-tự điều-hòa, nghĩa là nhà loạn; nước loạn nhà loạn, thì tất phải tụt-vong, cho nên nói rằng: *“Tuy có lúa, chúng ta há được ăn ru!”*

“Muốn giữ gìn lễ-nhạc, hay là trật-tự điều-hòa ở trong nước, thì phải tu lòng trung; muốn giữ-gìn lễ-nhạc hay là trật-tự điều-hòa ở trong nhà, thì phải tu lòng hiếu. Trung hiếu là hai cái linh-phù để giữ-gìn trật-tự điều-hòa trong nước trong nhà vậy.

“Trung ư quân”, không phải là làm cho vua vui lòng riêng, mà phải lo cho

nước càng ngày càng thịnh-vượng; *“hiếu ư thân”*, không phải làm cho cha mẹ vui lòng một lúc, mà phải lo cho việc nhà càng ngày càng quang-xương; nhưng mà xưa nay nhiều người hiểu sai cái nghĩa ấy, có kẻ muốn vui lòng vua, tìm cách phùng-ngheñh, có kẻ sợ phiền lòng vua, không dám can-ngăn, để cho việc nước phải đòi-bại; có kẻ chỉ biết ở gần cha mẹ, sớm khuya phụng-dưỡng là trọn phận làm con; những người hiểu hai chữ trung hiếu như vậy là hiểu một cách hẹp-hòi; hiện bây giờ cũng có người tưởng rằng đến cửa vua mà cúi đầu vòng tay là tận-trung, kỳ giỗ cha mẹ mà có mâm cao cỗ đầy là tận-hiếu. Trung hiếu như vậy thì dễ làm lắm, trẻ con làm cũng được! Phải hiểu rằng vua vui lòng chi bằng thấy việc nước càng ngày càng thịnh-vượng; cha mẹ vui lòng chi bằng thấy việc nhà càng ngày càng quang-xương. Ai muốn tu lòng trung thì phải tìm cách mà làm cho nước thịnh-vượng, và phải gây-dựng nhân-tài để ngày sau giúp nước cho sự thịnh-vượng càng ngày càng thêm; ai muốn tu lòng hiếu thì phải lo việc nhà cho quang-xương, và phải nuôi dạy con cháu để ngày sau việc nhà cứ quang-xương mãi. Trung hiếu là một lá cờ để dẫn nước nhà lên đường tấn-bộ, nhưng mà sự đi tới ấy phải có lễ-nhạc, nghĩa là phải có trật-tự điều-hòa, cũng như một toán binh đi tới có thứ-tự và theo nhịp kèn”.

Trung và *Hiếu* là hai ý niệm phát xuất từ Nho-học, có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống xã hội và gia đình Việt-Nam. Biết bao nhiêu sinh hoạt của cá nhân đã chịu sự chi phối của hai ý niệm ấy.

Trong quá khứ, chữ *Trung* đã từng bị lạm dụng để phụng sự cá nhân người làm vua thay vì phụng sự đất nước, chữ *Hiếu* đã được truyền dạy sai lạc, giam hãm cá nhân người làm con vào trong những hình thức luân lý cố chấp, nhiều khi không hợp lý, thay vì giúp cá nhân người làm con đạt đến đức *Nhân*.

Trong bài *Cung dịch thánh ý*, Thượng-thư Thân Trọng Huề đã chỉ cho chúng ta thấy phải nên quan niệm về *Trung* và *Hiếu* như thế nào.

Nhà hoạt động chính trị **Nguyễn An Ninh** (1899-1943) đã từng tích cực cổ động phong trào Đông-Du và Đông-Kinh Nghĩa-thục. Khi còn nhỏ, ông được cha và cô dạy quốc-ngữ và chữ Pháp. Năm 1918, ông được thân phụ cho đi Pháp học.

Trong một lần diễn thuyết ở Khuyến-học-hội, Sài-gòn, ngày 15 tháng Mười năm 1923, ông đã đề cập đến quan niệm *Trung Thứ* trong Nho-học như sau: “Cái ý của ông Khổng, nếu hiểu nó cho tận, thì con người ra cao rộng. Vì đạo của ông Khổng là buộc mình; mà ông Khổng khởi đầu buộc kẻ muốn hiểu đạo của ông Khổng, kẻ muốn tới

cái đạo của ông Khổng, kẻ muốn hành cái đạo của ông Khổng, trước hết phải “*tim cho ra nguồn gốc muôn việc làm của con người*”, phải hiểu. Như vậy sự công bình của ông Khổng là ở nơi hiểu mà ra, chớ chẳng phải là do theo từ câu, từ chữ trong Tứ thư, Ngũ kinh mà cứ xử người như các quan tòa do theo y luật mà xử vậy. Hiểu trước rồi sẽ xử người. Xét cho tận rồi sẽ xử người. Thì tự nhiên rõ thấy rằng chỉ còn cái rộng, cái dung thứ thôi. Như vậy thì con người buộc người ít hơn buộc mình, chỉ còn biết buộc mình mà thôi. Vì vậy mới ra cái “*Trung, Thứ*” là cái gốc của kẻ muốn làm người theo như ông Khổng dạy: *Trung*, để buộc mình, *Thứ*, để đối với người.” (trích từ bài *Cao Vọng Thanh Niên*, 1923)

Năm 1930, học giả **Phạm Quỳnh** (1892-1945), chủ bút *Nam-Phong Tạp-chí*, nhận thấy rằng chữ nho đương thời không mấy ai học, chỉ còn là thứ tử văn, nhưng theo ông, Nho-học đã từng gây dựng nên tinh thần nước Việt trong cả ngàn năm, không lẽ là cái học sai lầm? Nếu cái học ấy sai, có hại cho xã hội thì nên bỏ đi, nếu cái học ấy đúng mà bị hiểu sai thì phải cải chính mà phát huy ra.

Nhà văn Phạm Quỳnh nói rằng trước hết cần tìm hiểu nguyên do nào đã đưa đến những sự hiểu lầm tai hại về Nho-học để đến nỗi người đời nay buộc cho Nho-học và các nhà nho cái

tội làm mất nước. Ông đã phân tích tinh thể Nho-học và vai trò của nhà nho ở Việt-Nam ngày xưa, và vạch rõ nguyên nhân đã khiến cho Nho-học suy đồi.

Học giả Phạm Quỳnh cũng có một bài ngắn viết về quan niệm *tu thân, tế gia, trị quốc, bình thiên hạ* của Nho-học như sau:

“Khổng-giáo dạy ta những gì? Đạo Khổng không phải một đạo cao-siêu huyền-bí chi: đạo Khổng dạy ta phải làm người cho xứng-đáng, trước không hổ-thẹn với lương-tâm, sau có bổ-ích cho xã-hội; bắt đầu sửa mình, rồi tề nhà, trị nước, rồi đến giúp công cho sự tiến-hóa chung trong thiên-hạ. Hoặç-giả nói: bấy nhiêu điều có riêng gì cho đạo Khổng, đạo nào không dạy người như thế. Vẫn biết thế, nhưng đạo Khổng dạy người ta một cách thiết-tha ân-cần, dường như ngoài cái đạo làm người đó, không còn có gì thiết-đáng hơn nữa. Đạo Khổng chỉ châu-tuần trong vòng nhân-sự, nhưng muốn cho nhất-thiết việc đời đều chỉnh-lý nghiêm-trang cả, trong tự lòng người, ngoài đến xã-hội, đều có trật-tự chỉnh-đốn. Cái lý-tưởng tuyệt-đích của đạo Khổng không phải là cái lý-tưởng siêu-hình thần-bí gì, chính là cái lý-tưởng người “quân-tử”, nghĩa là một kẻ biết sống làm người một cách hoàn-toàn, không oán trời, không trách người, không hăm-hở những chuyện xa-xôi, không thiết-tha những điều nhỏ-mọn, cứ ung-dung

khoan-thai mà giữ lấy hòa-bình điều-độ, thời-thường tiêu-dao trong cõi trí nền nhân, nhưng lâm-sự cũng biết hi-sinh cho đạo trung đạo hiếu. Vì đạo Khổng trọng nhất là phương-diện luân-lý, và trong phương-diện luân-lý trọng nhất là cái chế-độ gia-tộc, cho nên lấy chữ hiếu làm đầu các đức, và đặt ra thờ cha mẹ tổ tiên để củng-cố cái đoàn-thể gia-tộc, coi hầu như một nền tôn-giáo, nhưng là một tôn-giáo rất sáng-sủa hợp-lẽ, không có gì là huyền-hoặc ám-muội.” (*Nam Phong* Décembre 1925)

Gần với thời đại của chúng ta hơn, có Bác sĩ **Nguyễn Văn Thọ**. Ông tốt nghiệp Đại-học Y-khoa Hà-Nội năm 1952, đã từng là Giáo-sư Đại-học Văn-khoa và Đại-học Minh-Đức về môn triết Đông. Sau năm 1975, ông sang định cư ở Hoa-Kỳ.

Trong lời *Phi Lộ* của quyển sách biên khảo *Chân-dung Khổng-tử* (1969), ông đã nói như sau:

“Chúng ta chẳng phải là những kẻ cổ hủ, nhất thiết bám víu vào những đường xưa, lối cũ. Chúng ta cũng chẳng phải là những kẻ ngu muội có thiên-kiến, đến nỗi chẳng nhận-định ra được những cái hay của nền văn-minh khoa-học, vật-chất hiện-thời. Chúng ta không phải là những kẻ “không tưởng” sống trên mây xanh, mà chúng ta sẽ hết sức thực-tế. Chúng ta sẽ hết sức vô-tư trong công-trình khảo sát của

chúng ta, sẽ hết sức thực-tế, hết sức khoa-học.”

Phần khảo sát trong quyển *Chân-dung Khổng-tử* có 20 chương trong đó có những chương với tựa đề như sau:

- Đức Khổng, con người nhiệt thành đi tìm chân-lý
- Đức Khổng, con người rất cũ và rất mới
- Đức Khổng, con người biết thuận theo các định-luật của trời đất (Lễ)
- Đức Khổng, con người linh-động và uyển-chuyển (Dịch)
- Đức Khổng, một thi sĩ (Kinh Thi)
- Đức Khổng, con người nghệ-sĩ (Nhạc)
- Đức Khổng, một vị giáo sư gương mẫu
- Đức Khổng, một sử-gia (Kinh Thư và Xuân Thu)
- Đức Khổng, một chính-trị-gia (Luận ngữ, Đại Học)
- Tổng-luận: Đức Khổng ích lợi gì cho chúng ta?

Năm 1996, ông và bà Bác-sĩ Nguyễn Văn Thọ hoàn tất bộ *Dịch Kinh Đại Toàn*, gồm ba tập, với rất nhiều công phu mà hai vị tác giả tin rằng “rất có ích cho thế hệ mai sau.”

Nhà văn **Nguyễn Hiến-Lê** (1912 – 1984) đã viết rất nhiều sách, từ sách triết học, văn học, lịch sử đến tùy bút, khảo luận.

Năm 1972, ông cho xuất bản quyển *Nhà giáo họ Khổng* với mục đích tìm hiểu “nhà giáo mà đời sau tôn là “vạn thế sư biểu”. Ông đã trích từ *Luận ngữ* để có tài liệu biên soạn quyển *Nhà giáo họ Khổng*, tương tự như học giả Hồ Thích chỉ dùng *Luận ngữ* làm tài liệu xác đáng nhất để tìm hiểu về tư tưởng Khổng-tử. Theo học giả Hồ Thích* (1891 – 1962), nhiều sách do Khổng-tử san định đã bị đời sau thêm thắt vào. “Còn bộ *Luận ngữ* tuy không phải do Khổng-tử viết ra, thì lại rất đáng tin cậy, rất có ích. Sách này do đệ-tử của các đệ-tử Khổng môn ghi lại những lời đàm-thoại và nghị-luận của Khổng-tử và các đệ-tử của Ngài. Phạm muốn nghiên-cứu học-thuyết Khổng-tử, chúng ta cần có sách này và tham-khảo thêm *Dịch truyện* và *Xuân-thu*. Ngoài ra không còn sách nào đáng tin nữa cả.” (*Trung-quốc triết-học-sử đại-cương*, bản dịch của Huỳnh Minh Đức, Saigon, 1969)

Các chương trong quyển *Nhà giáo họ Khổng* có tựa đề như sau:

- I. Khổng-tử là một nhà giáo trước hết
- II. Cách mạng giáo dục
- III. Tính tình và tư cách Khổng-tử
- IV. Cách Khổng-tử dạy học
- V. Tình thầy trò
- VI. Vạn thế sư biểu

Năm 1978, nhà văn Nguyễn Hiến-Lê thực hiện xong tác phẩm *Khổng Tử*. Ngay trang đầu tiên, ông viết như sau: “Triết thuyết nào cũng chỉ để cứu cái tệ của một thời thôi. Muốn đánh giá một triết thuyết thì phải đặt nó vào thời của nó, xem nó giải quyết được những vấn đề của thời đó không, có là một tiến bộ so với các thời trước, một nguồn cảm hứng cho các đời sau không. Và nếu sau mười thế hệ, người ta thấy nó vẫn còn làm cho đức trí con người được nâng cao thì phải coi nó là một cống hiến lớn cho nhân loại rồi.”

Những sách vở bàn về Khổng-tử và Nho-học hãy còn nhiều. Nhưng cách hay nhất để tìm hiểu Nho-học là tự mình đọc các sách căn bản của Nho-học là *Tứ-thư* và *Ngũ-kinh* và tự mình thẩm định triết thuyết Nho-học, không qua một sự phê bình nào cả.

NGÔ THỊ QUÝ LINH

hiệu đính 8/2017

** Hồ Thích, quê ở An-Huy (Trung-Hoa). Lúc đầu ông được gửi sang Đại-học Cornell để học về canh nông, nhưng ông đổi ý, học về văn chương và triết học. Sau khi có cử nhân tại Cornell, ông ghi danh học triết tại Đại-học Columbia.*



Ngày Tạ Ôn 2020

*Tạ ơn trước hết đấng sinh thành
Đã tạo cho ta ơn dưỡng sanh.
Xã hội tình sâu đã giúp đỡ
Cho ta từng bước được thông hanh.*

*Nhớ ơn thầy bạn đã đỡ nâng
Ngày một ngày hai khỏi độn đần.
Được sống trong non sông cảm tú
Ân sâu nghĩa nặng của Tiên nhân.*

*Cám ơn những ai đã thương tôi
Hằng trải bông hoa những đoạn đời
Hầu biến trần gian đầy khổ ải
Trở thành tổ ấm đầy vui.*

*Cám ơn đất nước đã cứu mang,
Ngoại xứ dung thân khỏi cơ hàn,
Tái lập cuộc đời sau bão tố,
Cam go nhưng đáp ắp lòng nhân.*

*Chân thành cảm nhận những ơn ai
Dù ghét hay thương trên đường dài,
Để biết cái tôi mà sửa đổi,
Hòa mình vững bước dẫu chông gai.*

*Ngày vui Tạ Ôn trong năm nay
Cúm dịch tràn lan thế giới này.
Tuy có bớt vui nhưng vẫn thấy
Thái lai bỉ cực sẽ vẫn xoay...*

Githéa Hoàng Hy

Mùa Lễ Tạ Ôn 2020

GÓC TRỜI XANH

Một góc trời xanh sáng nay hé mở
Một nụ cười như rạng rỡ trong tâm.
Suốt hơn tuần nay địa thảm thiên sâu,
Tro và khói tô màu trời âm đạm.
Cánh chim ngại ngừng
trời thêm trống vắng,
Mấy nụ hoa như nín đợi thái dương,
Bên ngoài con lộ vắng khách qua đường,
Cả đô thị tưởng chừng mất sinh khí...
Nay nắng đã lên, tầm nhìn thiên lý

Những tiếng chim lo líu giọng trong làn,
Màu cỏ cây đã trở lại sắc xanh,
Mây lãng đãng báo tin mùa thu đến.
Nỗi vui mừng như thuyền xưa cập bến,
Mang nắng thu trở lại với thế nhân,
Đưa vào hồn man mác chút sầu dâng
Khi nhìn lá vàng bay lăn theo gió...
Em có thấy chẳng nơi xa xôi đó?

Githéa Hoàng Hy - sơ thu 2020

ƯỚC NGUYỆN



Bao mùa thu trước không buồn
Thu này Đại dịch tạo nguồn chia xa
Cúm Tảu Vũ Hán lan qua
Làm dân thế giới xót xa kinh hoàng.

Kiếp người như lá thu vàng,
Hơn triệu người chết lại càng hiểm nguy
Nhiều nước cấm túc cách ly
Xó nhà quanh quần lấy gì vui đây?

Ngoài song thu đẹp ngắt ngây
Hồ thu in bóng mây bay lưng trời
Rừng thu muôn sắc tuyệt vời
Công viên, ghé đá đang mời đón ta.

Nhớ thu Hà-nội thiết tha,
Biết bao kỷ niệm đã qua trong đời
Cốm "Vòng", Hồng Lạng rao mời
Đường Cổ Ngự đẹp thuở đời học sinh.

Hồ Gươm sương phủ bình minh
Áo nhung sim tím Em xinh lạ thường
Lang thang khắp nẻo phố phường
Bao lần hò hẹn tan trường bên nhau.

Thời gian thấm thoát trôi mau
Tám mươi, chín chục bên nhau quả là
Chúng ta những chiếc xe già?
Tha phương, viễn xứ, tình nhà chưa quên.

Nguyện cầu Trời, Phật ,ơn trên
Làm cho thế giới trở nên An Lành
Cần ngăn kẻ ác tung hoành
Giúp người yêu nước hoàn thành ước mơ.

Mùa thu nguồn hứng nhạc thơ
Nắng thu vàng ánh như tơ lụa là.
Tình thu tha thiết đậm đà
Đôi lời mến gửi: "Thật thà CÁM ƠN"

"nhân mùa "Lễ Tạ Ơn "năm 2020

Thái Hưng/PGH

TIẾNG CHIM HY-VỌNG ĐẦU THẾ KỶ

Bài thơ “The Darkling Thrush” của Thomas Hardy

** Tác giả: **Phạm Trọng Lê** dịch và chú thích **



Cách đây gần 120 năm, vào tối hôm 31 tháng 12 dương lịch, năm 1900, đêm cuối cùng của thế kỷ 19, lúc nhân loại sắp bước vào thế kỷ 20, thi sĩ Anh **Thomas Hardy** (1840-1920), một thi sĩ và tiểu thuyết gia sống ở cuối thời nữ hoàng Victoria -- một thời kỳ mà canh nông đang chuyển sang kỹ nghệ -- trong lúc ông có tâm trạng bi quan trước viễn tượng một thế kỷ mới, chợt nghe thấy tiếng chim họa mi hót. Ông viết bài thơ The Darkling Thrush đêm 12-31-1900. Trong bài thơ, con chim họa mi già cất tiếng hót vào đêm đông lạnh lùng, đem lại nguồn hy vọng cho thi sĩ đang hoang mang trước những biến chuyển của thế kỷ mình đang sống và viễn tượng mình chưa rõ của thế kỷ 20 mới. Bài thơ này được xếp hàng thứ 54 trong 100 bài thơ được chọn in trong hợp tuyển nhiều nhất theo cuốn THE TOP 500 POEMS.

Chú thích: Bài viết này nhằm giới thiệu với sinh viên Việt và độc giả yêu thơ một bài thơ hay. Để người đọc đỡ công tra cứu, người viết thêm

phần giải thích chữ khó, ẩn dụ và dịch sang thơ lục bát. Đây là lối giảng gọi là **explication de texte** trong trường Pháp, hay **close reading** trong trường Mỹ, phân tích tỉ mỉ để giúp người đọc hiểu ý nghĩa bài thơ trên nhiều bình diện. Khi nắm vững các khía cạnh bài thơ, người đọc sẽ “hiểu” và cảm thấy “thích” bài thơ, và từ đó “cảm” thấy ý nghĩa của nó. Tất cả hình ảnh âm thanh, chữ dùng, nhịp thơ, mang lại cho người đọc kỹ một “mỹ cảm,” và đây là phần thưởng cho người đọc thơ.

The Darkling Thrush

I leant upon a coppice gate
When Frost was specter-gray,
And Winter's dregs made desolate
The weakening eye of the day.
The tangled bine-stems scored the sky
Like strings of broken lyres,
And all mankind that haunted night
Had sought their household fires.

The land's sharp features seemed to be
The Century's corpse outleant,
His crypt the cloudy canopy,
The wind his death-lament.
The ancient pulse of germ and birth
Was shrunken hard and dry,
And every spirit upon earth
Seemed fervorless as I.

At once a voice arose among
The bleak twigs overhead
In a full-hearted evensong
Of joy illimited;
An aged thrush, frail, gaunt, and small,
In blast-beruffled plume,
Had chosen thus to fling his soul
Upon the growing gloom.

So little cause for carolings
Of such ecstatic sound
Was written on terrestrial things
Afar or nigh around,
That I could think there trembled through
His happy good-night air
Some blessed Hope, whereof he knew
And I was unaware.

Thomas Hardy

(December 31, 1900)

Dịch xuôi:

Tiếng Họa Mi Trong Đêm Tối

Tôi dựa vào cổng dẫn vào rừng cây
Khi sương mờ xám như bóng ma
Và những vắn đục của mùa đông làm
cho
Ánh sáng yếu-ớt của ngày thêm điều
tàn.
Những sợi dây leo cuộn với nhau in trên
nền trời
Như những sợi dây đàn huyền cảm bị
đứt.
Và mọi người ở gần
Đều tìm đến lò sưởi trong nhà mình.

Nét hằn rõ trên ruộng nương trông như
Xác của Thế kỷ vừa chết duỗi dài ra
khỏi hầm mộ là vòm trời mây phủ,

mà gió là tiếng gào khóc.
Mạch máu xưa của mầm sống
Chun lại khô cứng
Và mỗi linh hồn trên trái đất
Hình như đều ẻo oải như tôi.

Chợt lúc đó có một giọng trỗi lên
Trong những nhánh cây khẳng khiu trên
cao,
Một bài ca đầy nhiệt tình, ấm-áp
diễn tả niềm vui vô bờ.
Một con chim họa mi già, mảnh khảnh,
hom hem, nhỏ nhắn.
Bộ lông nó tả tơi rũ rượi vì bị gió đập
Đã chọn lúc này để liệng hồn mình
Vào về tiêu điều mỗi lúc một thêm âm
đậm.

Con người ít khi thấy có lý do để
viết lời ca ngợi những sự vật xa gần trên
đời này
như âm thanh ngân ngát như vậy,
khiến tôi tưởng rằng trong giọng rung
của
tiếng chim hót vui tươi ru ta an giấc
có một niềm Hy-vọng trời ban, mà chim
biết rõ từ đâu,
mà tôi lại vô tình không biết.

(PTL dịch)



Dịch sang lục bát:

Tiếng chim họa mi trong đêm tối

Thơ: Thomas Hardy

(PTL phỏng dịch 11/24/1997)

*Bên rừng tựa cổng nhìn xa
Sương mờ xám tựa
bóng ma chập-chùng.
Chiều Đông ảm đạm lạnh lùng,
Ánh dương hiu hắt,
cảnh trông điêu tàn.
In trên trời, khóm dây ràng,
Cuốn nhau như những
sợi đàn đứt dây.
Làng trên xóm dưới quanh đây,
Bên lò sưởi ấm, giờ này cùng nhau.*

*Nét hần bờ ruộng nương dâu,
Như thây Thế kỷ
dãi dầu thên thang.
Vòm trời hầm mộ mây ngàn,
Gió gào lời khóc hồn tan mập mờ.
Mạch xưa mầm sống bây giờ,
Máu xưa tươi thắm, nay khô cạn rồi.
Mỗi linh hồn, mỗi con người
Thấy đều uể oải rã rời như ta.*

*Chợt đâu trỗi tiếng chim ca,
Trong cành cây nhỏ vắng ra bồi hồi.
Điệu ca tròn, ảm trên cao,
Niềm vui hớn hở ngọt ngào vô biên.
Họa mi, mảnh khảnh, hom hem,
Lông già rũ rượi, thân mềm tả tơi.
Thả hồn trong điệu nhạc trôi,
Cảnh buồn mỗi lúc
chẳng vui nào nùng.*

*Con người có mấy ai từng
Viết câu ca ngợi của chung trên đời
Dư âm ngân ngát tuyệt vời,
Rung trong gió thoảng
những lời vui tươi
Là nguồn hy-vọng từ Trời,
Chim kia biết rõ,
mà người không hay.*

Ghi Chú và Phân tích:

Darkling: [chữ cổ, dùng trong thơ], in the dark, trong bóng tối.

Coppice gate = cổng dẫn vào một khu rừng nhỏ nhiều bụi cây rậm.

Specter = bóng ma (nguyên bản viết spectre).

Dregs = cặn bã.

Bine-stems = gốc giây leo cuộn với nhau

Century corpse = xác chết thế kỷ.

Thế kỷ 19 chấm dứt, thi sĩ ví như một xác chết.

Evensong = bài hát vào buổi lễ chiều (even: chữ cổ của evening)

Illimited = vô giới hạn.

Fervorless = không có nhiệt tình, uể oải, nguyên bản viết fervourless.

Blast-beruffled plume = bộ lông bị rối xù vì bị gió đập vùi. Alliteration: phép lặp lại phụ âm đầu trong thơ (**B**last-beruffled **p**lume) để gây thêm hiệu quả.

Tương tự như trong Truyện Kiều: Vó câu khắp khênh bánh xe gập ghềnh.

Hình thức: Bài thơ gồm 4 đoạn (stanzas) mỗi đoạn 8 câu, trong đó câu 1, 3, 5, 7 theo thể **iambic tetrameter**, nghĩa là mỗi câu có 4 nhịp, nhấn vào nhịp nhì; các câu số 2, 4, 6, và 8 gọi là **iambic trimeter**, có ba nhịp, nhấn vào nhịp nhì. Bài thơ gieo vần như sau **ababcdcd**. Thí dụ như ở đoạn đầu thì những cặp chữ cuối câu như gate/desolate, gray/day, sky/nigh, lyres/fires vần với nhau.

Nội dung:

- Bài thơ dùng vài chữ cổ:

Coppice = lùm cây rậm hay rừng nhỏ phải chặt bớt để lấy gỗ. Darkling = trong bóng đêm; nigh = gần; illimited = vô biên. Mấy chữ viết hoa như Frost, Century, Hope để nhấn mạnh.

- Nhiều hình ảnh và ẩn dụ:

- Hai đoạn đầu, để tả tâm trạng bi quan của mình về thế kỷ 19, thi sĩ dùng những chữ tả mùa đông u ám. Specter-gray: đánh vần lồi Mỹ; lốt Anh trong bài thơ là spectre-gray: xám như bóng ma. Winter dregs: cặn vẩn đục của mùa đông. Weakening eye of day: ánh mặt trời yếu đi. Lyre: một thứ huyền cầm có 6 dây gọi là “đàn lia,” thuộc loại đàn harp (“hạc cầm”). Những nhánh cây leo cuốn vào nhau được ví như dây đàn huyền cầm bị đứt.



Cây đàn LYRE người Hy Lạp thường gảy đêm khi đọc thơ.

-Ở đoạn 2: Century corpse (thế kỷ 19 sắp hết ví như xác chết duỗi dài mà tiếng gió là lời than khóc và bầu trời là hầm mộ); crypt (hầm mộ); cloudy canopy (vòm trời mây phủ); pulse of germ and birth (mạch đập của mầm và sự nảy sinh, mầm sống); shrunken hard and dry (co lại khô cứng), fervorless (đánh vần kiểu Anh: fervourless): không còn sinh khí.

-Ở đoạn 3 và 4: thi sĩ tả cảnh trong đó con chim họa mi vừa già, vừa bị gió lạnh thổi làm bộ lông tơ tả, đang hót trên nhánh cây cao: aged thrush. Bleak twigs overhead: nhánh cây khẳng khiu ở trên cao; gaunt: gầy, hốc hác; growing gloom: cảnh càng thêm ảm đạm. Nhưng con chim họa mi vẫn say sưa cất tiếng hót. Carolings (những bài ca như vào dịp giáng sinh); ecstatic (ngây ngất), good-night air (giọng ca chúc ngủ ngon). Tiếng chim ca khiến thi sĩ đang bi quan, chán nản phải hứng khởi. Blessed Hope: nguồn hy-vọng trời ban.

- Vài dòng tìm hiểu về Thomas Hardy (1840-1928): Thomas Hardy

quê ở gần vùng Dorchester phía tây nam Anh quốc, khi còn trẻ học việc trong văn phòng xây cất của một kiến trúc sư. Sau ông bỏ nghề kiến trúc và viết tiểu thuyết. Trong tiểu thuyết và thơ, ông dùng nhiều phương ngữ (dialects) nơi ông sinh trưởng. Nhiều cuốn ông viết đã được đưa lên phim. Cuốn Far From the Madding Crowd (Xa chốn phồn hoa) là cuốn tiểu thuyết thứ tư viết năm 1874, và được đưa lên phim năm 1967 do nữ tài tử Julie Christie đóng. Ông cũng là tác giả cuốn The Mayor of Casterbridge (Ông Thị Trưởng Casterbridge) (1886). Cuốn nổi tiếng nhất là Tess of d'Urbervilles (1891) (Nàng Tess thuộc dòng họ d'Urbervilles), được đưa lên phim do Roman Polanski đạo diễn năm 1980 và do nữ tài tử Nastassja Kinski đóng vai Tess. Những cuốn khác là Jude the Obscure (Jude, con người tầm thường vô danh), viết năm 1896, được đưa lên truyền hình do Kate Winslet đóng năm 1971. Cuốn The Return of the Native (Người xưa trở về) đưa lên phim năm 1994, do nữ tài tử Catherine Zeta-Jones đóng. Tuy ông viết nhiều tiểu thuyết (12 cuốn), mãi đến khi gần 60 tuổi ông mới làm thơ. Trong vòng ba thập niên, ông viết tổng cộng 8 tập thơ và một tập kịch dài, the Dynasts.

- **Meliorist, not pessimist:** Người đọc văn thơ ông thường cho thi sĩ Thomas Hardy là người bi quan, nhưng ông bảo ông là **người theo thuyết cải-thiện**. Ông cho rằng thế giới có thể tốt hơn nếu con người cố gắng hướng thiện. Trong bài thơ, hai đoạn thơ đầu là những hình ảnh ảm đạm và chết chóc, nhưng hai đoạn cuối bài thơ, trong khi tác giả chán nản, thất vọng về những biến chuyển của thời ông -- như chiến tranh, thay đổi nếp sống gây ra bởi chiến tranh và cuộc Cách mạng Kỹ nghệ -- thì tiếng chim họa mi, tuy già và rũ rượi vì lạnh, như đem lại nguồn hy vọng cho tác giả. Tiếng chim như nhắc cho tác giả biết, dù ở hoàn cảnh thất vọng hay tuyệt vọng, Thượng-đế, qua thiên nhiên, vẫn ban cho con người một **ân sủng là lòng Hy vọng**. Như thiền sư Mãn-Giác ở thế kỷ 11 đời Lý, trong bài kệ “Cáo Tật Thị Chúng” có hai câu cuối “Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận/Đình tiền tạc dạ nhất chi mai” [“Đừng tưởng xuân tàn hoa rụng hết/Đêm qua, sân trước, một cành mai” -- Ngô-Tất-Tổ dịch, trong Văn Học Đời Lý (1941), p. 52]. Một cành hoa mai nở cuối mùa xuân, tiếng hót của con chim già vào mùa đông như nhắc con người đừng quên Hy vọng trời ban. Nhà thơ lãng mạn Anh Percy Bysshe Shelley trong bài thơ ca tụng gió Tây “Ode to the

West Wind” cũng viết ở câu cuối cùng: “If Winter comes, can Spring be far behind?” (Mùa Đông nếu tới nơi rồi, thì Xuân cũng chẳng xa vời mãi đâu.)

- Ban nhạc đồng ca nam nữ Hội Giáo Dục Âm Nhạc Texas (TMEA) trình bày bài thơ the Darkling Thrush phổ nhạc tại link sau đây:
<https://www.youtube.com/watch?v=UWOyifXdAaI>

(Nếu không mở được, xin vào Google gõ hàng chữ TMEA 2007 Mixed Choir – The Darkling Thrush)

- Chris Thompson diễn tả bài thơ The Darkling Thrush với nhạc của Joshua Rosenblum:
<https://www.youtube.com/watch?v=G878ouTM9yk>

Sách Tham Khảo:

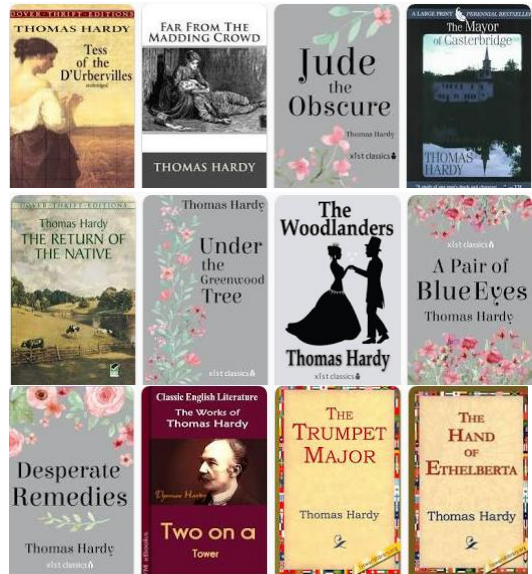
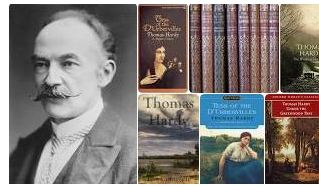
Muốn đọc thêm về cuộc đời và tác phẩm của Thomas Hardy, xem:
 - Carpenter, Richard C. Thomas Hardy. (Twayne English Authors Series). New York: MacMillan, 1st ed. 1964; rev. ed. 1980.
(GS. Carpenter là thầy dạy người viết bài này trong môn cao học Văn chương Anh và literary criticism tại BGSU (Ohio) năm 1975-1976).

Muốn tìm đọc thơ của Hardy, xem:
 - Gibson, James. The Complete Poems of Thomas Hardy. New York: MacMillan, 1978.

Về bảng liệt kê 500 bài thơ Anh phổ thông, được trích in trong các sách hợp tuyển nhiều nhất, xem:
 - Harmon, William. The Top 500 Poems. New York: Columbia University Press, 1992, trang 1077-1080.

PHẠM TRỌNG LỆ

(Virginia -- viết xong 11/24/1997; sửa lại 12/19/2007; 9/15/2020; 11/15/2020)



BÀI THƠ CHO BIỂN

Tôi viết bài thơ có nắng hồng
Giữa chiều thương nhớ gửi mênh mông
Thơ đan một chút gì tâm sự
Của thuở nào xa áo lụa hồng

Thuở ấy hoa cài thơm ngõ Trúc
Chân chim theo Mẹ sớm thăm hoa
Hoàng hôn nghe tiếng diều say gió
Hạnh phúc hồn nhiên tắm ánh ngà

Bàng bạc ánh ngà ... trải mái đêm
Giấc mơ hồng những mộng thần tiên
Tháng ngày một chuỗi xanh hoa bướm
Có tiếng chim ca gọi nắng hiền

Tôi viết bài thơ gửi nắng hồng
Thêm bài nữa gửi ngọn sầu đông
Một bài thơ trắng như mây trắng
Hay một vòng tròn giữa khoảng không

Tôi viết bài thơ gửi gió trời
Mây trời hờ hững gió loi loi
Bài Thơ dăm vận không vừa Ý
Viết mãi chưa tròn một chữ tôi!

Tôi viết bài thơ, tôi hỏi tôi?
Mênh mang hư ảnh một vòng đời
Mà nhìn khởi điểm, đi và tới,
Gom được mấy vắn thơ rụng rơi!

Tôi viết bài Thơ cho Biển khơi
Có Cảnh Tâm Sự ... Lá Bồi Hôi!
Ưu Tư sương trắng bờ quan tái
Lòng Biển Âm Thầm Hay Bước Tôi ...

Tuệ Nga

BÀI THƠ CHO BIỂN (Thơ Tuệ Nga - Nhạc Vĩnh Điện - Ca sĩ Ngọc Quy)

<https://www.youtube.com/watch?v=9XqotSAN5ts>



Tuỳ bút

B U Ò N

** tác giả: Hồng Thủy **

Mấy hôm nay, đêm nào tôi cũng thức thật khuya theo dõi câu chuyện qua lại giữa hai phe về chuyện bầu cử, buồn thật là buồn. Nước Mỹ bây giờ thay đổi quá nhiều từ trên xuống dưới. Từ môi trường chính trị đến cuộc sống bình thường của dân chúng. Tôi đã sống ở đất nước này hơn 40 năm, quá nửa đời người và coi như quê hương thứ hai của tôi, của chúng tôi, những người Việt Nam tị nạn cộng sản...

Hình ảnh nước Mỹ của ngày tôi mới đặt chân đến, đẹp và an hoà làm sao. Vùng ngoại ô tiểu bang Maryland nơi tôi ở, nhà cửa còn thưa thớt, chen vào là những rừng cây hoa lá xanh tươi. Tôi yêu con đường từ nhà tôi đi tới White Ferry, cái phà đưa khách qua sông Potomac để sang địa phận của tiểu bang Virginia. Con đường nhỏ vô cùng thơ mộng, hai bên là những trang trại, những rừng cây, những cánh đồng bát ngát hoa cúc đại màu vàng. Thỉnh thoảng trước những khu vườn có đặt những cái bàn thấp bên đường bày bán trái cây, rau, bắp, trồng trọt của vườn nhà. Họ để một cái hộp nhỏ đựng tiền và một tờ giấy viết mấy chữ dán bên cạnh: yêu cầu khách mua hàng trả

tiền bỏ vào cái hộp giùm. Họ viết rõ giá tiền từng loại rau quả. Thật đơn giản, không cần ai trông chừng cả. Họ tin tưởng khách hàng, không sợ ai lấy tiền hay rau quả của họ. Đời sống quả thật quá tuyệt vời, thật hiền hoà, an cư lạc nghiệp.

Tất bật với cuộc sống mới, với đời sống bận rộn, thời gian qua nhanh lúc nào tôi cũng không hay. Cho đến một ngày, tôi thẳng thốt nhận ra khu đồi cỏ với những cánh hoa đại màu vàng luôn ngả nghiêng trong gió và khu rừng nhỏ phía sau nhà, thế giới mộng mơ của tôi đang bị đào xới bởi những xe cùn cẩu cao lều nghều như bộ xương những con quái vật khổng lồ trong viện bảo tàng ở DC mà tôi đã được thăm viếng. Trời ơi! người ta đang làm cái quái quỷ gì vậy? Sao người ta nỡ phá nát bức tranh thiên nhiên tuyệt đẹp của tôi. Tôi buồn đến thần thờ cả tháng trời. Rồi những ngôi nhà mới sừng sững xuất hiện. Những hàng cây thưa thớt còn lại trông xơ xác tiêu điều. Lũ nai tội nghiệp không còn chỗ để vui sống. Sáng sớm và chiều tối chúng rủ nhau đi cả đàn 5,6 con, lang thang trong vườn nhà tôi để kiếm ăn. Có bao nhiêu cây hoa, cây rau chúng ngón sạch tới gốc. Từ đó tôi

không dám trồng bất cứ một loại cây nào trong vườn nữa, vì hồ đâu là chúng ăn hết tới đó. Lúc đầu tôi căm giận, thù ghét chúng, nhưng nghĩ lại loài người đã dồn chúng đến đường cùng, phá vỡ, chiếm đoạt gần hết thế giới an bình của chúng, chúng đành phải lang thang kiếm ăn trong những khu vườn lân cận. Tôi đành tìm giải pháp an toàn cho những cây hoa, cây rau tội nghiệp của tôi. Tôi nghĩ đến trồng hoa và rau trong những chậu để trên cái deck cao sau nhà, để lũ nai không ăn được. Lúc đầu ông chồng tôi phản đối ghê lắm, viện cớ tôi làm xấu cái deck của ông đi. Tôi phải cương quyết giữ vững lập trường: "đời tôi không thể sống thiếu những hình ảnh của quê hương". Những chậu hoa cúc, hoa huỳnh anh, hoa bắt tử, hoa pensée... Những chậu rau thơm, rau húng, mồng tơi... mang cho tôi những hình ảnh quen thuộc của quê nhà yêu dấu.

Rồi không biết từ lúc nào, đời sống bỗng nhiên không còn êm đềm, an bình nữa. Hàng ngày người ta loay những tin tức ăn trộm, cướp giật để mọi người đề phòng. Kinh hãi hơn nữa là những tin tức khủng bố bắn sê hàng loạt, rồi biến cố 9-11. Những vụ nổ bom tự sát ở những chỗ đông người. Sau đó lâu lâu lại có những tên nổi điên xách súng bắn chết hàng loạt người trong những sở làm. Thương tâm hơn nữa trong cả

các trường học, giết chết bao nhiêu trẻ em vô tội.

Quê hương thứ hai của tôi đang là thiên đàng, bầu trời mơ ước của không biết bao nhiêu người, bỗng chốc biến thành hỗn loạn. Càng ngày càng trở nên bất an. Khủng khiếp hơn nữa là con virus Corona xuất hiện. Có ai ngờ được ở một quốc gia văn minh, hùng mạnh vào bậc nhất thế giới mà phải bó tay trước dịch bệnh lan tràn? kinh tế xuống dốc thê thảm. Một nước Mỹ huy hoàng hùng mạnh, một sớm một chiều biến thành một đất nước buồn thảm tang thương. Gần cả năm trời những nơi buôn bán sầm uất, thịnh vượng nhất trở thành hoang vắng lạnh lẽo như những bãi tha ma. Những nhà hàng lớn Cộng đồng Việt Nam vẫn tụ họp tổ chức tiệc tùng đã đóng cửa hết. Có nơi tháo cả bảng hiệu xuống và để bảng sang nhượng thay thế. Không biết tương lai sẽ ra sao?

Lễ Tạ Ơn cận kề, mọi năm tôi vẫn lo sửa soạn nấu nướng một bữa cơm thật thịnh soạn cho đại gia đình sum họp. Năm nay thấy ngay trước mặt một ngày lễ Tạ Ơn thật cô đơn, chỉ hai vợ chồng già ngồi ăn với nhau, không gà tây, không rộn ràng cười cười nói nói, ồn ào với 8 đứa cháu nội ngoại đi tới đi lui, lằng xằng đùa giỡn khắp nhà. Mọi người trong nhà đã quyết định giữ nguyên luật cách ly như vậy cho an toàn. Lễ Giáng Sinh cũng không còn

bao lâu nữa, liệu có chút ánh sáng nào ở cuối đường hầm? cho chúng tôi được hy vọng có một Lễ Giáng Sinh vui vẻ với những buổi tiệc liên tiếp trong mùa lễ hội an bình, vui vẻ như những năm trước?

Mỗi lần nhìn tủ quần áo kiểu cộ dành cho những buổi tiệc tùng, tôi lại nhớ tới những người bạn quý năm nào cũng tổ chức những buổi họp mặt cho bạn bè gặp gỡ hàn huyên. Anh chị Đạt Hạnh với tiệc Thu Hội Ngộ. Anh chị Thế Kiều Vân với tiệc Noel. Anh chị Viễn Yến với tiệc New Year's Eve. Anh chị Hà Liên Phương với tiệc mừng Tết ta. Tất cả bạn bè trong vùng đều họp mặt ở các buổi tiệc đó. Một điều rất buồn là anh Nguyễn Vĩnh Hưng, người bạn chung của tất cả chúng tôi, luôn vui vẻ dí dỏm với vai trò MC ở hai buổi tiệc Tết Tây và Tết Ta đã ra đi thật bất ngờ, khiến mọi người ngỡ ngàng thương tiếc.

Cho tới giờ phút này, tôi không thấy một tia hy vọng mỏng manh nào chúng tôi có cơ hội có thể họp mặt gặp gỡ nhau trong cuối năm nay.

Hiện tại thì cuộc tranh chấp bầu cử đang xung đột cao độ. Chẳng biết ai thắng ai thua, nhưng kết quả trông thấy rõ ràng là cường quốc Hoa Kỳ đang làm giảm giá trị của mình với toàn thế giới bằng một cuộc bầu cử vô cùng hỗn loạn. Với riêng tôi là một thất vọng nã nề về quê hương thứ hai mà tôi hằng ngưỡng mộ và kiêu hãnh. Càng nghĩ càng buồn.

Ước gì cho tôi trở lại thời được nhìn thấy những cái bàn nhỏ bày những rau quả trái cây với cái hộp tiền không cần người canh giữ... Ôi Thiên Đàng của tôi, bao giờ cho ta được trở lại sống những ngày êm đềm tuyệt vời đó?

HỒNG THỦY



bếp lạnh

*mang mang vạt nắng buông chiều
nhuộm thêm cỏ úa với nhiều lá thu
Bên trời xanh thẳm hoang vu
gió khơi bếp lạnh, tro mù cuộn bay.*

quangha

CAO NGUYÊN XỨ LẠ

Ta về nghe núi rừng than thở!
Liều rữ bên hồ dáng xác xơ...
Chiều xuống sương mù
giăng bóng nước,
Đốc buồn, nắng nhạt, gót bơ vơ!
Có phải xa lâu nên phở lạ?
Mà sao người cũ lại ơ hờ!
Giang tay ôm mối sầu quê mẹ
Phở nhỏ năm xưa đã hững hờ!

Đỗ Bình

HƯ VÔ

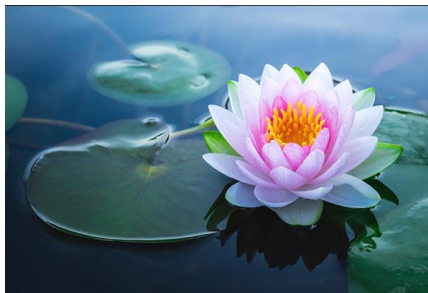
Mây lững lơ ngang núi,
Gió thổi vương trên cành
Trăm năm hành giải lụa
Phát phơ giữa trời xanh.
Thuở quê hương gió bụi,
Nước non bỗng mù sương
Hương tự do khuất núi
Thi ca úa ven đường!
Hồn xanh rêu từ đó
Ta và người xa nhau
Phở cũ hoa vẫn nở,
Viễn xứ trắng nhạt màu!
Đường vinh hoa phù phiếm
Cõi đời tựa giấc mơ!
Cao nguyên màu kỷ niệm
Chiều bản thượng sương mờ.
Phở núi đầy bụi đỏ
Mưa rừng buồn tái tê
Đêm nghe dòng thác đổ
Ôi mùa xưa không về!

Đỗ Bình

THU NHỚ PHỔ HỘI*

Phổ Hội em còn dịp ghé sang?
Chiều thu nắng rớt sợi tơ vàng
Hoa sen đã gởi lời từ tạ
Đàn bướm thôi bay vũ điệu tàn
Khổng miếu tiên nho... hồi trống vọng
Bia đài Tử sĩ... tiếng kèn vang
Tha hương thương tiếc ngày xưa ấy
Nhớ cuộc chia ly giọt lệ tràn.

Lý Hiểu - Arlington 05/2014
(*) Họa thơ Nguyễn Thùy Hương



MÙA THU ĐẸN**

Nghe từng tiếng bước của mùa thu
Áo khoác nhân gian sạch bụi mù
Sương tụ trời cao sa lãng đãng
Gió lùa gác hẹp thổi vu vu
Nhờ trà sỏi ấm đời lưu lạc
Lấy rượu làm khuây mối hận thù
Thấy cúc khoe màu cùng nắng nhạt
Mừng vui thoát khỏi cảnh thâm u.

Lý Hiểu - 07/2014
(**) Họa thơ Ngân Sơn

ĐÍCH DANH THỦ PHẠM

** tác giả: **LS Ngô Tăng Giao** **

Người xưa thường nói: “Mèo đến nhà thì khó, chó đến nhà thì giàu”. Câu này được giải thích là mèo nhà khác đến nhà mình thì khó làm ăn, bị nghèo đói, trái lại chó nhà khác đến thì nhà mình sẽ làm ăn thịnh vượng. Câu này bị người ta chê là điều “mê tín” nhưng ngẫm ra cũng đúng phần nào đấy chứ.

Lessing nói: “Đàn bà là kiệt tác của vũ trụ”, còn Victor Hugo thì nói: “Nếu Thượng đế sáng tạo ra người phụ nữ trước thì người đã thôi không sinh ra các loài hoa”. Phái nữ nghe thật mát ruột nhưng Mèo thật 4 chân chạy lạc vào nhà thì không biết ra sao chứ dính dáng tới “mèo 2 chân” thì không phải chỉ khó làm ăn, chỉ bị tan hoang cửa nhà mà nhiều khi còn... nguy hiểm đến thân thể nữa đấy!

Tội “mèo chuột”, tội ngoại tình nếu nhờ toà án can thiệp thời cùng lắm chỉ đưa đến hậu quả là kẻ phạm tội hoặc là bị phạt tù, phạt tiền về mặt hình sự, hoặc bị ly dị ly hôn về mặt dân sự. Thôi thì cũng tạm được đi! Nhưng nếu “người bị mất quyền lợi” nổi máu “*sư tử Hà Đông*” không cần nhờ đến luật sư, nhờ đến pháp đình mà lại tự mình ra tay “xử lý” theo “luật rừng” thì nguy to!

Hồi khoảng năm 1953-1954 ở Saigon có vụ án “*Cô Quờn*” tẩm xăng

đốt chết chồng vì ghen làm xôn xao dư luận một thời. Xưa kia cô Quờn đốt và đâm chồng chỉ vì thầy Sĩ, chồng cô vô cùng bội bạc với vợ. Khi ở lục tỉnh về Saigon, hai vợ chồng cô nghèo lắm, ăn ở trong một chiếc ghe. Nhờ cô chịu khó làm ăn vất vả nên mua được căn nhà, kinh tế gia đình khá lên. Có lẽ vì quá lao lực nên cô mắc bệnh lao phổi, chồng chê nên cưới một cô vợ khác tên Hoa, trẻ đẹp, sexy... Ngày xảy ra án mạng, thầy Sĩ ra lệnh cho cô Quờn phải chuẩn bị phòng ốc để đón cô Hoa về ở chung (lúc đó chưa có luật Gia Đình của bà Nhu nên VN vẫn còn chế độ đa thê). Cô khóc lóc không chịu liền bị ông chồng đập lộn xuống ván.

Quá uất hận, cô Quờn đợi chồng ngủ say, khoá cửa, sau khi mang vào phòng hai thau dầu hôi và một con dao. Cô tạt dầu hôi vào mình chồng và đốt lửa. Nóng quá thầy Sĩ chạy lung tung nhưng không thoát ra khỏi phòng được. Mỗi lần đến gần cô thì bị cô này tạt thêm dầu... Khi thầy Sĩ ngã xuống, cô còn cầm dao đâm vào bụng thầy Sĩ và quậy quậy, ruột lòi ra.

Lúc đó dư luận toàn nước VN (trước 1954) đều bình vực cô Quờn vì cho rằng nếu đàn ông không có thói trăng hoa thì phụ nữ làm sao lâm vào cảnh phạm tội. Cho nên mặc dù bị truy tố tội

mưu sát nhưng cô bị xử rất nhẹ. Vụ án được đưa ra toà án Đại Hình Saigon xét xử. Tòa đã tuyên phạt cô Quờn 5 năm cấm cố với tội danh "Giết người có dự mưu". Ở tù được hơn 2 năm, cô được ân xá.

Nổi hứng vì vụ Cô Quờn này, nghệ sĩ Trần Văn Trạch có sáng tác và hát một bài ca trong đó có câu: "*Đốt hay không đốt thì... cắt phứt đi cho rồi!*". Ai dè gần nửa thế kỷ sau có người đã làm theo lời ca này. Và cái bị coi là "*đích danh thủ phạm*" gây tan rã vợ chồng thường... bị cắt đứt. Vụ án Bobbit "vợ thiến chồng" ở Mỹ hình như đã mở đầu cho một "kỷ nguyên" mới như thế. Sau đó ở các nơi khác và cả ở Việt nam cũng xảy ra nhiều màn kịch tương tự.

Lorena Bobbitt's Unforgettable Story. Vào đêm 23 tháng 6 năm 1993, chàng John Wayne Bobbitt trở về tổ ấm ở Virginia. Nàng Lorena, vợ chàng, khai rằng chàng này đã say xỉn sau khi nhậu nhẹt ở một nơi nào đó. Nàng khai là sau khi trở về nhà thò chàng "*hiếp dâm*" nàng. Đây là tội "*spousal rape*" (hiếp dâm giữa vợ chồng). Nhưng chàng được tha bổng về tội trạng này vì không có bằng chứng.

Trong đêm đó nàng ra khỏi giường ngủ và đi xuống bếp để uống nước. Nàng nắm một con dao và trở vào phòng ngủ nơi anh chồng đang ngủ say sưa, và liền ra tay cắt phăng mất đi một nửa bộ phận sinh dục của chàng. Sau khi ra tay, nàng rời khỏi nhà, mang theo

nửa khúc "của quý" của chàng và lái xe đi một quãng đường, hạ kính xe xuống rồi ném cái phần đó xuống một cánh đồng. Lúc đó khoảng 3 giờ sáng. Chợt nhận ra tầm quan trọng của nội vụ, nàng ngừng xe, gọi 911. Sau một hồi tìm kiếm vất vả người ta đã tìm lại được phần "của quý" bị ném nói trên, gói ngay vào nước đá lạnh và mang ngay tới nhà thương nơi anh chồng đang được chữa trị. Phần đó được khâu nối lại cho anh chồng. Hai bác sĩ phải ra tay làm việc mất 9 tiếng rưỡi.

Nàng Lorena bị bắt giam về tội cố ý gây thương tích. Sau đó nàng khai một số chi tiết về cuộc sống vợ chồng trong phòng the... Chuyện chăn gối mà anh chồng ích kỷ chỉ biết thoả mãn một mình... Nàng khai là chồng đã hành hạ nàng cả về thể xác lẫn tinh thần trong khi sống chung. Chồng còn khoe khoang chuyện ngoại tình của chàng và bắt nàng phải phá thai. Một vài nhân chứng khai trước toà xác nhận lời khai của nàng là đúng. Luật sư của nàng đưa lập luận cho rằng vì những lý do trên mà nàng bị bệnh về tâm thần. "Chính cái của quý của anh chồng đã là một nội ám ảnh làm nàng sợ hãi nhất, đau đớn nhất và nhục nhã nhất!"

Anh chồng chối cãi tất cả những lời vợ buộc tội mình. Nhưng khi bị cật vấn trước tòa chàng lại khai nhiều điều mâu thuẫn với những sự kiện đã rõ rệt khiến lời buộc tội của phe công tố không còn mạnh mẽ chính xác nữa. Sau 7 giờ

đồng hồ nghị án, bồi thẩm đoàn tuyên bố Lorena không có tội vì “*thác loạn thần kinh*” (insanity), không có trách nhiệm vì việc làm của mình. Theo luật nàng chỉ bị đưa vào bệnh viện để khám nghiệm và chữa trị trong 45 ngày sau đó được trả tự do. Ít lâu sau là... ly dị.

Nhưng có ai ngờ là tên nàng Lorea Bobbitt đã làm giàu cho ngôn ngữ. Thật vậy, các tự điển bây giờ có thêm một động từ nữa. Đó là “*To bobbitt*”. Được định nghĩa như sau: Definition: To cut off a man's penis. Etymology: from Lorena Bobbitt, who did such so to her husband in 1994. Usage: slang.

Trong tiếng Trung hoa là: 博比特 và cả trong tiếng Đại hàn là: 스타 저리 가라

*

Đích danh tử phạm bị “*thiến*” từ đây gặp hoạn nạn khắp nơi. Thật là một “*đại họa*”

1- Vụ án ở Canada: Tháng 7-1997, Bà Trần Kim Phượng ở Vancouver, 37 tuổi, có máu Hoạn Thư nặng vì ông chồng 40 tuổi, tuy đã có 6 mặt con mà lại quá bay bướm. Không còn cách nào để giữ chồng, bà Phượng quyết định hạ độc thủ. Đợi lúc ông chồng ngủ say, vào hồi 4g30 sáng một tay bà kéo “*cửa quý*” lên, một tay cầm dao bén, cắt thật ngọt. Cắt “*sát gốc*”, rồi bỏ vô bồn cầu, giứt nước cho trôi mất tiêu, để “*nếu tao không xài được thì cũng chẳng con nào*

xài được”. Đáng buồn là y sĩ của khoa giải phẫu chỉnh hình cho biết chỉ có thể giải phẫu cho ông chồng bất hạnh này tiểu tiện được dễ dàng thôi, và khi đi tiểu thì phải ngồi thụp xuống như đàn bà.

2- Tại Hoa Kỳ Westminster (NV) - Người phụ nữ (48 tuổi) bị tố cáo cắt đứt dương vật chồng (60 tuổi). Bà nói bà không có tội. Bà Catherine Kiêu Becker bị truy tố các tội danh hành hạ, cắt rời cơ thể, với yếu tố tăng nặng vì gây thương tích trầm trọng và sử dụng dao. Nếu bị kết tội cho tất cả các tội danh, bà có thể bị tuyên án tù chung thân. Số tiền thế thân được ấn định là \$1 triệu. Bà bị tố cáo đã trộn thuốc vào món súp có đậu hũ và thịt bò xay mà ông thích, cho chồng ăn để ông này bị ngủ mê, sau đó trói ông lại, rồi lúc ông thức dậy thì bà cắt bộ phận trên của ông, bỏ vào máy xay rác trong bồn nước, rồi bật máy. Vừa cắt, bà vừa gằn giọng “*đáng đời ông*” (you deserve it). Bà Kiêu ghen tức vì chồng quay lại với người tình cũ

Đó là chuyện 2 bà Việt ở “*nước ngoài*”. Các bà Việt ở “*nước trong*” cũng không chịu thua kém. Một bài báo vào cuối năm 2011 ghi rằng: “*Ghen tuông dễ khiến quý ông tổn thương vùng kín.*” Bài báo kể rằng theo các bác sĩ thì chỉ một số ít trường hợp bệnh nhân tổn thương vùng kín là do tai nạn lao động, còn lại đều do vợ lên cơn ghen.

1- Trong một ca cấp cứu tại Bệnh viện Chợ Rẫy thì bệnh nhân 40 tuổi nhà ở huyện Củ Chi bị vợ cắt đứt phần đầu dương vật. Anh này có nguy cơ bị "khuyết tật" suốt đời. Các bác sĩ khoa Ngoại - Tiết niệu, Bệnh viện Chợ Rẫy cho biết, bệnh nhân xin được nói lại chỗ bị cắt. Vừa đau đớn vừa ngượng ngùng, anh này cho biết người ra tay chính là bà xã. "Vợ tôi đọc được tin nhắn một cô gái gửi trong điện thoại của tôi rồi lên cơn ghen". Đưa chồng đi cấp cứu, người vợ cho biết đã nhiều lần cảnh cáo nhưng chồng vẫn tái phạm nên "chịu không nổi đã dùng kéo cắt đứt cho hết thói trăng hoa". Để phục hồi chức năng cho dương vật bệnh nhân, các bác sĩ đã vi phẫu để nối mạch máu và dây thần kinh, song do phần bị cắt đứt trước khi vào bệnh viện không được "bảo quản" tốt nên sau ghép có dấu hiệu hoại tử.

2- Một trường hợp may mắn hơn: Anh Thuận, 39 tuổi ở tỉnh Bình Phước cũng bị vợ dùng kéo cắt phần đầu dương vật nhưng đã được chữa lành. Tại bệnh viện Bình Dân bệnh nhân cho biết nguyên nhân cũng bởi vợ ghen. "Đang ngủ thì cảm giác bị đau, giật mình thức dậy tôi đã thấy nó đầm đìa máu. Tôi phát hoảng vì lần này nằng ra tay thật sau nhiều lần ghen tuông hù dọa. May mà các bác sĩ đã nói lại thành công".

3- Cùng cảnh ngộ, anh Lập, 35 tuổi một vợ 3 con, nhà ở Bình Chánh, cũng vào bệnh viện cấp cứu trong tình trạng "chỗ ấy" lủng lảng đầm đìa máu. Bệnh nhân kể bị vợ ra tay khi anh trong cơn say. "Bà ấy phát hiện tôi có bạn gái nên nổi điên", anh thú thật.

4- Tháng 7 năm 2013 tại Bà Rịa Vũng Tàu thêm một bà 'Hoạn Thư' cắt đứt, gần như nhẫn thím, dương vật của chồng rồi ném xuống ao làm mồi cho cá. Nạn nhân là ông BVL 35 tuổi. Báo Thanh Niên cho biết, người cắt đứt là vợ ông, tên DTB 34 tuổi. Vào chiều ngày xảy ra vụ này, ông chồng cùng với một nhóm bạn đi nhậu. Vừa về đến nhà, bà vợ đơn đả mời ông uống một ly cà phê. Nốc cạn ly cà phê mà không biết có chứa thuốc ngủ, ông chồng lăn ra ngủ mê như chết. Khi thấy đau nhói ở "phần dưới," ông bừng tỉnh giấc, cũng chưa biết "của quý" đã bị cắt đứt gần như chẳng còn gì. Bỗng dưng, ông thấy bà vợ đang đứng gần bên đột nhiên bỏ chạy, để lại một con dao dài 3 tấc cạnh giường nằm. Chừng đó, ông mới hay ra, bà "nhà" đã thừa lúc ông say ngủ, mà ra tay. Ông được đưa vào bệnh viện cứu cấp.

5- Trước đó vào tháng 3 năm 2013, một người đàn ông tên LHD 31 tuổi, ngụ tại thành phố Long Xuyên cũng đã bị vợ cắt đứt "của quý" quăng mất. Sau khi "trừ khử" "công cụ trắng hoa" của

ông chồng trẻ, người phụ nữ trên, tên NTTH 27 tuổi lại uống thuốc chuột tự tử.

6- Tại huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi cuối năm 2010 cũng đã xảy ra vụ vợ cắt “của quý” chồng vì ghen khiến ông này mang thương tật với tỉ lệ lên đến 22%. Nạn nhân là ông BVQ 28 tuổi phải nằm điều trị tại bệnh viện đến một tháng trời. Còn hung thủ là vợ của ông, tên HTLC 24 tuổi bị tòa Quảng Ngãi kêu án 20 tháng tù giam.

Các bà vợ sau khi hại chồng thường tỏ ra hối hận và hầu hết chính “đương sự” lại là người đưa nạn nhân đi cấp cứu. “Nhiều chị em đến bệnh viện tay cầm thùng đá ướp “tang vật”, tay ôm chồng khóc lóc năn nỉ bác sĩ mau mau cứu ông xã”, một bác sĩ nói.

Giải thích việc ra tay không thương tiếc, vợ của một bệnh nhân nhà ở Càn Thơ cho rằng không phải chị không nhắc nhở mà đã ra tay. “Tôi đã nói đi nói lại chuyện có bồ bịch nhưng anh ấy không nghe cứ lao vào bỏ bê vợ con. Cơn ghen khiến tôi không còn suy nghĩ gì nữa và chỉ muốn cắt luôn cho xong... làm xong lại thấy ông ấy tội nghiệp”, chị nói.

Theo bác sĩ Bệnh viện Chợ Rẫy, khoa này đã ghép nối cho hơn 30 trường hợp hầu hết bệnh nhân đều bị đứt lia, số ít còn dính một phần. Người

từng thực hiện nhiều ca tổn thương dương vật cho hay không quá khó nối lại phần bị cắt rời. Song điều này còn phụ thuộc vào việc phần bị cắt có được bảo quản tốt trước khi đến bệnh viện và thời gian nhập viện là nhanh hay chậm.

Một bác sĩ Bệnh viện Bình Dân cho biết sau phẫu thuật, nạn nhân của các vụ cắt đứt này vẫn có thể sinh hoạt tình dục. Thế nhưng do tâm lý, một số người sau đó ác cảm với vợ hoặc không dám “gần” vợ.

Tại Sài Gòn vào tháng 7 năm 2012 một phúc trình của bệnh viện Chợ Rẫy cho biết, trong số hàng ngàn nạn nhân từ các tỉnh được đưa vào bệnh viện cứu cấp mỗi ngày, có không dưới 10% xuất phát từ các vụ ghen tuông. Thủ phạm trong những vụ án này đều dùng những loại vũ khí “cực độc”: Acid và dao kéo nhọn.

Không kể những vụ dùng dao đâm người, theo phúc trình trên, trung bình mỗi năm có khoảng 40 người dùng dao, kéo bén “tiện” đứt “của quý” của mấy ông chồng lẳng nhăng, hoặc của tình địch.

Báo Người Lao Động dẫn lời Bác Sĩ Dương Quang Vũ từng sự tại khoa tiết niệu bệnh viện Chợ Rẫy cho biết các vụ cắt đứt “của quý” xảy ra đều đặn hàng năm, trong suốt 10 năm qua. Có trường hợp, “quý bà Hoạn Thư” ở Việt Nam mạnh tay ném “của quý” của ông

chồng ra sân để ông mát luôn niềm hy vọng “ráp nối” trở lại.

THỦ PHẠM KHÔNG ĐÍCH DANH

Xin kể thêm một vụ án khá đặc biệt với “thủ phạm không đích danh”: Tại Cần Thơ vào tháng 10 năm 2013 xuất hiện một thanh niên trẻ. Theo công an quận Ninh Kiều thì đây là một chàng Việt kiều Úc, tên là Ngọc T. 28 tuổi. Chàng mắc tội “*dâm ô với trẻ vị thành niên.*” Cô gái vị thành niên nọ, được gọi tắt là Tư, mới 16 tuổi. Hồ sơ điều tra nói rằng, vào lúc nửa đêm rạng sáng, công an ập vào phòng ngủ một khách sạn, bắt quả tang cả hai, Ngọc T. và Tư đang ở chung phòng. Lấy lý do Ngọc T. “chung chạ” với cô bé vị thành niên, công an bắt cả hai về đồn để thẩm vấn.

Tại đây, Ngọc T. cho biết, lần đầu tiên gặp Tư khoảng năm tháng trước, trong chuyến về quê Cần Thơ dự đám tang của người nhà. Ngọc T. và cô bé Tư đem lòng quyến luyến. Cả hai cùng trao đổi số điện thoại và liên lạc thường xuyên với nhau. Ngọc T. thú nhận đã từ Úc bay về Việt Nam thuê khách sạn và rủ Tư đến ở chung từ hai tuần lễ qua. Tại đồn công an, T. còn nhìn nhận đã ba lần “quan hệ chăn gối” với cô bé Tư.

Trong khi công an Cần Thơ chuẩn bị hoàn tất hồ sơ khởi tố chàng thanh niên Việt kiều Úc ra tòa hình sự về tội

“dâm ô với trẻ vị thành niên,” Ngọc T. bèn lột phăng “của quý” silicon đang đeo trong người để chứng minh đó là đồ “dỏm.” Cho đến lúc đó, mọi người mới bật ngửa. Ngọc T. cho biết, đã sang Thái Lan giải phẫu để chuyển giới, từ nữ thành nam. Ngọc T. được chính quyền sở tại ở Úc thừa nhận. Từ tháng 6, 2013, Ngọc T. mang giấy tờ xác định là nam giới, công dân Úc. Việc chuyển giới của Ngọc T. khéo đến nỗi, mới thoát nhìn, ai cũng tưởng “anh” là đàn ông thật sự. Thì ra, chàng là một phụ nữ vừa chuyển giới, đổi lột thành nam giới một cách hợp pháp.

Cuối cùng chàng Ngọc T. được miễn “truy cứu trách nhiệm hình sự.” Chàng thoát tội dâm ô nhờ ‘của quý’ giả. Ngọc T. chỉ bị phạt “vi phạm hành chính” 1 triệu rưỡi đồng, tương đương 75 đô la về tội “xâm hại sức khỏe của người khác.” Hành vi vi phạm của Ngọc T. còn được giảm nhẹ bởi cô Tư là trẻ vị thành niên, nhưng đã có một đứa con 14 tháng tuổi. Mặt khác, cô Tư nhìn nhận rằng cô hoàn toàn tự nguyện khi đồng ý “chung chạ” với Ngọc T.

LS. Ngô Tăng Giao



CHÚC MỪNG THƯỢNG THỌ 88

Thi Họa Sĩ Vũ Hối

Chiêm Bao Trở Giác Mây Ngàn

Nghìn Thương Đất Mẹ

Dương Đàn, Quảng Nam

Nơi này ngàn năm ngàn năm

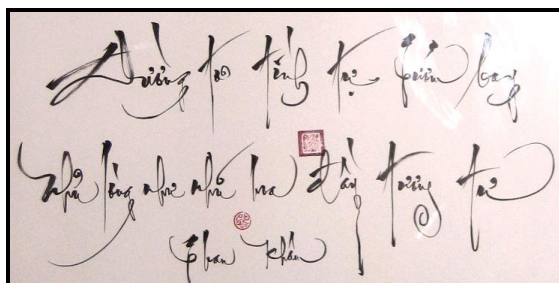
Đông đây phúc lộc - an Khang sum vầy.

~ Phan Khâm - Phi Hồng ~



Danh họa Vũ Hối, bút hiệu Hồng Khôi là một họa sĩ, một thi sĩ và nhà nhiếp ảnh, nổi tiếng về hội họa của Việt Nam và quốc tế. Ông sinh ngày 22 tháng 11 năm 1932 tại làng Dương Đàn, quận Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, vùng đất có năm ngọn núi tượng trưng cho Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ kết thành Ngũ Hành Sơn, nổi tiếng là vùng “Địa linh nhân kiệt,” nơi sản sinh nhiều nhân tài của đất nước.

Tác giả: Lê Thương (trích)



PHỤ NỮ VIỆT KHÔNG QUAY NHÌN LẠI

Vietnamese Girls Don't Look Back by Bob Senser



(Nguyễn Thị Ngọc Dung phiên dịch)

Jim ngừng bước khi nhìn thấy một taxi từ từ ghé bờ hè. Có thể Lan trong taxi này chăng? Dưới ba tầng lầu, cái xe đậu lại giữa hai xe buýt nhà binh vĩ đại màu xanh *olive* bụi bặm. Cái xe taxi Renault màu xanh trắng, giống như món đồ chơi. Cửa xe mở, hai người lính Mỹ cao lớn bước ra và trả tiền.

Đế giày da của Jim lại gõ từng bước một trên sàn đá hoa. Ôi! Trong có một lúc ngắn mà cái cảnh trên diễn ra tới năm lần. Mỗi lần như thế Jim lại tưởng Lan tới, nhưng luôn luôn là một người trong bộ quân phục, mà không là một người trong bộ áo dài màu tha thướt của phụ nữ Việt Nam. Có lúc Jim cảm thấy bực bội với những người lính, như họ đã chiếm các taxi và giữ Lan lại xa chàng.

Nỗi lo âu gặm nhấm và tăng dần, như mọi lần Lan đến trễ: "Nàng có thể không đến", Jim đã khắc khoải như thế. Từ khi họ xếp đặt hẹn hò bữa cơm tối này, mới ba ngày nay, chỉ trước lúc chàng đi Đà Nẵng, chàng đã khổ sở về nó. Jim có nên cắt tóc ngắn, dù Lan thích chàng để tóc dài? Lan sẽ vừa ý với món quà Jim mua tặng nàng ở Đà Nẵng không? Jim có nên nói cho Lan biết chàng đã điền đơn tìm công việc

mới và đã gửi về Mỹ không? Lan sẽ đem cho chàng một lá thư viết tay trong những ngày họ không gặp nhau như Lan thường làm không?

Jim mới gặp nàng ba ngày trước, cũng trong thời gian này, trên đường phố buổi chiều đầy taxi, xe gắn máy, xe đạp, xích-lô, xe vận tải, xe dân sự, xe nhà binh... Khi ra về, Lan thường đợi taxi ở đầu đường, xa cư xá của chàng. Đứng trên sân thượng, Jim có thể theo dõi và coi chừng Lan cho đến khi nàng khuất ở cuối đường. Để xua đuổi cảm giác trống trải, Jim thường mong Lan quay lại vẫy tay với chàng. Nhưng Lan không bao giờ làm vậy.

Cũng như thế, vài lần Jim lái đưa nàng về nhà, sau khi Lan ra khỏi xe, Jim thường đợi và trông chừng Lan đi vào con hẻm dẫn đến nhà nàng, và Jim mong ít nhất một ánh mắt tạm biệt của nàng mà không bao giờ có. Một lần Jim hỏi nàng, "Phụ nữ Việt có bao giờ quay nhìn lại chào từ biệt không?"

"Không," Lan nói, (1) và như chàng quan sát, điều đó đúng. Bây giờ, ở dưới kia, một xe Honda hai bánh vừa ngừng, và một phụ nữ Việt xuống khỏi cái yên xe sau mà bà ta đã ngồi. Bà ta đi vội vào cổng một cơ sở chính phủ

bên cạnh. Người lính Việt Nam lái xe Honda vụt đi. Người đàn bà cũng không có một cái nhìn tạm biệt cho người đàn ông. Ông ta cũng không chờ đợi gì ở bà ta.

Jim chăm chú nhìn những taxi chạy tới, bởi vì Lan thường đến như vậy, trừ khi chàng lái xe đến đón nàng. Hàng loạt taxi chạy nối đuôi nhau và ngừng tại đèn đỏ ở xa, trên con đường một chiều. Một mỗi vì chờ đợi đèn đỏ thay màu, Jim ra quầy rượu lấy cho chàng một ly Scotch đá nhẹ, vì Lan không uống một thứ rượu gì. Jim mong rằng chàng có thể bắt chước kiêu cử được như nàng.

Rượu trên tay, một lần nữa Jim trở ra sân gác có bao lưới. Một luồng gió nam mát rượi làm lay động cành cây lớn gần bên và thổi bay tà áo dài của hai phụ nữ Việt đang thả bước dưới đường. Không thể làm họ là Lan được. Dáng đi của nàng duyên dáng hơn. Áo dài của nàng chỉ có một màu, không hoa lá như thế. Và nhất là khi tới gặp chàng, Lan mang kính râm dù sau khi trời tối.

Lan không bao giờ mặc y phục Tây phương, lý do chính Jim thích nàng bởi vì nàng kiêu hãnh giữ nét cổ truyền của quê hương nàng. Lan trông sang trọng, dáng dấp tự nhiên có riêng ở nàng. Lan không có nhiều áo lấm. Nhưng những áo lụa màu xanh lá cây, vàng, đỏ gụ, ngà, hồng và tím đã làm nên hình dáng nàng. Không có cái nào là màu xanh mây trời mà chàng

thích nhất. Đã lâu Jim muốn ngạc nhiên nàng với ba thước lụa Thái Lan màu xanh đỏ, nhưng PX địa phương không có hàng màu chàng thích. Chiều nay, trước khi lên máy bay về Sài Gòn, Jim đã ngừng tại PX Đà Nẵng, và cuối cùng đã tìm thấy hàng lụa mà chàng thích. Jim cảm thấy hài lòng và yên tâm Lan sẽ thích món quà này.

Jim xoa mặt, và lo ngại cái cằm nháp sì. Đôi khi, Lan thích thú sự cạo cạo của mặt chàng, nhưng thường Lan thích chàng cạo sạch râu ria hơn. Phải mau đi cạo. Vậy, cũng có việc gì để làm trong khi chờ đợi.

Bôi kem cạo râu lên mặt, Jim suy nghĩ không biết Lan sẽ nhìn chàng ra sao sau khi mới xa nhau ba ngày. Jim xoa kem lên nếp nhăn dưới mắt, như có thể xóa bỏ được mười lăm tuổi mà họ cách biệt nhau. Lan, 25, nhìn thấy gì ở chàng? Không quà tặng, không tiền, chắc chắn rồi, bởi vì nếu đó là mục đích, Lan có thể làm hay hơn với những người đàn ông Mỹ này họ thường xuyên gặp gỡ nàng trong dịch vụ du lịch tại Tòa Đại Sứ.

Ở đó, Jim đã gặp Lan trong một ngày mưa tám tháng trước. Bất ngờ gặp đám mây đen đổ xuống, Jim ướt sũng nước mưa khi vào phòng làm việc của Lan, nơi chàng có hẹn với ông giám đốc của nàng, và Lan lấy làm thích thú với cái sự bị ướt mưa của chàng. Trong hai ba tuần tiếp theo,

Jim nói chuyện điện thoại với Lan sáu bảy lần trước khi nàng đồng ý đi ăn trưa với chàng. Lan nói rằng nàng không thích đàn ông, nhất là đàn ông Việt Nam, bởi vì năm trước chồng nàng đã bỏ nàng sau ba năm cưới.

Lan biết chàng cũng có vợ, và cũng như nàng, Jim có hai con; chàng nói với nàng tại buổi ăn trưa đầu tiên. Nhưng gia đình chàng ở xa, tại Milwaukee, và Lan kết luận với nụ cười hóm hỉnh "Ông có nhiều bạn gái Việt hả?" và chàng phải mất nhiều tuần lễ mới gạt bỏ được sự nghi ngờ của nàng. Jim cũng phản công bằng cách tố cáo Lan có nhiều bạn trai, nhưng chàng không tin như vậy.

Trước khi gặp nàng, Jim đã chiêm ngưỡng phụ nữ Việt Nam – bởi vì những tà áo dài quyến rũ, mái tóc đen tuyền, thân hình thon thả và đôi mắt hình hạnh nhân của họ. Đặc biệt là tấm áo dài, che kín thân hình họ từ cổ cho tới bàn tay, khuỷu chân, hình như đó là trang phục khiêu khích nhất mà chàng đã trông thấy ở một người phụ nữ, trước khi biết Lan, Jim đã giữ mình và tránh xa.

Đúng vậy, ánh mắt Jim liếc dài và khóa vào những đôi mắt hình hạnh nhân tò mò xiên vào chàng. Đôi khi sự kiềm chế tạm thời gạt sang một bên, Jim cười với một khuôn mặt xinh đẹp trên cái Honda hay chuyện gẫu vui vẻ với một cô thư ký trong sở chàng. Tuy vậy, chưa bao giờ thực sự là một cuộc

đổi thoại. Chưa bao giờ, cho tới bữa ăn trưa với Lan ở một tiệm ăn Pháp nhỏ gần sở của nàng. Tình bạn dần dần tăng, và Lan đến thăm Jim tại sở của chàng với kiêu hãnh cao độ, như thể Lan muốn cho cả thế giới biết về chàng và nàng. Hay ít nhất là phần thế giới của nàng.

Lan giữ chàng thật xa với thế giới họ hàng của nàng và bà con bên chồng, vì họ làm phiền nàng vô cùng. Họ muốn nàng năn nỉ ông chồng trở về nhà, và họ muốn nàng để ông ta trở về với cả đứa con riêng mà ông ta có với một "bar girl" như Lan nhận định về người đàn bà đó. Họ muốn Lan bỏ việc làm ở Tòa Đại Sứ, vì họ sợ nàng sẽ giao thiệp với người Mỹ. Nhưng Lan đã thách thức họ. Lan tiếp tục sống với người chị đã lập gia đình và tiếp tục làm việc tại Tòa Đại Sứ. Lan tiến triển về tiếng Anh, về phương pháp làm việc tại cơ sở Hoa Kỳ và hiểu biết về chàng, Jim Walls, một chuyên gia dân sự, hiện tại chỉ còn hai tháng ngắn là kết thúc 18 tháng hợp đồng với một hãng xây cất.

Chuông cửa reo ngắn, tiếng chuông rụt rè. Bà Ba, người giúp việc sẽ mở cửa. Trong khi Jim đã cạo râu xong, chàng ngắm mình trong gương, nghĩ rằng Lan sẽ đến đằng sau chàng, nhưng lạ lùng, nàng không xuất hiện. Jim lau khô mặt và mặc cái áo thể thao ngắn tay.

Bà Ba rất lạnh lùng với Lan lần đầu tiên nàng tới dùng cơm tối tại căn

phòng của chàng, nhưng dần dần Lan thảng sực thân mật với bà bếp. Nếu một tuần Lan không đến, bà Ba cũng lo âu không kém chàng. Tối đó Jim thấy hai người nói chuyện với nhau như hai chị em và chàng đứng nhìn họ ngoài phòng khách đến một phút trước khi Lan ngừng nói và tiến lại chàng.

Lan thấp hơn chàng cả tám *inches*, dù nàng mang giày cao gót. Mái tóc dài đen nhánh, buông lơi trên bờ vai phù hợp với cặp quần lụa đen bóng, tương phản một cách tươi vui với chiếc áo dài màu vàng - cùng một bộ nàng đã mặc trong lần hẹn đầu tiên của họ. Đôi mắt màu nâu thẫm, đóng khung bởi màu vẽ quanh mắt, tương phản với làn da màu kem của nàng. Chàng luôn luôn ngạc nhiên Lan trông xinh đẹp y như trong những tấm *slide* màu đẹp nhất mà chàng chụp cho nàng.

Jim chào Lan, không nghe nàng trả lời, chàng nói thêm, "Anh sợ em không tới."

"Em định không đến."

"Em không định?" Chàng nghĩ nàng nói giỡn.

"No," Lan nói nhẹ khi họ bước ra sân gác.

Không còn sự linh hoạt nàng thường biểu lộ khi gặp chàng. Jim đã học được cách không ép buộc khi Lan xuống tinh thần.

"Anh lấy nước cam cho em nhé?"

"Đừng. Cảm ơn anh."

Nàng nhìn xuống và vắn vê quai ví khi họ ngồi bên nhau trên ghế bành dài ngoài sân gác.

"Em định điện thoại gọi anh để nói em không thể..., không bao giờ... gặp anh nữa. Nhưng em đã đến để nói với anh vậy. Em không thể gặp lại anh."

"Lan, chuyện gì xảy ra vậy? Tại sao?"

"Tại sao, tại sao?" Mắt nàng đang lim dim bây giờ mở to. "Anh không hiểu em. Anh cứ hỏi tại sao hoài."

Jim cố gắng đoán, "Chồng em trở về hay sao?"

Đôi mắt nàng lại mở to và chớp chớp:

"Lúc nào anh cũng nghĩ chồng em trở về. Ông ta sẽ không bao giờ trở về." Nàng ngừng, và thấp giọng thêm: "Anh cũng sẽ không bao giờ trở lại."

Thì ra thế. Ba ngày trước, khi họ tạm biệt nhau, Jim đã nói với Lan mà trước đây chàng chỉ mới biết mù mờ rằng chàng sẽ phải rời Việt Nam trong hai tháng nữa. Lan đã không nói gì cả. Thật khó đoán phản ứng của nàng vì Lan thường bình thản khi ra về. Vậy mà, bây giờ Lan đã tỏ rõ điều làm nàng buồn phiền.

Jim nắm tay nàng, nhưng Lan lại đưa hai tay lên ôm mặt.

Tiếng dép của bà Ba đâu đây sau lưng chàng. Jim hỏi nàng, "Em muốn ăn bây giờ không?"

Lan lắc đầu từ chối và nhìn đồng hồ tay. "Em không đói. Em phải về ngay."

Mặc dù Lan phản đối nhưng vẫn muốn chàng ăn. Jim cho bà Ba ra về. "Anh cũng không đói," chàng giải thích, "Anh đã ăn nhiều trong khi đi xa."

Họ ngồi yên lặng vài phút. Jim ngắm nàng nghịch ngợm với quai ví xách tay. Tiếng động giao thông dưới đường chìm dần vào yên lặng. Xa xa đâu đó có tiếng nổ làm rung chuyển cửa ra vào ngoài hành lang. Tiếng kêu của một con tắc kè vang lên ngoài cửa sổ. Đó là những tiếng động thông thường của ban đêm mà Jim không khó nhận thấy.

Ngập ngừng, Jim vuốt tóc nàng. Lan ngả đầu ra sau và khép rèm mi cũng không che giấu được nước mắt. Jim hôn những giọt lệ tràn xuống má nàng.

Lan hít vào một hơi thật nhanh, và nói với giọng trong cổ: "Em nói với chị của em," nàng nghẹn ngào, "Em có lần nói với chị của em rằng nếu em biết chắc ngày anh sẽ trở về Mỹ, em sẽ không gặp anh nữa. Em không nên gặp anh. Em yêu anh, nhưng em không nên gặp anh nữa."

"Em làm ơn cho anh biết tại sao không?"

"Jim," nàng nói. Đêm đó là lần đầu tiên Lan buột ra tên chàng; "Anh làm em đau khổ. Chồng em làm em đau khổ đến nỗi em muốn tự tử chết. Bây giờ anh làm em đau khổ hơn vì mỗi lần anh nói tạm biệt, em lại nhớ rằng chắc chắn anh sẽ về Mỹ. Mỗi lần nói tạm

biệt là thêm một lần đau khổ. Tốt hơn là chỉ nói tạm biệt một lần này mà thôi, Jim."

Chàng nhìn vào mắt nàng và mái tóc óng mượt của nàng mà ngón tay chàng đang vuốt ve. Jim muốn nói vài điều có ý nghĩa nhưng chàng thất vọng, không nói được gì.

Một tia chớp lóe trên vòm trời, sáng hơn cả những trái nổ và tia lửa chàng thường nhìn thấy. Đâu đó từ phía đông bắc mùa mưa đang bắt đầu. Một luồng gió mát thổi tới. Đã bao nhiêu đêm, như giờ này, Jim đã ngồi đây và mong Lan có bên cạnh. Bây giờ nàng đang ở đây, nhưng chỉ nói cho chàng biết nàng sẽ không bao giờ đến nữa. Xét cho cùng có thể điều đó cũng tốt cho nàng và cho cả chàng.

Jim đứng dậy, đi về phía cửa sổ sân gác. Chiếc xe của người bạn cùng ở trong cư xá, đậu trong sân bên dưới, mà chàng có lần mượn và có thể mượn tới nay. Khi trở lại, chàng thấy nàng nhìn đồng hồ tay. Mười lăm phút nữa là tới giờ giới nghiêm, để lại đường phố vắng tanh ngoại trừ xe nhà binh.

"Ô, khuya quá rồi," Lan nói, "Anh có thấy còn taxi không?"

"Anh có thể mượn xe," chàng nói.

Không nhúc nhích, Lan coi đồng hồ trong ánh đèn mờ ngoài sân thượng. "Giới nghiêm gần tới," Lan nói, "Anh có thể trở lại trước giới nghiêm không?"

"Chúng ta phải lẹ, chỉ vừa đủ thời giờ thôi."

Lan xách ví, và rảo bước nhanh ra cửa hành lang. Nàng ngừng, nhìn vào gương bên cửa và lấy cái lược trong ví ra, và chải qua mái tóc.

Jim ngắm những cử động của nàng, rồi nhìn đồng hồ tay. "Hừm", một cách ngờ vực. "Anh còn phải lấy xe ra; gần trễ rồi."

Lan ngừng chải đầu. "Anh nghĩ vậy hả?"

Jim mỉm cười, lấy cái lược từ tay Lan và ôm nàng. "Chúng mình cùng nghe nhạc. Chàng đặt một tape nhạc opera chọn lọc từ Puccini đã làm cho chàng cảm thấy một hỗn hợp hào hứng và quặn buồn. Lan cũng trở nên thích Puccini, một mới lạ đối với nàng. Âm nhạc làm dịu ánh mắt và tươi vui nét môi nàng.

Rồi đến tape nhạc tình ca Việt Nam, chậm, buồn, lãng mạn. Họ nhảy, không giầy. Jim quên không biết họ đã nhảy trong bao lâu cho đến bản nhạc cuối cùng. Hôn tóc trên vàng trán nàng, chàng nói, "Em có nhớ lần chúng mình đã nhảy Rock & Roll không? Thật là một đêm vui nhỉ!"

Đó là lần sau buổi hẹn hò đầu tiên của họ và chỉ lần đó, tại hộp đêm. Sau khi cố gắng nhảy theo ban nhạc, Lan và Jim ngồi xuống, ngắm các cô gái mặc *mini-skirts* khiêu vũ với các thanh niên Việt Nam biểu diễn những bước hay nhất của họ cho giống Elvis Presley. Bây giờ, những tiệm nhảy,

những hộp đêm như vậy đã bị nghiêm chỉnh đóng cửa vì lệnh của chính phủ.

"Chúng mình sẽ trở lại những nơi đó nếu họ được mở cửa trước khi anh đi," nàng đề nghị.

"Ý kiến hay, em."

Nét mặt chàng hiện lên sự hào hứng, vì câu nói của nàng. "Anh trông trẻ như hai mươi tuổi. Anh trẻ hẳn ra khi anh vui," Lan nói và hôn trên cánh mũi chàng, nhanh nhưng đảm thắm, "Anh làm gì ở Đà Nẵng."

"Chẳng có gì nhiều. Rất nhàm chán. Anh nhớ em lắm. Giờ nghiêm tám giờ, và đêm ở khách sạn kéo thật dài vì anh ở khách sạn không có máy lạnh."

"Anh phải làm việc nặng nhọc không?"

"Không." Đó là một thất vọng với công việc đã làm Jim nghĩ rất cuộc chàng không làm được gì ích lợi.

Nhượng đôi lông mày, Lan nói, "Anh hứa cho em quà mà?"

Đúng là chàng đã hứa có quà cho nàng, dù chàng gần như thất vọng mới kiếm được một xấp hàng hấp dẫn cho đến khi nhìn thấy miếng lụa Thái Lan. Jim chạy vào phòng và đem ra món quà. Lan lắc góì đầu, nhưng thay vì lời tiên đoán món gì ở trong, nàng xé giấy bọc. Lan nhìn món hàng màu xanh đậm và không lấy nó ra khỏi hộp. Nàng nói chậm, "Em không có áo màu xanh."

"Anh biết. Anh nghĩ em sẽ đẹp với màu áo này..."

Nét mặt nàng trở lại buồn. "Có lần em đã nói em không mặc màu xanh."

"Em đã nói vậy? Chàng ngạc nhiên nhận thấy rằng còn bao nhiêu điều chàng không biết về nàng."

Lan đứng dậy, cẩn thận cầm tấm lụa và thả nó dài từ trên vai xuống. "Màu xanh luôn luôn là màu em thích nhất?"

"Và?"

"Anh luôn luôn tò mò. Lát nữa em sẽ nói với anh."

Sau một lúc lâu khiêu vũ, họ nghe nhạc Jazz mà nàng mới thích đó thôi, khi tinh thần bắt đầu lắng dịu. Băng nhạc tự động tắt, họ nghe tiếng còi hú báo giờ giới nghiêm -- trực thăng xoáy không gian trên đầu, một tiếng nổ đầu đó vài dặm ngoài thành phố, tiếng đé rền rĩ, tiếng máy truyền tin rè rè của xe Jeep quân cảnh.

Trong khi Jim ôm nàng, Lan vuốt ve những sợi lông quỳn rũ trên cánh tay chàng. Người Việt thuộc giống ít lông trên thân thể, nên để ý về sự nhiều lông của người Mỹ. "Con khỉ của em," Lan khúc khích cười thú vị.

"Hãy cho con khỉ của em biết," Jim nói, "Tại sao em quyết định ngưng mặc áo xanh?"

"Hừ...m?" Tiếng "hừm" cao vút lên như điệu nhạc thường khi nàng hài lòng.

"Em có lần đã nói không bao giờ mặc màu xanh nữa. Tại sao?"

Lan hít một hơi dài, "Em nóng quá."

Jim cầm tay nàng và dẫn vào phòng ngủ của chàng, phòng độc nhất có máy lạnh trong nhà.

Một lúc sau, khi họ nằm trên giường với ánh đèn đêm. Họ có thể nhìn thấy nhau trong khi nói chuyện, nàng trở lại với câu hỏi của chàng. "Khi em mới gặp chồng em, ông ta không thích màu xanh. Ông ta thích không màu gì cả." Ngậm ngùi với sự hồi tưởng, Lan nói rằng nàng muốn ông chồng tôn trọng màu áo nàng thích, cho tới năm thứ ba kỷ niệm cưới, ông ta mua cho nàng ba hàng lụa với ba màu xanh nhạt nhạt hơi khác nhau, đủ may ba cái áo dài. Thế rồi một ngày gần sau đó, Lan có dịp trông thấy chồng nàng đi vào một tiệm ăn với một cô gái trong bộ váy màu xanh chói lọi, Lan giải thích với nụ cười khinh mạn. Hôm sau nàng được biết cô gái đó là tình nhân của ông chồng. Lan vứt đi hết tất cả các áo màu xanh của nàng. Một thời gian ngắn sau đó, chồng nàng bỏ đi chung sống với cô gái đó.

Hai lần hòa giải không thành, Lan tìm luật sư làm đơn ly dị, đã làm cho mẹ nàng kinh ngạc. Lan thường cảm thấy cô đơn, buồn phiền, nhưng đêm đó nàng đã nhấn mạnh rằng nàng không trở lại với ông chồng, một nhân

viên dân sự vẫn giúp nuôi các con của họ.

"Khi nào là lần cuối cùng ông ta về nhà?" Jim hỏi.

"Chiều Chủ nhật trước, khi em ở đây với anh?"

Một hai lần Lan có ý giỡn mời chàng đến nhà gặp các con nàng, nhưng nàng khiếp đảm sự chỉ trích của hàng xóm.

Tuy vậy, sự thận trọng không bảo vệ được tội lỗi gần đây đã mọc lên trong nàng. Lan đã diễn đạt cảm tưởng của nàng bằng nhiều cách khác nhau đêm đó. "Anh biết đấy," nàng nói, với giọng điệu của Jim, vì nàng đã học được câu đó từ chàng, "Vài người Mỹ ở gần nhà em, và thường có những cô gái Việt tới lui bằng taxi, rồi rời sau vài giờ sau cũng bằng taxi. Họ là "bar girls." Lan sợ rằng những sự thăm viếng của nàng có thể bị nghi giống như họ. "Em sẽ không bao giờ đến đây bằng taxi nữa." Nàng nhấn mạnh.

"Anh sẽ thuê xe. Anh sẽ đến đón em trước ngôi chùa gần nhà em."

"No," Lan cao giọng trả lời chứng tỏ ý định của chàng không giải quyết được vấn đề gì cả.

Jim cố gắng nghĩ điều gì vững chắc để nói, nhưng thay vì thế, chàng ôm nàng sát vào người, không nói được gì. Như vẫn thường, Lan mềm người trong vòng tay của chàng. Lan hôn ngực chàng, và nói, "Con khỉ của em."

Thế rồi, với giọng cổ thấp nằng nịu, "Anh sẽ trở về Mỹ trong hai tháng nữa phải không?"

"Đúng vậy, Jim ngập ngừng. Họp đồng của anh hết như em biết."

Nàng nhận thấy trường hợp của chàng rất ít hy vọng. "Nhưng anh có thể tìm việc với hãng khác. Nhiều hãng Mỹ ở đây."

"Có thể sau này. Nhưng anh muốn về gặp gia đình."

"Anh yêu gia đình?" Đó chỉ thuần là một câu nói, không phải là câu hỏi.

"Anh yêu em hơn."

Lan xoay hướng nằm để mắt họ có thể đối chiếu nhau. "Anh không nói thật." Khi Jim nhìn đi chỗ khác, nàng thêm, "Em cố gắng quên anh, nhưng em không thể." Nàng khịt khịt mũi.

Câu nói chàng biểu lộ trước đó không đủ chứng minh tình cảm thẳng thắn của chàng với nàng, một bông hoa mong manh. Lan muốn được nghe thêm nữa, muốn được biết chắc chắn Jim sẽ giữ nàng làm của riêng, không chỉ trong hai tháng, mà nhiều, nhiều tháng nữa. Nhưng Jim không thể nói gì thêm được.

Nàng lại khịt mũi và quay lưng vào Jim. Jim lướt môi hôn lên làn tóc của Lan và nắm nhẹ đôi tay nàng. Chàng yên lặng ngắm nàng và nghe hơi thở của nàng thật lâu cho đến khi nàng thiếp ngủ.

Jim mơ hồ nghe tiếng nổ lịch kịch của máy lạnh khi ngừng khi chạy. Căn phòng tối và hơi ẩm thấp. Hé nhìn đồng hồ tay: đã ba giờ sáng. Chàng rửa người thợ tuần trước đã đến sửa cái máy lạnh.

Jim cẩn thận nhích ra khỏi cạnh giường. Lan vẫn nằm ngủ sấp bụng.

Không khí phòng khách và sân thượng nặng nề với cái nóng ẩm ướt của gió nồm. Jim rót cho chàng một ly Scotch, mong rằng nó sẽ giúp chàng ngủ. Chàng mở radio và nhận thấy rằng đã trượt nghe mục tin tức mới nhất, chàng tắt phụt radio và đắm chìm trong đêm.

Luôn luôn, khi đêm khuya, chàng ngồi đây uống rượu như thế này, nhìn về chân trời hướng bắc, nơi Lan ở và lo âu không biết nàng ra sao. Jim buồn khổ vì sự vắng mặt của nàng. Bây giờ, với nàng đang ở đây, chàng cũng cảm thấy buồn lo cho tương lai không dễ dàng của nàng và của chàng.

Jim không biết đời sống của họ sẽ ra sao nếu họ cưới nhau. Chàng không chắc chắn – Đã một lần chàng chắc chắn về trường hợp với vợ chàng - nhưng bản năng cho chàng cảm thấy rằng Jim và Lan có thể hạnh phúc lâu dài trên phương diện căn bản. Tuy nhiên, vô ích để suy đoán. Lan đã có gia đình, Jim cũng vậy, dù rằng cuộc hôn nhân của chàng cũng chẳng vững chắc hơn của nàng. Tuy nhiên, Jim chưa sẵn sàng sống ở đây lâu hơn chỉ

trên căn bản tình cảm hai người có cho nhau. Để có hạnh phúc, Jim cần được hài lòng với công việc, mà chàng thì chưa. Một chuyến trở về Mỹ là lý do Jim muốn có thời gian suy xét về chính gia đình chàng, và hơn hết là tìm việc làm khác.

Lan có lần trách chàng "xấu hổ" về nàng. Nhưng điều đó không đúng. Trái lại, Jim cảm thấy hãnh diện về nàng và hãnh diện về chính mình nữa bởi vì Lan yêu chàng. Nhưng Jim cần thêm thời gian, phần vì chàng chưa chắc chắn tình cảm của Lan với chàng sẽ kéo dài bao lâu...

Về phía nam, ba hỏa châu thấp sáng bầu trời, và ném những cái bóng xuống khắp sân thượng. Kết quả một, hai, ba, bốn tiếng nổ từ xa rung chuyển tới, lay động cánh cửa hành lang. Rồi tất cả im lặng cho tới khi tiếng chó sủa dữ dội.

Jim vòng tay qua đầu gối để làm gối cho đầu. Những đêm như vậy chàng thường gọi lớn tên Lan. Bây giờ chàng nghe tên chàng, với phát âm của nàng: "Jim? Jim?" Quán người trong cái áo choàng bằng vải khăn bông tím màu trắng của Jim, thân hình nàng trông rất dễ thương. Cười thành tiếng, chàng với tay kéo nàng ngồi lên đùi. Còn ngái ngủ, nàng ôm chàng. "Sao anh không ngủ?" nàng hỏi và ngáp nhẹ "Hư...m?"

"Anh nghĩ về em."

Nàng hôn chàng nhanh và đứng dậy. "Đi ngủ. Sáng mai hãy nghĩ về em, hư...m?"

Jim làm bầm đồng ý, và Lan kéo Jim trở lại giường. Trước khi rơi vào giấc ngủ trở lại, Lan thì thầm, "Con khi của em. Em nhớ anh thật nhiều khi anh không có đây."

Sáng ra Jim thức dậy với đôi mắt của Lan cười với chàng. Chồng người trên một khuỷu tay, nàng lùa tay kia với những ngón tay nhỏ vào ngực chàng. "Dậy đi anh. Sau bây giờ rồi."

Nắng sớm lùa trên khăn trải giường màu xanh. Chàng tung nó lên và mở radio như thường lệ vẫn làm, giúp chàng tỉnh ngủ. Khi tắt gọi, cạo râu xong, Jim vẫn thấy nàng trong giường, và quay mặt đi.

"Em còn buồn ngủ ư?" chàng vừa hỏi vừa tìm áo mặc.

Lan không trả lời.

"Anh sẽ để em xuống sở bằng taxi nhé?"

Bây giờ đầu nàng vui trong gối. Ngồi xuống bên cạnh nàng, Jim thì thầm, "Lan, Lan," và nhẹ nhàng xoay mặt nàng về phía chàng. Lan giữ mắt khép, nhưng không giấu và gạt đi những giọt lệ.

Một người bạn của Jim có lần triết lý về đàn bà rằng "Bạn phải cương quyết cứng mũi với họ, bạn nhất quyết phải." Nhưng Jim không thể cứng mũi với một sinh vật yếu mềm và sần muện đã luôn luôn đem lại niềm vui tràn đầy cho chàng. Jim cúi xuống hôn nàng và nói, "Anh yêu em, Lan, Lan, và anh không bao giờ quên em."

Lan lại quay mặt vào tường, xích ra xa chàng. Jim chỉ thấy mái tóc xõa dài của nàng. "Đừng, anh đừng an ủi em."

Với lòng thương xót, Jim nhắm mắt hôn lên tóc và hôn lên gáy nàng, "Lan, anh yêu em, anh yêu em."

Nàng nhấn mạnh lời. "Em không cần tình yêu của anh. Em không muốn giữ nó."

Lan thường có sự mâu thuẫn, nhưng chưa bao giờ đến độ tiêu cực như bây giờ. Jim muốn cam đoan với nàng, nhưng hiểu rằng không lời nào chàng thốt ra mà Lan sẽ không nghĩ là giả dối.

Một ý nghĩ chợt tới, chàng có thể kéo dài hợp đồng sáu tháng nữa, tất cả là tám tháng, nhưng ý kiến này chỉ nhất thời, nếu chàng đưa nó ra bây giờ, Lan có thể tin chắc chắn ngay. Jim muốn có thời giờ suy nghĩ, hơn nữa, sau ba ngày nghỉ, chàng phải vào sở đã.

Jim hỏi, "Em có phải đi làm sáng nay không?"

"Không, em sẽ về nhà sau khi anh đi làm."

"Em hãy ở lại đến 10 giờ. Nghỉ ngơi. Anh sẽ trở lại - anh phải nói chuyện nhiều với em - và anh sẽ lấy xe lái em về nhà sau đó."

Trong khi nhấp chén cà phê nóng, chàng bảo bà Ba làm trà cho Lan. Rồi chàng chạy nhanh xuống thang, nóng lòng vẫy chờ taxi độ vài ba phút và quyết định đi bộ sáu quãng đường tới sở. Tại văn phòng chàng tìm thư của vợ (như thường lệ, không có cái nào), đọc thư từ trong văn phòng, chàng bảo thư ký thay đổi mấy cái hẹn sáng hôm đó, và hỏi mượn người bạn đồng sự cái xe Volkswagen màu đỏ trong một hay hai

giờ. Jim bị vấn đề mở khóa cửa và động cơ xe, vấn đề xe Volkswagen không có tay lái tự động, vấn đề hai lần giao thông kẹt cứng, cả vấn đề mở cửa căn cứ xá của chàng, mà Bà Ba phải đẩy ra khi chàng nhào vào.

Lan đã đi rồi. Jim tưởng như đã rời căn cứ xá một thời gian lâu lắm, nhưng chàng nhìn đồng hồ tay thì mới độ hơn một giờ. Lan vừa rời khỏi, Bà Ba nói tiếng Pháp rời rạc với dấu hiệu. Chỉ vài phút cũng làm nên sự khác biệt và Jim tự trách đã làm mất tất cả.

Trên bàn trang điểm trong phòng ngủ có một miếng giấy viết bằng bút mực, với nhiều chữ gạch xóa.

"Dear Jim," dòng chữ bắt đầu một cách lạnh nhạt. Thường thường nàng viết "Anh yêu."

"Em nghĩ rằng anh hiểu sự buồn rầu của em. Em không muốn rời anh. Nhưng em phải rời anh ngay tự bây giờ, và không bao giờ trở lại. Nếu em gặp lại anh, em sẽ buồn khổ nhiều để khi anh đi rồi, em càng buồn khổ hơn nữa. Em muốn chấm dứt sự buồn khổ tự bây giờ. Xin đừng nói anh yêu em."

"Anh biết địa chỉ của em. Anh có thể đến nhà em trước khi anh trở về U.S. và lấy lại hai cuốn tiểu thuyết tiếng Anh. Chị của em bảo em hãy nghỉ việc ở Tòa Đại Sứ, và em đã xin nghỉ. -- Lan."

Ngồi trên giường chưa được dọn, Jim đọc lại lá thư, rồi đặt nó xuống cái gối còn ướt nước mắt mà Lan đã khóc trong lúc buồn. Nàng đã đem theo xấp lụa Thái Lan màu xanh và một món quà cũ Jim đã tặng nàng, một đôi dép đi trong nhà mà nàng đã giữ trong

phòng chàng. Tỉnh thoảng, sau khi nàng ra về, Jim tìm thấy vài vật nhỏ của nàng, một cái kẹp tóc, một cái lược, cái gương nhỏ để ví. Nhưng bây giờ chẳng còn gì. Một nỗi trống vắng khủng khiếp dâng lên trong chàng, làm xung tấy cái ý nghĩ rằng Lan cũng đang buồn khổ như chàng trong lúc này. Jim chưa bao giờ, nhưng bây giờ chàng ước mong Lan nhìn thấy chàng khóc.

Tối đó Jim định tìm cách đến nhà nàng lấy hai cuốn sách. Nhưng chàng đã không đến. Jim định viết thư cho vợ. Nhưng chàng không thể. Ngày hôm sau, chàng gọi tới văn phòng Lan tại Tòa Đại Sứ. Lan không có đó; đúng là nàng đã thôi việc.

Một buổi chiều thứ bảy oi bức mấy tuần sau, Jim nhìn thấy một phụ nữ trong áo dài màu xanh từ một cửa tiệm bên kia đường phố. Cô ta trông giống Lan, nhưng chàng không chắc chắn; đám đông bên hè đối diện che lấp tầm mắt. Jim ngập ngừng. Rồi chàng tiếp tục đi thẳng không quay nhìn lại.

(1970)

BOB SENSER

Chú thích của người dịch:

(1) Tác giả chưa hiểu phụ nữ Việt vẫn e dè và kín đáo, không muốn mọi người để ý và chỉ trích họ có bạn trai nhất là bạn trai Âu Mỹ.



Thu Paris



khi anh hôn em lần đầu
môi em mật ngọt nghìn sau
khi anh hôn em lần sau
môi em nguyên vẹn lần đầu

sông Seine một ngày mưa nhẹ
ô vàng lộng đỏ đón đưa
phố dăm ba người ga đợi
có mấy đôi đầu hôn mưa

em ngoan như bồ câu nhỏ
ngồi nghe chuông thánh nhà thờ
trống mưa có hai đũa nhỏ
hôn nhau hôn ra lời thơ

rủ em ra ngồi quán rượu
ly đầy sóng sánh rượu nho
mở lòng cho tim máu đỏ
rỏ từng giọt thơ thơm tho

quán vắng nên tình mệnh mỏng
chúng mình ngồi yên trong góc
nhấp mẩu bánh mì tan giòn
ở trong môi em môi anh

hiên ngoài bụi giăng gió vào
quán ngồi nhạc lên xôn xao
bỗng dựng mơ làm thi sĩ
để em được là người thơ

ơ hay chiều nay Paris
vàng rơi vàng rơi phiến đá
công viên tượng trắng phai mờ
có ai đứng chờ như mơ

nghe không thăm thì chuyện trò
mùa thu và em quyến rũ
mùa thu và anh lặng thinh
và mưa tự tình xưa cũ

rồi anh sẽ đưa em về
qua ngõ sông Seine lạnh tê
dường như thu đang nức nở
khi tóc em đầy ngõ về

đôi đầu che chung manteau
hôn em lần cuối đại khờ
hôn em mùa thu lặn đạn
có tiếng buồn rơi trên sông

Phạm Quang Trung

Họ:

Nhớ

*Anh nhớ mãi thuở ban đầu
Như nhớ những tháng ngày sau
Anh nhớ những thời gian sau
Như nhớ giây phút ban đầu.*

*Anh nhớ nụ hôn phớt nhẹ
Nhớ đôi mắt em đong đưa*

Nhớ lúc anh nhắm mắt đợi
Em khe khẽ cầu trời mưa.

Này người yêu anh bé nhỏ
Có nhớ quỳ trước bàn thờ
Trong ngôi giáo đường nhỏ nhỏ
Mình ước đời đẹp như thơ

Nhớ lúc cùng nâng ly rượu
Sóng sánh dâng mùi, vị nho
Những giọt rượu trắng, hồng, đỏ
Như môi em, ngọt, thơm tho

Cuộc tình ta cứ mênh mông
Trôi qua muôn vàn ngõ, góc
Như trong tiếng pháo nổ giòn
Đón em vào cõi đời anh

Vườn yêu ta cùng bước vào
Thanh âm hạnh phúc lao xao
Tưởng như bao nhiêu nghệ sĩ
Đồng thanh hát tặng bài thơ.

Nhớ ngày nào đến Paris
Hai đứa công viên ghé đá
Sông Seine còn phủ sương mờ
Mình tay trong tay dệt mơ

Nhớ biết bao tuổi học trò
Ánh mắt em buồn ủ rũ
Giữa hàng phượng đỏ làm thình
Hè rồi, năm học đã cũ

Thôi đón em tan trường về
Nắng gắt, mà lòng tái tê
Tiếng ve sầu như nước nở
Hết đón em tan trường về

Quá khứ từng chút điêm tô
Bằng những vệt sơn đại khờ
Mấy chục năm như giấc mộng
Niềm vui lấp lánh ngoài song.

Mùi Quý Bồng - 10/22/2020

THU SANG

Hạt mưa hôn nhẹ lá vàng
Ô hay chiếc lá ngỡ ngang bay đi
Giọt mưa vẫn cứ thềm thì
Tĩ tê ray rút chuyện gì thu sang
Trời ơi sao lắm bề bàng
Đời nay ở cõi nhân gian khôn lường.

PHAN KHÂM – 11/2020



CỨ VUI CHO HẾT CUỘC ĐỜI NÀY

(gửi N.T.Y)

Này người bạn hãy quên đi tất cả
Đừng hận đời dù đời có buồn thêm
Có gì đâu mà ôm mãi ưu phiền
Bạn cũng biết con người tính hơn thiệt

Muốn trời xanh phải chờ mây tan hết
Sau cơn mưa trời lại sáng kia mà
Có hôm nay là tích lũy hôm qua
Đâu có phải tự nhiên mà ta có

Bạn đã biết cuộc đời là bể khổ
Vì tình thương chưa đủ sự công bằng
Đừng làm điều sai trái phải ăn năn
Đời hư ảo muôn đời là hư ảo

Ta hãy sống và làm điều vương đạo
Một đời người cũng chỉ mấy mươi năm
Danh lợi bon chen sân hận lỗi lầm
Khấp mọi chốn mọi nơi đều có cả

Xin hãy nhớ những điều không xa lạ
Khấp đó đây kêu gọi tiếng nhân từ
Tình cho đi là một chút suy tư
Nhưng chia sẻ vẫn còn nhiều dấu hỏi

Có nhiều lúc cuộc đời đầy tăm tối
Cũng đừng buồn quá độ - gắng lên thôi
Kiếp nhân sinh phải chịu khổ đau rồi
Dù đời sống là niềm vui có thật

Chữ nhân nghĩa nhắc ta lòng son sắt
Làm quân vương
cũng chẳng phải muôn đời
Hay vàng son cũng chỉ tạm bợ thôi
Bạn đã biết tình thương là cao quý

Rồi mai một ta trở về nguyên thủy
Rồi thành mưa rồi thành gió thành mây
Cứ vui lên cho hết cuộc đời này
Trong đời sống
đừng bao giờ nhu nhược

Khi vấp ngã đứng lên và tiến bước
Hãy uống vào từng ngụm ánh mặt trời
Cổ cất lên từng tiếng hát lời vui
Trời nắng mãi cũng có ngày mưa hạ

Bạn đừng sợ khi mình gặp tai hoạ
Từ thế nhân đối xử chẳng thuận hoà
Dù người đời chưa hiểu thấu lòng ta
Đem nhân ái bao dung mà tha thứ

Niềm vui ấy cứ coi như đã đủ
Hãy nhìn nhau bằng ánh mắt nụ cười
Ta đối tình bằng hữu với nhau thôi
Tình yêu vẫn muôn đời là cao cả

Là con người chứ phải đâu gỗ đá
Có tình thương và biết quý yêu người
Vì đời người ngắn ngủi lắm bạn ơi
Chẳng mấy chốc hoá thân về cõi khác.

Hoa Văn



TĨA THỦY TIÊN, THÚ CHƠI TAO NHÃ NGÀY TẾT

** tác giả: **Thu Lê** **

Hồi mới di cư sang Hoa Kỳ năm 75 còn mang nặng cả một trời quá khứ, khi cùng chồng con sửa soạn cho cái tết tha hương đầu tiên, tôi cắm cội ngồi vẽ trên bìa cứng mấy hình hoa đào, mai, cúc và hoa thủy tiên rồi dán trên tường gần bàn ăn trong căn apartment nhỏ của chúng tôi ở Ventura. Thêm một hình vẽ quả dưa hấu “xanh vỏ đỏ lòng” mà đứa con gái 9 tuổi của tôi vẽ lại đề tài thi vẽ lúc cháu thi đậu vào trường tiểu học Lê Quý Đôn VN mấy năm trước. Tôi có dịp nói về hoa thủy tiên của miền bắc với các con tôi và vài bạn người miền nam. Thực ra chỉ nhắc lại chuyện các cụ ngày xưa coi việc tĩa thủy tiên cho ngày tết là một thú vui tao nhã chứ không biết chi tiết cách tĩa thủy tiên thế nào.

Sau gần 20 năm ở Mỹ chúng tôi sống xa cộng đồng Việt, chỉ đến khi về hưu dọn nhà đến vùng thị tứ, tôi mới có dịp nhìn thấy củ thủy tiên ở vài chợ Á châu. Tôi cũng gặp lại một người bạn thuở nhỏ thuở còn học tiểu học ở Hải Phòng. Thế là từ đó cùng các bạn quanh vùng bắt đầu học hỏi về cách tĩa thủy tiên. Sau rồi thành lệ cứ dành thì giờ cuối năm khoảng hơn một tháng cho thú vui này.

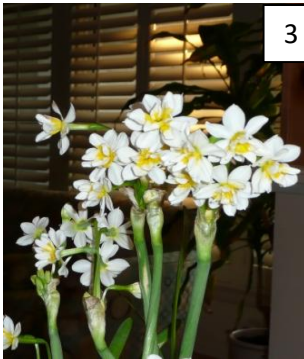


Năm nay với những ngày ‘cám cung’ vì dịch Covid-19, tôi mới nghĩ đến việc ngồi xuống viết về “Tĩa Thủy Tiên”

để chia sẻ với bạn bè thân hữu ở xa những kinh nghiệm và hiểu biết (có thể chỉ là căn bản) về thủy tiên. Lý tưởng nhất là có một buổi họp mặt để “hands-on” như lớp làm hoa hay nấu bếp... Nhưng tôi xin cố gắng trình bày thật giản dị, hy vọng các bạn có thể theo dõi được mà không nản và cuối năm nay có thêm một giải trí, cũng để giết thì giờ nếu vẫn còn phải “trấn thủ lưu đồn” vì thời đại dịch.

Hoa thủy tiên (tên khoa học là narcissus) có nhiều loại và nhiều màu trắng, vàng, hồng, tím, cùng một họ với hành tỏi và chắc chắn họ hàng với daffodils của Mỹ (*hình 1*). Nhưng hoa thủy tiên người Việt ưa chuộng và hay tĩa vào ngày tết là loại có một lượt cánh trắng muốt mềm mại xếp tròn như cái đĩa và nhị vàng ở giữa trông hệt như 1

cái chén nên người ta hay tả bông thủy tiên như là “chén vàng đĩa bạc” hay “chén ngọc đĩa ngà”. Nhìn hoa này có một lượt cánh gọi là hoa đơn (*hình 2*) thì thấy chén vàng đĩa bạc rõ ràng còn hoa kép (*hình 3*) thì có nhiều lượt cánh tụ vào nhau chen lẫn với ít nhị màu vàng nhạt.



Thủy tiên có thể mọc tự nhiên trong đất thành từng khóm, hoa trắng nhị vàng lá xanh xum xuê mọc cao và thẳng, cũng có thể trồng củ ngập rễ thêm ít hòn sỏi, hoa lá vẫn tốt lại khỏe chỉ có khác là cành lá và chùm hoa mọc cao và thẳng.

Một chậu thủy tiên được tĩa từ củ cho chúng ta một cảm nhận khác. Trong một không gian nhỏ ở góc phòng khách hay góc bàn, chúng ta có một chậu thủy tiên có 3 màu nổi bật nhưng không sặc sỡ, hình dáng hài hòa: màu xanh tươi đầy hy vọng của lá, màu trắng tinh khiết thanh nhã của hoa, nhị màu vàng huy hoàng của sự thành công, và vẻ mềm mại của rễ như mây, như làn tóc người đẹp... tất cả được trình bày xếp đặt một cách tự nhiên nhưng không phần trang trọng và hương thơm tỏa ra trong không gian nhẹ nhàng thanh thoát khiến mình phải chú ý nhìn quanh kiếm tìm khi bước vào phòng. Chỉ khi nào đứng thật gần, dí mũi vào bông hoa mới thấy hương ngào ngạt.

Thủy tiên là loại hoa cao sang và quý phái. Từ lúc ngâm củ, cắt tĩa, lột vỏ cho đến lúc nhìn thấy giò hoa và lá non, rồi ngâm rửa và thay nước hàng ngày, tiếp tục cắt sén điểm trang, uốn cành uốn lá cho đến lúc giò hoa lớn và chùm hoa hé nở - là cả một công trình.

Thủy tiên là một loại hoa khó tính, rất cần được săn sóc và rất thích nước (chắc vì vậy mới có tên thủy tiên) Không đủ lòng yêu hoa, để quên củ đã

tỉa ở một góc nhà mà không thay nước hay tắm gội kỹ càng là củ sẽ thâm, vàng, và èo uột ngay.

Mua củ và chọn củ:

Cứ vào đầu tháng 11 âm lịch là có thể điện thoại hỏi các vườn cây Á Châu xem có củ thủy tiên chưa nếu muốn mua nhiều và mua cả thùng. Phải gần tết mới thấy thùng thủy tiên bán lẻ để ở cửa chợ hay tiệm hoa, giá khoảng \$3-\$4 một củ và chỉ là củ bình thường chứ không phải là thứ thật tốt. Tôi thấy những củ TT ở VN (*hình 4*) được nhập cảng từ Trung Quốc trông rất già, màu nâu sẫm như còn dính đất rất khô. Củ TT tôi mua được ở các vườn cây tại California (*hình 5*) thì phẩm chất không được bằng, củ không được già lắm và hình thù méo mó không đẹp hoặc có nhiều nhánh quá.

Củ thủy tiên trông giống như củ hành tây có một nhánh chính ở giữa to hơn cả và các nhánh nhỏ dính hai bên. Muốn được hoa đẹp, khỏe và mọc nhiều rễ phải chọn củ già, các nhánh tròn to và đều, không nhiều nhánh quá, 5 hoặc 6 nhánh là vừa tốt và xòe ra như bàn tay, các nhánh không chồng lên nhau hay méo mó rất khó cắt tỉa nhánh lớn đứng đằng sau.

Củ già thì bên trong mỗi nhánh sẽ có “giò hoa” hay bao hoa lớn. Củ non và nhiều nhánh nhỏ thì hay bị lép, không thấy giò mà chỉ cho lá. Vậy không nên chọn củ nhiều nhánh quá hay méo mó,



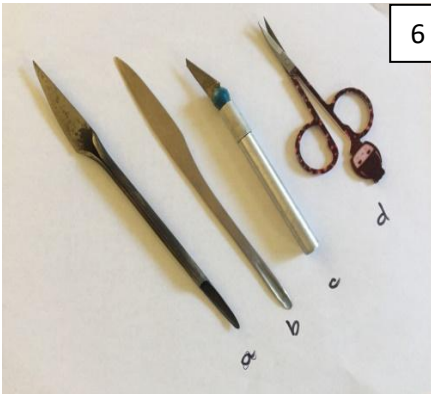
không có dáng đẹp, tỉa ra thì yếu chẳng khác gì như nhà nghèo nuôi đông con không đủ đồ ăn chất bổ....! Khi gặp củ như thế thì để cho dễ cắt nhánh lớn phía sau, phải vứt bỏ bớt nhánh nhỏ phía trước (mà có thể là lép, không có giò!)

Dụng cụ để tỉa hoa thủy tiên: (*hình 6*)

- 1 con dao đầu nhọn, phần đuôi hơi cong lòng máng (a hay b)
- 1 cái kéo nhỏ để cắt lá và ‘dọn dẹp’ các phần vỏ hay lá còn vướng vào kẽ của củ, hoặc để cắt phần vỏ nâu đen xấu xí ở phía trước và phía đằng sau của củ (d)

Cẩn thận thêm 1 cái gấp (tweezers) để gấp những mẫu vỏ vụn trong các kẽ và một cây cọ nhỏ cùng mấy cục bông gòn hay Q-tips để len vào các kẽ cọ rửa.

Mấy năm trước các con dao loại này (a,b) có bán ở các vườn cây Nhật và Trung Hoa, sau này không thấy nữa và tôi biết có người nhờ mua hay đặt mua nhiều ở Hà nội giá rất rẻ. Ở đây các bạn tôi có người dùng dao cắt tỉa rau quả, cà rốt củ cải để trang hoàng đồ ăn tiệc tùng. Nguyên hộp dao của Nhật cả chục lưỡi dao có thể thay đổi cắm vào cán (c). Tôi cũng nghe nói có thể dùng loại X-acto knife để tỉa.



Quá trình cắt tỉa:

a) Củ mua về ngâm nước lạnh, đổ ngập nước, lấy khăn giấy gấp lại để trên mặt đê củ cho nặng chìm xuống chứ không nổi lên trên mặt nước. Củ ngâm nước 2 hôm thì dễ tỉa hơn vì củ có nở ra và mình dễ nhìn thấy giò hoa lộ ra. Nhưng khi củ nở ra

và mềm hơn thì cũng dễ để con dao đầu nhọn làm tổn thương người đẹp (giò hoa) nghĩa là dao cắt vào cũng dễ quá đà, dễ “phạm” giò. Một khi giò hay bao hoa bị vết cắt hay cứa vào thì sẽ yếu, sẽ èo uột, có thể ủng, và hỏng luôn không nở được. Phải rất cẩn thận nhẹ nhàng, kiên nhẫn, không quá tay hay nặng tay khó tránh được nỗi đau “giết người trong mộng”!

Củ ngâm 2 ngày rồi, lấy ra bóc 1, 2 lượt vỏ nâu khô xấu xí ở ngoài phía trước và sau cho đến khi có một củ hành trơn tru trắng bóng. Dùng dao cạo hết phần đen hay rễ khô dưới đáy (hình 7)



(b) Bắt đầu lột các lớp vỏ của nhánh giữa bằng cách dùng đầu nhọn của dao vạch mạnh 1 đường ngang cách đáy (phần rễ) chừng 1cm và 2 đường cong bên cạnh lượn theo bề rộng của củ gần đến đầu mũi nhọn ở trên. Bạn đang có 1 nửa hình củ hành to nhỏ tùy theo nhánh. Dùng phần lòng máng của dao bóc từng lượt vỏ của nhánh theo chu vi đường đã khía đó, cuối cùng phần vỏ bị lóc ra lốm xuống gần một nửa bề mặt của nhánh củ và chúng ta

thấy giò hoa lộ ra trông như chiếc thuyền dựng đứng. Lúc này phải rất cẩn thận không để đầu mũi dao cắt phải giò hoa. (Hình 8 & 9)



Giò hoa hình cái thuyền dựng có cuống ngắn chừng gần 1/2 cm đi xuống tận dưới thêm (dày 1cm đã cắt từ trước) và tiếp xúc với đáy cũng là phần rễ. Tiếp tục cắt và lột vỏ các nhánh bên cạnh và cuối cùng chúng ta có một củ thủy tiên trông như củ hành tây bị cắt non nửa phần bề mặt để lộ ra 5, 6 giò hoa như thế này (hình 10). Không quên “vặt” gần phần trên từ đầu nhọn của củ đi xuống đến chỗ lòng chảo đã cắt rồi để tất cả có cùng một mặt phẳng.



(c) Giò hoa lộ ra có phần cuống ngắn độ 1/2 cm, đi thẳng xuống thêm dày 1 cm thì bạn có thể thấy một hạt tròn nhỏ. Lấy đầu dao cà nhẹ vào hạt tròn đó, đã thương nó một tý, chắc là làm giảm đi một chút nhựa nuôi cây để cây không lớn tự do được mà lùn đi hay nhỏ lại. Tôi không biết làm cây bonsai như thế nào nhưng tôi chắc cũng cùng một nguyên tắc nghĩa là giảm chất nhựa nuôi cây để cây không lớn. Nếu không đụng gì tới phần cuống này thì hoa sẽ mọc tự do, cao và dài như cây hành, thẳng như cái đũa như đám hoa trồng TT trồng dưới đất và lại cho mình một niềm vui khác. Đả vào phần cuối của giò sẽ cho ta một loại bonsai. Có thể dùng dao cà nhẹ 1 chút vào phía bên phải của phần cuống (sau này cành hoa sẽ cong về bên phải), cà nhẹ vào phía cuống bên trái và hơi chéch lên cao hay thấp hơn bên kia 1 tí (là cành sẽ lại cong về phía trái).

Nhưng không phải lúc nào cũng nhìn thấy cái hạt tròn phía dưới vì có khi nó bị dầu trong thêm 1 cm mà mình đã tạo lúc đầu. Vì vậy, để có thể ‘đả’ cái cuống gốc mà mình không nhìn thấy, xin bật mí một bí quyết: dùng kim tây (safety pin) châm 1, 2 cái vào phần gốc đó, theo tôi là một cách ‘đả thương’ gọn gàng, có hệ thống và an toàn để làm cho hoa thấp đi mà không quá tay cà mất hết cái hạt tròn phía dưới đem chất bổ cho hoa.

Tỉa lá:

Tách nhẹ nhàng từng lá (sau này mọc dài như lưỡi kiếm) chạy từ đỉnh nhọn của nhánh xuống. Cách đỉnh 1 cm, bắt đầu lượn con dao vào trong 1/3 hay 1/2 bề rộng của lá tùy theo rộng hẹp, lượn con dao đi xuống đến khoảng 1/2 chiều cao của cả lá (hay nhánh) thì lượn ra ngoài giống như mình may hẹp lại đường cong của áo quần. Phần mép lá bị gọt sẽ làm cho lá cong vào phía trong.

Ngâm rửa thủy tiên:

Cắt tỉa xong xuôi thì để vòi nước máy nhỏ trong sink chảy qua rửa củ cho thật sạch, có thể dùng khăn giấy hay bông gòn cọ rửa rồi úp mặt cắt của củ vào chậu nước sạch, nước lọc là tốt nhất, nhớ để bông gòn hay khăn giấy towel lên trên mặt cho củ ngập nước (hình 11). Ngày hôm sau đem ra rửa và thay và ngâm nước nữa. Hai ngày đầu ngâm nước sẽ thấy củ TT ra rất nhiều nhựa, có khi đặc quánh vào như gel phải dùng móng tay cào bớt ra rồi mới dùng cọ, Q-tip hay bông gòn chà nhẹ vào các ngõ ngách của củ vừa tỉa. Nếu rửa không kỹ thì củ không sạch nhựa và các đường cắt sẽ thâm vàng chứ không “trong ngọc trắng ngà”. Ngày thứ 3, để củ vào bát (to nhỏ tùy theo củ) ngửa mặt đã cắt lên trên hay dựng củ thẳng đứng. Đổ nước lọc cho ngập hết phần rễ và phần thềm (cao 1 cm đã cắt lúc đầu) ngập trên phần cuống bao

hoa một chút. Nếu cần thì dùng bông gòn thấm nước phủ vào giữa càng tốt để phần cắt khỏi bị thâm nếu nhô nên khỏi mặt nước (hình 12)



Thay nước sạch mỗi ngày, tiếp tục cắt xén sửa sang dọn dẹp những đầu lá héo, vỏ vụn xấu xí đen đũi xung quanh, hay tiếp tục tỉa lá khi nó mọc dài ra, gài lá vào kẽ các củ để uốn lá cong theo ý mình hay tạo dáng hay dẹp đường lá cho giò hoa khỏi bị chèn bị lép mà có chỗ vươn lên (bằng cách chèn những bông gòn ở giữa 2 giò chen nhau hay bị lá lấn át...v.). Chừng 1 tuần sau là bắt đầu thấy lá non xanh và các giò hoa mập lớn dần và rễ trắng cũng mọc. Nếu củ cho nhiều rễ thì nên đổi chậu hay bình để rễ được mọc tự do thoải mái không bị nằm bẹp xuống dưới đáy chậu. Các giò có bao mỏng xung

quanh sẽ từ từ xé ra vào cuối tuần lễ thứ 3.

Tổng cộng từ lúc ngâm củ đến lúc nở hoa là khoảng 21-25 ngày nhưng cũng còn tùy thuộc vào thời tiết và nơi ở. Có lần gặp trời nóng quá thì chỉ 2 tuần là đã thấy hoa và cũng có đôi lần hoa của tôi ỳ ra cả tháng. Phòng có nắng chiếu vào vừa đủ ấm (filtered light) thì tốt nhất và chắc phải khác với phòng nhỏ lạnh và tối tăm. Các vùng gần biển ấm và đủ độ ẩm hơn vùng lục địa hay thung lũng, thì hoa to, khỏe, đẹp và thơm hơn vùng tôi ở ngay thung lũng nóng và khô của LA county.



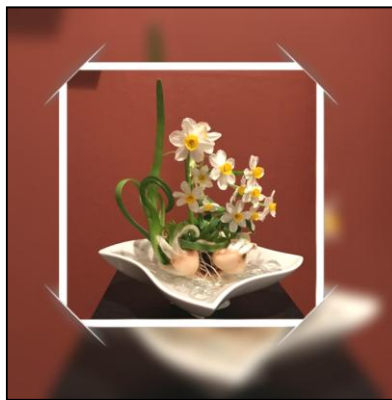
Tóm lại, tía thủy tiên là một công trình tỉ mỉ, chăm sóc hoa như chăm con mọn và nảy sinh tình yêu thương như chăm nuôi một

đứa con, nhìn thấy nó lớn lên từng ngày và thấy vui, hài lòng với thành quả của mình. Tía TT cho tôi thời gian được yên lặng, để lòng lắng xuống cũng như ngồi thiền, được nghỉ ngơi, thấy thoải mái sau những lúc tất bật tang bang running the rat race!! Người tía hoa luyện được tính kiên trì, nhẫn nại, tỉ mỉ,

CT-SỐ 90

có dịp nhắc cho mình phải chậm lại, tĩnh lại, làm để mà làm, chứ không phải là làm cho xong đi để còn làm việc khác. (Cả năm mới có một lần hành nghề nên củ đầu tiên trong tháng 11 tôi thường là mất hơn 1 giờ, sau ôn bài vở nhuần nhuyễn những củ sau có thể mất 45 hay 30 phút).

Công sức bỏ ra trong 3 tuần lễ để có một chậu thủy tiên ngắm trong 7-10 ngày là tối đa thì mình có nên so sánh với việc trồng lan hay hoa gì khác? Tôi chỉ biết nói rằng phải có lòng yêu hoa, yêu cái đẹp, và tình yêu nào cũng có lý lẽ riêng của nó. Nàng tiên áo trắng mong manh kiều mị, không bền như hoa lan lại là điều đáng cho mình nâng nín trân quý.



→ xin xem tiếp ở trang 204

THU LÊ

(viết xong ngày 22 tháng 8, năm Covid 2020)

Lời yêu thương

Em có nghe lời yêu thương của nước
Bồng bênh trôi như ru hát trên sông
Hãy như ta miệt mài trôi đi mãi
Nhẹ cho lòng những ràng buộc như không.

Em có nghe lời yêu thương của sóng
Thật thà vang từ biển cả mênh mông
Hãy ôm lấy như ta ôm bờ cát
Những bờ vai vòng tay ấm cảm thông.

Và em ơi, đây lời thương của lá
Nhẹ nhàng bay như gió mát ngập lòng
Những ưu phiền sẽ rơi rụng cùng ta
Và nhựa sống nảy đơm chồi hy vọng.

Ý Anh



Buổi sáng

Bình minh qua mái nhà đen
Lạnh lùng như màu của đá
Buổi sáng bắt đầu rất lạ
Nghe chim hót tiếng mặn mà.

Sương mù như mây ngoài xa
Lạc loãng màu xanh của lá
Bóng chim gù lên dáng quạ
Bình an đôi cánh hiền hoà.

Ngồi yên nhìn nắng về khơi
Thời gian vẫn chào ngày mới
Ngoài sân cánh hồng đang đợi
Nở thơm buổi sáng gọi mời.

Ý Anh

Yêu Em Tuổi 15

(Tôi đã yêu em từ hôm ấy, cô bé học trò ngoan bên cành hoa Anh Thảo...)

Em vào lớp, ngày đầu tiên áo trắng
Bờ tóc ngoan, cài nhẹ đóa Ngọc Trâm
Mắt ngây thơ như nước sông thâm lặng
Lơ đễnh nhìn
từng đợt lóng lánh thương

Nụ cười hiền giữa vàng thu lá gọi
Tuổi mười lăm tựa con suối Thiên Thần
Bềnh bồng anh ngỡ chừng theo lạc lối
Dòng Cửu Long,
nhịp sóng vỗ mơ màng

Vai em gầy làm anh tương tư nhớ
Mãi hoài mong sách vở đầy trên tay
Chỉ để nhìn mắt em buồn xa vội
Anh cài nhẹ bài thơ lên áo mây

Chiều ước mơ có em bên trời tím
Gió dịu dàng, đẹp nhớ áo bà ba
Ngón tay yếu ngờ chừng gọi xuân đến
Chim Vàm Hồ riu rít hát tình ca

Em trong anh, giấc mơ về khe khẽ
Mở cửa thương để khoác áo thơ hồng
Cánh hoa xinh, em thêu làn Anh Thảo
Trái tim xanh, sười ẩm nốt nhạc nồng

Em có hiểu vắn thơ anh trao gửi
Đêm khuya rồi, em nhắm mắt lại đi
Chiếc hôn mơ
trên vành môi duyên dáng
Ánh trắng về, nhẹ nở đóa tình si.

Trường Đình

UK, sương mù già 2020



+ **Anh Thảo:** Còn gọi là **Ngọc Trâm**, có nhiều sắc màu, trắng đỏ hồng tím vàng, mọc sát đất, có khoảng trên 500 loài khác nhau về cành lá và phím hoa, nguồn gốc từ miền Nam Châu Âu, Châu Phi và các vùng Trung Á. Hoa thường nở rộ vào mỗi độ cuối đông, các búp hoa chỉ hé mở về đêm khi ánh trăng vừa lên, như để báo tin ngọn gió xuân đang diu diu sớm trở về. Vì vậy, hoa Anh Thảo còn gọi là loài hoa báo xuân. Cây Anh Thảo được trồng nhiều ở Đà Lạt và những vùng có khí hậu tương đối mát dịu. Lá cây Anh Thảo hình trái tim xanh thẫm có đốm những làn ánh bạc rất đẹp mắt. Hoa Anh Thảo biểu trưng cho một tình yêu kín đáo, thâm lặng, duyên dáng và khép nép của tuổi dậy thì thiếu nữ. Đóa hoa Ngọc Trâm có thể dùng ngâm rượu, củ dùng xay bột để làm bánh, hạt hoa để ép dầu với công dụng dưỡng da và làm giảm mụn, lá non xanh có thể ăn sống, trộn gỏi hoặc dùng nấu trà để uống.

MÙA ĐÔNG BẮT TẬN

** tác giả: **Trần C. Trí** **
(*Riêng tặng G & N*)



Mỗi lần mùa đông trở về với Cali, tôi lại bồi hồi nhớ lại những mùa đông ở một nơi khác. Không phải là những mùa đông êm ả, thân quen của Đà Lạt, nơi tôi sinh ra và lớn lên, mà là những mùa đông lạnh lẽo, vô cùng khắc nghiệt ở một nơi khác, xa vắng. Nơi chốn đó đã cho tôi bao nhiêu kỷ niệm vui buồn, nhớ nhung của tuổi thanh xuân. Thành phố nhỏ bé đó có tên là Komsomolsk, ở tận xứ Ukraine xa tít mù, nơi tôi đã sống và làm việc trong suốt bốn năm trời, và cũng là nơi đã hun đúc nên một tình yêu cho mãi đến bây giờ.

Vào những năm 80, xã hội miền Nam vẫn còn nhiều khó khăn. Ở thành phố

Đà Lạt, ngoài nghề trồng trọt, phần đông những cô gái trẻ như tôi đều vào hợp tác xã đan len để kiếm sống. Qua đó, tôi có cơ hội đi làm việc ở Liên Xô, theo cách gọi của thời quốc gia cộng sản này chưa sụp đổ.

Hồi đó, nghe đến tên Liên Xô, ai cũng nghĩ đến nước Nga, đến thủ đô Moscow. Tôi có ngờ đâu mình lại qua xứ Ukraine lạ lẫm này, đến một thành phố xa xôi, cách thủ đô Kiev hơn 300 cây số về phía nam. Lúc bước xuống máy bay, thấy bầu trời mùa đông ảm đạm của một nơi chốn xa lạ trước mắt, tôi thoáng hồi hận đã quyết định đi đến xứ sở này. Tôi còn nhớ rõ cảm giác ngỡ ngàng lẫn lo âu khi ngồi trên chuyến xe buýt chạy qua những con

đường thẳng tắp, hai bên là những toà nhà hình hộp cao lêu nghêu và lạnh lùng, nổi bật trên nền trời xám xịt và mặt đất phủ đầy tuyết trắng. Trên xe buýt cũng có nhiều người trạc tuổi tôi từ Việt Nam sang, lẫn vào những người từ nhiều nước khác đến. Xe buýt dừng lại trước một toà nhà chẳng khác gì những toà nhà mà tôi vừa đi qua. Sau này tôi mới biết chỗ mình ở gọi là “ốp”, chữ rút ngắn của danh từ tiếng Nga có nghĩa là ‘kỳ túc xá’.

Vậy là tôi bước vào một cuộc sống mới. Trong ba tháng đầu tiên, cùng với rất nhiều người khác, tôi chỉ việc đến lớp học tiếng Nga và ăn ngon ngủ kỹ, chẳng phải làm việc gì khác. Sau thời gian này, tôi mới vào làm việc ở một nhà máy may mặc. Mùa đông ở xứ này kéo dài thật lâu. Trong suốt bốn năm trời ở đó, dù mùa xuân, mùa hạ và mùa thu có đến, tôi cũng không nhớ sâu sắc bằng những mùa đông lạnh lẽo và thê thiết đến tận cùng. Nhớ những ngày co ro trong nhiều lớp áo ấm mà vẫn còn nghe buốt đến xương, trên chuyến xe buýt sáng sáng chờ mọi người đến nhà máy. Hay những buổi tối đường phố đã lên đèn, tôi cùng một hai người bạn gái xúm xít bên nhau đi vội đến cửa hàng gần chỗ ở để mua vài món cần dùng.

Tôi tưởng những ngày đông giá bất tận như thế sẽ nối đuôi nhau đến mãi lúc tôi trở về lại Việt Nam. Nhưng ngày đông trầm lặng đó, tuy vậy, không phải là những ngày buồn bã đối với tôi. Trái

lại, tôi còn thấy thật vui, hăm hở bước vào một cuộc sống mới, hãnh diện được lần đầu tiên kiếm ra đồng lương thật sự cho công sức của mình. Nhưng những ngày đông đó cũng rất lặng lẽ, những tháng ngày của một người con gái mà trái tim vẫn còn bình thản, chưa một lần đập nhanh một nhịp vì ánh mắt của chàng trai nào đó. Trái tim của tôi lúc đó cũng lạnh lùng không kém mùa đông băng giá của xứ Ukraine. Cho đến một hôm, lúc mọi người tíu tít trong phòng phát thư ở tầng trệt trong ốp, háo hức chờ những cánh thư ấm áp từ quê nhà gửi sang, tôi nhận được một lá thư thật bất ngờ. Lá thư đó không phải của ba mẹ tôi hay các chị em tôi từ Đà Lạt gửi qua, mà là một phong thư đóng dấu của bưu điện Hoa Kỳ. Tôi ngạc nhiên liếc nhanh lên góc trái của bì thư để tìm tên người gửi. Tôi còn nhớ trong chính giây phút đó, tim tôi có đập lối đi một nhịp khi nhìn thấy tên của anh ở đó.

Anh không phải ai xa lạ hơn là anh chàng hàng xóm của tôi ở Đà Lạt ngày xưa, lúc chúng tôi còn là những đứa con nít ăn chưa no, lo chưa tới. Căn nhà bên cạnh nhà của ba mẹ tôi bây giờ chính là nhà của gia đình anh ngày trước. Nhà tôi có năm chị em, còn nhà anh có sáu anh em, anh là thứ tư trong gia đình có ba trai, ba gái. Nhà anh dọn đến làm hàng xóm với gia đình tôi sau năm Mậu Thân, cái Tết đau buồn mà người dân miền Nam nào cũng không

thể quên. Thuở ấy, hai cô gái lớn của nhà anh làm bạn với hai chị lớn của tôi, nên tôi lúc nào cũng là người ngoại cuộc vì còn bé quá. Phần anh, tuy bạn chơi đùa với hai anh trai của mình, nhiều khi cũng thấy tội nghiệp cho tôi bị ra rìa trong những trò chơi con gái, nên thường chơi với tôi để tôi đỡ buồn. Không biết tự khi nào, anh đã mang lại cho tôi cái cảm giác ấm áp của một đứa bé gái có ông anh che chở, lắm khi còn chiều chuộng nữa.

Mỗi lần thấy tôi ngồi tủi thân, thèm thường nhìn các chị lớn chơi đồ hàng, buôn bán với nhau mà không cho tôi tham dự, anh thường ngừng chơi với lũ con trai, lại ngồi bên cạnh tìm chuyện nói với tôi. Lúc ấy tôi mới chừng năm, sáu tuổi, lại vốn nhút nhát, chẳng biết nói gì lại với anh. Tôi chỉ biết đưa mắt nhìn anh với vẻ biết ơn lẫn vui sướng. Thấy tôi ít nói, anh thường tìm hết chuyện này đến chuyện khác, không đầu không đuôi, để gọi cho tôi trả lời. Nhưng tôi cũng không biết nói chuyện lại thế nào, nên mãi rồi anh chàng cũng đâm chán, quay qua làm đồ chơi với tôi. Chúng tôi thường tìm các bông hoa đủ loại, đủ màu trong vườn, kết thành những vòng hoa sắc sỡ. Hai đứa cặm cụi kết hoa, làm xong lại vui vẻ quàng cho nhau. Niềm vui thật giản dị, nhưng chẳng khác gì những hạt mầm xanh mát nảy nở trong tâm hồn thơ dại của tôi.

Rồi gia đình của anh dọn về Sài Gòn. Lúc ấy, tôi còn bé quá, chỉ bằng khuâng cảm thấy một nỗi buồn thoáng thoáng, âm thầm, trước quyết định của những người lớn. Gia đình anh đi rồi, chị em chúng tôi quay lại chơi với nhau. Nỗi buồn tuổi nhỏ của tôi cũng qua đi chóng vánh như ngày tháng tiếp tục trôi nhanh trước mặt. Chỉ một năm sau đó, miền Nam sụp đổ. Gia đình tôi quay cuồng theo cơn lốc thời cuộc, suốt ngày chỉ lo vật lộn với đời để kiếm miếng cơm, manh áo. Mãi đến vài năm sau, cả nhà tôi mới có dịp xuống Sài Gòn để mẹ tôi thăm gia đình di tôi. Trong dịp đó, chúng tôi cũng được gặp lại những người bạn hàng xóm ngày xưa.

Đã nhiều năm qua, ai cũng thay đổi cả. Người lớn thì già hẳn đi, nét mặt người nào cũng hẳn vẻ ưu tư, mệt mỏi, trong khi cuộc sống càng ngày càng khó khăn. Chỉ có bọn trẻ chúng tôi là cứ vô tư lớn lên, không còn là lũ con nít nghịch ngợm, hồn nhiên như dạo nào. Anh bây giờ đã là cậu thanh niên khá chững chạc, gặp lại tôi với ít nhiều bỡ ngỡ. Phần tôi, nếu ngày xưa không nói chuyện được với anh vì còn quá nhỏ, thì bây giờ cũng chẳng biết nói gì vì đã biết ngượng ngùng. Mẹ anh rủ gia đình chúng tôi đi Vũng Tàu chơi cho biết. Tôi còn nhớ rõ như in chuyến đi hôm đó. Không biết vô tình hay cố ý mà anh lại ngồi cạnh tôi trên chuyến xe đò ấy.

Trong lúc ba mẹ tôi và mẹ anh đang chuyện trò và lũ trẻ của hai bên cũng đang vui vẻ đùa giỡn với nhau, chợt có một người đàn ông ngồi ở hàng ghế song song với tôi và anh làm tôi chú ý.

Người đàn ông cứ nhìn chăm chăm vào tôi và anh. Trong tiếng xe chạy ầm ầm và tiếng nói cười của mọi người, ông ta bỗng thốt lên:

- Hai đứa này lớn lên sẽ thành vợ thành chồng với nhau!

Lời nói lạ kỳ của người đàn ông này, may quá, hình như chỉ có tôi và anh nghe, vì lúc đó mọi người chung quanh chúng tôi vẫn tiếp tục nói cười, chẳng ai để ý đến. Tôi còn nhớ mình khá bối rối khi nghe ông ta nói như vậy. Về sau, chẳng bao giờ tôi kể với ai về chuyện này cả. Tuy nhiên, lời nói đó đã gieo vào trong tôi một nỗi niềm gì khó tả. Phần anh, tôi nghĩ anh là con trai nên chắc không nhạy cảm như tôi, vì lúc ấy thấy anh vẫn thản nhiên như không nghe gì cả.

Sau chuyến đi hôm đó, chúng tôi lại trở về với cuộc sống thường nhật của gia đình mình. Tôi trở về lại thành phố sương mù, ngày hai bữa đi làm ở hợp tác xã, sống một cuộc đời không ước mơ, không hoài bão. Một lần nọ, không nhớ có người quen nào của gia đình tôi từ Sài Gòn lên chơi, vô tình cho biết là anh đã vượt biên đi Mỹ cùng với hai

người anh em trong nhà. Tôi nghe tin, lặng người đi trong một thoáng. Tôi nghe như có một nỗi mất mát dâng lên trong lòng, vừa phảng phất, vừa tuyệt vọng. Cái mất mát của một điều gì chưa được nắm trong tay, nó vừa man mác, vừa lắng đọng trong tâm hồn của người con gái mới lớn. Tôi chỉ còn biết tìm khuây trong công việc hằng ngày, trong những niềm vui nho nhỏ với gia đình. Nỗi niềm riêng tư của tôi, tôi giấu kín trong một ngăn tim nhỏ, không biết thổ lộ với ai. Cho đến hôm nghe mẹ tôi khoe với cả nhà là một người quen trong hợp tác xã có thể tìm được một chỗ đi lao động ở Liên Xô, tôi là người xung phong giành đi trước mọi người. Trong vô thức, tôi hy vọng một xứ miền mới lạ nào đó sẽ có thể giúp tôi quên lãng đi nỗi buồn không dám đặt tên vừa nhen nhóm trong lòng.

Mà như thế thật. Những tháng ngày mới mẻ ở thành phố mùa đông xứ Ukraine đã không cho tôi có dịp nhớ đến những trăn trở trong tâm hồn như khi còn ở trong nước. Hằng ngày tôi phải đánh vật với những chữ tiếng Nga khó nuốt, vừa dài, vừa trúc trắc, đọc muốn trọ cả lưỡi. Văn phạm tiếng Nga khó còn hơn những công thức toán tôi học ngày trước. Nói hết được một câu có đầu có đuôi là cả một kỳ công đáng hãnh diện. Tối tối về đến ký túc xá sau một ngày dài làm việc, sau khi ăn vội bữa cơm, tôi chìm ngay vào giấc ngủ li bì, không mộng寐.

Mùa đông ở Komsomolsk như làm đông cứng cả vạn vật, nhưng hình như nó chưa đủ làm đông những giọt nước mắt một hôm bất ngờ ứa ra vì một điều tôi không bao giờ trông đợi. Trong buổi nhận lá thư bất ngờ đó của anh từ nước Mỹ xa xôi gửi sang, hai giọt nước mắt chợt lăn dài trên má tôi. Nhưng đó là giọt nước mắt của sung sướng lẫn ngạc nhiên. Tôi hồi hộp xé phong bì ra, nôn nóng đọc những dòng chữ của anh, trong lòng tràn đầy những cảm xúc khó tả bằng lời. Trong lá thư đầu tiên của anh gửi cho tôi đó, lời lẽ của anh rất chừng mực, ý tứ. Anh cho tôi biết là anh có viết thư thăm ba mẹ tôi và được biết là tôi đã đi Liên Xô làm việc. Anh xin địa chỉ của tôi để liên lạc ngay. Anh nói, anh mong lá thư của anh sẽ là một niềm vui nho nhỏ trong cuộc sống của tôi ở xứ miền xa xôi đó. Anh cũng kể cho tôi nghe về sinh hoạt của anh ở Mỹ. Anh bảo mình đã có việc làm ổn định ở miền nam California và hy vọng có ngày tôi sẽ có dịp đến thăm thành phố biển nơi anh ở.

Buổi sáng hôm sau, khi tôi thức dậy, mùa đông vẫn còn ngoài khung cửa sổ. Nhưng trong lòng tôi ấm áp một cách lạ thường. Từ hôm đó trở đi, tôi đâm ra có cảm tình với mùa đông ở đây. Tôi yêu cái lạnh thấu xương đã từng làm tôi tê tái, vì bây giờ chính cái lạnh đó đã làm cảm giác ấm áp trong lòng tôi trở thành một niềm an ủi vô biên. Mặt trời thường

vắng bóng trong những ngày đông giá, nhưng tôi đã có những tia nắng ấm trong lòng rồi, chẳng màng gì đến cảnh vật chung quanh. Tôi không sao quên được lá thư đầu tiên trả lời cho anh đã khó viết đến chừng nào. Trong gian phòng vắng lặng bên người bạn cùng phòng đã ngủ say, tôi cứ loay hoay với giấy bút thật lâu mà chưa viết được dòng chữ nào. Tôi phải viết làm sao để giọng văn của mình không được quá nồng nhiệt, mà cũng không thể nào quá lạnh đạm. Cuối cùng, tôi cũng hoàn thành công việc khó nhọc đó, cẩn thận bỏ thư vào phong bì, nắn nót viết tên anh và cái địa chỉ mới biết lần đầu mà chừng như đã thân quen ở miền Cali vừa xa mà như vừa gần.

Từ đó trở đi, mỗi lần xuống phòng phát thư là mỗi lần tôi náo nức, trông chờ. Có những lần tôi vui khôn xiết, tay cầm lá thư của Anh trong tay mà tôi tưởng tượng như chuyên chở cả bao nhiêu làn gió mát của vùng biển mà anh đang ở. Cũng có không biết bao lần tôi buồn bã, thất vọng, tay không quay về phòng. Thư của anh không có, thư nhà cũng chẳng qua. Có điều là nếp sống của tôi không còn phẳng lặng, đơn điệu như trước nữa. Tôi hoà mình với các bạn nhiều hơn, cởi mở, nói cười nhiều hơn. Ai tinh ý cũng đoán được những đổi thay trong tôi. Có hôm tôi còn cùng các bạn gái táo bạo uống thử rượu vodka trong một lần tiệc tùng

trong óp. Mặt tôi đỏ bừng vì men rượu mạnh, càng làm tôi ngây ngất với những cảm xúc mới lạ trong hồn.

Những cánh thư qua lại giữa tôi và anh càng ngày càng nồng ấm, đậm đà hơn, như mùa xuân đang chậm rãi trở về với đất trời, làm băng tuyết tan ra dưới ánh mặt trời ấm áp. Lời thư của chúng tôi mới đầu còn e ấp qua những ý ẩn hiện sau từng dòng chữ, rồi dần dần rõ ràng qua những lời lẽ dạn dĩ hơn. Cuối cùng, chúng tôi háo hức gửi cho nhau những bức thư tình, chẳng còn giấu giếm những tình cảm dành cho nhau với thời gian qua mà chúng tôi không hề hay biết. Làm sao tôi quên được hộp sô-cô-la hình trái tim mà anh gửi tặng tôi nhân ngày lễ tình yêu bên Mỹ mà vốn vẫn còn xa lạ với người dân Liên Xô vào thời đó. Hay có lần anh báo cho tôi biết là anh có gửi tặng tôi một sợi dây chuyền vàng có hình thánh Giu-Se là vị thánh bổn mạng của anh, như một bằng chứng tình yêu anh dành cho tôi. Lúc đó, tôi cứ ngày đêm chờ đợi món quà đó mà không thấy đến. Mãi sau anh mới cho tôi hay là nó đã bị gửi trả lại về Mỹ, và sau này tôi mới được thật sự cầm nó trong tay khi chúng tôi gặp mặt nhau.

Kể cũng lạ, tôi yêu anh chỉ qua hình ảnh và trong trí nhớ, vì giữa tôi với anh chưa có lần nào thật sự gần gũi để tìm hiểu nhau. Tôi nghĩ chắc tình cảm quý

báu mà tôi có được với anh ngày còn nhỏ chính là nền tảng cho tình yêu đến với chúng tôi sau này. Thêm vào đó, lời thư của anh mỗi lúc mỗi thêm nồng nàn, tha thiết, bảo sao cô thiếu nữ mới lớn như tôi cảm lòng cho được? Và điều tôi âm thầm chờ đợi trong một thời gian thật lâu cuối cùng đã xảy ra. Trong bức thư mới nhất, Anh kết thúc với câu sau: “Em yêu, em hãy trở thành vợ của anh nhé. Anh không chấp nhận câu trả lời không của em đâu!” Tôi ứa nước mắt, áp lá thư vào ngực, chẳng biết mình có tưởng tượng ra câu đó hay không. Để đánh tan nỗi hoài nghi vẫn nặng trĩu trong lòng, tôi phải đọc đi đọc lại dòng chữ ấy cả chục lần, tất nhiên là lần nào cũng qua màn nước mắt.

Bốn năm làm việc tại Ukraine của tôi chấm dứt như một giấc mơ. Chắc tôi là người hạnh phúc nhất trong đám bạn bè đang hăm hở quay lại quê nhà. Ngồi trên chuyến bay đường dài, tôi miên man nghĩ đến lúc được gặp lại ba mẹ, các chị và các em. Chắc cả nhà sẽ ngạc nhiên khi đón tôi ở phi trường, thấy một thiếu nữ đã trưởng thành, chững chạc và dày dặn, khác hẳn mấy năm trước. Người thiếu nữ đó quay lại quê hương với một trái tim đầy ấp những niềm vui và hy vọng. Lâu nay tôi đã nói sơ qua cho mẹ tôi biết chuyện của tôi và anh, nhưng lời cầu hôn của anh thì tôi để dành khi về nhà mới cho mọi người biết. Hơn nữa, bắt đầu từ

đây là phải có người lớn can dự vào. Anh sẽ phải nhờ mẹ anh đánh tiếng với ba mẹ tôi rồi chuyện gì kể tiếp mới có thể diễn ra được.

Bỗng dựng thực tế đã chen vào thế giới đầy mộng tưởng của tôi. Lúc mọi chuyện càng ngày càng sắp đến gần, tôi đâm ra sợ nhiều hơn là mừng. Mẹ của anh từ bên Mỹ đã viết thư qua lại với ba mẹ tôi để bàn tính chuyện tác hợp cho anh và tôi. Rồi mọi việc cứ thế mà dồn dập đến. Chẳng bao lâu, ngày anh về để làm đám cưới với tôi sẽ đến. Lúc này thì tôi thật sự phát hoảng. Từ lúc đi chơi với nhau ở Vũng Tàu cho đến bây giờ đã hơn cả chục năm, anh và tôi chưa bao giờ gặp lại nhau. Có thấy chẳng là chỉ qua hình ảnh chúng tôi trao đổi cho nhau kèm với những lá thư xuyên đại dương từ bấy lâu nay. Tôi hỏi hộp không biết bây giờ anh ra sao. Lúc chúng tôi gặp lại sẽ như thế nào, cảm xúc có giống như lúc qua thư từ hay không, tôi lo lắng thật tình.

Cảm giác lo lắng của tôi cứ tăng dần khi ngày về của anh càng sắp đến. Cả nhà tôi xuống Sài Gòn để đón anh về. Lúc mọi người đứng đợi chuyến bay của anh sắp hạ cánh, tôi như người đang sống trong một giấc mơ khó hiểu, vừa êm ái, vừa đầy những hoang mang. Tim tôi như thót lại khi thấy anh bằng xương bằng thịt, đi giữa dòng người từ những chiếc phi cơ vừa đáp

xuống. Trong lúc tôi còn loay hoay chưa biết phải làm gì, khi anh vừa tiến gần đến chúng tôi, mẹ tôi đã bước ra, ôm lấy anh và hôn lên trán anh một cái thật đầm thắm. Trong mấy anh chị em anh, mẹ tôi vẫn thương anh nhất vì tính tình anh đầm thắm, lúc nào cũng tỏ ra ân cần với người chung quanh. Lúc đó, tôi chỉ biết đứng một chỗ, không ngăn nổi hai dòng nước mắt khi thấy hạnh phúc đến thật gần.

Rồi giấc mơ cứ như kéo dài mãi không dứt. Trong những ngày kể tiếp, anh và tôi có dịp gần bên nhau, đi chơi quanh thành phố, nói với nhau những lời mà thư từ không chuyên chở hết. Cảm giác ngỡ ngàng của tôi trước khi anh về không còn nữa. Tôi lại thấy anh gần gũi như xưa, tựa hồ như hai mươi năm qua chưa bao giờ làm gián đoạn những giây phút hồn nhiên của hai đứa. Đám cưới của chúng tôi là một cơn mơ khác, trong đó tôi như tê dại với bao nhiêu cảm xúc ngập tràn. Tôi không nhớ là mình đã rót bao nhiêu giọt nước mắt hạnh phúc trong cái ngày không thể quên đó.

Rồi tiếp theo những cơn mơ đẹp, thực tế lại trở về. Sau ba tuần trắng mặt ngấn ngủ, Anh phải quay về Mỹ. Ngày tiễn anh đi, tôi lại khóc. Tôi nghiệp cho trái tim tôi, nó phải thay đổi biết bao lần những nhịp đập vì bao nhiêu buồn vui cứ tuần tự thay phiên

nhau trong tôi suốt những ngày ấy. Anh đi rồi, tôi như hụt hẫng. Ngày xưa còn xa nhau, tôi chịu đựng được vì chúng tôi chưa là vợ chồng. Bây giờ, mối quan hệ mới mẻ đó đã làm cho tôi thay đổi cách suy nghĩ, ngay cả cách đợi chờ. Tôi lại trở nên ít nói, suốt ngày cứ muốn thu mình lại, gậm nhấm nỗi buồn, nỗi nhớ. Tôi phải chờ anh đến bao giờ? Giấy tờ bảo lãnh anh mới vừa làm, còn biết bao nhiêu năm tháng nữa vợ chồng tôi mới gặp lại nhau? Bây giờ tôi dễ khóc lắm. Ai hỏi gì, lỡ động đến chuyện chúng tôi, tôi lại không kiềm nổi dòng nước mắt. Trái tim tôi lúc nào cũng như đang thổn thức, chỉ chực chờ cơ hội là nó lại khiến những dòng lệ trào ra trên má tôi, mặc kệ chị em tôi nhiều khi trêu con bé vẫn còn dễ khóc như thuở nào còn nhỏ xíu.

Hai năm dài trôi qua, tưởng chừng như hai thiên thu đã qua trên những tháng ngày trống vắng của tôi ở xứ sương mù. Thế giới riêng của tôi là những cơn mơ hỗn độn, nhạt nhòa, pha trộn thuở ấu thời, những năm tháng ở Komsomolsk và những ngày trắng mặt nồng ấm. Anh gọi điện thoại cho tôi rất thường xuyên, làm cho tôi càng nôn nóng đến ngày cùng anh đoàn tụ. Mùa đông lại trở về ở Đà Lạt. Mùa đông cho tôi nỗi nhớ, niềm hạnh phúc và những chờ mong. Cuối cùng, mùa đông đã đem đến niềm hạnh phúc vỡ bờ mà tôi hằng mong đợi. Sao bao

hiều trắc trở về giấy tờ bảo lãnh, Anh đã trở về đón tôi qua Mỹ. Một giấc mơ lớn lại bắt đầu đối với tôi, kể từ ngày tôi đặt chân đến miền Cali nắng ấm trong mộng tưởng của biết bao nhiêu người.

Bốn mùa thay nhau làm đẹp cuộc sống, nhưng mùa đông vẫn có một chỗ thật đặc biệt trong trái tim tôi. Tình yêu của anh và tôi đã nhen nhóm như một ngọn lửa nhỏ mà vô cùng mạnh mẽ trong mùa đông của một xứ sở xa xôi trên bản đồ thế giới. Làm sao mà tôi không yêu mùa đông cho được, và làm sao tôi có thể quên mùa đông, khi mỗi năm nó lại trở về, mang tràn trề hơi ấm kỷ niệm trong những làn gió buốt. Khi muốn cảm ơn tình yêu, tôi phải cảm ơn mùa đông đã giúp tôi viết lại một đoạn đời thật đẹp trong vùng ký ức của mình.

Trần C. Trí



NÂNG NIU HẠNH PHÚC TRONG TÂM TAY

** tác giả: **Tràm Cà Mau** **

Khi gần sáng, ông Tư phải thức dậy, hấp tấp đi xả nước thừa của cơ thể lần thứ tư trong đêm. Bà Tư thương chồng, thì thầm trong giấc ngủ: “Tội nghiệp cho anh quá. Mỗi đêm dậy đi tiểu đến bốn năm lần, rồi mất ngủ. Buồn thật.”

Ông Tư cười khì, nói với vợ: “Đi tiểu được là mừng chứ sao lại buồn? Mừng vì chưa bị bí tiểu, phải đến bệnh viện, họ đút cái ống dài ngoằng vô... mà thông, nghe nói đau thấu trời luôn đó.”

Ông nhẹ nhàng nằm xuống bên vợ, kéo cái mền đắp ngang cằm, quàng tay qua ôm bà rồi nói tiếp: “Em nghĩ cho kỹ mà xem, có thứ ống gì mà xài đến hơn bảy mươi năm rồi vẫn còn dùng được, chỉ mới trục trặc sơ sơ. Ngay cả các thứ vòi nước trong nhà, làm bằng kim loại thượng hạng, không rỉ sét, mà năm bảy năm cũng đã phải thay rồi. Mình được như thế này, cũng phải vui mừng và cảm ơn ông tạo hóa đã khéo nặn ra cái vòi bền bỉ vô địch đó. Đối với những người bí tiểu, thì tiểu được là một hạnh phúc vô cùng to tát và khoái lạc. Còn khoái hơn cả khi lần đầu trong đêm tân hôn nữa đó.”

Bà Tư vỗ nhẹ bàn tay chồng: “Ừ, phải cảm ơn cái ông tạo hóa, nhưng

bây giờ chỉ dùng được cho một việc tiểu tiện mà thôi!”

Ông Tư ép sát người vào thân vợ, nói nhỏ nhỏ: “Tại vì em không chịu, chứ nó vẫn còn dùng được cho việc khác nữa, đã vô dụng đâu? Nhiều ông bạn nói với anh rằng, bây giờ muốn ‘gần gũi’ bà vợ, các bà gạt đi, tưởng còn khó khăn hơn cả ngày xưa khi chưa cưới nhau, lần đầu dụ dỗ bà ấy lên giường!”

Nói cho hăng thế, nhưng ông lại đâm lo, vì lỡ bây giờ bà vợ đòi ‘chuyện đó’ thì không biết làm sao mà đáp ứng? Chỉ còn tìm kế hoãn binh, và đánh trống lảng cho qua chuyện mà thôi.

Bà vợ ông Tư quàng tay qua ôm chồng, rúc đầu vào ngực ông, rồi thủ thỉ: “Vợ chồng mình còn được như thế này đã là hạnh phúc lắm rồi. Đa số vợ chồng khác, đều đã ngủ riêng, hai người hai phòng, hoặc hai giường riêng rồi! Uống quá, đáng ra tuổi già nếu không còn ‘chuyện đó’ thì phải lấy cái âu yếm, vuốt ve dịu dàng, truyền hơi ấm cho nhau để bù lại. Ngủ riêng rồi dần dần cái tình nó nguội lạnh, phai nhạt đi.”

Ông Tư mừng, vì dù thiếu chuyện xác thịt, nhưng vợ ông chưa đổi tính, thành khó khăn dũ dần như nhiều bà khác. Các bà ấy sẵn sàng hát tay ông

chồng ra, mỗi khi các ông định vượt ve, hay đụng chạm đến thân thể. Rồi các bà gắt gỏng, lớn tiếng nặng lời. Làm mấy ông chồng co rút lại, e dè. Lâu dần, các ông không dám có cử chỉ âu yếm thân thiết với vợ nữa, rồi tránh đụng chạm như đối với người dưng.

Ông Tư nhớ đến lời của bà Hồ, bà Lê, bà Phương, các bà này đã xa những ông chồng già để sống riêng, chỉ vì: “Bây giờ, tình cũng không, tiền cũng không, dịu dàng ngọt ngào tử tế cũng không, lại hay gây gổ cãi cọ nhau, tranh hơn thua, thì tránh xa ra, để cho nhau được yên thân.”

Ông Tư hỏi vợ: “Em có nghe tin tức chi về bà Hồ, bà Lê, bà Phương không? Chắc bây giờ các bà sống thanh thản, nhẹ nhàng sung sướng lắm!”

Bà vợ ông hứ một tiếng đáp: “Thanh thản sung sướng? Các bà bây giờ đang ủ rũ như con mèo chết, buồn thối ruột, chẳng còn ai để nghe lời căn nhắc, căn nhắc trách móc. Có bà quýnh quáng đi tìm một ông khác, nhưng rồi ngộ ra, ông nào cũng đầy khuyết điểm, và chẳng có ai bằng ông chồng cũ, đã chịu đựng bà mấy chục năm qua.”

Ông Tư nói nhỏ: “Tuởng chỉ có đàn ông gia đình đổ vỡ mới thấy cô đơn, xuống tinh thần. Bác Huệ nói rằng, tuổi già, mà sống một mình thì hiu quạnh, vắng vẻ buồn lắm, đời sống trống rỗng. Thà còn có một bà dấm dăng, than

van, gây gổ, gắt gỏng, chê trách, còn hơn là lủi thủi ra vào căn nhà một mình. Nói thế, nhưng như ông Hoàng, ông Phan, sau khi gia đình đổ vỡ, đi tìm một bà xồn xồn thể chân vợ cho đỡ cô đơn. Nhưng chỉ sau một thời gian ngắn, mới biết đã làm thêm một việc ngu dại trong cuối đời, vì các bà mới này, cũng đòi hỏi, cũng trách móc hờn giận, cũng đem lại trăm ngàn rắc rối hơn là cho nguồn an ủi. Vợ chồng cũ là quý nhất, vì đã quen chịu đựng nhau, nhiều tình nghĩa cũ, nhiều chia xẻ cay đắng ngọt bùi.”

Bà vợ nhéo nhẹ tai ông mà trêu chọc: “Mấy bác đó rước các bà xồn xồn, bị tắt kinh, tinh thần xáo trộn, nên khôn khổ, nếu rước một cô gái trẻ, đẹp, chân dài thẩu nách, đem về để chiều chuộng thì có đỡ rắc rối hơn không?”

Ông Tư cười hì hì, không trả lời, rồi hôn lên tóc vợ và nịnh: “Cám ơn em đã đem lại cho gia đình cái hạnh phúc đơn sơ này. Cứ bằng lòng với những gì mình đang có, là xem như đã đặt chân đến cổng thiên đường rồi đó.”

Bên ngoài, trời còn tối đen mịt mù, mà tiếng xe cộ đã huyền não. Xa xa vắng lại tiếng còi của tàu điện làm ông nhớ lại thời cũ, mỗi sáng lái xe đến bến, đón tàu điện tốc hành đi về San Francisco, rồi đi bộ ra bến xe buýt, sau khi xuống xe buýt, phải đi bộ thêm mấy góc đường mới đến sở, chiều đi ngược lại, về đến nhà thì trời đất đã tối thui. Bây giờ, được nằm phè nhàn nhã, ông

cảm thấy quá sung sướng. Hạnh phúc dâng lên trong lòng lâng lâng khó tả. Ông không còn một chút lo âu nào cho cơm áo, gạo tiền, ông sống trong vừa đủ, mỗi tháng tiền hưu trí đi thẳng vào ngân khoản của ông. Không nhiều, nhưng với ông, thì đã là quá đủ. Ông không mong ước có nhiều hơn, vì khi có nhiều tiền hơn, cũng không biết tiêu vào việc gì, và có lẽ đời sống cũng chẳng có gì thay đổi. Ông Tư ghi nhớ lời sách viết rằng, biết đủ thì đủ, nhiều bao nhiêu cũng thiếu, mà ít bao nhiêu cũng đủ. Đủ hay thiếu nằm trong tâm, không dựa trên con số.

Nằm nghe tin tức buổi sáng, chuyện chiến tranh, gây hấn, tranh giành quyền lực, bắn giết nhau, mà ông thương cho thiên hạ đang vui mình trong sân si, u mê, tội lỗi. Ông cảm được cái an bình, sung sướng, khi đứng ngoài vòng điên đảo của thế gian.

Ông Tư vào phòng tắm, mở nước cho vừa đủ ấm. Nước từ vòi sen ấm áp ào ào tưới xuống thân thể, ông Tư cảm thấy sung sướng đến lịm người trong cái hạnh phúc đơn sơ đó. Ông vung vẩy, nhảy nhót hân hoan trong bồn tắm. Hạnh phúc có thật, hạnh phúc to lớn, thế mà hiếm người cảm nhận được. Ông Tư thầm cảm ơn xứ sở này, đã mở vòng tay đón ông vào đây sinh sống. Cho hưởng thụ đủ những tiện nghi của một xứ sở văn minh. Ông rùng mình, nghĩ đến dân xứ sa mạc mà thương, họ chưa đủ nước để uống, lấy

đâu mà nghĩ đến chuyện tắm. Tắm là không tưởng. Họ hôi như cú.

Ông pha hai ly cà phê, hòa thêm mấy muỗng sữa bột béo, hương cà phê bay thơm thoang thoảng. Ông hít đầy phổi. Rồi đập ba cái trứng gà trên chảo nóng, nướng bốn miếng bánh mì vàng giòn kẹp lát 'phô mai'. Dọn ra bàn, chia làm hai phần, một cho ông, một cho bà, có đủ cả dao nĩa. Ông cười sung sướng và nói một mình: "Sang như Tây!"

Khi mở tủ lạnh, ông nhìn bình sữa tươi và chai mật ong cài trên hộc cửa tủ, ông sực nhớ một đoạn trong Thánh Kinh, viết rằng ở thiên đàng có đầy mật và sữa. Thì ra, đây là thiên đàng, chứ không đâu xa.

Ông bật ngọn đèn bàn, lật tập thơ chọn lọc của nhiều tác giả, vừa thưởng thức ý lời hoa gấm, vừa ăn uống thật chậm để tận hưởng cái hương vị của món ăn. Theo ông, được như thế này là thật sự cùng cực hạnh phúc, sung sướng, đời vui và đáng sống. Nhớ lại những năm tháng khổ sai đói lạnh trong lao tù cộng sản, buổi sáng bạn tù chia cho vài hớp cà phê giả chế bằng gạo rang, mà cũng đã cảm được cái hạnh phúc tràn đầy.

Sau buổi ăn sáng ông mặc thêm áo ấm, đội nón, cầm cây gậy chống, thông thả ra khỏi nhà, bước đi chậm rãi, chắc chắn, để khỏi bị té. Trong lòng ông khoan khoái, lâng lâng, hít khí trời thật sâu đầy phổi. Rồi nhớ đến những ước

mơ tha thiết lúc đang ngồi tù, đây là được thả vài bước tự do trên một đoạn đường xưa. Khi đó, chợt tiếc tại sao lúc còn tự do, có mà không biết hưởng thụ, để bây giờ thèm quay quắt. Ông nghe nói, đi bộ là lối thể thao công hiệu nhất cho mọi lứa tuổi. Ngay cả sau khi mới được giải phẫu xong một ngày thôi, lúc mà năm bảy cái dây, cái ống còn dính lòng thông trên cơ thể, bệnh viện đã bắt bệnh nhân đi bộ, tưởng như bị trừng phạt, bị hành xác cho bõ ghét, nhưng nhờ thể mà vết thương mau hàn liền thịt da. Không tập thể thao mạnh được, thì đi bộ cũng đủ.

Khi mồ hôi đã lấm tẩm ướt lưng, ông quay về, đi chậm hơn, thích thú quan sát sinh hoạt đường phố. Có khi tiện đường, ông leo lên chuyến xe buýt đi một vòng ra biển. Nằm ngửa trên cát, lim dim mắt nghe tiếng sóng rì rào, rồi khe khẽ ngâm thơ: *"Nằm nghe sóng vỗ hao mòn đá. Thả nhớ lên trời theo gió bay..."* Khi chán, thì quay về, cái vé xe công cộng cho người già bán giá rẻ, có thể đi suốt ngày, bao nhiêu chuyến cũng còn giá trị. Người già được chăm sóc, ưu đãi, thế mà nhiều ông bà không biết hưởng thụ đặc ân đó.

Về nhà, ông nói vài câu nịnh vợ cho bà vui. Kể cho vợ nghe vài chuyện khôi hài ngắn để thấy nụ cười tươi trên môi bà. Nụ cười nay đã móm mém, nhưng ông vẫn thấy đẹp, đẹp hơn cả thời bà mới đôi mươi mà ông theo đuổi. Có kẻ cho rằng ông nói dối khi thấy vợ là đẹp

nhất. Ông nói cho họ nghe rằng, già như bây giờ, nếu đổi vợ ông lấy một cô hoa hậu chân dài, bù thêm nhà lầu và bạc triệu, ông cũng không chịu. Vì ông không muốn rước tai họa và rắc rối vào cái thân già, cần an bình hạnh phúc hơn là sóng gió.

Những ngày thời tiết không thuận tiện để đi ra đường, thì ông tập thể dục ngay trong phòng khách, phát tay 3600 cái theo lối 'Thái Cực Quyền'. Đồng thời nghe tiếng nhạc du dương êm dịu phát ra từ máy, hoặc nghe đọc các truyện hay, và mắt ông theo dõi những trận thể thao trên màn ảnh truyền hình hạ âm tiếng. Ông hưởng thụ ba thứ trong cùng một thời gian. Bà vợ thường nhắc, bảo ông làm gì thì chú tâm làm một thứ thôi, theo như lời dạy của ông thiền sư nào đó. Nhưng ông nói, nếu làm được cả ba việc cùng một lúc mà vẫn có hiệu quả, vẫn thích thú, thì tội chi mà không làm. Lời khuyên của ông thiền sư cũng có thể đúng trong một số trường hợp, chứ không phải khi nào cũng đúng.

Ông thường nói với vợ rằng, ông bà như đang sống trong vườn địa đàng. Không cần đồ mồ hôi, mà vẫn có miếng ăn, ăn ngon và ăn no hàng ngày. Lại được sống trong một xã hội tự do, ổn định, thanh bình. Thế mà không cảm nhận được, và tận hưởng, thì uổng vô cùng. Không nên phí phạm thời gian để tranh đua, cãi vã vì những chuyện nhỏ nhặt, không liên hệ đến đời sống và

hạnh phúc gia đình. Bà vốn hiểu biết, nhưng đôi lúc cũng vô tình nói vài câu xúc phạm, làm ông đau lòng. Nhưng khi này, ông không lời qua tiếng lại, mà bỏ đi nơi khác để dần cơn giận hờn, rồi mọi chuyện đều quên và qua đi. Không tội chi mà hơn thua với vợ cho gia đình mất hạnh phúc, cho bà vợ rầu rĩ, mất vui.

Sau bữa cơm trưa, ông vào giường, nằm dài thẳng chân nghe nhạc êm dịu và ngủ một giấc ngắn ngon lành. Khi thức giấc, ông cảm thấy tâm hồn sáng khoái, tươi vui, hạnh phúc lâng lâng, như vừa nạp thêm sinh lực cho tấm thân già yếu đuối.

Ông mở máy, đọc vi thư của bạn bè, đọc những bài viết hay, do bạn bè chọn lọc chuyển đến để cùng chia xẻ. Ở tuổi này, còn liên lạc được với cả hàng trăm bạn cũ, mới, cũng là một thứ hạnh phúc quý báu. Có những bạn quen nhau từ thời chưa đi học, cả những người bạn trẻ mới biết và trân trọng quý nhau. Kể từ khi có máy vi tính, ông Tư không còn đến thư viện thường xuyên nữa. Trước kia, mỗi tuần ông có cái thú ngồi thư viện đọc sách, và mượn sách xưa và sách mới về nhà. Ngồi trong thư viện, có cái không khí trang nghiêm của những người quý mến chữ nghĩa. Dường như đọc thấm hơn. Thư viện có máy lạnh, máy sưởi, điều hòa không khí, khi nào cũng dễ chịu, và không bị ngắt quãng vì tiếng điện thoại reo, hay những bị nhờ vả vài

công việc của người trong gia đình. Ông còn cái thú, đi dọc theo kệ sách, nhìn các tác phẩm đủ loại, đủ tác giả, mà ông muốn ôm tất cả về nhà để đọc và nghiên cứu. Đôi khi ông hờn hờ ôm một chồng sách về nhà, mà không đọc được một trang, đến hết hạn kỳ phải đem trả. Nhưng trong lòng ông vẫn lâng lâng xao xuyến với chữ nghĩa.

Buổi chiều, ông ra vườn, ngồi trên ghế đá dưới bóng tàn cây dâu-rủ-lá um tùm như cái vòm, mà hành thiền chừng ba mươi phút, lúc này, tâm trí ông trống rỗng, dường như không còn nghe tiếng chim kêu, tiếng lá rụng. Ông lạc vào một trạng thái thoát tục, tưởng như không còn liên hệ với thế gian. Trông ông giống như một đạo sĩ Ấn Độ ngồi trong hang động. Sau khi xả thiền, ông cảm thấy tâm thần nhẹ bấc, nguồn hoan lạc cuộn cuộn dâng tràn. Nhờ thiền ông tìm được nguồn an bình hạnh phúc, buông bỏ mọi ham muốn tầm thường, vui với hiện tại, vui với những gì nhỏ nhất đang có.

Ông Tư luôn ghi nhớ lời cụ Kha hơn chín mươi tuổi, người đã trải nghiệm, sống với chế độ cộng sản từ năm 1954 tại Hải Phòng cho đến năm 1979. Cụ nương theo phong trào người Tàu chạy trốn về Hồng Kông. Cụ thường nhắc: "Từ khi mở mắt thức dậy cho đến lúc chìm vào giấc ngủ, tôi luôn luôn thấy mình hạnh phúc sung sướng lạ lùng, vì đang sống trên nước Mỹ tự do. Tha hồ ăn nói mà không phải e dè nhìn trước

ngó sau. Tha hồ mà nghe bất cứ đài phát thanh nào, đọc báo không hạn chế. Mặc sức mà ca hát tự do, không ai bỏ tù vì hát nhạc này nhạc kia, như ông Lộc Vàng ở Hà Nội, cùng năm ba bạn bè đóng cửa phòng ca hát cho nhau nghe những bài ca tình cảm, vậy mà bị tù đến mười năm. Cũng không ai dòm vào mâm cơm mình, để xem gia đình ăn gì, mà đi báo cáo công an. Tha hồ mà ăn gà, ăn vịt, không phải vặn cổ gà ban đêm, ăn xong phải chôn lông để phi tang tích. Không phải xếp hàng từ đầu hôm đến sáng để mua vài ba ký gạo, khoai sùng. Không phải đói cơm rách áo, mà phải ca ngợi là đang ấm no hạnh phúc. Ông nhớ kỹ nhé, đừng bao giờ quên cái sung sướng hạnh phúc mà ông đang hưởng thụ mỗi ngày. Không nhớ thì quả quá phí phạm. Phải sống trong chế độ cộng sản ít ra vài năm mới cảm nhận cái hạnh phúc tuyệt trần của một ngày trong xứ tự do”.

Ông Tư thường đáp: “Bao nhiêu năm khổ sai tù tội đói khát, lạnh lẽo, tôi làm sao mà quên cho được! Tôi luôn

luôn trân trọng cái hạnh phúc từng ngày, từng giờ, từng phút mà mình đang hưởng. Ngay giờ đây, cụ và tôi, cũng đang vô cùng hạnh phúc khi được ăn nói tự do như thế này đây.”

Mỗi khi có những sinh hoạt cộng đồng, sinh hoạt văn hóa nghệ thuật, ông bà Tư cố gắng thu xếp thì giờ đến tham dự, từ khi mở màn cho đến lúc tan cuộc. Ông cảm thấy đời sống phong phú hơn, hạnh phúc tràn đầy hơn.

Một bạn già khác, cũng tâm sự với ông Tư: “Tuổi già, mắt yếu, tai lãng, răng long, chân đau, đầu gối nhức, miệng lạt, ăn không còn biết ngon, nhưng nhờ thế mà cảm thấy yêu đời hơn, vì biết mình còn may mắn chưa đến nỗi nằm liệt giường, đang quần quai đau đớn thể xác mà thuốc giảm đau không công hiệu” ./.

TRÀM CÀ MAU



Tôi Lại Nghĩ Tôi

Đáng nhẽ như tôi, chết đã lâu!
Lưng đeo, bên suối, cánh đồng sâu.
Mịt mù bom đạn, thời binh lửa
Khỏi phải lang thang nửa đạ cầu.

Đáng nhẽ dọc ngang chết giữa rừng,
Quân thù, chiến hữu với người đưng,
Mười năm chinh chiến vào...như mộng!
Ngoan cố con tim chẳng chịu ngưng.

Đáng nhẽ hồi xưa ấy...chết rồi!
Hình như trời đất đã quên tôi,
Tám ba năm lẻ tình chưa dứt
Thơ thần dăm câu lúc đứng ngồi.

Thường gặp bạn bè vui bắt tay
Cháu con bịn rịn suốt đêm ngày
Thuốc men, an ủi, em yêu dấu,
Thân thuộc, gần xa cũng vẫn hay.

Tôi chết đi... thay đổi ít nhiều,
Muối, dưa, cơm, gạo đỡ bao nhiêu!
Chẳng phiền bưu điện,
người thăm viếng,
Nhưng thiếu vẫn thơ lúc sớm chiều.

Nguyễn Phú Long

Về Thăm Kỷ Niệm

"Thiếu tiểu, ly gia, lão đại hồi"
Bây giờ, thuở ấy, rất xa xôi.
Láng giềng, thân thuộc nay đâu nhỉ?
Như tình, như mơ, như thế thôi!

Lối cũ người xưa rất...cũ xưa,
Còn ai chờ lúc nắng khi mưa?
Để cùng sớm tối vui tâm sự,
Như tháng năm dài vẫn đón đưa.

Tiệm hớt tóc đâu rồi? Ván vương!
Bàn cờ hò hét chuyện binh thường,
Hai bên tướng sĩ thời oanh liệt,
Bèo giạt mây trôi vạn nẻo đường.

Khu Nguyễn Tri Phương đó...giữa trời!
Chợ tàn, rác rưởi, trẻ rong chơi,
Cỗ xe thổ mộ bên lề vắng
Ôi! Nguyễn Lâm vang bóng một thời!

Chiều xuống nao nao nhớ quá chùng,
Mấy nhà cửa sắt kín như bưng,
Cải lương theo gió đang than vãn,
Kỷ niệm vô tình vẫn đứng đưng.

Nguyễn Phú Long



TRẮNG VÀ ĐEN

** tác giả: **Diễm Châu (Cát Đơn Sa)** **

Ông Thìn đi làm lại được 2 tuần nay yên ổn. Bà Thìn mừng khi nghĩ ông sẽ đem tiền lương đưa về như trước. Bà không màng đến chuyện để chồng ở nhà cho ám tẩm thân, đặng con Cúm Tàu không thể xâm nhập vào người, hay lãnh cái check thất nghiệp! Với bà, chỉ khi nào bị mất việc mới xin tiền đó, còn đây ông có bị thất nghiệp đâu!

Chủ kêu réo ông trở lại tiệm hàng ngày! Nhiệm vụ của ông là làm Manager tiệm Nail, nếu cứ bỏ cô chủ bơ vợ đối phó, thì tội cho cô ta quá!

Mới đầu thì ông có hơi sợ vì thấy tụi da màu đậm...(ông không dám dùng chữ Mỹ Đen để gọi tụi cướp bóc banh nhà lòng đó!) xông vào tiệm Việt Nam để cướp phá! Riêng bà thì chẳng sợ hãi gì cả, bà từng lên lớp ông rằng:

-Làm cái gì phải sợ tụi nó! Nó nhào vô tiệm là ông cứ móc súng ra bắn cho tui... đừng bắn chết, nhắm vô chân tay nó mà bắn...

-Bắn nó rồi mình ở tù sao bà!

-Tù gì mà tù... Nó có chết trong tiệm mình thì cũng không sợ đi tù, với lại có Camera chứng mình thì sợ gì... Hồi xưa ông nổi tiếng thiện xạ bắn súng trăm phát trăm trúng, sao giờ sợ dữ vậy!

Ông Thìn chống chế:

-Không phải là tui sợ... mà tui nó to con, mạnh bạo lắm... với lại tui nó có người chống lưng cho đi ăn cướp, quậy tung cái nước Mỹ lên! Minh bắn chúng lúc này thì không có lợi! Nhiều khi vì tự vệ mà mình lại bị ở tù mới là đoảng hậu!

Nghe chồng trả lời, bà Thìn nổi cơn:

-Không bắn lúc này thì bắn lúc nào? Nói thiệt với ông chứ tui coi TV thấy tui nó đánh mấy ông bà già, em bé là tui nổi cơn điên, chỉ muốn giết hết mấy thằng ăn cướp cho hả giận! Hay là ông đi làm rồi tui lấy súng đi theo ông... tui ngồi 1 góc, thằng nào vô lò mò ăn cướp là tui chơi liền... tui bắn vô chân thôi!

-Bà hay quá há... đừng có ý hời đó dạy bắn cho thiên hạ rồi bây giờ đem tay nghề ra xài tiếp nghe bà! đừng quên cái chân bà bị gãy xương chưa lành nghe...

-Thì tui chỉ ngồi một chỗ thôi, chứ có chạy nhảy gì đâu mà ông nói!

-Nhưng rùi nó nhào tới tấn công bà thì sao? Lúc đó làm sao chạy?

-Thì khi đó ông móc súng của ông ra mà bắn cứu tui chứ!

-Tui đi làm không muốn đem vũ khí vào tiệm! Tui chỉ có "súng nước" thôi!

Bà Thìn chột cười khi thấy ông chồng mình mang danh "Bách phát bách trúng

"mà lại nhát như con thỏ đế! Hai ông bà tính tình khác hẳn nhau! Bà thì nóng nảy như lửa trong lúc ông nhu mì, điềm đạm! Nhưng họ lại ở với nhau rất hạnh phúc, cho dù không có con, nhưng họ cũng không cho đó là chuyện quan trọng! Bà nói:

-Trời cho có thì nuôi, không cho thì thôi... nếu ông muốn có con quá thì bỏ tui đi lấy người khác cũng được!

-Thôi đi, nói tầm bậy không à!

Ông làm sao bỏ bà được... bởi ông cũng chẳng ham muốn gì con cái. Nhiều gia đình ông thấy tận mắt cha mẹ nuôi con đúng là như trời như biển... thế mà chúng nó khi trưởng thành, đã không ngần ngại vất bỏ cha mẹ mình không thương tiếc... Rốt cuộc chỉ còn hai ông bà lủi thủi với nhau!

-Con cái là lộc trời ban... đâu phải không cho có con rồi tự chạy đi kiếm, hay là thụ tinh nhân tạo... tui không thích làm chuyện trái với luật tạo hóa! Với lại chưa chắc có con là được nhờ tụi nó mai sau đâu! Bên này khi già thì vô viện dưỡng lão mà ở... trông mong vào con cái thì không phải là điều nên làm, lại bị tổn thương nếu không như ý mình muốn! vì con cái ở nước Mỹ cha mẹ nuôi đến 18 tuổi là tụi nó tự nuôi lấy thân, đa số tụi nó đi ra khỏi nhà rồi!

Nghe chồng nói bà Thìn cảm thấy tự ái được vượt ve! Bà cũng có lối suy nghĩ như chồng, nhưng vì là phận đàn bà, nên bà không muốn áp đặt ông phải

chịu theo ý nghĩ của mình! Thế rồi ông Thìn đến tiệm với cái mặt nạ che miệng, chứ bịt luôn cả mũi thì ông thờ không được! bà chịu khó mua cho ông mấy chai thuốc rửa tay sát trùng nhỏ bỏ túi, với lời căn dặn:

-Hễ bắt tay ai là phải khử trùng ngay, nhớ nha ông!

Ông không trả lời bà vì không tin con Cúm Tàu này mấy vì thấy kỳ kỳ sao đó! cho dù ông cũng sẽ nghe lời bà để bôi thuốc sát trùng vào tay! Bởi chính ông và nhiều người bạn coi TV đều biết rằng khi bọn họ xuống đường đòi công lý cho người da đen, thì chẳng ai mang mặt nạ cả! mà sau đó thì không nghe nói đến bệnh Cúm Tàu gia tăng... như vậy là tăng hay không là do nơi báo chí truyền thông?

Ông Thìn nhớ hôm cuối tuần, 5 ba người bạn tụ lại nhà ông ăn Bún Thịt Nướng, đã bàn luận với nhau vụ người dân đi biểu tình, trong đó có 1 số dân Việt... Anh An nói:

-Mình mới qua Mỹ có 45 năm, không biết bản thân có chắc ăn chưa lại đi đòi công lý cho người đã ở đây gần 3 trăm năm...

-Bởi vậy mới tào lao! Nói thiệt 1 số người họ nghĩ rằng làm vậy để lấy lòng Mỹ đen!

-Lấy lòng đâu không thấy mà giờ tụi Mỹ đen xấu nó loan truyền nhau tin người Việt Nam hay có tiền mặt trong bóp, nên hè nhau cướp người Việt! đập

phá tiệm của người Việt để cướp của!
thật là quá đáng!

-Đúng vậy! Giờ mấy bà ra đường hãy
cẩn thận, cứ đeo vàng vòng diện cho
lắm... là mang họa vào thân với tụi nó.
Bà Thìn lúc đó mang mấy đĩa rau thơm
ra góp chuyện:

-Theo tui nếu đòi bình đẳng công lý thì
phải đòi cho tất cả mọi người, rồi sắc
dân nào cứ quây quần với với sắc
dân đó, chỉ cần ra đường làm ăn,
đụng độ không chèn ép nhau, sống
như trước là được rồi!

Lời nói của bà Thìn chí lý lắm... nhưng
chuyện chính trị chính em thì không
bao giờ đi thẳng 1 lèo như mọi người
nghĩ! Ông Thìn hỏi các bạn:

-Mấy ông có ai quen chết vì con Virus
Vũ Hán không?

Mấy cái đầu cùng lắc. Ông An lại nói:

-Tui cũng không có ai quen chết vì con
Cúm Tào này cả!

-Vậy mình may mắn... dù sao thì "cẩn
tắc vô áy này" nha mấy ông!

-Tui ghét thằng Tào Cộng vì trước đây
nó đã đầu độc vào thức ăn, phát tán
ra toàn thế giới cho người ta ăn vào
bệnh chết! rồi thì hàng giả, thuốc giả,
sữa giả... thức ăn nào cũng giả để
cho dân chúng ăn vào là mắc bệnh
ung thư! Đây, tui đi du lịch bên nước
Tào, không biết ăn nhằm nắm độc
hay sao mà sau chuyến đi chơi đó,
lúc về bắt đầu ghê ngứa nổi đầy
người, uống trụ sinh bao nhiêu lần
cũng không hết!

Nói xong ông An giở lưng áo cho mọi
người xem, tấm lưng của ông bị lở loét
thật kinh hoàng! Thảo nào dạo sau này,
ông thề không ăn thức ăn hay dùng
hàng Trung Cộng nữa!

Ông Thìn đi làm với sự dè dặt hơn mọi
khi. Ông đến tiệm giúp cho cô chủ nhỏ
gọi thợ tới làm những tấm vách mỏng
bằng platic trong khung gỗ trắng, che
chắn những chiếc ghế ngồi từ khách
với khách, che chắn giữa khách và
thợ... với lối vẽ kiểu đơn giản nhưng an
toàn, kèm theo là anh thợ cho thêm ý
kiến riêng trong chuyên môn của anh,
khiến cho căn tiệm nhìn rất tươi mát,
sạch sẽ.

Tội nghiệp cô chủ thấy ông đến thì
mừng còn hơn được tiền! Trông cô lẻ
loại cô độc với đứa con nhỏ 4 tuổi phải
dẫn theo, vì chị vú em đã nghỉ việc mất
tăm luôn với cái đồng hồ Rolex của cô!

-Hên là tiệm của mình không bị chúng
nó đập phá như những tiệm kia hả
chú?

-Cũng phải cẩn thận vì tiệm mình có 1
nửa khách Mỹ đen, chúng nó biết ở
đây đất hàng, có thể sẽ đồn nhau!

-Phải đó chú. Có vài con Mỹ đen rất là
cà chớn. Lần nào tới cũng đòi hỏi,
khieu nại đủ thứ... vì muốn ăn giết
tiền! nhiều khi thấy mặt chúng là cháu
không muốn tiếp, nhưng làm vậy
chúng lại nói mình kỳ thị rồi sinh
chuyện!

-Thì đó... giờ tụi nó vin theo người biểu tình để ăn cướp rồi đó!

-Cầu trời cho chúng đừng đi qua khu này!

Ông Thìn ra ngoài nhìn hai bên dãy phố. Kế bên là tiệm giày Nike, bên trái là tiệm vàng của người Phi, trước mặt là tiệm bán mỹ phẩm, sát cạnh đó là tiệm bóp da hàng hiệu, tiệm uốn tóc, nhà hàng... chao ơi, mấy thứ này mà cướp thì bọn nó thích lắm đây!

Một ngày ông Thìn đi làm, tiệm đang sửa sang cho đúng luật để ngày 1 tháng 7 là mở cửa đón khách! Ông và cô chủ nhỏ chia nhau công việc làm cho xong, để chính phủ đến kiểm tra thì sẽ được thông qua, không bị làm khó dễ!

-Tiền nhà 5 ngàn 1 tháng mà mấy tháng nay chẳng thu được đồng nào thật là ngán quá chú ơi! Hy vọng cấp trên họ xuống khám xét, sẽ thông qua cho mình mở cửa mà không bị khó dễ là tốt lắm!

-Tui cũng cầu cho mọi sự yên ổn như trước, đừng có quậy lên nữa! Họ không thương cho nước Mỹ của họ đang gặp họa nạn hay sao... cứ dung dưỡng cho bọn ăn cướp!

-Nói thiệt với chú hể rày con cầu nguyện hoài... cho chúng nó đừng đến phố này, chúng nó đã đốt tan tành hai nhà băng lớn ở con đường bên cạnh rồi! sao mà lo quá chú ơi!

-Thôi cứ phó mặc cho Trời cô ạ! dù sao thì mình lo cũng không làm được gì...

-Mấy hôm nay chú thấy thằng Bill buổi trưa nó hay lờn vờn ở phía trước tiệm mình không?

-Có, tui cũng ngại thằng này, cứ quanh quẩn ở đây... nhưng nhìn nó cũng hiền!

-Bởi vậy thấy nó đói, con mua cho nó 1 phần ăn và thêm chai coke, mong nó đừng quậy mình! Hy vọng là vậy!

-Cho nó nhiều khi nó không biết ơn, lại hùa với mấy thằng khác mà ăn cướp là chết!

-Chắc không sao đâu chú. Thằng Bill theo con thấy thì nó không ăn cắp, chỉ nghèo thôi, Dù nó tuy là đen, nhưng không hung dữ và quậy phá như mấy thằng khác! mà lúc nãy nó có nói 1 câu khiến con suy nghĩ hoài, không biết là ý gì?

-Nó nói sao?

-Nó bảo rằng hãy cẩn thận, ngày mai đóng chặt cửa nẻo...

-Thì mình vẫn đóng mà...

-Hay mua giầy xích về cột khóa thêm phía ngoài?

-Vậy cũng có lý, hai cánh cửa nó dính vào nhau khó vào hơn không có giầy xích!

Ông Thìn vội chạy ra ngoài Home Depot sắp hàng để mua hai miếng ván, và 1 đoạn giầy xích to cùng cái ổ khóa thật lớn. Cũng may xe ông có ba ga phía trên nên chờ về đến nơi an toàn.

Căn tiệm phía trước hai bên là cửa kiếng, ở giữa là 2 cánh cửa lớn cũng bằng kiếng. Ông chọn cách che miếng

gỗ lên 2 cửa kiếng hai bên, vì họ cho rằng che như vậy, chúng cũng không thể đập bể kiếng đỡ thiệt hại!

Dọn dẹp xong, che tất cả cửa nẻo thì cũng gần 3 giờ chiều. Ông Thìn đang tính nói cô chủ đi về, thì bỗng dưng thấy phía trước có lác đác mấy thằng Mỹ đen đi ngang, vừa đi vừa nhìn vào tiệm với ánh mắt khả nghi!

Rồi sau đó một tốp cả mấy chục thằng ăn mặc quần lòi xì líp, tay cầm gậy gộc vừa đi vừa la lối... Cô chủ chưa kịp đóng cánh cửa thì chúng đã xông vào 3 thằng, thằng tay đập phá những gì cô mới gầy dựng, sửa sang lại! Chúng say sưa đập phá, 1 thằng tính chạy đến chỗ máy tính tiền phá tiếp thì ở ngoài cửa có tiếng la:

-Qua bên tiệm vàng nhiều nữ trang, đồng hồ lắm, nhanh lên...

Thế là ba thằng bỏ chạy theo thằng kia... Ông Thìn và cô chủ điếng hồn nhìn theo thì thấy thằng này quen quen, nhưng nó la lên rồi chạy mất chứ không qua tiệm vàng như mấy thằng kia!

-Thằng Bill!

Ông Thìn và cô chủ cùng kêu lên! Đúng là tiếng của thằng Bill rồi!

Cô chủ len lén lại gần cửa nhìn ra ngoài quan sát, ông Thìn cũng đứng kế bên theo dõi... cũng may là chúng mới ừa vào đập phá 1 số đồ bên trong chứ chưa đập bể kính của cánh cửa!

Họ thấy thằng Bill đứng xa xa phía bên kia đường. Cả khu phố này ai mà

không biết nó! Là 1 đứa có làn da màu đậm, nhưng Bill rất đáng thương, thấy nó nghèo đói, thì những chủ nhân các cửa tiệm hay cho nó bữa trưa, bữa tối... ai cũng đối xử với nó tử tế, giúp cho nó những việc làm lặt vặt...

-Vậy mà hôm nay nó lại chạy theo mấy thằng ăn cướp!

-Hay là nó muốn nhân cơ hội này chụp giựt để có tiền tiêu xài!

-Hồng biết nổi luôn! Nó là đứa hiền lành sao lại hùa theo tụi kia làm gì!

May mà hôm nay chúng nó chưa kịp đập vỡ kính phía trước cửa... chứ nếu cửa kính bị vỡ, thì tối nay làm sao yên tâm mà về được! Còn ở lại canh tiệm thì chỉ hai mẹ con sợ còn hơn sợ ma! rui chúng nó mà quay lại lục lạo hôi của mà thấy mình... có lẽ chúng sẽ giết!

-Trời cũng thương, ra tay giúp cho tiệm mình chỉ hư hại chút ít! nhiều tiệm bị chúng nó phá hay đốt cháy tanh banh, lại còn đánh người chết hay là trọng thương! Đúng là quân sát nhân!

Sáng hôm sau, cô chủ nhỏ in ra 1 bản tin liên quan tới tiệm Nail đưa tới chỗ làm cho ông Thìn xem. Ông lẩm nhẩm đọc:

-Ở Mỹ 31 năm, tôi chưa hề thấy nước Mỹ lại lố bịch như lần này. Tôi chẳng hiểu gì về chính trị. Nhưng nếu ai đem tính mạng và tài sản của nhân dân ra làm trò câu 'like' cho mục đích chính trị của họ thì đảng đó không phải vì nhân dân. Tiệm tôi trong một tuần bị đập phá cướp bóc hai lần. Tôi gọi

cảnh sát nhưng không ai đến. Vốn liếng mấy chục năm làm lụng trong một tuần mất hết. Nỗi oan ức này ai thấu? Nhà cầm quyền đã quỳ gối trước bọn cướp phá tài sản của nhân dân, thậm chí là giết người. Điều đấy đã làm bao nhiêu người uất ức, trong đó có tôi. Vậy chúng tôi, những nạn nhân của cả hai phía có được ai quỳ gối xin lỗi hay bồi thường không? Có người nói có bảo hiểm sợ gì. Bảo hiểm nghe đài Mỹ nói lần này họ không trả vì bạo loạn không có trong 'policy'. Hy vọng là không đúng. Nhưng thất thoát suốt mấy tháng qua vì dịch bệnh thì chắc chắn không bao giờ đền.

Chờ đợi 3 tháng, ráng bám víu xoay sở cào thẻ trả đủ rent để giữ tiệm. Rồi dùng một cái chúng nó vô đập phá tan nát. Ngồi chết lịm nhìn tài sản của mình bị hủy hoại và mất mát. Ráng bình tĩnh thu dọn, nói với lòng phải vượt qua. Chưa đầy một tuần sau chúng lại cạy cửa vô lấy tiếp. Lần này thì bao nhiêu thứ đất tiền chúng vơ vét sạch. Không còn đứng nổi nữa nhưng tôi vẫn phải sống vì không còn con đường khác, khi không được trợ cấp thất nghiệp hay bất cứ vay mượn nào.

Rồi khi mở thì nơm nớp lo sợ Health Department có đóng cửa mình không vì không biết đã chuẩn bị đủ theo yêu cầu của họ chưa. Rồi còn State Board kiểm tra hoành hoặ. Một cỗ mà đeo

mấy gông. Mỗi ngày làm được hai ba khách thì lo chạy về vì không biết chúng nó có bắn nhau chỗ mình không.

Về nhà đêm nằm suy nghĩ không biết tiệm mình nó có tha chưa nhỉ? Khóc không thành tiếng, chỉ ngồi chết lặng. Vài bữa đây nghe nói có hơn 300,000 người kéo đến Seattle chiến đấu với bọn thổ phỉ. Không biết lúc đó có khói lửa chết chóc và tàn phá sẽ như thế nào. Các bạn có biết tiệm tôi ngay ngã năm, mỗi ngày không biết bao nhiêu xe cứu thương hú còi chạy qua chạy lại. Mình cứ nghĩ thành phố mình như đang trong thời chiến tranh vậy đó.

Mỗi sáng đi làm lái xe trên Jackson, thấy những cửa tiệm có cái bị đập kiếng, có cái chưa, nhưng tất cả được phủ ván gỗ để bảo vệ. Trên những miếng gỗ đó được vẽ hình người Mỹ đen và dòng chữ Black Lives Matter. Nhìn sao thấy quá mỉa mai chua chát. Họ đòi công lý ngay trên sự đổ nát tài sản của những người vô tội do chính họ gây ra. Như một trò hề không thể nào lố bịch hơn được nữa. Buồn lại suy nghĩ sao ông trời bất công với mình.

Khi xã hội bắt đầu đóng cửa, tôi ở nhà mua vải may cả ngàn cái masks donate cho chính phủ để cứu người trong khi mình không còn tiền nữa. Tôi đóng góp tiền cho các web gây quỹ cứu trợ cho dù tôi sắp đói. Tôi

tiếp tay các tổ chức thiện nguyện xin khẩu trang để gửi đi khắp nơi. Tôi cho luôn bản quyền những design masks để các nước may theo từ rất sớm...Nhưng cuối cùng, thiên hạ pay tôi back bằng cách đập nát tiệm tôi và cướp sạch hàng hoá. Tôi không biết ngày mai tôi sẽ sống ra sao đây.'

Đọc xong, ông Thìn cảm thấy buồn và lo. Ông an ủi cô chủ:

-Câu chuyện của anh này cũng có thể là chuyện của nhiều ngành nghề tiểu thương và các tiệm Nail khác, bài viết nói lên hoàn cảnh và nỗi niềm của bao nhiêu người trầm lặng trong những ngày gần đây. Mình chỉ còn cầu nguyện thôi cô ạ! Người ta còn bi thảm hơn mình!

-Nói thiệt với chú chứ con run quá... đóng cửa bao nhiêu tháng rồi, tiền để dành được rủng rỉnh cầm cự tiêu cũng gần hết... mới sửa tiệm lại thì chúng tới phá! đây rồi chúng cứ phá như thế này thì làm sao trụ nổi chú ơi!

-Thì cũng phải đứng lên mà sống chứ ngồi đó thở than khóc lóc cũng chẳng làm được gì! À, ngày mai bà xã tui đòi ra ngoài này ngồi với cô cho có chị có em... Bà bắn súng giỏi lắm....

-Vậy hả chú!

-Bị bà nghe tui kể chuyện tui nó xông vào đây, bà lo cho tui và cô quá, bà nói có thêm người vẫn hay hơn...

Cô chủ nghe ông Thìn nói cảm thấy an tâm trong lòng. Giá mà bà có mặt ở đây hàng ngày thì tốt biết mấy! Cô biết bà

Thìn là người vui vẻ, bộc trực. Lúc trước bà thường xuyên mang cơm ra tiệm cho ông buổi trưa, bà hay nấu thêm phần cơm rồi mời cô cùng ăn. Bà nấu cơm khá ngon, nhất là những món như thịt nướng là hết xẩy!

-Hay là chú nói thím đi làm thêm, ra đây lo việc dọn dẹp được không chú?

-Thôi, khi nào tiệm được mở cửa thì cô cũng còn ít khách, phải từ từ mới trở lại như khi trước được! Bà ấy biết như vậy nên không làm đâu! Mai bà sẽ ra đây chơi với cô cho đến ngày khai trương trở lại!

Hôm sau bà Thìn theo chồng ra chỗ làm. Bà mang sẵn cơm trưa cho mọi người. Nghe kể chuyện thằng Bill, bà cũng muốn biết mặt nó ra sao. Cô chủ nhỏ dặn khi bà bước ra ngoài với cây nạng:

-Đi quanh quần gần đây thôi, thím đừng có đi xa mà đau chân!

Bà Thìn cười gật đầu. Trong túi bà có thủ sẵn cây súng nhỏ. Súng này bắn thì không chết, nhưng trúng tim chắc cũng ngum! Ngoài ra còn có khúc bánh mì Cá Mòi và chai nước lọc nhỏ. Mang theo cho chắc ăn!

Bà Thìn đi dọc theo dãy phố, nhiều cửa tiệm vẫn còn đóng, các tiệm ăn mở nhưng vắng người. Có mấy tiệm mới bị phá hư hại! Nhìn xa ở góc phố, bà thấy 1 thằng Mỹ đen lom khom bên chiếc xe đạp dựng phía trước. Coi chừng nó lại tuomm xe đạp của người ta! Bà nghĩ vậy và tiến đến càng gần, thì thấy nó

vẫn đứng im. Mãi nhìn thẳng bé nên bà Thìn không biết có một bậc thang nhô lên, bà vấp té bò ra sân! Thăng Mỹ đen cũng giật mình, nó quay đầu nhìn bà rồi tiến lại đỡ bà lên, miệng hỏi:

-Bà có sao không?

Không sao cả, nhưng hơi khó khăn khi tự đứng lên 1 mình! Bà đành phải đưa tay vịn vào vai nó đứng lên! Nó hỏi tiếp:

-Bà có cần 1 cái ghế để ngồi không?

-Ghế ở đâu đây?

Đôi mắt bà nhìn nó đầy nghi ngờ, nó trả lời:

-Tôi chạy vào chỗ tiệm kia lấy tạm 1 cái!

Nó chỉ tay vào 1 tiệm làm tóc bị đập phá tan hoang!

-Tiệm người ta mà you dám vô lấy đồ sao?

Trong đầu bà, đây chính là 1 tên ăn cướp chứ chẳng sai! Nhưng ngay lúc đó, từ trong tiệm bước ra 1 bà Mỹ trắng, tay bà ta xách theo 1 cái ghế xếp đưa cho thăng bé, rồi nói:

-Tôi nhờ nó coi chừng tiệm tôi ban đêm! Nó tốt lắm, tên là Bill. Phải you ở tiệm Nail đằng kia không?

Bà Thìn gật đầu, bà Mỹ tiếp:

-Bill tốt lắm, nhờ nó mà hôm đó ở tiệm Nail đỡ bị phá nát. Nó thấy tụi kia sắp đập phá bên trong, bèn giả vờ kêu lên qua bên kia cướp vàng... thế là tụi kia bỏ chạy, tiệm Nail mới không bị đập nát! cũng nhờ nó mà khu này ít bị hư hại hơn mấy nơi khác!

Thì ra thế! Vậy mà qua lời kể của chồng bà, thì cả ông Thìn và cô chủ lại nghi ngờ thăng Bill nhập bọn để ăn cướp với mấy thằng kia! "thiện tai, thiện tai"!

Theo lời bà Mỹ, thì thăng Bill thích la cà ở mấy khu Business để làm việc vặt kiếm cơm... vì không thích ở với bà mẹ tai ác mà nhóm Mỹ đen rất nể sợ, nhờ thế mà thăng bé có làm gì không đúng ý mấy tên kia, nhưng chúng nó nể mặt bà mẹ không dám đánh Bill bao giờ!

Bà Thìn móc trong bao ổ bánh mì Cá Mòi và chai nước đưa cho Bill, rồi nói:

-You giỏi lắm. Cám ơn những việc làm tốt của you... trưa trưa nhớ qua tiệm Nail, tui có thức ăn ngon cho you...

Thăng bé cười ngòn nghèn, khoe 2 hàm răng trắng bóc ẩn sau làn da đen thui.... Nụ cười rạng rỡ của kiếp người nổi trôi!

Diễm Châu (Cát Đơn Sa)



Tranh « Nàng Xuân » – Cát Đơn Sa

Ê CHỀ

Tôi đã sống nhiều năm xa tổ quốc
Và cam đành làm một kẻ thất phu
Chưa bao giờ nghĩ tròn câu hữu trách
Để hoàn thành phận sự một dân ngu

Tôi đã sống không người đưa, kẻ đón
Qua những mùa Xuân, Hạ với Thu, Đông
Sự hờ hững của người quanh lối xóm
Tôi cô đơn nhìn mây nước mênh mông

Ý nguyện tôi khi phải rời đất nước
Là mong ngày về giải phóng quê hương
Nhưng... thực tế làm tan niềm mơ ước
Như thường mơ trong giấc ngủ đêm trường

Tôi đã sống: quên tôi nơi đất khách
Mặc tháng năm theo chiều gió bốn phương
Để cho cuộc sống không còn khoảng cách
Thấy mọi người làm việc nghĩ mà thương!

Có những đêm vui đầu vào đọc sách
Truyện ngắn, dài, và sáng tác vẫn vờ
Cũng cảm thấy còn say mê hương sắc
Nên tìm vần, tìm ý để làm thơ

Sáng thức giấc nhìn sương rơi bạc tóc
Chiều soi gương thấy má hóp, vai gầy
Thân ê chề, mắt gấn như muốn khóc
Tiếng chuông chùa nghe vắng vắng đâu đây

ANH ĐỘ ĐỒ CẨM KHÊ

ANGUISH

I have lived many years away from my old country
And resigned myself to becoming amongst the rabble
Never yet thought of the duty though of all and sundry
To achieve any responsibility even just to dabble.

Neither welcome, send-offs, nor greetings at least
Have I received through Spring, Summer, Fall, Winter
But seen the neighbors' indifference West and East
And heaven-and-earth' vastness out of mine the inner.

When I decided to leave my native place, I did aspire
To return some day to gloriously liberate the land;
But real life, alas, has shattered all my deep desire,
All that I had dreamt of every night to my demand.

I have lived here in exile a kind of self-denial life
Letting time pass in a gone-with-the-wind fashion
In order that there is no distinction of our life-style:
The sight of others at work arouses my compassion.

Many a night I get wrapped up in reading books,
Short stories, novels, even trifles; but they do nerve,
And I feel under a spell because of beauty and looks,
And I seek for inspiration to create my own verse.

I wake up to see in the morning my hair snow-white,
In the evening my shoulders scraggy, cheeks sinking,
Anguish overwhelming heart, tears dimming eyesight.
Some pagoda bell somewhere around here is ringing...

THANH THANH

CẦM ĐŨA CHẤM NƯỚC MẮM

** tác giả: TT-Thái An **

Người Trung Hoa phát minh ra đũa, có những sử liệu cho thấy từ khoảng 1500 năm - 3000 năm trước công nguyên người Trung Hoa đã dùng đũa.

Do thế, khi người Tàu đến xâm lược Việt Nam và đặt nền móng cai trị thì văn hóa cầm đũa để gấp thức ăn cũng được theo vào.

Đến khoảng thế kỷ thứ 7 sau công nguyên thì các nước Nhật Bản, Đại Hàn cũng đã dùng đũa.

Như thế ở Á châu chỉ có 4 nước dùng đũa gấp thức ăn: Trung Hoa, Việt Nam, Nhật Bản và Đại Hàn.

Nước Đại Hàn vì ở sát phía đông bắc của Tàu nên học theo nhiều thứ của Tàu vì ảnh hưởng qua lại.

Riêng nước Nhật cách xa Tàu một đại dương mênh mông, chưa từng bị Tàu đô hộ nhưng vì biết nước Tàu có nhiều điều hay, mới, lạ, nên hàng năm họ đưa phái đoàn sang Tàu để học hỏi. Sau đó đem về Nhật canh tân sửa đổi lại cho thích hợp với ý của họ và phổ biến rộng rãi trong dân chúng.

Bởi thế người Tàu tự gọi mình là Trung Hoa, là trung tâm văn hóa của “thế giới”.

Nhưng sự thật văn hóa Trung Hoa chỉ ảnh hưởng trên ba nước là: Việt Nam, Đại Hàn và Nhật Bản. Còn những nước

khác ở Đông Nam Á chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ.

Người Nhật và Đại Hàn học được từ Trung Hoa nghệ thuật cắm hoa, vẽ tranh sơn thủy, dệt lụa, làm gốm sứ, kiến trúc nhà cửa, làm đậu hũ, xì dầu (nước tương), chữ viết, pháo bông và đũa.

Ngày nay, nghệ thuật cắm hoa của người Nhật được chia ra vài trường phái chính và được cả thế giới biết đến. Nghệ thuật vẽ tranh sơn thủy của Nhật cũng vào hàng độc đáo, cao siêu vì nét vẽ công phu, tinh vi, nhiều chi tiết rất linh động, màu sắc cũng độc đáo. Tuy rằng, loại tranh vẽ người mặc áo theo lối cổ, nét mặt đàn ông trông dữ tợn, đàn bà trang điểm theo khuôn mẫu cổ điển như mặt nạ không thích hợp với sở thích của những người Âu Châu. Nhưng rõ là một trường phái hội họa nổi bật ở Á Châu, có thể hơn cả người Tàu cổ.

Đôi đũa của người Nhật cũng khác với đũa của người Tàu, nó ngắn hơn độ 3 phân tây, một đầu nhỏ xíu, một đầu to ra, đôi khi vuông thay vì tròn; cầm gọn gàng trong đôi tay.

Đôi đũa của người Đại Hàn thì dài hơn đôi đũa của người Tàu chút xíu.

Trong khi đôi đũa của Việt Nam thì y chang đôi đũa của Tàu từ hình thức đến kích thước.

Người Tàu cũng phát minh ra cái bát cơm, bát súp để đựng cơm. Vì thế người Đại Hàn, người Nhật và người Việt Nam cũng học theo cách làm bát để đựng cơm. Thế nên, hễ cầm đũa thì phải đi với cái bát cơm.

Nhưng người Đại Hàn làm cái bát cơm của họ to hơn cái bát của Tàu một chút. Người Nhật sửa cái bát lại, miệng bát thì loe ra, đáy bát thì eo lại nên trông hơi giống cái phễu.

Riêng cái bát của người Việt thì vẫn giữ kích thước và hình dáng y như cái bát của người Tàu. Tại sao thế nhỉ? Có lẽ trong thời gian một ngàn năm Bắc thuộc, người Tàu ồ ạt kéo nhau qua ở xứ ta, họ gánh cả nồi niêu chén bát qua dùng; sau này họ phải tự sản xuất để thay thế những cái đã bể. Có lẽ vì thế mà người Việt học lại y chang mẫu mã của họ?

Trong khi đó, nghệ thuật cắm hoa ở Trung Hoa hầu như đã mai một vì cái tánh bí truyền. Ngày nay, họ cố khôi phục lại nghệ thuật cắm hoa, nhưng căn bản kiểu cổ không có thì chỉ là phát minh theo tài khéo của người nghệ nhân mới; nhưng cũng không được thể

giới biết đến như nghệ thuật cắm hoa của Nhật.

Thời xưa, ở bên Tàu, có lẽ chỉ có các tiểu thư con vua chúa, con nhà quan, con phú hộ mới có điều kiện học cắm hoa và chưng hoa trong nhà. Cũng có thể vì bình hoa, chậu hoa kiểu này, kiểu kia là những thứ mà nhà nghèo khó mua sắm. Thời cổ, nhà nghèo muốn mua cái tô, cái bát, cái đĩa để ăn cơm, cái chén, cái ấm để uống trà đã là khó. Đã thế, kiếm ra thức ăn mỗi ngày cho gia đình đã vất vả, còn nghĩ gì đến kiếm tiền mua hoa, trừ khi nào nhà trồng sẵn hoa, mùa nào có hoa nấy.

Riêng Việt Nam, vì bị Tàu cai trị và triều cống cho họ hàng năm, nên có lẽ vì thế, khi cai trị người Việt, họ không chỉ cho cách cắm hoa và vẽ tranh? Họ chỉ cho ta cách viết chữ Hán, truyền cho bài vở để học, và thi cử theo y như họ để dễ đồng hóa ta.

Người Việt Nam hình như từ cổ không có nghệ thuật cắm hoa, mua một bó hoa về là cắm hết cả bó vào cái bình cao, cổ túm lại, miệng hơi loe ra; rồi để lên bàn thờ. Không có họa sỹ vẽ tranh bày bán. Chỉ có vài làng nghề phía Bắc có nghề in tranh bán tét cho trẻ em đem về treo trên tường nhà. Đó là những bức tranh khắc trên gỗ, họ in lại trên giấy, chứ không phải vẽ.

Vào thời Pháp thuộc, người Pháp đem nghệ thuật hội họa của họ vào dạy cho ta nên bắt đầu có môn hội họa và chúng ta bắt đầu có họa sỹ vẽ theo trường phái của hội họa Âu châu.

Sau này, dưới chế độ Việt Nam Cộng Hòa của miền Nam, chánh phủ cũng mời giáo sư Đài Loan đến trường Hội Họa ở Gia Định để dạy vẽ tranh sơn thủy của Trung Hoa.

Người Tàu phát minh ra đậu phụ (đậu hũ), xì dầu, tương hột và chao.

Đại Hàn và Nhật cũng học làm đậu hũ và xì dầu của Tàu nhưng xì dầu của hai nước này cũng có vị khác xì dầu của Tàu.

Riêng miền Bắc Việt Nam, dù chịu cả ngàn năm đô hộ, họ chỉ học làm đậu phụ, xì dầu cũng có biết đến, nhưng không lọt được vào mọi căn nhà. Dù người Tàu cũng đã kéo đến ở miền Bắc cả ngàn năm, từ từ con cháu họ bị đồng hóa thành người Việt, món nước tương hay xì dầu vẫn không hiện diện trong các bữa cơm gia đình.

Tại sao vậy? Có lẽ hai thứ nước chấm làm nền trong các bữa ăn của người miền Bắc thời cổ là tương Bắc còn gọi là tương Ta hay tương Quê (ở Mỹ hay gọi là tương Cự Đà do hãng tương Cự Đà sản xuất lấy tên làng Cự Đà ở Sơn Tây, làng này nổi tiếng làm tương Bắc ngon).

Tương Bắc là tên gọi trong Nam sau khi người Bắc di cư vào Nam năm 1954 mới được gọi để phân biệt với tương hột của người Tàu hay bán ở các tiệm chạp phô của người Tàu.

Ngoài Bắc kể từ tỉnh Quảng Bình trở ra giáp biên giới Tàu đều dùng tương Bắc, nhưng qua mỗi vùng, có nơi gọi tương ta, có nơi gọi tương quê. Nghệ An có làng Nam Đàn nổi tiếng làm tương ngon nên gọi là tương Nam Đàn. Hải Dương có tương Bần nổi tiếng của làng Bần. Sơn Tây thì có làng Cự Đà làm tương nổi tiếng ngon nên gọi là tương Cự Đà. Tuy nhiên các tỉnh khác của miền Bắc và Bắc Trung phần đều có nhưng người làm tương Ta kiểu gia đình để tự dùng hay đem bán ở chợ gần nhà.

Tóm lại, tương Cự Đà, tương Bần, tương Nam Đàn đều là tương Ta, có mùi vị tựa tựa như nhau. Loại tương này dùng vật liệu từ cơm nếp để lên mốc vàng, phơi khô rồi cho vào vại đậu nành đã rang và ngâm nước cho lên váng; người ta còn gọi đùa là “Anh Thiu đi với Chị Thối”. Sau một thời gian phơi nắng thì thành tương, đặc sền sệt, có mùi vị đặc trưng giống nhau. Bởi vì nó có mùi hơi nồng, và vị đậm đà, bùi bùi của đậu tương nên đã quen ăn rồi thì không tha thiết với cái vị quá nhẹ, hầu như không có mùi của xì dầu đâu.

Tương Ta có thể dùng để chấm rau luộc, rau sống, chấm đậu hũ, chấm thịt luộc, bê thui, để kho cá, kho thịt, kho chay. Và nó trường tồn từ thế hệ này sang thế hệ khác nên xì dầu không thể nào thay thế được nó. Tương ta cũng được dùng để nấu ăn chay. Các chùa miền Bắc đều tự làm tương để ăn quanh năm.

Tương Ta cũng theo lớp người Đại Việt (Việt Nam) di cư vào Châu Ô, Châu Lý khi vua Chế Mân của Chiêm Thành dâng hai châu này làm sính lễ để cưới Công Chúa Huyền Trân của nhà Trần, mà ngày nay gọi là Quảng Trị, Thừa Thiên. Nó vẫn còn hiện diện ở đó; người ta dùng tương ta để pha chế thành nước chấm với bánh Khoái.

Thời xưa, khi chưa có xe ô tô, chưa có đường nhựa, phương tiện giao thông bằng đường bộ từ tỉnh này sang tỉnh khác hầu như không có, ai ở đâu thì cứ ở yên đấy nên những người Việt phía Bắc sống trên các vùng cao hoặc xa biển, có lẽ không có nước mắm để dùng, vì thời đó lái buôn nước mắm cũng chỉ dùng ghe thuyền chạy dọc theo các làng ven biển hay vào được những nơi có sông ngòi mà thôi. Vì thế, dân sống ở những nơi này chỉ dùng tương Quê trong việc ẩm thực hằng ngày.

Có một bà người Sơn Tây, năm 1954 khi bà được 12 tuổi, theo bố mẹ xuống

Hải Phòng để chuẩn bị di cư vào Nam bà mới được ăn nước mắm lần đầu ở Hải Phòng. Bà bảo ở làng bà nhà nào cũng tự làm tương để ăn, làng của bà nằm sát làng Cự Đà nên bà biết dân chung quanh vùng đó nhà nào cũng làm tương rất ngon.

Những người Việt phương Bắc và Bắc Trung phần dọc theo biển thì đã biết làm nước mắm để nấu nướng, để chấm rau củ, chấm đậu, chấm cá. Nhưng họ vẫn làm tương và dùng tương trong bữa ăn hằng ngày.

Nhưng trong miền Nam, vì người Tàu di cư đến từ lâu và ở chung với người Việt cả mấy trăm năm nên xì dầu rất phổ biến trong Nam, người miền Nam dùng xì dầu để nấu ăn chay, rất phổ biến nên họ gọi thẳng tiếng Việt là “Nước Tương” chứ không gọi “xì dầu” như người Bắc. Có lẽ ở miền Bắc, chỉ có một số nhỏ người Tàu làm và dùng xì dầu nên người miền Bắc gọi theo tiếng Tàu là xì dầu.

Trong khi người Tàu dùng xì dầu để chấm cá chiên, thịt luộc, hay để kho thịt, kho cá. Họ không ăn rau luộc hay rau sống nên không dùng xì dầu để chấm rau.

Vì thế, tuy ảnh hưởng Tàu về xử dụng đôi đũa để gắp thức ăn, để và cơm từ bát vào miệng, nhưng người Việt vẫn cầm đũa để gắp rau chấm nước mắm, chấm tương Ta chứ không chấm xì dầu như người Tàu, Đại Hàn và Nhật.

Thực ra, tại một số làng ven biển của Tàu, Đại Hàn và Nhật, ngư dân cũng làm nước mắm khi có nhiều cá bé. Nhưng nước mắm không được phổ biến rộng rãi trên toàn quốc vì nó có mùi vị nặng hơn xì dầu và có lẽ không có nhiều để mà phổ biến. Vì thế, xì dầu vẫn là thứ nước tương dùng chính trong việc nấu ăn và chấm thức ăn của họ.

Nước Mắm là gia vị chính trong ẩm thực của dân vùng Đông Nam Á. Các nước Phi Luật Tân, Miến Điện, Nam Dương, Thái Lan, Lào, Cam Bốt, Việt Nam đều sử dụng nước mắm trong các bữa ăn hằng ngày. Tuy nhiên, trong các nước này, chỉ có dân Việt Nam là cầm đũa, còn lại các dân tộc kia vì ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ nên họ ăn bốc (ăn bằng tay).

Họ không dùng đũa nên cũng không dùng bát (chén) để ăn cơm. Vì bát cơm cũng do người Tàu phát minh ra, mà họ không hề ảnh hưởng Tàu tí nào. Họ ăn cơm bằng đĩa.

Đến bữa cơm gia đình, họ cũng có mấy đĩa hay tô thức ăn để giữa sàn nhà hay giữa bàn, họ ngồi chung quanh, mỗi người một đĩa cơm, một cái muỗng cá nhân. Họ lấy muỗng của mình múc thức ăn trong đĩa công cho vào đĩa cơm của mình, rồi lấy tay vo cơm với thức ăn thành nắm, bỏ vào miệng.

Người Miên (Khome) thì có thêm tô canh để ở giữa, ai muốn ăn thì dùng muỗng của mình nhúng vào tô mà múc canh cho vào miệng (Cách này thì y chang người Tàu).

Sự thật ra, dân tộc Ấn Độ không phát minh ra cách ăn bốc, mà ăn bốc đã có từ thời có con người trên mặt đất. Cho đến nay, các dân tộc ở Châu Phi, ở vùng Trung Đông, ở các vùng xa xôi hẻo lánh trên thế giới vẫn dùng tay bốc thức ăn.

Vì thế, nếu vào các nhà hàng của Thái Lan, Lào, Cam Bốt hay Phi Luật Tân ở Mỹ, họ chỉ bày muỗng và nĩa trên bàn cho khách ở Mỹ dùng. Họ không để sẵn đũa trên bàn, nhưng khi khách hỏi xin đũa thì họ sẽ đưa cho khách loại đũa dùng một lần rồi bỏ.

Nhưng số Hoa kiều sống ở các nước vùng Đông Nam Á khá nhiều, đi đâu họ cũng mở nhà hàng hay quán cơm bình dân. Vì thế, dân địa phương khi vào nhà hàng Tàu đều nhìn thấy đôi đũa, nếu không quen sử dụng thì đã có muỗng, nĩa thay thế.

Người Việt Nam ở Lào, Thái Lan, Cam Bốt khá nhiều. Thế hệ đầu tiên cũng phải mở tiệm cơm, tiệm phở, hàng bún để sinh sống; vì thế đôi đũa cũng di cư theo với họ. Dân địa phương khi vào quán ăn Việt Nam có lẽ cũng phải xử

dụng đôi đũa để gấp bún, gấp phở. Nhưng đó là ở tiệm Việt, tiệm Tàu thôi, khi về nhà, họ vẫn ăn bốc cho thoải mái hơn.

Chánh ra, có những món ăn của Việt Nam vẫn phải bốc mới ăn được, như món chả giò (nem rán, ram), bánh tôm Cổ Ngư, nem nướng, nem lụi, gỏi cuốn, bánh xèo, bánh khọt khi ăn phải dùng tay cuốn rau sống chấm nước mắm, nước tương. Nhưng trước khi cuốn lại, họ phải dùng đũa gấp thức ăn cho vào rau hoặc bánh tráng rồi mới dùng tay cuốn lại.

Trong bốn dân tộc cầm đũa, chỉ có dân Việt Nam là cầm đũa chấm nước mắm; còn lại ba dân tộc kia: Trung Hoa, Đại Hàn và Nhật Bản cầm đũa chấm xì dầu.

Nhưng chấm như thế nào? Cái này phải nhìn lại cách người Tàu bày bữa cơm gia đình đã nhé: Một tô canh giữa bàn, một món thịt kho hay thịt luộc, thịt chiên, hay cá chiên, cá kho xì dầu, một món rau xào đựng trong một cái đĩa tròn to và một chén chén xì dầu để giữa bàn. Cả nhà ngồi chung quanh bàn, mỗi người có một đôi đũa và một cái muống ăn canh (loại muống cái thuyên, muống ăn phở). Mọi người dùng đũa gấp thức ăn trong đĩa cho vào bát của mình và dùng muống nhúng vào tô canh để múc rồi đưa thẳng vào miệng của mình khi ăn canh.

Họ không có thói quen để cái muôi (cái muống to) trong tô để mọi người xử dụng chung. Khi nào cần chấm xì dầu thì cứ gấp thức ăn chấm vào đó, mọi người chấm chung một chén xì dầu.

Bữa cơm gia đình của người Đại Hàn và Nhật cũng thế. Nhưng khoảng vài trăm năm sau này, người Nhật tự dung bỏ thói gấp chung một đĩa thức ăn, bỏ luôn cái tô canh chung cả nhà. Họ tự dọn cho mỗi người một tô canh nhỏ, một hai đĩa thức ăn nhỏ nên của ai người đó ăn, không còn gấp chung hay chấm chung nữa.

Riêng bữa cơm gia đình của người Việt khác hơn của người Tàu một tí, đó là tô canh luôn có cái muôi (muống to) để trong tô, ai muốn ăn canh thì dùng cái muôi này mà múc rồi chan vào bát của mình, không đưa cái muôi này vào miệng mình, cũng không chọt cái muống cá nhân của mình vào tô canh. Tuy nhiên, họ vẫn có thể thò đũa vào tô canh để gấp thức ăn trong đó. Cái chén nước mắm hoặc chén tương để giữa bàn, mọi người chấm chung một bát đó.

Có thể thời cổ xưa, cả nước chưa có đến triệu người, chưa có vấn đề không khí, nước uống hay môi trường sống bị ô nhiễm, chưa có nhiều thứ siêu vi trùng như ngày nay, con người chưa phải đối phó với bệnh tật lây lan qua đồ

ăn thức uống. Nếu có một người trong gia đình bị cảm cúm thì có thể một vài người khác sẽ bị lây. Nhưng cũng có những người không hề bị lây vì sức đề kháng của họ tốt. Thời cổ, người ta chưa biết đến thuốc Tây, và cũng chưa biết đến cái từ “vi trùng”, sức khỏe có được là do tự nhiên, do môi trường sống tốt lành.

Nhưng thời buổi Cúm Vũ Hán hay Covid-19 này mà ăn chung, gấp chung, chằm chung không an toàn chút nào. Chẳng thế mà ở Vũ Hán có những gia đình chết hết cả nhà vì cúm Vũ Hán hồi đầu năm 2020 đó sao! Vì trước khi phát ra bệnh người ta vẫn làm việc, học hành và ăn uống bình thường nên có ai ngờ mình đang ăn uống với người đã mắc dịch đâu.

Thời nay, hết siêu vi (virus) này đi, thì siêu vi khác lại đến. Hết cúm gà, cúm heo, rồi đến cúm Vũ Hán. Con người gần như phải tập sống với siêu vi. Vì thế, có lẽ cái văn hóa gấp chung một đĩa thức ăn, chằm chung một chén nước mắm hay chén tương cần phải thay thế bằng lối ăn của ai người đó gấp, của ai người đó chằm. Nghĩa là ngồi chung một bàn, nhưng dùng chén bát cá nhân, ăn uống cá nhân; y như kiểu người Nhật đã làm từ lâu rồi.

Người Việt tại Mỹ và Canada khi tổ chức đám cưới hay ra nhà hàng Tàu vì

họ có khả năng quản lý và phục vụ tiệc cưới trên bốn, năm trăm người. Có lẽ cũng vì người Việt quen ăn cơm Tàu hơn cơm Đại Hàn, cơm Nhật Bản. Và cũng có lẽ vì người Việt không mở được những nhà hàng cỡ lớn, có sức chứa trên 300 thực khách? Hoặc có lẽ vì người Việt chê làm đám cưới bằng cơm Việt Nam thì không sang?

Ra đến nhà hàng Tàu thì cũng ăn chung và gấp chung, mặc dù nhà hàng cũng để sẵn mỗi đĩa thức ăn có một cái muỗng to để dùng chung, khỏi phải đưa đũa của mình vào, vì đó là văn hóa ăn chung, gấp chung ngàn đời rồi. Duy chỉ có ăn canh thì nhà hàng có chút thay đổi, đó là người hầu bàn tự múc ra 10 cái chén canh nhỏ cho khách, khách khỏi cần thò muỗng của mình vào tô canh.

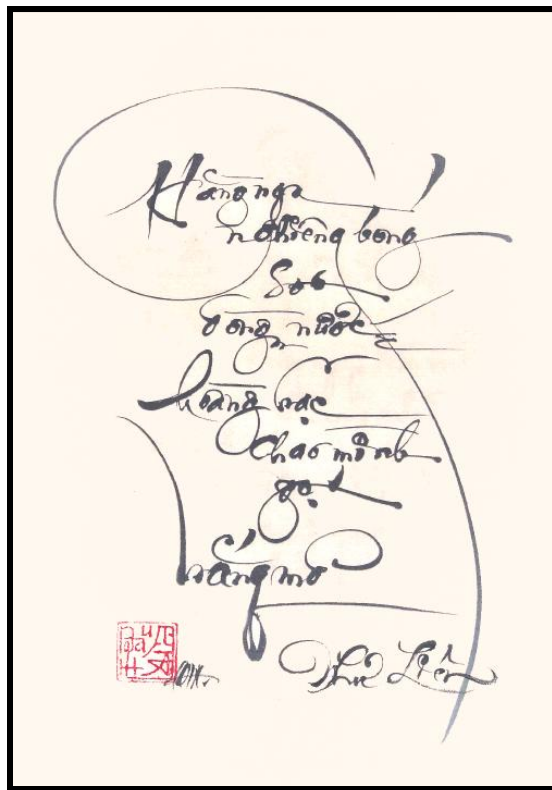
Riêng người Việt tại Mỹ, tại Canada hay Âu Châu, một gia đình nếu có cha mẹ và hai hay ba đứa con tuổi choai choai trở lên thì cũng khó ngồi chung một bữa cơm. Vì ai có thì nấy, ai về trước thì ăn trước, ai về sau thì ăn sau. Tự lấy cơm và thức ăn ra đĩa hay tô, bỏ lò vi sóng hâm nóng rồi ngồi ăn một mình, chẳng gấp chung với ai. Cũng tự múc canh ra tô nhỏ ăn một mình, khỏi múc chung với ai.

Ăn một mình tuy thiếu cái không khí gia đình đoàn viên ấm cúng, nhưng cũng có cái tốt là không sợ vi trùng lây lan

qua lại trong thức ăn gấp chung. “Trong cái rửi lại có cái may” đấy!
Tết năm nay 2021, nếu có cảnh “nhà nhà đoàn viên” thì ráng đừng gấp chung thức ăn, chấm chung chén nước mắm nữa nhé.

TT-Thái An - 9/26/2020

Ghi chú: cái “Muôi” là từ của miền Bắc, dùng để múc canh, miền Nam gọi là Muỗng lớn. Nhưng có vùng ngoài Bắc gọi là “Môi”, nghe giống cái môi của người ta quá, không biết gọi “môi” có đúng không hay vì họ phát âm sai? Tôi xử dụng chữ người “Tàu” thay vì dùng người “Trung Hoa” vì đó là tiếng dân gian, phổ thông đại chúng, nói đã quen, dùng đã quen. Ít người Việt nào xử dụng từ ngữ người “Trung Hoa” trong câu chuyện hàng ngày. Tôi không có ý xuyên tạc khi dùng từ người “Tàu”.



Thơ: **Như Liên** – Thư pháp: **Quang Hà**

CÂY NHÂN SINH

** tác giả: **Phạm Thành Châu** **

(Cô Mai, bạn của cô Lan kể)

Đây là chuyện ở hải ngoại, về một người đàn bà. Đang sống đầy đủ, hạnh phúc với chồng con mà lại mơ tưởng đến một mối tình trẻ con của thời học trò ngày xưa, rồi tìm mọi cách để được sống với người tình ở Việt Nam. Người đàn bà, khi đã mê muội thì có núi cao, biển sâu cũng không thể ngăn cản họ dừng lại. Đến lúc bùng tỉnh thì đã muộn.

Sài Gòn, ngày, tháng, năm...

Lan thân mến,
Nhân có chị Việt kiều ghé vào chợ Tân Định, khi nói chuyện mới biết chị ấy ở gần nhà mày, ở Mỹ, nên tao nhờ chị trao cho mày mấy lá thư, thiệp hồng linh kính này. Bà già cứ đòi viết riêng cho mày một lá thư, tưởng như vậy mới long trọng, vì bà muốn mày về dự đám cưới anh Ngọc. Thực ra, tụi này thường mặc cảm nên chẳng bao giờ viết thư cho bà con Việt kiều. Có ai gửi thư thăm thì quý, cũng trả lời, nói chuyện trời trăng mây nước thôi, chứ chuyện làm ăn sinh sống cũng chỉ đại khái. Vì nói vát vả thì bảo rằng kể khổ để xin xỏ, mà bảo đủ xài lại cho là nói phét.

Gia đình tao vẫn không thay đổi, tao tiếp tục sự nghiệp của bà già, là bán tạp hóa ngoài chợ Tân Định còn bà già thì về dưỡng già. Anh Ngọc đi dạy ở Thủ Đức, sáng đi chiều về. Tháng sau anh ấy cưới vợ nên tao gửi thiệp hồng này cho mày biết. Anh Ngọc sẽ “vu qui” về nhà vợ vì vợ anh là con một trong gia đình. Chị Minh, vợ tương lai của

anh Ngọc cũng hiền lành dễ thương, nhưng bà già cứ than thở, được mày là con dâu trong gia đình tao thì thích biết mấy. Anh Ngọc lấy vợ, mày buồn hay vui? Có lẽ mày quá bận rộn, thì giờ đâu mà suy nghĩ vẩn vơ phải không? Riêng tao thì không thích ai giành chỗ của mày dù biết rằng chẳng hi vọng gì. Nhưng không lẽ để anh Ngọc thành ông già cô đơn?

Tao nhớ rất rõ, từ ngày mày đến từ già để vượt biên, đêm nào bà già cũng thấp nhang cắm bàn thờ, cắm trong bếp, ngoài ngõ, góc vườn, chỗ nào cũng cắm rồi làm thăm cầu khấn. Anh Ngọc thì như người mất hồn, gầy rạc vì không chịu ăn. Ban đêm cứ để đèn, lục đục trong phòng học, bà già la cho, nhưng cũng nhẹ nhàng vì bà thông cảm anh tao. Tuy không nói ra nhưng ai cũng rùng mình khi nghĩ đến những đến những hoạn nạn của người vượt biên, trên đại dương, nhất là đàn bà, con gái. Lũ hải tặc nhân lúc người mình thất thế, hoạn nạn, đã bóc lột bản chất dã man của một dân tộc mà mình tưởng là hiền hòa, đạo đức. Đến khi được tin mày đến đảo an toàn, anh tao mừng quá cứ hỏi mãi “Thật không mày, chắc không mày? Chiều nay tao đãi mày ăn bò bía, nước mía Viễn Đông”. Nhưng khi ngồi ăn quà rong, chỉ còn hai anh em, thiếu mày nên anh Ngọc cứ chống dũa nhìn sừng đĩa bánh cuốn cả buổi. Tao biết hồn anh đang vượt qua biển Đông, đang bay trên bầu trời

mênh mông để tìm một hòn đảo xa lạ nào đó, ở đó có mây. Anh tao mừng nhưng không hết buồn khi thấy mối tình không chút hi vọng gì. Sau đó tao được lá thư của mây ở đảo gửi về, gửi chung cả nhà. Anh Ngọc có đọc, có vẽ yên tâm, vì biết rõ nét chữ của mây, nên đã trở lại nếp sống bình thường, chịu ăn uống, học hành. Bà già tao, một lần bị cảm nhẹ nhưng làm như sắp chết đến nơi, giục anh tao cưới con gái của người bạn của mẹ tao.

Tao gửi thiệp hồng này cho mây như một lời nhắn nhủ rằng mỗi người đều có một số phận, nhưng tình yêu là do quả tim quyết định. Dù sống với nhau không được, vẫn còn chút tình để nhớ nhau. Mây thật tốt phước, cuộc đời nào cũng có thăng trầm, nếu một lúc nào đó mây thật sự đau khổ, thật sự chán nản, mây vẫn có quyền tin rằng mây còn một nơi rất an toàn, đầy yêu thương để tâm hồn mây nép vào đó yên nghỉ trong chốc lát. Đó là tình của anh tao yêu mây. Nếu có kiếp sau thực thì tao cầu mong cho mây và anh tao không phải tái sinh vào thời ly loạn, đầy máu và nước mắt, để được sống bên nhau suốt đời.

Ở xứ Mỹ, nghe nói, người ta rất thực tế. Có lẽ mây chán khi đọc lá thư lắm lắm này. Bây giờ về Việt Nam có phần dễ dàng, khi nào về ghé tao. Bà già cứ nhắc mây hoài, còn bảo mây về dự đám cưới anh Ngọc nữa, cứ tưởng xứ Mỹ "Có xa lắm cũng cỡ Sóc Trăng, Rạch Giá chứ bao lắm" Mây nghe tức cười không? Thăm mây. Chúc mây sức khỏe, hạnh phúc. Tâm.

Lan đang ngồi đọc thư ở phòng khách, nước mắt đầm đìa, thì chợt nghe tiếng xe ngừng trong sân, tiếng thằng con trai đang nói gì với ba nó, tiếng đóng cửa xe, rồi có tiếng hô quen thuộc của thằng bé.

- Một, hai, ba!

Tiếng cười và tiếng chân chạy lạo xạo trên lối đi trải sỏi. Chiều nào cũng thế, chồng cô đi làm về ghé chỗ xe bus ngừng để đón con, hễ đến nhà là chạy đua xem ai vào nhà trước, dĩ nhiên lần nào thằng bé cũng thắng cuộc, có thể nó mới không lang thang ngoài sân cả buổi, gọi không chịu vào. Nghe tiếng cửa mở, Lan quính quíu chùi nước mắt, nhưng không kịp, chồng cô đã hiện ra. Lan giấu vội lá thư ra sau lưng.

- Chuyện gì mà khóc đấy? Đọc thư bồ phải không?

Lan hoảng kinh lùi lại, Phú hùng hồ bước tới, cô lại lùi nữa. Bỗng Phú chop lấy cô và kéo vào lòng, vỗ về.

- Có chuyện gì? Nói anh nghe, đừng khóc! Anh đùa thôi, đừng sợ, nín anh thương.

Lan càng nức nở, Phú diu cô ngồi xuống. - Nói anh nghe, đừng khóc. Em cầm cái gì đây? Một lá thư, một cánh thiệp hồng. Chà, không đọc anh cũng biết là người yêu ở Việt Nam lấy vợ, em buồn rồi khóc ngon lành vì đau khổ, phải không?

Lan vẫn còn thút thít, cô nhè nhẹ lắc đầu. - Thế thì tại sao? Không đau khổ sao lại khóc?

- Tại em thương họ.

- Họ là ai mà em thương nhiều như vậy?

- Em thương anh Ngọc, thương Tâm, thương bác Tư.

- Họ nghèo khổ lắm phải không?

Lan lại lắc đầu, Phú vẫn ôm cô vỗ về, thì thầm.

- Em kể đầu đuôi câu chuyện như thế nào. Sao từ trước giờ anh không nghe em nhắc đến họ?

- Tâm là bạn em, anh Ngọc là anh của Tâm.

- Em và Tâm là bạn học, có phải gần nhà nên thường đến chơi với nhau rất thân thiết?

Lan ngược nhìn chồng ngạc nhiên.

- Sao anh biết?

Phú nói tiếp.

- Gia đình Tâm rất tử tế với em, nhất là bác Tư coi em như con, em mất mẹ nên cũng thương bà như mẹ ruột. Rồi em và Ngọc yêu nhau. Khi em vượt biên thì mất liên lạc, bây giờ người yêu có vợ, em khóc.

- Ai kể cho anh nghe, hay anh đã đọc lá thư này rồi?

- Chẳng cần đọc anh cũng đoán ra. Khi em nói một dọc các nhân vật với những liên hệ đó thì câu chuyện của em phải diễn tiến như thế. Nó đơn giản bình thường như hàng nghìn câu chuyện tình đã xảy ra. Dĩ nhiên, nếu không trắc trở, họ sẽ là vợ chồng, rời xa nhau thì nhớ nhau. Có phải em cũng ở trong trường hợp đó? Cũng yêu, cũng nhớ, cũng lưu luyến người tình cũ?

Lan vòng tay ôm lưng chồng. Cô lắc đầu.

- Em cũng có, nhưng chút chút thôi khi đọc lá thư này. Nhưng em khóc vì em ân hận. Có lẽ suốt đời em không hết ân hận. Cũng không biết làm gì cho anh Ngọc, để chuộc sự ân hận đó.

- Em ân hận điều gì?

- Lúc còn ở Việt Nam yêu nhau, nhưng cho đến nay chỉ gửi một lá thư duy nhất rồi thôi. Trước đó em yêu anh Ngọc nhiều lắm chứ. Khi ra đi, em khóc lóc thê bồi đủ thứ. Rồi em quên bằng anh Ngọc, tưởng như trên đời này không hề có người tên Ngọc với mối tình êm đềm, nên thơ như thế. Chiều nay có chị hàng xóm đi Việt Nam về chuyển thư và thiệp hồng cho em, em mới sực nghĩ đến họ. Thật tội nghiệp anh Ngọc. Em giận em quá chừng!

- Như vậy em sai quấy thật rồi. Tại sao em có thể quên họ một cách dễ dàng. Quên đến độ trong đầu em sạch bóc, không một chút bóng hình, một chút kỷ niệm thì lạ thực. Không ai vô tình bằng em.

- Anh nghĩ coi, ngày mất nước, ba em trốn cải tạo. Ba em xuống Miền Tây làm tài xế xe tải. Tụi em đã mất mẹ, giờ lại vắng cha, thật bơ vơ. May nhờ gia đình anh Ngọc săn sóc, giúp đỡ nên cũng bớt phần bối rối. Vì ngày đêm bận công an rình rập quanh nhà nên chẳng ai dám liên hệ, chỉ trừ gia đình anh Ngọc. Cũng may ba em biết về máy móc, được họ cho làm tài công nên gia đình em đi không tốn tiền.

- Anh hiểu rồi, hoàn cảnh đó thì lòng dạ nào nghĩ đến tình yêu. Nhưng khi đến đảo an toàn rồi, làm gì chẳng hỏi tâm nghĩ lại chặng đường đã qua, nghĩ đến bạn bè, bà con ở quê nhà!

- Lúc đến đảo em gặp anh và yêu anh. Em yêu anh đến độ quên bằng mọi người, quên cả dĩ vãng, chỉ biết có anh. Em không hiểu em! Tâm trí em chỉ quanh quẩn bên anh với những dự định ở tương lai, trong đó có anh, có

em, ba em và các em, sẽ đến một xứ sở an toàn, tự do.

-Đủ rồi! Chừng đó đủ cho anh tin em, yêu em. Em không dám nhớ lại dĩ vãng vì nó lẫn lộn quá nhiều tai ương, khủng khiếp. Nhưng sao lúc anh về, em lại khóc nhiều hơn?

- Em sợ và em cũng hối hận nữa.

- Em sợ anh ghen và hối hận đã nghĩ đến một người đàn ông khác phải không?

Lan yên lặng gật đầu.

- Anh hỏi em, lúc còn tiểu học em thích chơi búp bê, nhảy dây, lên trung học em thích đọc truyện, nghe nhạc. Bây giờ, có gia đình, em thích săn sóc chồng con, phải không? Như vậy, mỗi giai đoạn của cuộc đời có một lối sống riêng, ý thích riêng. Bây giờ có về Việt Nam gặp Ngọc, dù Ngọc còn độc thân em cũng không thể rủ nhau đi ăn quà rong, hát nhạc tình anh anh, em em, nắm tay nhau đi lang thang được. Nó không hợp với tuổi em. Nhưng cuộc đời, nếu yên tĩnh quá, không gặp đau khổ, lo lắng thì không thấy rõ hạnh phúc mình đang có. Em có được một mối tình đẹp trong dĩ vãng để có chút kỷ niệm, chút ngậm ngùi mà trang trí cuộc đời, vậy thôi. chớ dại mà rầy vào.

- Anh có ghen không?

- Làm sao anh cấm em yêu ai trước khi gặp anh.

- Nếu em về Việt Nam gặp rồi yêu anh Ngọc thì sao?

- Với cương vị người chồng anh cấm em làm điều đó. Anh sẽ giết em. Anh tin anh là người chồng hoàn hảo đem lại cho em đầy đủ tình yêu và vật chất. Và nhất là chúng ta yêu nhau. Đừng đùa với tình yêu. Em cứ coi mối tình dĩ

vãng đó như giọt sương, nó long lanh nhưng thực chất chẳng có gì, đọng đến, em sẽ thất vọng ngay. Em có thể xem gia đình bác Tư như thân thuộc, quà cáp để tỏ tình thương, nhưng đừng đi quá sẽ gây xáo trộn cho người ta. Người gửi thư cho em rất khôn ngoan, bây giờ cả hai đã có riêng một gia đình, có nhắc lại chuyện cũ để có một chút bồi hồi, rồi thì ai cũng có bổn phận riêng, niềm vui riêng. Em phải hiểu, em là kẻ bên lề rồi.

Lan tò mò hỏi.

- Giả dụ ở Mỹ đây, em ngoại tình thì anh tính sao?

- Anh phải tìm hiểu nguyên nhân. Lỗi ở anh thì chia tay. Còn lỗi ở em thì anh sẽ không nói gì. Rồi em sẽ gặp một tai nạn nào đó, ngộ độc hay bị tai nạn xe chẳng hạn. Lúc em hấp hối anh sẽ nói cho em biết là anh giết em vì em ngoại tình, thế thôi.

- Nhưng anh sẽ bị tù, có khi tử hình vì tội sát nhân.

- Anh chẳng dại như thế đâu. Chiếc xe đang chạy ngoài xa lộ bỗng nổ bánh, lủi vào xe tải, hoặc đang ngon tròn lại đập thẳng không ăn. Lỗi đâu phải của anh.

- Nhưng ở Mỹ năm nào xe cũng đi inspection (xét an toàn) có ai dùng bánh xe cũ hoặc thắng mòn bao giờ. Xe xẹp bánh thì lái vô lẽ, đâu có sao?

- Có khối gì cách đưa đến tai nạn mà không tìm ra thủ phạm. Anh là thợ máy mà. Bánh xe bơm căng quá, đến lúc phải nổ banh hoặc chỉ cần nói lỏng một con ốc trên hệ thống thắng hoặc một lỗ nhỏ trên ống dầu thắng là không cách nào cho xe ngừng lại được. Lúc đó mà

xuống đèo hay đang chạy trên xa lộ thì không hy vọng sống sót.

- Em biết cách như anh đã nói rồi! Anh còn nhớ, khi anh và em mới đến đất Mỹ, anh mua chiếc xe cũ, cứ hư hoài, em có phụ anh sửa xe nên em biết chút ít về máy móc. Nếu anh và em đều biết cách giết nhau thì không ai dám ngoại tình cả.

- Đứng rồi. Anh chẳng bao giờ lãng nhãng với ai cả nên anh chẳng sợ em giết. Nói vậy thôi chứ dù gì đi nữa, anh nhớ nào giết em.

Tôi (tên Mai, bạn cô Lan) xin kể nguyên nhân lá thư khiến cô Lan đã khóc. Nhân một chuyến về Việt Nam thăm gia đình, tôi ghé chợ Tân Định, tình cờ, khi chuyện trò với một cô bán hàng, tôi mới biết cô ta có quen với cô Lan, nhà cùng xóm với tôi ở Mỹ. Cô hàng nhờ tôi chuyển thư và thiệp cưới cho cô Lan (Thời đó, ở Việt Nam chưa có computer hay điện thoại cầm tay) Từ đó cô Lan thường qua nhà tôi chuyện trò. Cô kể lại mối tình của cô, kể cả chuyện chồng cô bắt gặp cô đang đọc lá thư và cuộc đối đáp ra sao nữa. Cô ngỏ ý xin được lấy địa chỉ nhà tôi để nhận thư từ Việt Nam. Cô đi làm về sớm, ghé lấy thư ngay tại hộp thư trước nhà. Cô ngồi luôn trong xe đọc thư, xong xé bỏ. Cô bảo cô viết thư cho người tình ở sở làm rồi gửi đi luôn, vì cô sợ chồng cô bắt gặp sẽ giết cô chết. Coi bộ cô yêu người tình ở Việt Nam nhiều lắm. Những lá thư gửi qua lại đã khiến hai người chìm dần vào bể tình lúc nào không hay. Cô cứ suy tởm biết thế ở lại Việt Nam sướng khổ có nhau. Cô kể cho tôi nghe nội dung của những

bức thư tình của hai người gửi cho nhau. Họ nói nhớ nhau như thế nào, những ước ao được gặp nhau, trao nhau những lời âu yếm, kể về những kỷ niệm, những ước mơ thần tiên bên nhau... Tôi bảo bây giờ mỗi người đã an bài một gia đình, thỉnh thoảng thăm hỏi trong tình bạn thì được chứ gặp nhau cũng chẳng ích gì. Tôi còn có ý khuyên cô đừng thư từ nhiều quá, rồi chị vợ anh ta bắt gặp sẽ ảnh hưởng đến hạnh phúc gia đình người ta. Cô bảo thường gửi cho cô em, nhờ chuyển cho người yêu nên vợ anh ta không thể biết được. Từ đấy cô không lấy địa chỉ gia đình tôi để nhận thư nữa, nhưng tôi biết cô lấy địa chỉ ở sở làm.

Thế rồi khoảng một năm sau, sau Giáng Sinh vài ngày, một buổi tối, tôi nghe còi hụ ngoài đường rồi xe cứu thương, xe cảnh sát đậu trước nhà cô Lan. Hàng xóm xúm lại rất đông, tôi cũng vội vàng chạy đến, lắng nghe người cảnh sát giải thích rằng người đàn ông chủ gia đình này lái xe rơi xuống vực chết, cảnh sát đến báo tin cho người vợ hay, cô vợ ngã ra bất tỉnh, nhân viên cấp cứu đang làm hô hấp cho cô và sẽ đưa đi bệnh viện. Tôi sốt ruột vọt miệng hỏi.

- Ông có biết vì sao tai nạn xảy ra không?

- Cảnh sát đang tìm hiểu nguyên nhân tai nạn, nhưng chỗ đường đèo đó, nếu không cẩn thận, chạy quá nhanh lấy tay lái không kịp hoặc thắng không ăn, xe sẽ rơi xuống vực sâu ngay. Tôi lạnh người khi nhớ lại lời cô Lan kể với tôi về cuộc đối đáp giữa vợ chồng cô. Cô có phá hỏng xe để gây ra tai nạn

không? Tôi nghĩ dù biết cô cũng không đủ can đảm giết chồng. Nhưng điều đó cứ ám ảnh tôi mãi.

Ít lâu sau cô Lan bán nhà và dọn đi nơi khác, tôi gần như quên hẳn chuyện cô ta, cho đến một lần ghé mua hàng ở một tiệm tạp hóa người Việt, tôi tình cờ nghe hai người đàn bà nói chuyện.

- Nghe nói cô ta về Việt Nam làm hôn thú rồi, độ sáu tháng nữa, chồng mới của cô sẽ qua đây. Tưởng về cưới thằng trai tân, đi vợ thằng có vợ rồi.

- Thế thì làm sao lập hôn thú được?

- Thì thằng kia cũng ly dị vợ!

- Ôi, thứ đàn ông sồn sồn ở đây thiếu khối gì, lại về Việt Nam rước cái của nợ qua. tiếng tây tiếng u không biết, nghề ngỗng không có, lấy gì mà sống! Tôi hỏi.

- Có phải các chị đang nói về cô Lan không ạ?

- Đúng rồi, cô có chồng rớt xuống đèo năm kia đó.

Từ đấy thỉnh thoảng tôi ghé tiệm mua ít vật thực để la cà hỏi chuyện về cô Lan. Tôi cầu mong cho cô được hạnh phúc bên người tình lý tưởng của cô và cứ thầm nhủ rằng chồng trước của cô gặp tai nạn chứ không phải cô giết chồng.

Bẵng đi một thời gian khá lâu, vào một buổi chiều thứ bảy vợ chồng tôi và các cháu đi ăn cơm tiệm tại một khu chợ của người Á Đông. Vừa ra khỏi nhà hàng tôi bỗng thấy cô Lan đi với một người đàn ông, có lẽ là người chồng sau của cô. Cô Lan vừa đi vừa nói gì đó, vẻ mặt giận dữ, còn anh chồng làm như không thèm nghe nhưng mặt đỏ lửng, có lẽ say rượu. Sợ gặp mặt, tôi

đẩy chồng con tôi đi ngã khác, nhưng vẫn ngoái lại nhìn. Tôi thấy cô Lan như già đi, khí sắc khác xưa, từ đầu tóc cho đến trang phục đều có vẻ lụi xụi, bất cần. Những nét tươi trẻ, yêu đời đã biến mất. Trông cô giống một chị nạ dòng nghèo ở thôn quê Việt Nam. Tôi không biết được những gì đã xảy ra giữa hai người, nhưng đoán chừng cô Lan có một cuộc sống không vừa ý. Có phải người yêu của cô không giống như cô tưởng? Giọt sương long lanh đó, đáng lẽ phải đứng xa mà nhìn thì cô lại chộp lấy nên tất cả đều biến mất. Cô thất vọng nên giận anh chồng sau này. Nếu quả thật cô ám hại người chồng trước thì nỗi oán hận người chồng sau càng tăng, vì cô đổ lỗi cho anh ta dụ dỗ cô. Còn anh chồng này cũng chẳng hơn gì. Hình ảnh cô gái thanh tân, ngây thơ thuở nào đã được thay vào bằng một chị đàn bà lạ hoắc từ tâm hồn đến cử chỉ. Lại thêm mặc cảm chịu ơn, thua kém nên dễ tự ái. Thế là cả hai đều thất vọng nhau, nhất là ân hận chuyện mình đã làm.

Tự nhiên trong đầu tôi hiện ra cảnh xe cảnh sát và xe cấp cứu trước nhà cô năm nào. Tôi kể cho chồng tôi nghe về nỗi lo sợ sẽ có một tai nạn tương tự xảy ra cho anh chồng sau của cô. Chồng tôi cũng đồng ý và bảo lần này cảnh sát sẽ tìm ra thủ phạm ngay vì không thể có sự trùng hợp lạ lùng như thế được. Chúng tôi tìm cách chặn đứng chuyện đó. Tôi lân la hỏi thăm chị chủ tiệm tạp hóa và biết được người chồng mới của cô Lan đã có việc làm, dĩ nhiên phải tự lái xe đi. Bà còn bảo, thỉnh thoảng vợ chồng to tiếng nhau đến hàng xóm cũng nghe thấy. Tiều

bang West Virginia ít người Việt nhưng thường sống gần nhau. Thị trấn chúng tôi ở nằm trong một thung lũng, bên kia núi là khu kỹ nghệ, thương mại. Dân thị trấn đi làm, đi chợ đều phải qua đèo, đồ ra xa lộ rồi mới đến nơi. Sau này chính phủ đã cho mở rộng quãng đèo nguy hiểm đó và cho xây cả một bức tường cao, vững chắc để có ai lạc tay lái cũng chỉ tung vách tường chứ không rớt xuống vực, nhưng xe bê ống thủng hay nổ bánh trước thình lình thì sự nguy hiểm khó lường được. Chúng tôi bàn nhau tìm cách gặp anh chồng của cô Lan để lưu ý anh ta coi chừng thường xuyên bánh xe và bộ phận thủng xe. Cái khó là làm sao cho cô Lan không biết là chúng tôi mách bảo khiến cô không thực hiện được âm mưu, vì nếu biết, cô sẽ trút thù hận lên chúng tôi ngay.

Bàn tính như thế nhưng chúng tôi chưa thực hiện được gì thì mùa Đông đến, chúng tôi càng lo sợ thêm cho anh ta vì tuyết xuống, đường đóng băng, sự nguy hiểm càng tăng, hơn nữa anh ta mới biết lái xe, tay lái không vững.

Thế rồi một buổi tối, trong lúc tôi đang ở trong bếp thì chồng tôi ở phòng khách gọi.

- Em ơi, ra nhanh xem TV, chuyện đó đang xảy ra!

Tôi muốn thót tim lại vì kinh hoàng, vội chạy ra. Đó là bản tin buổi tối của đài truyền hình địa phương. Cô thông tin viên vừa nói vừa chỉ xuống vực sâu, ở đó những người cứu nạn đang lần mò, đu người xuống. Ánh đèn pha chiếu lấp loáng một chiếc xe màu đỏ nằm bẹp dúm trong kẹt đá như một lon Coca rỗng bị bóp dẹp. Máy truyền hình lại

quay về phía một người Mỹ trẻ, anh ta kể lại tai nạn một cách hãnh diện vì mình là người duy nhất được thấy tận mắt những gì đã xảy ra.

- Xe tôi bị hỏng máy đằng kia, tôi ngồi chờ xe tow (câu xe) đến vì tôi có handphone mà. Bởi thế tôi mới gọi 911 ngay tức thì. Tôi thấy chiếc xe đó từ dưới đèo chạy lên chậm chậm, ngừng lại chỗ tường chắn này đây. Người trong xe, là một chị đàn bà, ra đứng nhìn xuống vực một lúc rồi vào xe, lùi xe lại đằng kia, khởi bức tường chắn. Xe bắt đầu chạy chênh chếch xuống vệ đường, ra khỏi đường chính. Tôi thấy nguy hiểm quá, vội chạy đến, đập tay vào xe cản lại "Ngừng lại, chết bây giờ. Phía trước là vực sâu đấy!" Đột nhiên chiếc xe gầm lên, phóng mạnh tới trước, lao thẳng xuống vực, khiến tôi suýt nữa cũng ngã theo luôn. Vì khi tôi cản đầu xe để chặn lại, ánh đèn xe phản chiếu cho tôi thấy rõ đó là một người đàn bà Á Châu, bà ta đang khóc. Chồng tôi kêu lên.

- Cô Lan rơi xuống vực. Cô ta tự tử!

Tôi nhìn lên lịch, thờ dài. Đúng ngay vào ngày này, sau lễ Giáng Sinh, cách đây mấy năm, chồng trước cô ta cũng đã rơi xuống vực tại đấy!

PHẠM THÀNH CHÂU

** Chuyện thật: Singapore, Amanda Yeo Pei Min (27 tuổi) cùng nhân tình Leong Wei Guo (25 tuổi) âm mưu chọc thủng hai lốp xe của chồng. Không thành công, họ nói lỏng bù lon xe và cắt dây phanh. Ngày 11/1/2018 Cả hai ra tòa.*

** Cây Nhân Sinh (L'Abre De Vie, phim 1959) Liz Taylor và Montgomery đóng.*

Khói Thuốc Vàng Tay

Tôi đọc bài thơ Trần Văn Lệ*
Nhắc đến mùi thơm khói Capstan
“Chiếc áo phong sương tình anh nặng”
Nhớ đến nao lòng thuở tóc xanh

Nhớ quán cà phê ngày xuống núi
Áo trận còn đeo lớp bụi đường
Nửa tháng mà sao nghe rỗng túi
Hề chi, ký sớ để chờ lương

Uống ngụm cà phê, nhà khói thơm
Thấy đời vẫn đẹp còn lên hương
Ngày mai mặc kệ, dù sao nữa...
Vẫn thả hồn theo những nụ hương

Ngày đi qua Cầu Dài Xuân Lâm
Dòng sông nao nao buồn thẳng trâm
Tôi về như kẻ từng xa lạ
Đồng đội về đâu, ôi biệt tăm!

Khói thuốc xanh dòng thơ Quang Dũng
Đôi mắt Sơn Tây buồn tây phương
Khói thuốc vàng tay anh lính trận
Trên đồi biên giới, trần quê hương.

QUANG HÀ

* “Một Trăm Bài Tứ Tuyệt Treo Vách Ngắm Chơi”



Tàn thu

nàng ơi đêm trắng lòng đêm trắng
sương lạnh đôi bờ hiên trắng sương
sương hôn chiếc lá hồn run rẩy
âm hưởng tàn thu chớm đông phương

đê mê trăng gió hờn thiếu phụ
ngơ ngẩn bên song bóng nguyệt mờ
ơi trăng biêng biếc màu biêng biếc
vừa vỡ tan màu hoen sắc mờ

nàng ơi dường có trăm hoa nở
thượng uyển còn hương
thơm chút hương
bàn tay nâng cánh hoa mê ngủ
chợt thấy đời kia đã đoạn trường

sân khuya khe khẽ tròn chiếc lá
buông giấc tình si bay cõi đêm
ô hay có tiếng buồn lay giấc
làm đổ chén quỳnh say-say thêm

nàng ơi nguyệt trắng lòng nguyệt trắng
đau xót cung đàn phím bơ vơ
tiếng chân ai nhẹ ngoài sân gió
mà cả hồn thu không đợi chờ

hẹn nhau thuở nọ trời xuân sớm
môi hồng chưa kịp kẻ xuân xanh
mà sao xuân vội qua hiên vội
cho nét hồng nhan vỡ tan tàn.

PHẠM QUANG TRUNG

CÁNH HOA SYL-BÉA ÉP KHÔ

** tác giả: Nguyễn Mây Thu **

Ông nói với tôi tên ông là Roger. Tôi cũng tự giới thiệu với ông tên tôi là Syl-Béa. Thật ra, vì không muốn nói tên thật của mình cho ông biết nên tôi đã ghép tên tôi và một người bạn thân thiết thuở còn học chung trường. Ông trầm trồ khen tên rất lạ. Về thành thật của ông làm cho tôi cảm thấy xấu hổ, có lẽ do tính tôi hay dè dặt trước người lạ và cũng có thể do tôi thường nhớ đến bạn tôi. Ngày ấy, trước khi chia tay theo mẹ về Pháp, Béatrice đem tặng cho tôi một chậu hoa hồng màu tím nhạt tỏa hương thơm ngát và bảo: «Đặt tên cho hoa là Syl-Béa nhé». Tôi vụng về giữ được khoảng nửa năm thì hoa tàn héo, vừa thương tiếc cho hoa vừa nhớ bạn, tôi nhặt một vài cánh đem ép vào quyển nhật ký để giữ làm kỷ niệm. Cho đến bây giờ đã gần hai mươi năm tôi chưa gặp lại bạn lần nào. Đời sống lăn tròn như bánh xe. Mỗi người đi mỗi ngã. Tôi tìm cách liên lạc nhưng vẫn bất vô âm tín, mỗi khi nhớ đến Béatrice, tôi hồ như nghe phảng phất đâu đó mùi thơm của những cánh hoa hồng màu tím nhạt ấy.

Tôi gặp ông Roger lần đầu tiên trong một thư viện ở tỉnh nhà. Trước khi đến sở làm, tôi ghé vào thư viện mượn một vài quyển sách rồi vì vội vàng bước đi,

tôi đánh rơi cả chồng sách. Vừa lúc ông Roger đi trời tới và nhặt giúp tôi. Vài lần sau thỉnh thoảng tôi gặp ông, chào hỏi và trở nên thân thiện. Trước kia ông là giáo sư dạy sử địa ở một trường trung học, nay đã về hưu. Ông bảo để khỏi lãng phí thời gian và để khỏi cảm thấy đời sống của ông trở nên vô vị thừa thãi lúc tuổi già, ông đến thư viện đọc sách, tham gia vào các hiệp hội từ thiện, các tổ chức thể thao, bơi lội v.v.. Đã ngoài bảy mươi tuổi nhưng trông ông hãy còn khỏe mạnh, tháo vát, nhờ bản tính vui vẻ hay khôi hài và sẵn lòng giúp đỡ người khác.

Tôi kể cho anh Jean tôi nghe, rằng vợ ông mất cách đây hai năm, rằng quê quán ông ở Sète nên ông rất thích nhạc của Georges Brassens, rằng sau bao nhiêu năm tận tụy làm việc với số tiền hưu ổn định, ông không bận lòng lắm về tài chính. Ông có một appartement cho mượn ở Reims, vợ chồng ông mua khi còn làm việc ở đó v.v.. Anh Jean liền hăm dọa tôi:

- Liệu mà coi chừng đó! Mấy ông già hay «khoe khoang» này nọ, nói ngon nói ngọt để dụ dỗ con gái nhà người ta!

- Còn chị Roseline nữa chị, con gái của ông. Bộ chị ấy không có phản ứng gì hay sao?

- Vì anh biết tính em hay cả tin, ai nói gì nghe nấy, hư thật ra sao cũng không biết. Anh chỉ nhắc nhở vậy thôi.

- Thế sao anh không gặp ông ta thử một lần cho biết.

- Ờ để anh chờ xem!

Tôi ngoe nguẩy bỏ đi và giận anh Jean suốt cả buổi sáng!

Con gái duy nhất của ông, chị Roseline, lớn hơn tôi hai tuổi, là nhân viên bưu điện làm việc ở Nîmes. Từ khi mẹ qua đời, thấy ông Roger sống một mình trong căn nhà rộng lớn, chị đã xin chuyển về Montpellier, nơi ông đang cư ngụ để dễ tới lui thăm viếng chăm sóc ông.

Ngôi nhà ở Sète của mẹ ông đã bán đi và ông dọn về ở nhà của người em gái. Ông nói em ông và đứa cháu gái trước kia từng sinh sống ở Việt Nam, sau đó hồi hương và sống ở Montpellier được ba năm thì cả hai cùng qua đời vì tai nạn xe hơi trên đường đến Sète để thăm mẹ. Ông thường kể cho tôi nghe về Sète, tuy có diện tích nhỏ hơn Montpellier nhưng là một thành phố du lịch, chung quanh bao gồm biển Địa Trung Hải, hồ (Étang de Thau) nơi nổi tiếng về hải sản: hào, vẹm, ốc v.v..., kênh đào Canal de Sète, bến cảng Vieux Port cho các thuyền đánh cá ghé vào. Mùa hè du khách từ khắp nơi đổ dồn về thật đông đúc. Người dân trong thành phố tổ chức nhiều buổi hội hè, đường phố trở nên

nhộn nhịp huyền ảo. Tôi mới đến ở Montpellier được ba năm, tuy có đôi lần đến Sète nhưng không hiểu tường tận cho lắm. Ông rủ rê tôi:

- Hôm nào đi Sète chơi với tôi, rủ anh Jean của cô theo cùng cho vui.

- Để tôi hỏi xem anh Jean có rảnh không.

Nhớ lời của anh Jean dọa dẫm, tôi ngại ngần, ậm ừ chưa muốn nhận lời ngay. Bỗng dưng tôi cũng đâm ra nghi ngờ mọi thứ, không còn tính thiệt thà cả tin như trước!

Thế mà cuối cùng tôi cũng «dụ dỗ» được anh Jean! Tôi, anh Jean, ông Roger, có cả chị Roseline cùng tháp tùng đi đến Sète. Đó là ngày lễ hội Saint Louis ở Sète, tổ chức mỗi năm vào khoảng cuối tháng tám. Thật là đông vui, thích hợp với tuổi trẻ của chúng tôi. Ông Roger cũng hòa mình vào đám đông, chỉ dẫn, giải thích cho chúng tôi mọi thắc mắc. Ông như trẻ hẳn lại và xem chúng tôi như con của ông vì tôi, anh Jean, chị Roseline cùng xấp xỉ tuổi nhau. Ông lôi chúng tôi đi:

- Lại đây xem người ta chơi «Joutes nautiques».

Trò chơi này có từ thời vua Louis XIV, cách đây hơn 300 năm, vào ngày 29-07-1666, nhân dịp khánh thành bến cảng để mở rộng đường hàng hải thay thế cho kênh đào. Một ngày lịch sử không thể tách rời với người dân Sète, kéo dài cho tới nay mỗi năm vào ngày lễ hội Saint Louis.



Đó là trò chơi ngộ nghĩnh gồm từ 8 đến 10 người, cùng chèo trên một chiếc thuyền nhỏ. Hai người đứng trên đầu hai mũi thuyền, chân tựa vào một tấm ván rộng hai mét để giữ thăng bằng, họ mặc toàn đồng phục trắng, ngực đeo mộc gỗ, tay cầm một cây mác nhọn và dài. Khi hai thuyền giao nhau, hai người ở đầu hai mũi thuyền cùng tìm cách sao cho người này hất người kia bị mất thăng bằng và rơi tòm xuống nước. Người bị hất rơi xuống nước sẽ tính thua điểm. Như vậy mỗi lần hất rơi người gọi là «joueur», trên bờ người đứng xem cổ võ thật hào hứng. Hai bên bờ kênh người đi qua lại tấp nập, một bên là những dãy nhà san sát nhau sơn phết nhiều màu sắc trông vui mắt, một bên là những tiệm quán

bán thức ăn, quán kem, nước giải khát, quần áo, các món quà lưu niệm v.v..

Theo đoàn người chúng tôi đi dọc dài bên bờ kênh, rồi tách rời ra, đến đê chắn sóng nơi có ngọn hải đăng Saint Louis thật cao. Ông Roger chỉ vào một tấm biển gắn trên tường đá:

- Tấm biển này được dựng lên vào ngày 11-07-1982, để kỷ niệm tình giao hữu giữa hai nước Pháp và Israel. Tại đây, ngày 11-07-1947, chiếc tàu «EXODUS 47», đã khởi hành chở hàng ngàn người tị nạn trái phép dưới sự kiểm soát của nước Anh về xứ Israel của họ.



Từ đê chắn sóng (môle Saint Louis) nhìn ra xa thấy đại dương mênh mông xanh ngắt một màu và nhìn vào đất liền là Vieux Port còn gọi Vieux Bassin tiếp nối với bến du thuyền (port de plaisance). Những chiếc du thuyền kề san sát nhau đong đưa theo nhịp nước, gương lên những cột buồm như muốn đụng tới bầu trời xanh trong trên cao, thỉnh thoảng vài đám mây trắng nhàn nhã bay ngang qua. Ông Roger cảm

khái hít một hơi dài và nói: «Ồi thành phố Sète thân yêu của tôi!».



Ông chợt hỏi chúng tôi:

- Cách đây không xa có Cimetière Marin (Nghĩa trang trước biển), các cô cậu có muốn đến viếng một lần cho biết?

Chúng tôi cùng đi theo ông bước vào nghĩa trang, nằm ở một vị trí thật cao nhìn ra phía trước là biển rộng bao la, quanh năm in bóng một màu nước xanh thẳm. Xem như chúng tôi là những đứa học trò ngoan ngoãn, ông không ngừng giải thích. Ban đầu đây là Nghĩa trang Saint-Charles. Sau đổi là Nghĩa trang Marin (7-8-1945), để tưởng niệm nhà văn, nhà thơ Paul Valéry (1871-1945), được chôn cất trước đó không lâu. Trên mộ của Paul Valéry có khắc hai câu trong bài thơ mang tựa đề «Cimetière Marin»:

*Ô récompense après une pensée
Qu'un long regard sur le calme des Dieux
(Ồi hạnh phúc khi trái lòng suy tưởng
Ngắm khung trời êm ả Đấng Thần Linh)*

CT-SỐ 90

Người dân địa phương nói Cimetière Marin là *nghĩa trang của người giàu*, ngược lại Cimetière Le Py là *nghĩa trang của người nghèo*. Nghĩa trang Le Py nằm đối diện với hồ Thau. Georges Brassens (1921-1991) đã gọi lại trong bài hát «*Supplique pour être enterré à la plage*» để so sánh một cách khiêm nhường với Paul Valéry: *Nghĩa trang của tôi phải nhiều biển xanh hơn của bạn (mon cimetière soit plus marin que le sien)* và Georges Brassens đã được chôn cất ở nghĩa trang Le Py trong phần mộ của gia đình, mỗi năm có đến khoảng 80.000 người ái mộ đến thăm viếng. Rồi ông Roger đổ chúng tôi tìm ra được mộ của Paul Valéry.



Chúng tôi đi quanh quần mãi, cuối cùng ông Roger nói, ở đây có hai nhân vật nổi tiếng là Paul Valéry và Jean Vilar (1912-1971), Giám đốc viện Kịch nghệ Quốc gia Bình dân (Théâtre National Populaire), người sáng lập ra lễ hội Avignon (Festival d'Avignon) từ năm 1947, nay vẫn còn được tổ chức hằng

117

năm tại tỉnh này. Khi bước vào nghĩa trang phải để ý tấm bảng ghi với mũi tên đi lên các bậc thang là tới mộ Paul Valéry, trước mộ có kê một ghế băng cho khách viếng mộ nghỉ chân. Mũi tên đi xuống gần lối ra vào là mộ của Jean Vilar. Chúng tôi rất ngạc nhiên và thán phục ông Roger, thật không hổ danh là giáo sư sử địa với nhiều năm tận tụy trong nghề.

Rời khỏi Nghĩa trang Marin, ông Roger đề nghị chúng tôi hãy ghé vào một quán ăn thường thức các món hải sản. Từ trong quán ăn, tôi nhìn ra ngoài, trời đang bắt đầu vào đêm, ở bên này bờ kênh đào nhìn về phía bên kia bờ, các dãy nhà nối tiếp nhau đã được thắp lên những ánh đèn màu sáng loáng soi bóng xuống dòng nước.



Công trường Comédie rộng lớn, ở ngay trung tâm thành phố Montpellier là nơi du khách thường tới lui vào dịp hè.

Nhất là mỗi chiều cuối tuần vào ngày thứ sáu và thứ bảy, các sinh viên ở nhiều trường đại học thường đến đây vui chơi để bù vào những ngày trong tuần miệt mài học tập. Anh Jean còn học một năm cuối về ngành Dược. Thỉnh thoảng anh cũng họp bạn và rủ chị Roseline cùng đi. Anh Jean và chị Roseline nói chuyện với nhau có vẻ rất tương đắc. Họ thường rủ nhau đi ciné, thưởng thức âm nhạc, ngồi quán uống cà phê. Bao chung quanh công trường Comédie là những tiệm quán đủ loại. Một trung tâm thương mại phồn thịnh thích hợp cho mọi nhu cầu và đủ mọi lứa tuổi.

Lần đầu tiên đến nhà ông, mùa Giáng Sinh năm 2020, ông Roger mời cả gia đình chúng tôi đến dự tiệc buổi tối. Nhìn cách trang trí trong nhà ông, những bức tranh treo tường là hình ảnh đồng quê Việt Nam: đứa bé chăn trâu ngồi tựa dưới gốc cây thối sáo, thiếu nữ mặc chiếc áo bà ba đơn sơ đang nghiêng người chèo trên chiếc thuyền nhỏ, đầm sen đang nở hoa v.v..., mẹ tôi không hết lời khen ngợi. Ông Roger nói đó là những món quà kỷ niệm mà em gái ông mang về từ Việt Nam. Tôi dõi mắt nhìn khắp nơi, chợt dừng lại trước một chiếc tủ thấp kê ở góc nhà. Hai bên đầu tủ trang trí một chậu hoa lan màu tím hoa cà, một chậu hoa trạng nguyên màu đỏ thắm. Giữa tủ để một khung ảnh bán thân chụp chung người đàn bà và cô gái còn rất

trẻ. Tôi nhìn kỹ và bàng hoàng không tin nổi vào mắt mình. Tôi gọi mẹ và hỏi:

- Mẹ ơi, có phải là bà Jeanne và Béatrice không? Mẹ nói:

- Hình như là vậy, trông giống quá!

Tôi quay lại hỏi ông Roger. Ông nói với nét mặt thật buồn, đó là bức ảnh cuối cùng của Jeanne, em gái tôi và Béatrice, cháu tôi. Họ bị tai nạn xe hơi và mất cách nay đã 15 năm.

Đúng là Béatrice! Tôi lặng người, đứng tần ngần một hồi lâu. Người bạn mà tôi đi tìm suốt bao nhiêu năm, không ngờ lại ở rất gần tôi từ khi quen biết ông Roger. Khi gặp lại thật bề bàng, chỉ còn nhìn thấy bạn trong khung ảnh bán thân này. Tôi rơm rớm nước mắt nói với ông Roger, Béatrice là bạn thân học chung trường, chung lớp với tôi khi còn ở Việt Nam. Ông thoáng chút ngạc nhiên và nói:

- Thảo nào, tôi không giải thích được, cứ quẩn luyến và tìm hiểu mỗi khi gặp lại cô. Thôi hãy vui lên đi, dù trong hoàn cảnh nào. Đêm nay là đêm mừng Chúa Giáng Sinh, hãy cầu xin bình an đến với chúng ta.

Chúng tôi ở lại dự tiệc và trò chuyện với gia đình ông Roger đến hai giờ sáng mới từ giã. Đêm ấy khi về nhà, mẹ an ủi tôi và những kỷ niệm ấu thơ với Béatrice cứ như một đoạn phim ngắn chập chờn dẫn đưa tôi vào giấc ngủ.

Ông Roger nói còn viện bảo tàng Paul Valéry, viện bảo tàng Nghệ thuật hiện đại và nhiều nơi khác tôi chưa khám phá. Ông hứa sẽ dẫn chúng tôi đi, từ trung tâm thành phố đi bộ qua nhiều con đường xưa đầy sỏi đá, leo từng con dốc, trèo từng bậc thang cho đến núi Saint Claire, ở đó sẽ được nhìn thấy toàn cảnh chung quanh thành phố Sète. Ông còn hứa sẽ đi xem lễ hội «Escale à Sète», dặn dò chúng tôi phải thu xếp đến tham dự đừng bỏ qua.

Lễ hội «Escale à Sète» - (Thuyền ghé bến ở Sète) là một lễ hội truyền thống, tổ chức cuộc triển lãm thuyền buồm có tầm cỡ quốc tế, nhằm bảo vệ di sản dành riêng cho ngành hàng hải. Cuộc triển lãm đầu tiên vào năm 2010, chỉ trong một ngày có 10.000 người, 50 chiếc thuyền buồm đến tham dự. Từ đó liên tiếp cứ mỗi hai năm một lần kéo dài một tuần lễ, người ta ùn ùn kéo tới nhìn ngắm những chiếc thuyền buồm cổ xưa đỗ bến tại Sète. Năm 2018, có hàng trăm ngàn người đến tham dự, hơn trăm chiếc thuyền buồm lớn nhỏ đỗ bến ở Sète, đặc biệt có chiếc Hermione là một tàu chiến nổi tiếng từ thế kỷ thứ 18, đã từng đưa hầu tước De la Fayette đến Hoa Kỳ tham gia vào cuộc chiến giành độc lập năm 1780.

Lễ hội «Escale à Sète» năm nay 2020, dự định vào tuần lễ từ 7 đến 13 tháng tư, đã bị hủy bỏ vì nạn dịch cúm Covid 19. Bệnh dịch lan tràn làm kinh hoàng và thay đổi đời sống con người

trên toàn thế giới. Như một cuộc chiến tranh không đổ máu, bệnh dịch làm mất tự do, cách ly với gia đình, thân nhân, bè bạn, suy sụp kinh tế một cách thảm hại. Nghĩ lại những ngày tháng trước kia, đường phố nhộn nhịp, người ta vui sống bình an, mà ao ước và nuôi hy vọng tới một ngày mai sáng tươi.

Ông Roger không thoát ra khỏi thông lệ vì bệnh dịch cúm Covid 19 chiếu cố nhiều đến người già. Cũng may ông bị bệnh nhẹ có thể săn sóc tại nhà, không phải đến nhà thương nằm tê liệt với những máy móc và ống trợ thở. Hai tháng sau ông đã khỏi bệnh. Tôi đến thăm ông mặt đeo khẩu trang. Tất cả mọi người đều đeo khẩu trang! Ông nói tôi hãy kể cho ông nghe về Béatrice khi còn sống ở Việt Nam. Tôi xin lỗi ông vì đã không thành thật cho ông biết tên khi gặp ông trong thư viện.

- Tôi tên Sylvie Anne Doucet. Mang hai dòng máu Pháp-Việt, gia đình tôi đã mất liên lạc với ba tôi từ khi ông hồi hương về Pháp, còn mẹ tôi thì như ông đã biết rồi đó.

Ông Roger nắm lấy tay tôi nở nụ cười hiền hòa:

- Nếu cô đã «phát minh» ra như vậy, chắc cũng có lý do riêng và để nhớ tới cháu gái tôi. Tôi vẫn gọi cô là Syl-Béa.

Tôi cảm động nhìn ông không nói gì. Khi từ già ông ra về, tôi đem tặng ông cánh hoa Syl-Béa ngày xưa tôi ép khô, nay đem gắn vào một khung ảnh nhỏ. Ông sẽ để nó trên tủ thấp, kề bên khung ảnh bán thân của bà Jeanne và Béatrice.

Nguyễn Mây Thu
(22-11-2020)



CÓ NHỮNG CON ĐƯỜNG

*Có những con đường ươm tuổi thơ
Ngày đầu theo mẹ đến trường quê
Thoảng hương cau, thơm mùa mạ mới
Lớp vỡ lòng ghi khắc mãi trong tim*

*Có những con đường xanh ước mơ
Bình minh vẫy gọi dấu chân quen
Không ngại đường xa, hăng sức trẻ
Mai này chim cất cánh bay cao*

*Có những con đường sau chiến chinh
Ngậm ngùi thừa vắng bóng thầy cô
Bạn cũ đời chia năm bảy nẻo
Còn thương dăm đũa lạc loài xa*

*Có những con đường xa rất xa
Hiện về trong một thoáng chiêm bao
Tuổi nhỏ hồn nhiên trang vở mới
Phượng đỏ sân trường, rộn tiếng ve*

Vưu Văn Tâm (Germany)

Bài xướng:

TỰ THÂN

Thấm thoát tiêu ma cả cuộc đời,
Còn ngồi tơ tưởng chuyện giờ ơi!
Mong theo Trưng, Triệu tay còn ngắn,
Muốn học Khổng (1), Trình (2)
óc chữa khơi.
Hội họa Tề (3), Vương (4)
cau mặt giận,
Văn thơ Siêu (5), Quát (6) đứt hơi cười.
Kiếp sau xin hết mơ cùng mộng,
Cuộc sống an nhàn biết mấy mươi.

Trương Anh Thụy



<- Hai Bà Khởi Nghĩa
Tranh Acrylic - Cỡ 24x36"
Trương Anh Thụy

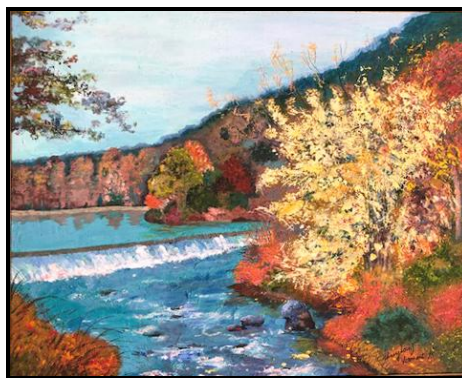
Bài họa:

TỰ TẠI

Nhìn lá vàng rơi cuối nẻo đời
Bon chen chi nữa thế nhân ơi!
Đừng vương dĩ vãng, bụi trần lắng,
Chớ vọng tương lai, ước mộng khơi.
Tự tại đầu xanh vui bước tiến,
An nhiên tóc bạc thắm môi cười.
Sống cùng hiện tại lòng thanh thản
Thất thập bao người vượt bảy mươi.

Tâm Minh

(Virginia, Nov 2020)



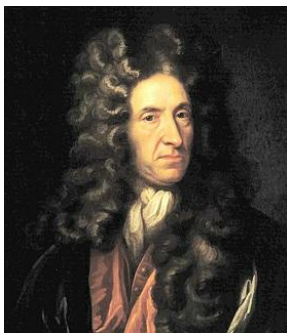
Mùa Thu Vermont
Tranh Acrylic - Cỡ 24x30"
Trương Anh Thụy

Chú thích: (1) Khổng: Khổng Tử (2) Trình: Trình Tử, học trò xuất sắc của Khổng Tử. Do đó có câu “Cửa Khổng sân Trình.” (3) Tề: Tề Bạch Thạch: (1863-1957), thiên tài hội họa lừng danh bên Tàu. (4) Vương: Vương Hi Chi - Đại danh họa thư pháp thời Đông Tấn Trung Hoa, được người đời tôn vinh làm “thư thánh.” (5 & 6) Siêu, Quát: Trương Hán Siêu (1799-1872) và Cao Bá Quát (1809-1854) là hai thiên tài văn thơ Việt Nam: “Văn như Siêu, Quát vô tiền Hán / Thi đáo Tùng Tuy thất thịnh Đường.” (Có sách ghi tác giả hai câu thơ này là vua Tự Đức.)

DANIEL DEFOE (1659/1661? – 1731)

Nhà Văn Người Anh và Tác Phẩm Robinson Crusoe

** tác giả: **Phạm Văn Tuấn** **



Daniel Defoe

là nhà văn và nhà báo người Anh, nổi tiếng vì tác phẩm Robinson Crusoe. Daniel Defoe còn là một trong các nhà văn viết

tiểu thuyết đầu tiên của nước Anh, ông đã viết ra hơn 500 cuốn sách, các tập sách mỏng và các bài báo về nhiều loại đề tài chẳng hạn như chính trị, tôn giáo, hôn nhân, tội ác (crime), tâm lý và siêu nhiên (supernatural). Daniel Defoe cũng là một nhà tiên phong trong ngành báo chí kinh tế (economic journalism).

1/ Cuộc đời của nhà văn Daniel Defoe.

Tên lúc mới sinh ra của Daniel Defoe là “Foe”, không phải là “Defoe”. Daniel Defoe có lẽ chào đời tại giáo xứ St Giles Cripplegate, thành phố London, nước Anh. Sau này ông Daniel đã thêm vào họ của mình chữ De để có vẻ quý tộc và đôi khi ông cũng tự nhận mình là giòng dõi của gia đình De Beau Faux. Cả hai ngày sinh và nơi sinh của Daniel Defoe đều không chắc chắn bởi vì có các tài liệu viết rằng ông ra đời vào năm 1659 hay 1661. Cha của

Daniel Defoe là ông James Foe, là một người làm nến (đèn cây, chandler).

Các năm thiếu thời của Daniel Defoe là những năm đầy biến cố bất thường trong lịch sử của nước Anh. Vào năm 1664 khi Defoe có lẽ mới được 4 tuổi, Hạm Đội của Hòa Lan đã đi vào giòng sông Thames và bắn phá thành phố London. Năm sau 1665, bệnh dịch đã giết chết 70,000 người. Rồi tai họa đáng kể nhất là trận Hỏa Hoạn Lớn (the Great Fire of London) đã đốt cháy vùng lân cận của Daniel, chỉ chừa lại 3 căn nhà trong đó 1 căn là của gia đình Defoe. Tất cả những tai họa này đã xảy ra khi Defoe được 7 tuổi, rồi tới khi lên 14 tuổi, bà mẹ của Daniel qua đời.

Cả hai cha và mẹ của Daniel đều là những người không ưa đạo Tin Lành Presbyterian nên Daniel được giáo dục tại trường học không thuộc về Anh Cát Giáo tại miền Stoke Newington, điều hành do ông Charles Morton và ông này về sau làm Viện Phó (vice-president) của trường Đại Học Harvard. Mặc dù Daniel là một tín đồ Thiên Chúa giáo (a Christian) nhưng vì không muốn trở nên một mục sư khác đạo, Daniel đã đi vào thương trường, theo nghề buôn bán nhiều sản phẩm như hàng dệt (hosiery), hàng len và rượu mạnh. Với nhiều tham vọng, Daniel Defoe đã từng mua một khu nông trại và một con tàu biển nhưng nhiều khi ông ta mắc nợ.

Vào năm 1684, Daniel Defoe kết hôn với một người đàn bà tên là Mary Tuffley để có số tiền hồi môn là 3,700 bảng Anh, họ có 8 người con với 2 đứa trẻ qua đời sớm và cuộc hôn nhân của Daniel Defoe không được vui vẻ vì nợ nần thường xuyên.

Vào năm 1685, ông Defoe tham gia vào cuộc nổi loạn Monmouth sớm thất bại (the ill-fated Monmouth Rebellion) nhưng ông đã thoát nạn, không bị đưa ra tòa án đại hình. Tới năm 1692, Defoe bị giam giữ vì thiếu nợ 700 bảng Anh trong khi thực ra, ông ta còn mang nợ tới 1,700 bảng Anh. Daniel Defoe thường hay than van trong khi cách làm ăn của ông ta không phải là luôn luôn lương thiện.

Sau khi ra khỏi nhà tù, Defoe có lẽ đã đi du lịch qua châu Âu và xứ Tô Cách Lan (Scotland), và có thể vào thời gian này, ông ta đã buôn bán rượu chát tới các địa phương Cadiz, Porto và Lisbon. Vào năm 1695, Defoe trở lại nước Anh và từ nay, ông ta dùng tên gọi “Defoe” và làm ủy viên thuế vụ của kỹ nghệ thủy tinh (commissioner of the glass duty), có nhiệm vụ là thu thuế các loại sản phẩm đóng vô chai. Qua năm 1696, Defoe là chủ của một cơ sở gạch ngói tại Tilbury, Essex, và có lẽ ông cư ngụ gần Chadwell St Mary.

Tác phẩm đầu tiên của Daniel Defoe là cuốn sách “Một Tiểu Luận về các Dự Án” (An Essay upon Projects) trong đó bao gồm nhiều đề nghị cải tiến xã hội và kinh tế. Từ năm 1697 tới năm 1698, Daniel Defoe đã là người bảo vệ quyền lực của Vua William III để có một đạo quân được duy trì trong cuộc giải giới (disarmament) sau Hòa Ước Ryswick

(the Treaty of Ryswick, 1697). Ông Defoe đã bênh vực nhà vua kể trên và trên chọc các người Anh chủ trương thuần chủng (racial purity).

Các cuốn sách mỏng do Defoe viết ra cùng với các hoạt động chính trị khiến cho ông bị bắt và bị nhốt vào nhà tù Newgate vào ngày 31/7/1703. Sau đó Hầu Tước Robert Harley đã chuộc Defoe ra khỏi nhà tù và để đổi lại, ông ta phải làm một nhân viên tình báo.

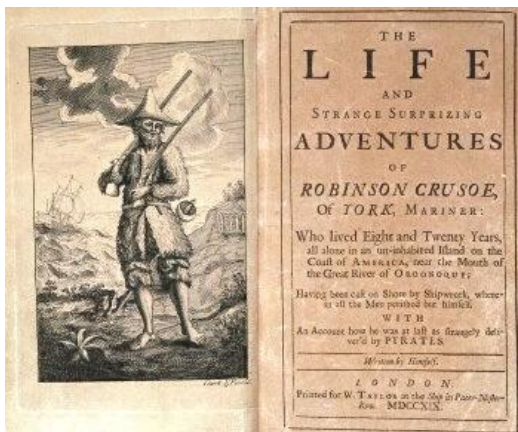
Sau một tuần lễ ra khỏi nhà tù, Daniel Defoe đã chứng kiến trận bão lớn năm 1703 và trong 2 ngày 26 và 27 tháng 11/1703, trận bão này từ Đại Tây Dương thổi vào nước Anh với tốc độ tối đa, gây thiệt hại nặng nề cho hai thành phố London và Bristol, đã làm tróc gốc hàng triệu cây trồng và hơn 8,000 người đã bị thiệt mạng, phần lớn trên biển cả. Biến cố này đã khiến cho Daniel Defoe viết ra tác phẩm “Bão Tố” (The Storm – 1704) trong đó có các nhân chứng đã mô tả trận bão.

Cùng vào năm này, Daniel Defoe viết ra cuốn sách “Một Bình Luận về các Sự Việc của nước Pháp” (A Review of the Affairs of France) qua đó tác giả ủng hộ Bá Tước Robert Harley, bàn về các biến cố trong cuộc chiến tranh Nổi Ngộ tại Tây Ban Nha (the War of the Spanish Succession, 1702-14). Cũng trong thời gian tới năm 1714, Daniel Defoe vẫn là một nhân viên tình báo cho chính quyền đảng Whig.

Vào năm 1719, Daniel Defoe cho xuất bản cuốn tiểu thuyết Robinson Crusoe rồi sau đó là các tác phẩm khác: Appeal to Honour and Justice (1715), The Family Instructor (1715), Minutes

of the Negotiations of Monsr. Mesnager (1717)...

Daniel Defoe qua đời vào ngày 26/4/1731, có lẽ trong thời gian đi trốn nợ. Ông được chôn cất trong nghĩa trang Bunhill Fields, trong thành phố London.



(Ấn bản đầu tiên)

2/ Về cuốn truyện Robinson Crusoe.

Cuốn truyện danh tiếng Robinson Crusoe (1719) của Daniel Defoe kể lại về một người bị đắm tàu rồi bước lên một hòn đảo hoang vắng và các cuộc phiêu lưu về sau của ông này. Tác giả Defoe có lẽ đã căn cứ vào câu chuyện của một người Tô Cách Lan (Scottish) bị đắm tàu và sống trên một hoang đảo tên là Alexander Selkirk. Cũng có thể tác giả Defoe có được nguồn cảm hứng do bản dịch tiếng Anh của một cuốn tiểu thuyết trước đó, có tên là Philosophus Autodidactas của tác giả Abubacer nói về một hòn đảo hoang dã.

Vào năm 2002, trong cuốn sách “Đi tìm Robinson Crusoe” (Seeking Robinson Crusoe), tác giả Tim Severin đã kết luận rằng hình ảnh Robinson Crusoe thực sự là một vị y sĩ bị đắm tàu tên là Henri Pitman. Trong cuốn sách mỏng này, ông Pitman đã kể lại sự trốn thoát khỏi một hòn đảo ngục tù trong vùng biển Caribbean bởi vì ông ta đã ở trong cuộc nổi loạn Monmouth.

Sự việc bị đắm tàu và các phiêu lưu trên một hòn đảo hoang của ông Pitman đã được xuất bản thành sách do ông J. Taylor cư ngụ trên đường Paternoster, thành phố London và con trai của ông J. Taylor là William Taylor về sau đã xuất bản cuốn tiểu thuyết của Daniel Defoe. Nhà văn Daniel Defoe có thể đã gặp mặt ông Pitman và đã học hỏi các kinh nghiệm sống thực của một người bị đắm tàu.

Ông Tim Severin còn cung cấp đầy đủ các chứng cứ về chuyện một người bị bỏ lại nơi hoang đảo tên là Will, thuộc sắc dân Miskito của vùng Trung Mỹ và câu chuyện của kẻ xấu số kẻ trên đã khiến cho nhà văn Daniel Defoe chú ý và dẫn tới việc mô tả anh Thứ Sáu (Man Friday) trong cuốn truyện của ông ta.

3/ Các chi tiết về Tác Phẩm Robinson Crusoe.

a/ Tên đầy đủ của tác phẩm: Cuộc đời và các cuộc phiêu lưu kỳ lạ và đáng ngạc nhiên của Robinson Crusoe, một người đi biển từ thị trấn York (The Life and Strange Surprising Adventures of Robinson Crusoe, of York, Mariner): Anh Crusoe này đã sinh sống trong 28

năm một mình trên một hòn đảo hoang vắng thuộc bờ biển của châu Mỹ, gần cửa sông lớn Oronoque. Robinson bị trôi dạt lên bờ do một vụ đắm tàu trong khi các người khác đều bị chết ngoại trừ anh ta. Cuối cùng Robinson được cứu thoát do các kẻ cướp biển.

b/ Thời gian và nơi viết ra tác phẩm: năm 1719 tại thành phố London, nước Anh.

c/ Năm xuất bản: 1719.

d/ Tên nhà xuất bản: William Taylor.

e/ Loại tác phẩm: tiểu thuyết về đắm tàu, chuyện phiêu lưu.

f/ Ngôn ngữ: tiếng Anh.

g/ Thể văn và giọng văn: quá khứ, không cảm xúc, chi tiết tỉ mỉ, chủ quan.

h/ Thời gian của câu chuyện: 1652 – 1694.

i/ Các nơi chốn trong tác phẩm: nước Anh, Bắc Phi, nước Brazil, một hòn đảo hoang của Trinidad, thành phố Lisbon.

j/ Người kể chuyện: Robinson Crusoe trong ngôi thứ nhất và thứ ba.

k/ Quan điểm: của Robinson Crusoe.

l/ Các hoàn cảnh: nổi cực khổ, sự thiếu thốn, cảnh cô đơn và các kẻ ăn thịt người.

4/ Cốt truyện.

Robinson Crusoe là một người Anh thuộc về thế kỷ 17, cư ngụ trong thị trấn York. Cha của anh ta là một nhà buôn gốc Đức, muốn anh ta học Luật nhưng Crusoe lại muốn đi biển. Cha của anh Crusoe nói rằng anh nên tìm kiếm một đời sống tầm thường và chắc chắn.

Crusoe đã vâng lời cha trong một thời gian rồi sau đó anh ta đã bị cám dỗ, bước lên một con tàu thủy với một người bạn để tới thành phố London. Khi một trận bão lớn xảy ra khiến cho Crusoe và người bạn suýt chết, người bạn này đã can ngăn Crusoe không nên đi biển nữa nhưng anh ta vẫn nhất định, tự lập nên một hãng buôn để rời khỏi thành phố London. Cuộc đi xa này đã thành công về mặt tài chính nên Crusoe đã trừ liệu một cuộc hành trình khác, để lại phần tiền lời cho một người bạn góa phụ.

Trong lần đi thứ hai của Crusoe, con tàu đã bị các hải tặc Moorish cướp đoạt và Crusoe bị bán làm nô lệ cho một ông vua của thị trấn Sallee thuộc miền Bắc Phi. Trong một cuộc đi câu cá, Crusoe và một đứa trẻ khác đã bỏ trốn rồi dương buồm đi dọc theo bờ biển của châu Phi. Một thuyền trưởng Bồ Đào Nha có lòng tốt đã cho 2 người này lên tàu, đã mua lại đứa trẻ nô lệ từ Crusoe và đưa Crusoe tới xứ Brazil. Tại Brazil, Crusoe đã sinh sống tự lập, trở nên chủ nhân của một đồn điền và sớm trở nên thành công. Anh ta tham gia vào các chuyến đi thu gom các dân nô lệ tại miền Tây Phi nhưng cuối cùng bị đắm tàu bên ngoài bờ biển của xứ Trinidad.

Crusoe là người duy nhất được sống sót trong cuộc đi biển này. Anh ta đã trở lại nơi bị đắm tàu 12 lần để tìm kiếm các thứ còn sót lại như súng, thuốc súng, đồ ăn và các thứ vật dụng khác. Trên bờ, Crusoe đã tìm thấy các con dê và anh ta nuôi các con thú ăn cỏ này để lấy thịt và anh ta cũng tự xây dựng nên được một nơi cư trú. Crusoe dựng

nên một cây thánh giá và ghi trên đó ngày bị lạc trên hòn đảo, mồng 1 tháng 9 năm 1659 và mỗi ngày, anh khắc một nét để biết ngày tháng. Anh ta cũng ghi lại các hoạt động, tập làm ra các cây nến và khám phá ra nơi có các hạt ngũ cốc mọc lên để rồi lập ra một cái hầm chứa thức ăn.

Vào tháng 6 năm 1660, Crusoe bị đau ốm và bị ảo giác, cảm thấy rằng có một thiên thần tới thăm viếng anh ta và khuyên anh ta phải sám hối. Sau khi khỏi bệnh, Crusoe khám phá ra rằng mình đang sống trên một hòn đảo. Anh ta đã tìm thấy một thung lũng xanh tươi có nhiều trái nho rồi làm tại nơi này một chốn cư ngụ trong bóng mát.



Crusoe bắt đầu cảm thấy lạc quan về việc ở trên hòn đảo này và tự coi mình như một ông vua. Anh ta huấn luyện một con vẹt, dùng 1 con dê như một con thú cưng và tập cách đan giỏ, làm bánh mì và đồ gốm. Anh ta chặt được một cây sồi lớn để làm ra một con thuyền nhưng thấy rằng một mình không thể di chuyển con thuyền gỗ này xuống biển. Sau khi đã làm được một con thuyền nhỏ hơn, Crusoe chèo

thuyền quanh hòn đảo và suýt nữa bị chết bởi vì một giòng nước mạnh đã làm cho con thuyền nhỏ này trôi giạt ra xa. Sau khi lên được bờ, Crusoe nghe thấy con vẹt kêu tên anh ta và anh ta đã cảm ơn Thượng Đế bởi vì đã thoát nạn. Crusoe đã trải qua nhiều năm trên hòn đảo này.

Một hôm Crusoe bị sững sốt khi nhìn thấy các vết chân người trên bờ biển. Đầu tiên anh ta cho rằng vết chân của một con ma quỷ nào đó nhưng rồi xác định là của một trong các kẻ ăn thịt người trong vùng này. Hoảng sợ, Crusoe bèn mang súng và xây dựng một căn hầm dưới mặt đất để lùa các con dê xuống ở dưới đó vào ban đêm.

Vào một buổi chiều, Crusoe nghe thấy các tiếng súng nổ rồi vào ngày hôm sau, anh ta nhìn thấy một con tàu bị đắm, trôi dạt vào bờ biển. Khi Crusoe tới tìm hiểu thì con tàu này trống không. Không lâu sau đó, anh ta thấy các mảnh thân xác người rải rác trên bờ, rõ ràng đây là phần còn lại của một bữa tiệc ăn thịt người. Sau đó Crusoe nhìn thấy vào khoảng 30 tên ăn thịt người lên bờ với các nạn nhân của chúng. Một trong các nạn nhân bị giết, một người khác đang chờ bị làm thịt thì bỗng nhiên anh chàng này tháo gỡ được các sợi dây trói rồi bỏ chạy về phía Crusoe đang đứng núp. Crusoe đã che chở cho người này và giết chết một kẻ đuổi theo cũng như làm bị thương các kẻ khác. Nhờ có vũ khí đầy đủ, Crusoe đã đánh bại các kẻ ăn thịt người trên bờ biển. Anh chàng nạn nhân sau đó đã hoàn toàn vâng phục Crusoe. Crusoe gọi tên anh ta là Thứ Sáu (Friday) để nhớ ngày anh ta được

cứu mạng sống và Crusoe dùng anh này làm một người hầu.



Do nhận thấy Thứ Sáu vui vẻ và thông minh, Crusoe dạy cho anh này vài câu tiếng Anh và vài quan niệm sơ đẳng về Thiên Chúa Giáo. Thứ Sáu cất nghĩa rằng các kẻ ăn thịt người được chia thành các bộ lạc khác nhau và họ chỉ ăn thịt người của bộ lạc khác. Các kẻ ăn thịt người chưa giết chết các người mà Crusoe đã thấy họ bị đắm tàu trước kia. Các người bị đắm tàu này là các người Tây Ban Nha, hiện sinh sống gần miền này. Thứ Sáu cũng mong có ngày được trở về bộ lạc của nó nhưng Crusoe thì sẽ rất buồn rầu khi phải xa lìa anh ta. Rồi cả hai người đã chế tạo được một con thuyền để cùng tới miền đất của các kẻ ăn thịt người.

Một hôm, 21 kẻ ăn thịt người dùng thuyền tới hòn đảo của Crusoe, họ dẫn theo 3 nạn nhân, một trong 3 người này mặc y phục của châu Âu. Crusoe và Thứ Sáu đã giết chết gần hết các kẻ ăn thịt người kia rồi giải thoát cho người châu Âu. Đây là người Tây Ban Nha. Thứ Sáu thì quá vui mừng khi khám phá thấy rằng một trong các nạn nhân được cứu thoát là cha của anh ta. Cả 3 người được giải thoát đã trở về nơi

Crusoe cư ngụ để ăn uống và nghỉ ngơi. Crusoe đã phá cha của Thứ Sáu và người Tây Ban Nha đi khám phá miền đất bên cạnh.

Tám ngày sau, một con tàu biển Anh tới nơi. Thứ Sáu báo động còn Crusoe nghi ngờ. Họ thấy 11 người dẫn theo 3 kẻ bị bắt từ một con thuyền lên bờ. 9 người trong bọn này đi thám hiểm để lại 2 người canh giữ các kẻ bị bắt. Thứ Sáu và Crusoe đã trấn áp được 2 tên canh giữ và thả ra các người bị bắt, 1 trong các người này lại là ông thuyền trưởng của con tàu Anh đã bị nổi loạn. Sau đó Thứ Sáu và Crusoe đã chiến đấu với các kẻ nổi loạn và cho họ biết tất cả bọn họ sẽ được tự do ngoại trừ tên đầu xỏ nổi loạn. Rồi tất cả các kẻ đó đã đầu hàng. Crusoe và ông thuyền trưởng cho tất cả mọi người biết rằng hòn đảo này là một lãnh thổ của hoàng gia và ông ta đã tha chết cho họ để rồi sau này khi đã trở về nước Anh, họ sẽ phải ra hầu tòa. Sau khi giữ 5 người làm con tin, Crusoe cho các người kia đi chiếm lại con tàu biển. Khi con tàu biển được mang tới, Crusoe quá cảm động, gần như muốn xỉu.

Vào ngày 19/12/1686 sau 28 năm sinh sống trên hòn đảo hoang vắng, Crusoe đã lên tàu trở về nước Anh. Tại nhà, Crusoe thấy các người thân trong gia đình đều đã quá vắng ngoại trừ 2 người em gái. Người quả phụ bạn hãy còn giữ an toàn món tiền mà Crusoe gửi trước kia và sau khi đi tới Lisbon, Crusoe được biết qua người thuyền trưởng Bồ Đào Nha rằng cái đồn điền của anh ta tại xứ Brazil rất trù phú. Crusoe lo việc bán đi các phần đất sở hữu tại Brazil.

Vì mệt mỏi trước việc đi biển, Crusoe đã trở về nước Anh. Anh ta được biết rằng cái đồn điền đã được bán đi xuống xẻo và bây giờ anh ta đã có một gia tài đáng kể. Sau khi trao tặng một món tiền cho bà góa phụ và các em gái, Crusoe đã lập gia đình.

Vào năm 1694, Robinson Crusoe đã tới miền Đông Ấn (the East Indies), đã thăm viếng lại hòn đảo hoang ngày xưa và thấy rằng người Tây Ban Nha đã quản trị hòn đảo rất tốt đẹp và tới nay, nơi đó trở nên một xứ thuộc địa trù phú.

5/ Các nhân vật trong tác phẩm Robinson Crusoe.

a/ *Robinson Crusoe*: là nhân vật chính trong truyện và là người kể chuyện. Sự không vâng lời cha của anh Crusoe được mô tả trong phần đầu của cuốn truyện. Crusoe là một người có niềm tin tôn giáo mạnh mẽ, đã can củ làm mọi công việc, phẩm chất này đã giúp cho anh ta sống còn trong 28 năm trên một hòn đảo hoang vắng.

b/ *Thứ Sáu*: là thổ dân Caribbean 26 tuổi, thuộc về một bộ lạc ăn thịt người. Dưới sự hướng dẫn của Crusoe, anh Thứ Sáu này đã đổi sang đạo Tin Lành (Protestantism). Thứ Sáu luôn luôn trung thành với chủ có lẽ bởi anh ta biết ơn đối với người đã cứu giúp anh ta. Sự phục vụ của Thứ Sáu là một biểu tượng của chế độ đế quốc áp bức.

c/ *Viên thuyền trưởng Bồ Đào Nha (Portuguese)*: ông ta là người đã cứu Crusoe và anh nô lệ Xury khi họ trốn khỏi các kẻ bắt giữ Moorish. Ông thuyền trưởng này thì lịch sự, rất rộng

rãi đối với Crusoe, đã chăm sóc các đầu tư của Crusoe tại xứ Brazil sau khi Crusoe vắng mặt

d/ *Người Tây Ban Nha (the Spaniard)*: là một trong các người Tây Ban Nha bị đắm ngoài khơi của hòn đảo của Crusoe. Sau khi Crusoe đã cứu ông ta khỏi các kẻ ăn thịt người, ông ta trở nên một người tùy tùng của Crusoe.

e/ *Bà góa phụ*: là bạn của Crusoe, đã giữ gìn 200 bảng Anh cho Crusoe trong 35 năm mà Crusoe vắng mặt.

f/ *Xury*: anh nô lệ trẻ tuổi người Ả Rập hoặc da đen. Crusoe đã bán Xury này cho viên thuyền trưởng Bồ Đào Nha.

6/ Các nhận xét về Tác Phẩm.

Từ đầu của cuốn truyện, Daniel Defoe khen ngợi Robinson Crusoe đã làm chủ được các hoàn cảnh của mình. Crusoe đã gặp một hoàn cảnh tương tự như Adam và Eve lạc vô vườn địa đàng Eden, đã biết làm cho nơi này là nơi ở của mình, đã thuần hóa các súc vật và đã tìm ra cách sống còn.

Crusoe ngừng lại cách trách oán chính mình vì đã không vâng lời người cha, ngừng việc oán trách định mệnh là thứ đã đưa đẩy anh ta ra ngoài biển khơi và anh ta bắt đầu suy nghĩ rằng mình là chủ của cuộc đời của mình lại vừa có khả năng và đáng sống.

Khi anh thổ dân da đen tên là Thứ Sáu (Friday) xuất hiện trên hoang đảo thì Crusoe lại coi mình là một thứ ông chủ. Crusoe đã dạy cho anh Thứ Sáu phải biết vâng lời chủ bởi vì Crusoe không bao giờ coi anh Thứ Sáu này là một người bạn hay là một người ngang hàng. Tinh thần kỳ thị (racism) thì vẫn

còn là thứ tiêu biểu trong thời kỳ của Daniel Defoe và Crusoe đã tự coi mình như một ông vua (a king), không phải chỉ đối với các người thổ dân mà còn đối với các người da trắng trên hoang đảo.

Daniel Defoe đã ca ngợi Crusoe vì đã làm chủ được môi trường cũng như số mệnh của bản thân mình. Tác giả Defoe đã xác nhận trong cuốn chuyện về sự khôn ngoan của Thượng Đế (God's wisdom) và vì vậy mà mọi người đều phải sám hối vì các tội lỗi của mình. Crusoe đã cảm thấy biết ơn Thượng Đế khi nhìn thấy các hạt giống nảy mầm và như vậy, việc cầu nguyện không đủ mà còn cần tới sự sám hối, ăn năn.

Crusoe tin tưởng tội lỗi chính của anh ta là đã không vâng lời cha, giống như Adam và Eve đã không vâng lời Thượng Đế và như vậy, sự việc Crusoe bị lạc ra khỏi nền văn minh thì cũng giống như Adam và Eve bị loại ra khỏi vườn Địa Đàng Eden. Sự hối hận của Crusoe gồm có sự nhận biết nỗi bất hạnh của mình và sự lệ thuộc hoàn toàn vào Thượng Đế.

Sau khi đã sám hối, Crusoe bắt đầu nhìn hoang đảo một cách tích cực hơn. Sau này khi Crusoe được cứu thoát và tài sản được trả lại, anh ta so sánh chính mình với Thánh Job là người kiên nhẫn đã nhận được hồng ân của Thượng Đế sau các lần thử thách khó khăn.

Do là một tín đồ của đạo Tin Lành Presbyterian, tác giả Defoe đã tin rằng cá nhân phải duy trì cẩn thận tình trạng linh hồn của chính mình. Crusoe đã tự biết mình khi anh ta rút lui ra khỏi thế

giới bên ngoài để nhìn lại chính bản thân mình.

Crusoe đã biết ghi lại các hoạt động hàng ngày của mình mỗi khi chờ đợi bên trong hang trú ẩn trong khi trời mưa ở bên ngoài. Trong chương 28, Crusoe đã khám phá thấy một thứ dấu hiệu làm cho mình bị hoảng hốt, đó là các vết chân người trên cát. Anh ta đã nghĩ rằng đây là một dấu vết của kẻ ác hay là của một kẻ xâm lấn và sự kiện này có thể khiến cho Crusoe không muốn trở lại xứ sở của loài người. Thực ra, đây là tâm lý của Crusoe khi bị cô đơn, không có ai để chia sẻ các suy nghĩ ngoài các con chim rừng.

Mỗi ngày, Crusoe thường hay khắc một nét dao vào cây Thánh Giá (the Cross) để đánh dấu một ngày đã đi qua và cây Thánh Giá này tượng trưng cho lòng mong ước của Crusoe muốn trở về xã hội văn minh. Cây Thánh Giá còn tượng trưng cho cuộc sống mới của Robinson Crusoe trên hoang đảo, giống như cuộc sống mới của Chúa Jesus sau khi đã chịu phép rửa tội còn Crusoe thì phải chịu đựng cảnh đắm tàu. Cây Thánh Giá là một vật tưởng nhớ (a memorial) đối với chính Defoe.

Vào phần cuối của cuốn truyện, hòn đảo mà Robinson Crusoe bị trôi dạt tới được coi là một thuộc địa (a colony) và tinh thần chủ tở giữa Crusoe và anh Thứ Sáu có thể bị coi là một thứ văn hóa đế quốc (cultural imperialism) bởi vì Crusoe được mô tả là một người Âu khai sáng trong khi anh Thứ Sáu thì còn man rợ. Vì vậy tiểu thuyết gia người Anh James Joyce đã cho rằng Robinson Crusoe là hình ảnh mẫu mực của một ông chủ thuộc địa người Anh,

Karl Marx cũng đề cập tới Robinson Crusoe trong tác phẩm Tư Bản (Das Kapital). Theo lý thuyết Mác Xít, các kinh nghiệm của Crusoe trên hoang đảo đã cho thấy giá trị cơ hữu về kinh tế thì hơn giá trị tư bản (capital). Crusoe đã nhận thức được rằng các đồng tiền mà anh ta thu lượm được từ con tàu biển bị đắm thì không có giá trị so với các đồ dùng, và tiền bạc chỉ có giá trị vào công việc đổi chác (trade). Cuốn truyện Robinson Crusoe đã chứa đựng rất nhiều hoàn cảnh liên hệ tới tôn giáo bởi vì tác giả Defoe là một nhà luân lý Thanh Giáo (Puritan), tin tưởng vào đạo đức làm việc của đạo Tin

Lành. Cuốn truyện kể lại các cơ hội Crusoe đã tới gần Thượng Đế như thế nào, không phải do được nghe các bài giảng trong nhà thờ mà qua các cơ hội tiếp xúc với thiên nhiên và anh ta chỉ có một cuốn sách để đọc, đó là cuốn Thánh Kinh.

Robinson Crusoe cảm thấy mình được hướng dẫn theo một định mệnh thiêng liêng và nhờ vậy, anh ta đã cảm thấy lạc quan trong nhiều hoàn cảnh coi như tuyệt vọng./.

Phạm Văn Tuấn

Tài liệu tham khảo: Wikipedia.org.,
Britannica Encyclopedia.



Tạ Ôn Rừng

*Tạ ơn Rừng cho ta nguồn tâm sự,
Cội rễ muôn trùng thăm thẳm hoang vu.
Suối nỉ non bản trường ca tình tự,
Vách đá vang lời vọng cổ thiên thu.*

*Trăng cô đơn vẫn nằm nghiêng cửa động.
Đỉnh hồng hoang còn e ấp sương mù,
Tóc liễu buông dài thướt tha gió lộng,
Tiếng thì thầm trong lòng núi âm u.*

*Tạ ơn Rừng cho ta đường cỏ tích,
Dáng xuân sơn kiêu diễm tự ngàn xưa.
Nét sử vàng chói lòa sườn thạch bích!
Hồn muôn năm uy liệt chẳng phai mờ!*

*Rừng trải bạt ngàn, tay Rừng mở rộng,
Ôm giang sơn trong lòng Mẹ Âu Cơ.
Đứng hiên ngang giữa mưa trào gió lộng,
Ru hồn thiêng từ những buổi hoang sơ*

*Tạ ơn Rừng cho hương hoa nguồn sống,
Muôn giải đường đèo,
mây lướt thênh thang.
Ánh lửa bập bùng, tiếng cồng khua động,
Hồn núi oai hùng, hồn nước mệnh mang!*

*Ta ở nơi đây nhớ Rừng nhớ Núi,
Năm tháng kéo dài cuộc sống lê thê...
Một mai hoa vàng nở bên bờ suối,
Rừng Thiêng ơi, ta sẽ trở về!*

Trần Quốc Bảo Richmond, VA

Mời xem youtube do Phạm Văn Tuấn thực hiện với bài thơ “Tạ Ôn Rừng” và ca khúc “Nhạc Rừng Khuya” của Lam Phương:

<https://www.youtube.com/watch?v=VoD69uLa6HE>

BẢN LUÂN VỮ CUỐI CÙNG (Kỳ 2)

** tác giả: Nguyễn Lâm **

Khoảng mười giờ sáng, vợ chồng Hồng Thơ vừa thức giấc thì tiếng chuông điện thoại reo vang. Huân nhắc ống nghe, trả lời, rồi chàng quay sang vợ: “Một ông bạn cũ của em người Nhật muốn đón vợ chồng mình đi chơi sáng nay. Ai thế?”

Hồng Thơ bần rùn tay chân, nàng cố trấn tĩnh: “Em nghĩ là Akira Tomoki”.

Huân nói như reo vui: “Ồ! Thì ra ông giám đốc hãng điện tử Mishima. Chúng mình không thể thoái thác. Một nhân vật khét tiếng trong ngành phát minh sản phẩm robot. Anh đương muốn gặp ông ta!”

Thôi thế là hết cơ chối từ. Nhưng dù có lánh mặt ngày hôm nay, Akira thế nào cũng tìm đến nàng một ngày khác trong thời gian năm hôm tại Nhật. Bây giờ nàng đã có chồng, sự hiện diện của Huân làm nàng vững lòng hơn... thôi, gặp một lần cho xong. Hồng Thơ lấy lại vẻ bình thản: “Được! Em sẽ giới thiệu anh với Akira!”

Hai vợ chồng xuống phòng đợi của khách sạn... Akira đẩy, chàng đứng tựa cửa sổ, quay lưng về phía vợ chồng nàng, chàng có vẻ chăm chú nhìn những tàn cây phong linh vào thu lá bắt đầu héo úa.

Huân lên tiếng: “Xin chào ông Tomoki!”

Akira quay phắt người lại, như không nhìn thấy người chồng, chàng cúi rạp mình rồi nhìn người vợ dăm dăm: “Hồng Thơ! Bà không thay đổi”.

Hồng Thơ bẽn lễn, cố gắng gượng: “Thưa ông Tomoki, đây là nhà tôi”.

Cặp mắt xéch một mí sắc như dao, thoáng tia nhìn chế giễu:

“Hân hạnh được biết ông”.

Hai người đàn ông bắt tay nhau một cách lịch sự, Huân với vẻ sốt sắng hồn nhiên, Akira với vẻ lạnh lùng thờ thẩn. Bất chợt, Akira đổi sắc mặt, lấy vẻ thân mật nói với Huân:

“Tôi xin mời ông bà đi ăn điểm tâm, rồi chúng mình sẽ bay tới Kobé. Thưa ông, bà nhà chắc có nhiều kỷ niệm với Kobé mà bà muốn gặp lại”.

Huân ngạc nhiên:

“Thưa ông Tomoki, chúng tôi hân hạnh được tháp tùng ông đi ăn sáng còn... tới Kobé, chúng tôi chưa dự định, làm sao mua được vé máy bay ngay?”

Vẫn vẻ trịch thượng của chàng trai Nhật Bản hơn hai mươi năm trước, Akira ung dung trả lời:

“Thưa ông, chúng ta sẽ dùng máy bay riêng của tôi, nó nhỏ nhưng đầy đủ và tiện dụng. Tôi mong ước ông bà

không nỡ từ chối mẹ già của tôi vẫn hằng trông đợi bà nhà”.

Huân càng ngạc nhiên thêm: “Vậy là gia đình nhà tôi phải là chỗ thân tình với gia đình ông từ lâu mà nhà tôi vô tình chẳng kể cho tôi nghe. Vâng, thưa ông Tomoki, chúng tôi nhận lời tới Kobé thăm cụ nhà”.

Hồng Thơ không còn nói được câu gì, Huân đã bằng lòng, chàng nào biết mối tình thuở hoa niên của vợ, chàng nào biết con người Akira!

Tiệm ăn sang trọng với những thức ăn đẹp mắt của thành phố Tokyo tân kỳ không làm Hồng Thơ vui. Nàng gấp miếng ăn một cách hờ hững. Cử chỉ của nàng không qua được đôi mắt tinh anh của Akira dù chàng đang sốt sắng trò chuyện với chồng nàng:

“Bà vẫn sợ cơm Nhật bản như ngày nào...”.

Huân cũng không thích thức ăn Nhật mặc dù trông nó đẹp mắt vô cùng, chàng thông cảm vợ:

“Chúng tôi là người Việt lại ở trên đất Mỹ nên ít khi ăn cơm Nhật Bản, nhưng công tâm mà nói thì kỹ thuật trình bày món ăn của xứ Phù Tang rất cao, chỉ nhìn thôi đã thấy tuyệt vời rồi”.

Nhân lúc Akira vào phòng rửa tay, Huân nhìn vợ nói nhỏ: “Ông Tomoki hơi kỳ kỳ. Tinh thần của ông ta là tinh thần võ sĩ đạo cao độ đến độc đoán”.

Hồng Thơ nhìn chồng đồng ý:

“Em thật sự không muốn mất nhiều thì giờ với Akira, chỉ tại anh nhận lời!”

Chiếc xe limousine bóng loáng ngừng lại trước căn nhà cổ xưa mà hơn hai mươi năm trước Hồng Thơ đã đến, đã lo lắng, đã bẽ bàng. Hình ảnh người cha với vẻ trang nghiêm, lạnh lùng, nghiệt ngã vẫn còn trong tâm tưởng nàng. Thoáng nhìn nét mặt Hồng Thơ, Akira đã hiểu:

“Cả buổi mải trò chuyện cùng ông nhà, tôi quên khuấy phải thưa với bà là cha tôi đã mất cách đây năm năm. Bây giờ căn nhà này chỉ có một mình mẹ tôi sống. Bà cụ buồn lắm vì thỉnh thoảng tôi mới có thì giờ về thăm. Tôi bận rộn nhiều hơn kể từ ngày cha tôi qua đời. Tôi đoán chắc với bà là mẹ tôi vô cùng sung sướng khi gặp lại người xưa”.

Hồng Thơ thở dài. Bây giờ có sẵn đón nàng cũng chẳng thể nào làm khác được. Nàng đã có gia đình, có người chồng bình dị và hai đứa con trai ngoan ngoãn, có một cuộc đời êm ấm. Nhìn Akira, Hồng Thơ không còn thấy xúc động nữa mà nàng chỉ thấy ngại ngại, sờ sợ, một cảm giác khó chịu, một cảm giác bất an hay vì chàng vồn vập quá, hay vì chàng giàu có và nổi tiếng quá? Hồng Thơ chỉ muốn nói với chồng những ý tưởng của mình nhưng Huân có vẻ kết với Akira trong công việc làm ăn, trong những dự án tương lai mà Akira đang vẽ ra, đang nồng nhiệt đề cập đến. Hơn thế nữa, Huân đâu thể ngờ vợ mình đã có một thời hoa niên mê mết với chàng trai xứ Phù Tang này. Nàng không thể nói gì được!

Căn nhà trông vẫn như xưa, vẫn những ngọn đèn đá vươn mình trên những bụi cây gọt tĩa cầu kỳ khéo léo, vẫn những tảng đá xanh xám rải rác trên những lớp rong rêu, xa xa tít tận cuối vườn là trà đình mà Hồng Thơ chưa được bước vào. Phòng khách cũng không có gì thay đổi, vẫn cây đào thuở xưa, nhưng giờ đây cao hơn vươn mình tới gần trần nhà, gốc sần sùi to vừa người ôm, những nhánh ngả dài tới tận cuối phòng. Đồ đạc vẫn sạch, chiếc bàn gỗ gụ lâu ngày bóng lộn như gương.

Bà Tomoki ngồi chờ trên một chiếc gối giữa phòng khách. Chỉ có bà trông đã khác, đã già, mái tóc đã bạc, da mặt đã có nhiều chỗ nhăn nheo... dấu vết của thời gian, dấu vết của một cuộc đời thiếu hạnh phúc. Hồng Thơ quì xuống cúi rạp người trước bà. Bà già, ánh mắt sáng lên, đưa tay đỡ nàng dậy. Bất chợt, hai người đàn bà ôm chặt lấy nhau, nước mắt lặng lẽ tuôn trào.

Akira phá tan sự im lặng: “Con để mẹ trò chuyện với bà Huân, con đưa ông Huân tới giới thiệu một số sản phẩm mới của hang. Con sẽ trở về tối nay để đón bà ấy”.

Hai người đàn ông ra khỏi cửa, bà Tomoki ngắm Hồng Thơ:

“Tôi muốn mời cô tới phòng uống trà của gia đình, nơi chúng tôi chỉ tiếp những khách thân quí”.

Bà Tomoki mở cửa bước ra vườn, Hồng Thơ lặng lẽ theo sau. Không khí thoáng mát của khu vườn, cảnh trí nên thơ, u tịch của khu vườn khiến nàng thấy thoải mái, hay là vì không có sự hiện diện của Akira?

Trà đình nằm khuất sau vườn cây xanh um với những cây linh lăng cao tàn xòe um tùm lá, những bụi cây thấp lè tè hình cây nấm rải rác giữa đám rêu phong lan cùng trên mặt đất, một cây đèn đá ngay đầu ngõ vào lung linh ánh lửa. Trà đình vuông vẫn xây toàn bằng gỗ phương đàn hồng nhạt nổi vân, mái ngói màu thạch lựu hơi nhô ra làm hiên che cho hành lang phía trước, hai cánh cửa giấy bồi lồng trong khung gỗ mun màu nâu áo cà sa, khung gỗ tựa vào hai trụ nhỏ như hai cây cột trong chùa. Bà Tomoki đẩy cánh cửa, bước vào. Căn phòng tranh tối tranh sáng vì chiếc đèn lồng bằng giấy bồi treo chính giữa chỉ tỏa ánh sáng mờ mờ.

Phòng trà được trang trí bởi những bức thủ họa trang nhã, đối diện với cửa ra vào là khung cửa sổ vuông vức được phủ bởi tấm màn trúc bóng lưỡng.

Bà Tomoki đưa tay ra dấu mời Hồng Thơ ngồi xuống trên một chiếc nệm mỏng. Căn phòng trải nhiều miếng nệm nhỏ cho khách quì gối thường ngoạn những bức danh họa trên vách và thường lãm nghệ thuật pha trà của chủ nhân trước khi nâng chung trà lên môi. Bà Tomoki quì gối trước mặt Hồng thơ,

bà bắt đầu sửa soạn pha trà theo tập tục cổ truyền cho khách quý thường thức.

Bà Tomoki lấy trà từ hộp, một loại búp trà hiếm có chỉ ra nụ vào đầu xuân, bà bỏ trà vào ấm sành màu gụ đặt trên bếp lửa cũng bằng sành cùng màu. Bà cẩn thận chế nước từ một chung sứ vẽ những cảnh phong linh vào ấm đun trà. Lửa được nhóm lên nho nhỏ. Bà Tomoki nhẹ giọng:

“Phải để lửa riu riu trà mới ngấm, mới ngon”.

Hai người cùng im lặng. Bà Tomoki chú tâm tới nghệ thuật pha trà, Hồng Thơ mãi ngó kiêu cách pha trà của người Nhật, trông có vẻ đơn giản mà tao nhã đầy nghệ thuật tính, có vẻ như người pha để hết tâm hồn vào ấm trà. Chừng mười phút sau, bà Tomoki với tay lấy một cái gáo tre tròn nhỏ, vén tay áo kimono, mở ấm trà, hương thơm ngát tỏa nhẹ khắp phòng, một mùi thơm mát thanh lịch mà quyến rũ. Bà Tomoki múc một muổng trà vào bát uống men sứ xanh lục, đưa tới trước mặt Hồng Thơ. Nàng còn nhớ lời Akira căn dặn khi xưa: “Em phải cúi rạp mình khi nhận chung trà từ tay gia chủ. Đó là nghi lễ trà đạo!” Hồng Thơ cúi mình trên chiếc chiếu.

Giọng bà Tomoki êm đềm:

“Cô để chung trà trong lòng bàn tay trái. Cô xoay chung trà một góc chín mươi độ bằng tay mặt. Cô nâng chung trà bằng cả hai tay, uống từng ngụm

nhỏ và thường thức hương vị trà; chừng ba ngụm là hết tách trà của cô”.

Hồng Thơ làm theo lời chỉ dẫn. Bà Tomoki vừa lòng, cười:

“Bây giờ, tôi mới thấy con tôi nói đúng về cô. Nhưng biết được thì đã muộn!”

Hồng Thơ không trả lời, nàng để cho tâm thần sáng khoái say say theo hương trà thơm ngát đương ngấm vào phủ tạng.

Giọng bà Tomoki đều đều, trầm buồn:

“Tôi không ngờ cô đã lập gia đình. Tôi thành thật tiếc cho Akira. Tôi thành thật hối hận vì quá nhu nhược không dám trái ý chồng mà để con mất hạnh phúc. Akira không bao giờ cãi cha nó điều gì ngoại trừ nó không chịu lấy vợ. Tôi biết Akira vẫn yêu cô lắm, hơn hai chục năm nay, hình bóng cô lúc nào cũng ở trong tâm hồn nó. Tôi biết nó vẫn có ý đợi cô!” Một tiếng thở dài buồn bã...

Bà Tomoki nhìn nàng dăm dăm:

“Tôi cũng buồn lắm! Có mỗi một đứa con trai, nó không chịu lập gia đình thì lấy đâu ra cháu mà bông bé! Cuộc đời người thật phù du mà sao vẫn phải ép mình vào khuôn khổ! Tôi già rồi, cái chết đã gần kề mà sao tôi vẫn không biết thế nào là chân hạnh phúc!”

Hồng Thơ muốn làm vui lòng bà, nàng nói:

“Nhưng gia đình ta giàu có, quyền quý, cao sang. Đó cũng là ưu điểm trời

cho. Cháu thấy bà nên đi du lịch, nên ra khỏi nhà một thời gian cho khoảng khoáng. Vợ chồng cháu rất vui khi được đón tiếp bà tại Mỹ”.

Bà Tomoki nhìn nàng đắm đắm:

“Chắc cô được hưởng hạnh phúc với chồng con. Tôi còn biết nói sao!”

Đúng! Giờ đây, Hồng Thơ chỉ biết có Huân và hai đứa con nhỏ. Mỗi tình hoa niên chỉ là cái bóng mờ dĩ vãng...

“Tôi muốn rủ hai ông bà đi dạo trên con đường Triết Tường, con đường thơ mộng nhất Kobé, chắc bà chưa quên?” Akira nhìn Hồng Thơ về nài nỉ.

Huân thấp giọng:

“Tôi xin kiêu. Nhân tiện tới Kobé, tôi muốn ghé thăm một người bạn Mỹ làm việc tại đây. Thôi, em chiều lòng ông Tomoki đi chơi giùm anh vậy”

Hồng Thơ cúi đầu ngẫm nghĩ. Đây là cơ hội duy nhất cho hai người trò chuyện, nàng không thể lẩn tránh mãi, chàng sẽ theo đuổi hoài. Ý nàng đã quyết, nàng sẽ cho chàng biết nàng thương yêu chồng con đến thế nào. Hồng Thơ dịu dàng nói với chồng:

“Dạ, được. Trong vòng một tiếng đồng hồ, Akira và em sẽ trở về đón anh”.

Akira đưa Hồng Thơ tới con đường cũ, con đường Triết Tường chạy dọc theo con kinh, con đường này vào mùa xuân thơ mộng tuyệt vời, vòm trời hầu

như hoàn toàn khỏa lấp bởi những cành anh đào vươn lên cao, hoa anh đào hồng nhạt mà rạo rực đắm say, từng làn gió thổi là từng đợt hoa rơi rụng như xác pháo trên lối về Thiên Thai, phủ đầy trên đầu, trên mình khách bộ hành, phủ đầy trong mắt, tâm tưởng khách thường ngoạn. Suốt dọc con kinh, bên kia đường là những tiệm ăn nho nhỏ đầy thu hút, những tiệm cà phê tỏa hương thơm nồng, những tiệm bách hóa vui mắt, những cửa hàng trưng nhiều mặt hàng, áo quần sang trọng.

Akira ngừng nhìn trời:

“Đã vào thu, không còn bóng dáng hoa anh đào, nhưng con đường vẫn đẹp. Em còn nhớ nơi này chúng ta đã cùng uống chung ly saké tại cái tửu quán kia không? Em còn nhớ em đã lượm một đóa anh đào dưới đất đưa cho tôi và nói mai này chúng ta sẽ có một căn nhà bao quanh bởi một rừng anh đào, đó là cửa ngõ Thiên Thai của chúng ta? Nhà tôi bây giờ trồng toàn hoa đào, mùa xuân tuyệt diệu vô cùng, chỉ còn đợi nữ chủ nhân tới như lời người xưa đã hứa”.

Hồng Thơ dừng lại, nàng thu hết can đảm nhìn thẳng vào cặp mắt rục rủa của Akira, đây là lúc phải cho chàng biết quyết định của nàng:

“Akira! Chuyện chúng mình hơn hai mươi năm trước đã là chuyện quá vãng. Em đã có gia đình, em phải có bổn phận với chồng con. Em thương

yêu gia đình, em đã lựa chọn Huân, không ai ép buộc. Em không có lỗi với Akira. Khi lòng em mở rộng đến với anh, chúng mình đã bị cấm cản. Nhưng em thấy cha anh nhận xét đúng, chắc gì anh đã đủ bao dung để suốt đời sống bên một người vợ ngoại quốc, chắc gì em chịu đựng nổi một người chồng nghiêm khắc, chắc gì chúng mình có hạnh phúc khi sống bên nhau? Anh không thấy sao, hồi xưa dù yêu anh thế mấy, em vẫn hãi sợ... như bây giờ em đang hãi sợ! Như thế không thể coi là chân hạnh phúc!”

Akira lặng người, mặt chàng tái lại, quai hàm bạnh ra, đôi mắt xé rách lên tia oán hận, giọng chàng đành hẫng lại:

“À, quyết định của em là thế! Còn lời thề nguyện trong chùa Kiyomizu em đã quên rồi!”

Hồng Thơ nhìn chàng dụi dàng, trầm tĩnh:

“Em không quên, nhưng hỏi ấy chúng ta còn trẻ quá. Chúng ta chưa biết thế nào là trách nhiệm. Ví thử em bỏ chồng con theo anh, em không thể tha thứ được chính mình. Huống hồ em thương con em, chúng nó là lẽ sống của em. Akira, em van anh, hiểu cho em”.

Akira lặng hẳn người trong giây lát, đôi mắt dữ tợn thất thần, nhìn vào cõi hư vô, chàng lẩm bẩm một mình:

“À, thì ra thế! Nhưng tôi có tinh thần trách nhiệm lắm chứ! Hơn hai mươi năm nay, tôi không gần một người đàn

bà nào. Tôi vẫn nghĩ tôi tùy thuộc em, em là của tôi. Tôi vẫn thủy chung như nhất”.

Hồng Thơ nắm lấy tay Akira, giọng chân thành:

“Em mong anh làm lại cuộc đời với một người phụ nữ Nhật. Anh sẽ có con. Anh sẽ vui với mái ấm gia đình. Hơn thế nữa, mẹ anh sẽ thấy được hạnh phúc gia đình trong cuối cuộc đời. Anh sẽ thấy hãnh diện với bản phận như vậy!”

Akira ngược nhìn trời, rồi cúi xuống nàng, khẩn khoản:

“Ngày mai là ngày đại hội của hãng Mishima. Sau đó là buổi dạ vũ khoản đãi các nhà khoa học, các thương gia tại tư thất của tôi. Mong em nhận lời mời cuối cùng của tôi”.

Hồng Thơ nhìn vào đôi mắt buồn thẳm, vô hồn của chàng, lòng dấy lên niềm đau xót:

“Em sẽ tới. Em hứa như vậy. Thôi, cho em về!”

Hàng dãy xe nối đuôi nhau đậu dọc trên đường, hàng dãy xe xếp hàng song song trong bãi đậu trước khu biệt thự của ông Giám Đốc hãng điện tử Mishima. Tư dinh của Akira thật đồ sộ xây cất theo kiểu Tây phương pha trộn hài hòa những nét đẹp hiện đại của xứ Phù Tang. Một tòa nhà ba tầng tọa lạc ở phía nam thành phố Tokyo, nơi cư trú của những người sang trọng, giàu có. Tòa nhà xây bằng đá tảng màu tro

sẫm, mái bằng đá bằng đen xỉn, bao quanh là vườn hoa anh đào, hai dãy cây anh đào dẫn thẳng tới cửa chính. Lác đác đây đó là những cây phong linh lá rục rở thắm màu bò quân của tiết thu đương độ.

Akira cho xe đến đón hai vợ chồng Hồng Thơ, nhưng Huân bận họp nên nàng phải tới tham dự một mình. Hồng Thơ nài nỉ chồng, Huân hứa sẽ đến dự nhưng phải thật trễ, sau khi chàng xong việc. Nghĩ rằng đây là lần cuối cùng gặp gỡ người cũ, nàng vui vẻ ra đi, Akira chắc đã hiểu, chàng đâu còn trẻ tuổi nhẹ dạ như xưa. Hồng Thơ lý luận một mình, cảm thấy an tâm một phần nào...

Akira ra tận xe đón nàng, chàng sung sướng hơn hẳn khi thấy chỉ có mình nàng tới. Chàng mặc tuxedo trắng, nơ đen, quần sọc đen. Trông vẫn phong độ, vẻ ngạo mạn trên khuôn mặt xương xương, trên đôi chân mày rậm, trên cặp mắt xéch sáng lên tia tàn nhẫn, trên đôi môi dày kiêu kỳ khêu gợi, trong dáng điệu uy nghiêm, lịch sự, trang trọng. Chàng nhếch mép lắm bả:

“Hôm nay, trong áo dạ vũ lụa bạch em trong trắng như cô dâu, cô dâu của tôi!”

Hồng Thơ lờ đi như không nghe thấy. Nàng sóng đôi cùng Akira bước vào. Hành lang rộng lát toàn bằng đá cẩm vân hồng nhạt dẫn thẳng tới phòng dạ vũ. Nhìn sang hai bên, dọc

theo con đường chính giữa đại sảnh... phía bên phải là phòng khách trải thảm nhung màu máu bầm với những ghế bành, ghế trường kỷ bọc da màu vàng đất, rải rác đó đây nhiều bàn kính cất hình những trái tim méo mó, phía bên trái là phòng chơi bida với hai bàn bằng gỗ kim giao, mặt bàn trải dạ xanh rêu, chân bàn chạm trổ hình tượng trong tuồng Noh, tuồng Kabuki, đầu hồi bọc hoàng đồng sáng loáng. Phòng dạ vũ bóng lộn mát lạnh vì sàn lát bằng cẩm thạch trắng xen với cẩm thạch huyền. Trên trần, những tia ngũ sắc từ những chùm đèn bằng pha lê tỏa xuống; trần nhà bằng kính được thiết kế bởi những đám mây trắng lơ lửng bay trên nền trời nhân tạo màu xanh nhạt. Trừ cửa vào phòng dạ vũ mở rộng, ba mặt tường được trang trí bởi hình ảnh các nữ vũ công Nhật trong các bộ kimono đủ màu đang múa. Những ngọn đèn nhỏ lấp lánh chạy quanh hình các cô gái Nhật khiến cảm quan của khách thưởng lãm cứ tưởng đang theo dõi một vũ điệu Nhật Bản sống động. Đâu đây vang vọng tiếng nhạc thánh thót từ những dây đàn samisen xen với âm thanh trầm trầm của đàn koto. Những chàng bồi lẳng xăng mang những khay rượu saké, rượu sâm banh, những khay thức ăn, những khay bánh, những khay trái cây tới từng quan khách. Trời ơi! Họ toàn là người máy, anh nào trông cũng lịch sự mà nét mặt khác nhau nhưng giọng nói y chang như

một. Hồng Thơ thấy là lạ khi nghe những câu từ miệng các chàng người máy: “Xin mời ngài thêm một ly rượu”, “mời ông uống thêm chén trà này”, “mời bà thử dùng miếng bánh ngọt”. Miệng nói, tay đưa. Lạ lùng họ không lẫn lộn quan khách phái nam với phái nữ. Họ đã được các máy vi tính hoạch định từ trước.

Cửa phòng dạ vũ được đóng lại. Mọi người im lặng. Akira tiến tới máy vi âm, nói vài câu chào mừng quan khách và mong mọi người có một đêm dạ vũ tuyệt vời. Tiếng nhạc khiêu vũ trở dậy. Ban nhạc sống ngồi tận cuối phòng thánh thót bản tango mở đầu buổi dạ vũ. Akira mời Hồng Thơ cùng chàng khai mạc. Nàng ngần ngại, nhưng còn biết làm sao. Akira điều luyện trong vũ điệu này, đưa nàng những bước khác thường lạ lẫm. Hồng Thơ như nhẹ bước trên mây trong vòng tay chàng. Ánh mắt chàng sao lạ lùng đến thế. Chàng không nhìn nàng. Chàng không nhìn ai. Tự nhiên, Hồng Thơ thấy bồi hồi xao xuyến như thuở nào, chàng đáng thương quá. Nàng cố tìm một câu khen tặng:

“Em không ngờ anh giàu đến thế, chơi sang đến thế!”

Akira thẫn thờ, buồn bã:

“Bây giờ cũng chẳng để làm gì! Hai mươi năm trời vất vả cho một ao ước viễn vông, cho một tình yêu không bao giờ trở lại!”

Hồng Thơ buột miệng:

“Đó là cuộc đời... Định mệnh!” Hồng Thơ tự nhiên thấy rung động trong vòng tay chàng, tự nhiên thấy xúc động... cùng một lúc vòng tay Akira ghi xiết... cùng một lúc hình bóng hai đứa con trai hiện rõ trước mắt nàng, Hồng Thơ đẩy nhẹ Akira:

“Anh lập gia đình là anh thương em. Biết đâu mười năm, hai mươi năm sau khi gặp lại chúng ta sẽ trở thành đôi bạn chân tình, con cái chúng ta cũng làm bạn với nhau. Em đương mong ước điều đó”.

Akira nhìn nàng, lạnh lùng:

“Chuyện đó không bao giờ xảy ra. Đó không phải là điều mà tôi dự tính... Hừ! Cuộc đời. Hừ! Định mệnh!”

Hết bản Tango, Akira đưa nàng về chỗ ngồi, Huân vẫn chưa thấy xuất hiện. Akira lên máy vi âm tuyên bố bắt đầu cuộc thi biểu diễn điệu luân vũ, luân vũ liên hồi xem cặp nào nhảy vừa đẹp, vừa dai sức. Hồng Thơ ngỡ ngác vì chưa bao giờ nàng thấy một cuộc thi khiêu vũ như vậy. Akira vừa xuống ngồi kế bên nàng thì một chàng trai, một người đàn ông như đúc khuôn với Akira lịch sự nghiêng mình trước Hồng Thơ, giọng đều đều:

“Xin mời bà bản luân vũ này!” Giọng nói của một người máy! Hồng Thơ chưa kịp lên tiếng, Akira đã thúc giục:

“Đây là người bạn chân tình của tôi. Hấn đưa lão luyện hơn tôi bội phần. Em chịu khó biểu diễn cho thiên hạ ngoạn mục”.

Hồng Thơ nhảy rất đẹp, nàng hòa nhập rất giỏi những bước bay bướm tuyệt diệu của phái nam... nhưng nàng chưa bao giờ biểu diễn với một người máy! Hồng Thơ còn ngần ngại, Akira đã kéo nàng đứng dậy, du nàng vào vòng tay anh chàng robot.

Quay theo điệu luân vũ dặt dìu, Hồng Thơ thấy chung quanh ngoài những cặp người thật, còn có gần hai chục cặp người máy đang quấn lấy nhau... đó là những chàng trai tóc đen có, muối tiêu có, tóc bạc có đều ăn mặc tề chỉnh... những mệnh phụ trẻ có, xồn xồn có, gầy, béo hoặc thanh tao đủ vẻ trong những bộ áo dạ vũ đủ kiểu, đủ sắc màu... Những cặp người máy này vây quanh cặp nàng với chàng Akira giả hiệu như một vòng chắn. Tiếng vỗ tay, tiếng cười nói hoan nghênh ồn ỹ. Ban nhạc bắt đầu chơi nhanh dần, dồn dập dần. Hồng Thơ uốn mình trong cánh tay chàng robot, người như được bốc lên khỏi mặt đất. Anh chàng Akira giả hiệu cứ lập đi lập lại một câu duy nhất: “Đêm nay, em đẹp quá, đẹp nào nùng, đẹp lạnh lùng...”

Sang đến bản thứ hai, rồi bản thứ ba... Hồng Thơ thấy thấm mệt, nàng nói: “Sau bản này, ngưng lại, cho tôi nghỉ nhé!”

Mặt vô hồn, anh chàng robot trả lời: “Đêm nay, em đẹp quá, đẹp nào nùng, đẹp lạnh lùng...”. Hồng Thơ thấy chóng mặt, nàng không còn phân biệt được những cặp nhảy bên cạnh đâu là thật, đâu là giả. Nàng chỉ thấy quay cuồng như bị cuốn vào một cơn lốc, bản luân vũ thứ mấy rồi đây, bản luân vũ nào mới là bản luân vũ cuối cùng? Trong tiếng nhạc điên loạn, Hồng Thơ vẫn

thấy bộ mặt Akira cúi xuống nhìn nàng, vẫn nghe câu nói vô hồn tưởng như bất tận: “Đêm nay, em đẹp quá, đẹp nào nùng, đẹp lạnh lùng”... “đẹp nào nùng, đẹp lạnh lùng”... “đẹp lạnh lùng”... “đẹp lạnh lùng”... “đẹp lạnh lùng”...

Trên sàn nhảy, không còn quan khách nào có thể tiếp tục cuộc thi... đã sang tới bản luân vũ thứ mười, ban nhạc chơi càng lúc càng nhanh... chỉ còn lại những cặp người máy không biết mệt...

Bỗng một tiếng rú lên, rồi nhiều tiếng rú khác, rồi nhiều tiếng kêu từ đám quan khách, họ đã thấy từ cặp nam nữ chính giữa một cái gì khác thường; cô gái là người trong vòng tay khít khao của chàng trai... rồi trên mặt sàn nhảy... máu tươi, từng giọt, từng giọt nhỏ xuống...

Có tiếng hét lớn: “Ngưng lại!”

Tiếng nhạc không còn... nhưng các cặp trên sàn nhảy vẫn tiếp tục quay tròn... quay tròn... vẫn tiếp tục điệu luân vũ vô thanh...

Một khoa học gia lên máy vi âm: “Xin ông Giám Đốc Akira Tomoki cho ngưng ngay cuộc khiêu vũ của những người máy”.

Không tiếng đáp. Không ai thấy bóng dáng ông Giám Đốc đâu. Họ bảo nhau tắt điện. Dưới ánh sáng lờ mờ từ bóng trắng xuyên qua bức trần thủy tinh, họ vẫn thấy các cặp người máy quay cuồng. Họ cuống quýt xục xạo đi tìm Akira, đập cửa căn phòng điều khiển ở tuốt trên lầu ba của chàng, cửa khóa. Họ hè nhau phá cửa. Cánh cửa bật mở. Akira ngồi đó, trong chiếc ghế bành da, đầu gục xuống, máu từ một bên thái dương vẫn còn rỉ rả, trên nền

nhà một vũng máu khô đọng, chàng đã chết, một viên đạn đã kết liễu đời chàng.

Một chuyên viên điện tử tắt máy, mọi người cùng nhìn vào màn ảnh truyền hình, cùng nhìn thấy các cặp người máy trong phòng dạ vũ ngừng lại, rời nhau, cùng nhìn thấy Hồng Thơ tá toi ngã xuống sàn đá hoa khô lạnh. Đúng lúc ấy, cánh cửa phòng dạ vũ bật mở, Huân ào vào như một cơn lốc, xô vệt mọi người ra. Huân ôm vợ vào lòng, người nàng chưa lạnh, máu tươi vẫn rỉ từ đôi mắt, từ sống mũi, từ vành tai, từ khoe miệng... Huân ngước lên. Akira

đứng đó, vô hồn. Huân giơ tay định tống mạnh vào mặt người đàn ông đối diện. Một bàn tay giữ chàng lại, một giọng nói buồn buồn:

“Đừng! Hắn chỉ là một người máy!”

Huân gục đầu trên xác vợ. Văng vẳng đâu đây, cung điệu trầm trầm của dây đàn koto não nề một điệu luân vũ... của bản luân vũ cuối cùng...

NGUYỄN LÂN

Hiệu đính tháng 8 năm 2020

(Trích trong tuyển tập “Sôi Nổi”)



SÀI GÒN MƯA GIÓ

Sài Gòn mưa trong tôi còn nhỏ hạt
Từng đêm về
chiếc bóng buồn mênh mông
Bờ ký ức, chiêm bao người gọi lại
Đóa nhạt nhòa
theo năm tháng bênh bồng

Sài Gòn mưa trong tôi là dấu nhớ
Ngày chia tay, mây trắng tuổi ngây khờ
Cánh bướm yêu
chiều hôm nao ước hẹn
Gọi lại người trên môi mắt xa vời

Sài Gòn mưa trong tôi đây buốt giá
Dấu lệ trao trên nhánh sấu chơi vơi
Lời Mẹ ru, tiếng âm vang chiều vắng
Bóng cuộc đời bên con nước bơ vơ

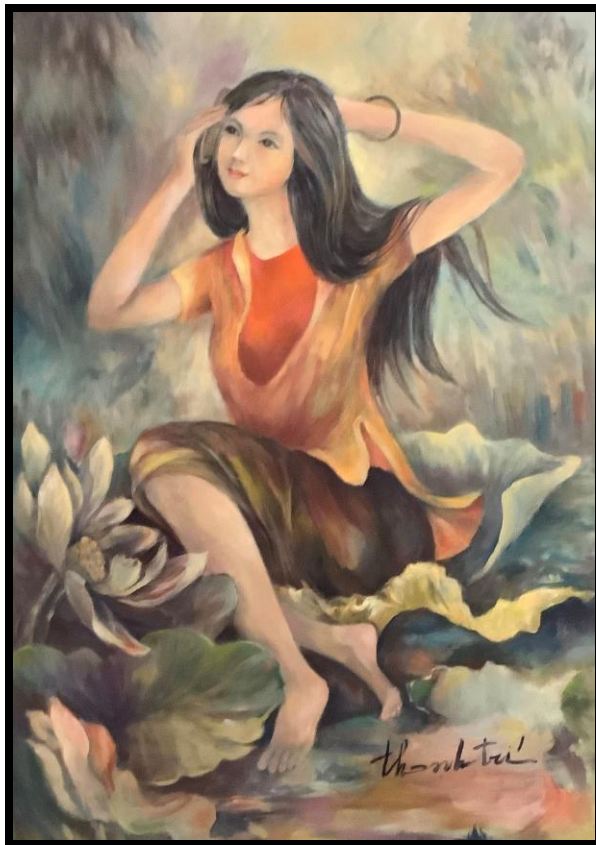
Sài Gòn mưa trong tôi sâu chất ngất
Mộ Cha già chờ trăng sáng đêm thâu
Áng mây chiều, xin bay về chốn cũ
Buổi sum vầy cho voi bớt niềm đau

Sài Gòn mưa trong tôi còn nhớ mãi
Đã hình hài, từng giọt nước mắt cay
Có bao giờ chốn xa xưa còn mộng
Được trở về để nhìn cánh chim bay

Sài Gòn mưa trong tôi mờ mịt lối
Lệ biển sông trên mắt vẫn còn rơi
Dòng nhớ thương giữa đêm dài tóc rối
Miệt mài trôi, năm tháng giấc mơ buồn

Trương Đình

UK, sương mù già 2020



YÊM HOA – Tranh & thơ: **Thanh Trí** Sacramento

YÊM HOA (tranh)
Yêm nãng tôi dệt băng hoa
Tóc thơm cỏ dại mặt hồng giường sen
Yêm nãng đôi dải mây chen
Lung linh nhụy thắm hương sen thoảng về
Yêm nãng một mảnh lụa the
Mây nét hử a nhạt nhòa sườn pha
Chút tình gửi tặng hồn hoa
Kiếp nào gái đẹp nay hồng kiếp hoa
thanh tri

NGÀY XƯA CÒN ĐI HỌC

** tác giả: **Vưu Văn Tâm** **

1. Bạn tôi

Mén tặng Tô Văn Chương

Biết nhau từ thuở ê a đánh vần từng con chữ, chúng tôi được xếp chung một lớp vỡ lòng nơi ngôi trường tiểu học cũ kỹ trong xóm nghèo lao động. Bạn tôi ốm nhách và nhỏ xíu như cây kẹo nên được ngồi ở dãy bàn đầu tiên, tôi ngồi ở dãy cuối, sát vách tường. Lớp học là căn phòng rộng lớn, trần cao và nằm không xa cổng sau trường. Vị trí lớp gần nhà vệ sinh công cộng nên thỉnh thoảng cái mùi ngai ngái theo gió xông vào đến ngạt thở. Trên những bức tường vô bạc màu, lốm đốm nhiều dấu đạn từ những ngày Tết Mậu Thân. Sàn nhà được lót bằng xi-măng với lỗ chỗ ổ gà, ổ chim và những vết nứt.

Ở Sài-Gòn không có mùa thu, nhưng mỗi năm vào dịp tựu trường, giữa tháng tám mưa nhiều như trút nước. Nhớ những chiều tan trường về muộn, nước mưa làm lấm lem quần áo, sách vở. Tội nghiệp mấy trò nhỏ phải lội bì bõm trên những con đường ngập nước, dẫm chân trên những vũng nước đen ngòm, bốc mùi tanh tưởi. Học chung với nhau được bốn năm thì bạn rẽ sang một lớp khác để "tầm thầy học đạo", để được học với thầy cô giỏi hơn.

Có lẽ là năm học cuối nên ai nấy cũng phải chuẩn thật kỹ bị cho kỳ thi vào lớp sáu. Chúng tôi già từ ngôi trường tiểu học đã ghi dấu ít nhiều kỷ niệm ấu thơ để bước vào một khoảng khác "người lớn", mới hơn và lạ lẫm hơn nhiều.

Hai đứa được may mắn trúng tuyển vào một ngôi trường có tên tuổi nhất nhì Sài-Gòn. Chúng tôi được vào "trường công" một lượt, tuy không còn chung lớp như ngày trước nhưng vẫn được gặp nhau mỗi ngày vì hai phòng học sát vách nhau. Học ở trường mới, lớp mới và đứa nào cũng có nhiều bạn mới. Cái tuổi con nít ham chơi hơn ham học, không có thời gian nhớ đến chuyện cũ, và cũng không hề biết bằng khuâng với những kỷ niệm ngày thơ, nhưng mỗi khi giáp mặt, chúng tôi vẫn chào nhau với nụ cười thân thiện. Theo thời gian, hai trò nhỏ đã bắt đầu "nhỏ giò, trở mã". Bảy năm học bay vèo trong chớp mắt, chúng tôi lặng lẽ rời xa mái trường với những tâm tình mới lớn. Cây phượng đỏ đầu trường, hàng điệp vàng thưa lá, mấy nhánh me tây trên đường Cộng Hòa cũng bụi ngùi dưới cơn nắng hạ chói chang. Cổng trường khép lại rồi mà bước chân vẫn bằng khuâng, nhưng có lưu luyến mấy rồi cũng trôi theo nẻo đời trăm hướng vui, vạn nẻo sầu.

Mấy chục năm sau, nhờ vào tấm lòng và công sức của một vài người bạn cùng khóa, đã góp nhặt bạn bè ngày đó và gom về một mối. Tuy chỉ gặp nhau trên mạng ảo nhưng chúng tôi đã tìm lại được nhau sau nhiều năm biệt. Những chuyện ngày xưa chợt về trong cõi nhớ khi quê nhà đã xa xôi hun hút. Những kỷ niệm ngỡ đã ngủ vùi trong quá khứ nay được sống lại tha thiết giữa hai mái đầu đã lấm tấm sương đêm. Chúng tôi là những cánh chim trời phiêu bạt muôn phương, bỗng một ngày nọ được dịp quay về nơi tổ cũ, cành xưa ...

Chia tay nhau ở năm học cuối, bạn tôi đi vượt biển và đến được Thái-Lan. Nhằm giảm bớt áp lực quá tải của trại và hạn chế số thuyền nhân vượt biển đã đạt đến con số kỷ lục, chính quyền sở tại đã ra lệnh bắt giam những người cập bến sau ngày "D". Bạn tôi cũng là một nạn nhân nằm trong số người không may đó. Sau hai năm tù ở trại tị nạn Thái-Lan, hồ sơ bạn tôi mới được cứu xét và lên đường đi định cư ở một nước thứ ba. Có lẽ đó là thời gian u ám nhất trong cuộc đời của bạn khi tuổi vừa lớn, vừa lìa xa mái gia đình yêu dấu. Chân ướt chân ráo trên xứ lạ, bạn tôi cũng như bao nhiêu đồng hương khác, mọi thứ được bắt đầu từ con số không, vừa đi làm "cực như con trâu", vừa đi học để có được mảnh bằng lo cho tương lai sau này. Sau mấy chục

năm bôn ba, bạn tôi đã có được một mái nhà hạnh phúc, vợ con đề huề.

Dẫu bao dâu biển đã đi qua trong đời, bạn tôi vẫn hiền hoà, nhã nhặn như ngày còn đi học. Bạn là cái "gạch nối" cho những tình thân lạc nhau. Bạn tôi sẵn sàng làm "tài xế Uber" trên những chặng đường thiên lý mỗi khi có người thân, người quen hay bạn bè cùng khóa ghé qua hay cậy nhờ đưa đón. Giữa thời buổi cái giả và cái ác lên ngôi, bạn tôi vẫn sống thật, sống với bạn bè hết mình và cũng hết tình, chỉ biết cho đi mà không biết nhận. Quen biết nhau đã hơn nửa thế kỷ và tính từ lần rời trường đến nay đã ngót bốn mươi năm, giờ đây khoảng cách địa lý dù xa xôi nhưng chúng tôi vẫn mong có ngày gặp lại. Lối về xưa đã mịt mờ sương khói, nhưng kỷ niệm cũ vẫn còn vương vấn đâu đó trong bạn, trong tôi, trong những trái tim đã qua một thời tuổi trẻ.

2. Cánh chim thôi lẻ bạn

Mén tặng Bùi Hữu Anh Huy

Chưa theo hết bậc trung học, bạn tôi đã rời trường và xuống tàu đi vượt biển. Đến được đệ nhị rồi đệ tam quốc gia, tất cả đều lạ lẫm, từ ngôn ngữ khó khăn đến phong tục, tập quán mới mẻ, bạn đã bắt đầu cuộc sống với con số không ở lứa tuổi mười lăm, mười sáu. Sau hơn hai mươi năm lặn lội, chìm

nổi để có được chút công danh cũng là lúc bạn tôi quay quắt nhớ về một thoáng bình yên ở quê nhà, một thuở mài đũng quần nơi ngôi trường trung học. Như cánh chim lạc bầy thiết tha muốn quay về tổ cũ, nhưng trời cao đất rộng, biết nơi nao là bến, là nhà. Chiếc que diêm không đủ thắp sáng đêm giá lạnh nhưng cũng mở ra một lối rẽ ngày nắng ấm. Dịp may cũng đến, nhờ quen biết một vài người bạn cũ và qua đó được cung cấp thêm tin tức một số bạn khác nữa cộng thêm sự hỗ trợ của hệ thống *internet* toàn cầu mà bạn tôi đã dò dẫm và tìm ra được các bạn cùng lớp đang có mặt ở nhiều quốc gia khác nhau sau đợt xa trường.

Không phải vì những chông chênh trong lòng mà thiết tha những điều đã cũ, không phải vì ngõn ngang trong cuộc sống bộn bề mà bồn chồn nhớ thương những tháng ngày gió xóa, bạn tôi chỉ muốn nói một nhịp cầu thân ái để nhắc nhớ một thoáng vô tư đã cùng nhau đi về dưới một mái trường. Dường như cái ước muốn dang tay ôm trọn mớ kỷ niệm ngày thơ đã thôi thúc bạn tôi không chỉ là tìm lại các bạn cùng lớp, mà còn tìm thêm các bạn ở các lớp Anh văn láng giềng cũng như bên Pháp vẫn để cùng nắm tay nhau bước lần về quá khứ. Hồi ức về cuộc tìm kiếm gian nan này đã được bạn ghi chép lại hết sức chân tình và đăng tải trên trang *web* của nhóm. Trang *web site* ngày đó được sự âm thầm giúp

sức của rất nhiều bè bạn cùng khóa với hoài bão nối một vòng tay. Nơi đó cũng là mái trường ảo, là sân trường giờ ra chơi xôn xao ngàn bóng lá, là dãy hành lang hun hút ghi lại một trang đời đã mất.

Những thư đi tin về, những hẹn hò gặp gỡ và trong những lần hội ngộ, bao giờ bạn cũng là chiếc đầu tàu kéo theo những toa tàu mong manh sau cuộc đời ít ỏi niềm vui nhưng ngập tràn sóng gió. Những khuôn mặt cũ đã có nhau một thời, tay trong tay, mặt tựa mặt và biết nói làm sao cho hết nỗi hân hoan của giây phút trùng phùng mà cứ ngỡ như trong giấc chiêm bao. Nhưng trăng đầy trăng khuyết, bên cạnh những niềm vui lại có những nỗi buồn để lại cho nhau ở cái tuổi không còn trẻ trung nữa. Bạn bè bốn phương tám hướng hiểu làm nhau, rồi lại giận hờn, và chia tay như đã chưa bao giờ có nhau. Với tấm lòng vị tha, bạn tôi vẫn ôn hòa và hàn gắn lại những đổ vỡ để khi có dịp nhìn nhau đỡ phải ngại ngùng. Sáng xuân trong đáy mắt, trưa hạ vàng long lanh, chiều thu mưa rơi muộn, tối đông buồn mênh mông. Cái ước mơ ngày thơ ấu sẽ đi gặp biển, gặp núi nhưng khi lớn lên lại rẽ theo con đường quốc lộ nên những con đường của quê nhà cứ nhập nhằng trong ký ức. Bạn tôi đi tìm lại bạn bè giữa đất trời bao la để được đi lại trên con đường xưa ngập nắng. Cánh chim mờ cõi thường hay nhớ nhà, thương tổ giờ đây đã không

còn lẻ bạn. Những vòng xe đạp học trò vẫn còn quay đều trên những con đường Sài-Gòn reo vui, rộn rã. Hạnh phúc nào ở đâu xa, hạnh phúc đến từ trái tim nhân hậu đã cho đi và sống hết lòng với bạn bè. Cảm ơn bạn tôi, cảm ơn cuộc đời này đã cho chúng tôi được gặp nhau trên xứ lạ và đi thêm một đoạn nữa trên chặng đường đời phù du, ngắn ngủi.

3. Trường cũ, tình xưa

Hôm nay tôi trở về thăm trường cũ. Ngôi trường xưa vẫn lung linh bao ảnh hình quen thuộc. Mái ngói đỏ, tường vôi vàng, khoảng sân chơi ngập ngừng dưới ngàn bóng nắng xôn xao. Tháp thoáng trong cái trí nhớ chợt có, chợt không sau bao nhiêu đổi thay trong cuộc đời, tôi thấy lại mình ngày đó dưới mấy tàn phượng đỏ. Cậu trò nhỏ chưa có mảnh tình vác vai, vừa kịp mền lá sân trường đã âm thầm nói lời từ biệt. Bạn bè chia xa năm bảy hướng, bụi thời gian đã phủ lên lối xưa những kỷ niệm nhạt nhòa.

Cái bờ ngõ trước ngôi trường khang trang, rộng lớn, nét sợ lo trước những gương mặt nghiêm khắc của thầy cô, nỗi niềm hân hoan được gặp lại bạn cũ và quen biết thêm nhiều bè bạn mới đã khiến cho mấy trò nhỏ dạn dĩ hơn trên bước ngập ngừng khi vào trung học. "Vậy đó bỗng nhiên mà họ lớn" và đi

tiếp những bước trưởng thành với sự dịu dặt, nâng đỡ của thầy cô và lòng mến yêu của bạn bè trang lứa.

Mỗi độ hè sang, khi hoa phượng vĩ trở mình khoe sắc thắm, khi bày ve sầu nỉ non khúc hát lâm ly báo hiệu mùa bãi trường, chín mươi ngày xa cách, đám học trò tạm xa mái trường để rồi ba tháng sau lại cùng nhau bước vào một năm học mới. Cái vòng tuần hoàn ngỡ đâu là bất tận nhưng rồi cũng chấm dứt sau bảy năm luyến lưu, chung một mái trường. Hai cánh cổng sắt khép lại như đoạn lia những tháng ngày thơ mộng cũ. Như những cánh chim âm thầm rời xa tổ ấm, chúng bước khỏi ngôi trường yêu dấu, xa luôn hàng cây bóng nắng, bỏ lại sau lưng những ngày đại, trẻ trung của ngày mới lớn để dần thân trên bước đường đã chọn. Hàng cây điệp vẫn trở bông vàng rực mỗi khi hè đến, hàng me tây vẫn bụi ngùi trút xuống mặt đường ngàn cánh lá buồn tênh. Cái xã hội ngoài kia rộng lớn hơn xã hội học đường còn thên thang trước mặt. Mãi mãi, đám trò nhỏ rời xa những kỷ niệm ngày thơ.

Dòng trường giang vẫn mênh mang xuôi chảy, lớp sóng sau cứ chồm lên xô sóng trước. Bến cũ còn đây và âm thầm chờ đợi, khách sang sông theo ngày tháng biền biệt trời xa. Hoàng hôn không khói nên nào ai biết được nơi đâu là bến, chốn nao là nhà. Hợp rồi tan, định luật tạo hóa đã an bày cho mỗi con người trong từng hệ lụy.

Về thăm trường cũ, thì ra đó chỉ là một giấc mơ. Người ta thường bảo, những gì mình ao ước và chưa đạt được vẫn thường hiện về trong chiêm bao. Trước mắt tôi vẫn chập chùng một khung trời kỷ niệm, khoảng thời gian nơi trường xưa, áo trắng đầy mộng mị, nắng vàng. Thuở ấy, tâm hồn phẳng phiu chưa vương bận ưu tư, như trang giấy chưa hằn vết mực. Mấy mươi năm làm thân viễn xứ, bước chân dù đã xa rời nẻo cũ, nhưng ngôi trường xưa vẫn ghi khắc trong tôi bao thương nhớ ngọt ngào. Mái trường xưa bao năm vẫn

sừng sững đó, đắm bạn thân yêu giờ phiêu bạt bốn phương trời. Đường xưa vẫn còn đây, nhưng màu áo học trò đã phai phôi theo ngày tháng. Dòng sông xuôi hoài ra biển rộng nhưng chút phù sa vẫn còn lưu luyến vùng đất xanh gầy. Rượu uống chưa say, rượu phá thành sầu. Hỡi cố nhân đang lưu lạc chốn nào, có phút giây nào nhớ về trường xưa, bạn cũ.

VUU VĂN TÂM (Germany)



Tĩnh Thức

*Dấu Giáng Sinh về thiếu bóng anh
Đêm đông thui thui lạnh thoi đàn
Đôi đầu xưa thệ tròn chung thủy
Lẻ bóng nay cầu vút mộng xanh
Vang vọng hồi chuông mời tĩnh thức
Ngân nga ca Thánh động tâm thành
Tạ ơn Thiên Chúa dìu con bước
Dấu Giáng Sinh về thiếu bóng anh.*

Kim Oanh



Đón Bước Chân Hồng

*Xuân về dệt khúc tình thơ
Khoác lên vai mộng người mơ năm nào
Cài lên áo thắm hoa đào
Hương yêu trải lối em vào vườn xuân
Gió lùa thả tóc băng khuâng
Bay trong nắng sớm tựa vàng mây trôi
Mắt huyền sáng biếc tinh khôi
Ứng hồng đôi má, nét môi dỗi hờn
Hoa đua khoe sắc bướm vờn
Tình vương đẹp ý lòng mơ man lòng
Pháo vang đón bước chân hồng
Yêu thương áp ủ men nồng đêm xuân.*

Kim Oanh

Tản mạn VĂN CHUYỆN COVID ...

** tác giả: **Ỗ Nguyễn** **



Khi cơn đại dịch Vũ Hán vừa bùng phát tại Trung Quốc vào khoảng tháng 2 năm nay, chúng tôi phải hủy bỏ chuyến đi cruise cùng một nhóm

thân hữu vùng Thủ Đô mặc dù vé đã mua từ 3 tháng trước. Chung qui là do tuổi cao, sức khỏe không mấy bảo đảm, lúc nắng lúc mưa, sục sùi, đau nhức trong cái giá lạnh mùa đông nên phòng thân cho an tâm. Nhưng mối lo ngại lớn lao của chúng tôi không phải vì tuổi tác hay bệnh hoạn mà vì dịch cúm nói trên đang đột nhập vào nước Mỹ.

Chỉ trong vòng một tháng, cơn cúm Tàu Coronavirus (Covid-19) đột phát và tràn lan trên mọi quốc gia làm cho thế giới chao đảo, số lây nhiễm và số tử vong leo thang vùn vụt mỗi ngày. Sinh hoạt toàn cầu bị ngưng trệ. Kinh tế xuống dốc thê lương. Lòng người phân tán, hoang mang tột cùng. Một sự kiện xảy đến quá bất ngờ, nhất là đối với người dân Hoa Kỳ quả là một thử thách quá đáng, một tai ương không thể nghĩ bàn.

Không ai có thể tin rằng cho tới hôm nay (8/18/20) chưa đầy 8 tháng cơn số tử vong vì dịch Covid tại Hoa Kỳ đã tăng vọt tới hơn 170,000 người? đứng đầu thế giới, trong khi chiến tranh Vietnam gần 20 năm (1955-1975) số binh sĩ Mỹ thiệt mạng chỉ có 58 ngàn người. Thật kinh khủng! Và đã có hơn 900 người trong ngành y tế gồm các bác sĩ, y tá, điều dưỡng và nhân viên phục vụ bệnh viện là những người đối diện trực tiếp với bệnh nhân nhiễm Covid đã tử vong. Đúng là “sinh nghề tử nghiệp”, những người này đã phải hy sinh mạng sống cao quý của họ để “cứu nhân độ thế” để rồi phải gánh chịu những hậu quả thảm thương không thể lường trước. Xin vinh danh và nghiêng mình bái biệt những “thiên thần áo trắng” về sự hy sinh cao cả của quý vị ấy! Vì lẽ đó đã có một số bác sĩ và y tá làm việc tại các nhà thương phải xin thôi việc vì họ không thể tiếp tục chứng kiến nhiều cảnh chết chóc thê thảm của bệnh nhân Covid. Một biến cố, một thảm họa chưa từng xảy ra cho loài người. Ở những vùng bệnh dịch phát tán quá mạnh bệnh viện không đủ nhân viên y tế phải kêu gọi bổ xung nhân sự cũng như dụng cụ y khoa. Hơn lúc nào hết những gia đình có con

cái hay thân nhân, bạn bè làm việc trong các bệnh viện tuyến đầu rất lo lắng ngày đêm cầu xin cho người thân của mình đừng vướng phải con virus điên khùng Vũ Hán. Một người bạn nói với tôi là con gái của chị là bác sĩ chuyên khoa tại một bệnh viện lớn tại California một hôm đưa con đến thăm ông bà ngoại nhưng chỉ đứng xa nói chuyện, sau đó cô ta facetime cho mẹ: “Mẹ ơi, hãy nói chuyện với con và nhìn con đi, biết đâu đây chẳng là lần cuối cùng mẹ thấy con!” Ôi nghe sao cảm động quá! Bạn tôi đã phải nuốt nước mắt, tim đau nhói trước câu nói của cô con gái cưng. Sự lo lắng thống khổ này do từ họa dịch đã biến thân phận con người trở nên yếu đuối, mong manh dẫu cuộc sống sinh tử vô thường là chân lý, nhưng làm sao không đau đớn trước sự ra đi đột ngột của hàng vạn người bên cạnh chúng ta.

Để ca tụng những lương y phải đương đầu với cơn đại dịch, nhà thơ Trần Quốc Bảo, Richmond, VA đã viết:

VINH DANH THIÊN THẦN ÁO TRẮNG

Tôi xúc động viết bài thơ ca tụng,
Những “Thiên Thần Áo Trắng”,
những Lương Y
Giờ này đây, đang hoạt động cứu nguy,
Xả thân sẵn sàng
những người bệnh Dịch.
Như chiến sĩ, ở tuyến đầu xung kích,
Đánh bật Tử thần, cứu sống tha nhân!
Các Bác Sĩ đã quên cả bản thân,

Thương “Con bệnh”,
như “Lương Y Từ Mẫu”
Qua khẩu trang, nói những lời hiền hậu.
Khám bệnh, phát thuốc,
an ủi bệnh nhân,
Hướng dẫn điều trị, động viên tinh thần,
Hết giường bệnh này,
đến giường bệnh khác
Quên giờ giấc,
quên ngủ ăn... phờ phạc!
Đôi ba lần, kiệt sức, bước lao đao.
Đối diện Dịch trùng nguy hiểm xiết bao!
Chẳng khác lính trận, cận kề cái chết!
Nỗi đau của Lương Y, nào ai biết,
Chính là khi Vị (nam/nữ) Bác Sĩ về nhà,
Sợ trong mình lan nhiễm Virus China,
Đành đứng xa, nhìn vợ/chồng con,
ứa lệ!
“TẠ ƠN NGƯỜI !!!”, lời Tạ Ôn vô kể!
Gửi các “Thiên Thần Áo Trắng”
mến yêu,
Bác Sĩ, Y Tá, Y Công... thật nhiều ...!
Các Vị là Người của Trời ban xuống.
Thiên chức, Trách nhiệm,
vô cùng cao thượng!
Với Lời Thề Hippocrates, rục trong tâm.
Có nhiều Vị, lây bệnh...
đã chết... âm thầm!
Nhân loại cúi đầu,
vinh danh, tưởng niệm!
Trong Bệnh Viện,
còn những người Tình nguyện
Xung phong vào trợ giúp các Lương Y.
Lòng hy sinh ngời sáng, Đức Từ bi,
Hồn trắng đẹp,
như “Thiên Thần Áo Trắng”

*Cuộc chiến đấu này,
chúng ta phải thắng!
Quyết dẹp tan loài quỷ Virus China,
"Vương Miện Tạ Ôn",
kết những vòng hoa,
Xin vinh hạnh,
trao "Thiên Thần Áo Trắng"!*

Chuyện lây lan của dịch Vũ Hán tàn khốc như thế vậy mà vẫn có nhiều người coi thường mới lạ! Đúng là "chưa thấy quan tài chưa đổ lệ". Lớp trẻ cho rằng con virus chỉ tìm kiếm ông bà già để "tri kỷ" để kết thân, nên họ đã bất chấp lời cảnh báo của cơ quan y tế hay của CDC (Center for Disease Control & Prevention) và hậu quả là nhà thương không còn đủ giường cho bệnh nhân nhiễm Covid, nhà xác quá tải v.v... Đã vậy, sau khi chính phủ nói rộng qui luật cách ly, người ta đổ xô nhau đi tắm biển thỏa thuê, tụ tập tại các quán bar, tiệc tùng đông đúc, hội họp thoải mái, lơ là việc đeo khẩu trang và khoảng cách khiến cho sự lây lan tái phát mãnh liệt trở lại.

... Một người thân quen của chúng tôi chẳng may bị nhiễm Covid-19 vào đầu tháng 3 sau khi viếng thăm Louisiana về độ một tuần lễ thì phát hiện có triệu chứng lây nhiễm như ho khan, nóng lạnh, mệt mỏi, v.v... Cậu ta ở tuổi trung niên, sức khỏe tương đối tốt nên không nghĩ là mình bị dính vô con virus nguy hiểm này cho đến khi nó xâm nhập vào tới phổi làm mệt mỏi và ngột ngạt như

muốn đứt hơi, lúc đó Bác sĩ mới hối thúc nhập viện. Vợ con không được thắp tưng vào phòng cấp cứu (ICU). Lúc này gia đình chỉ còn biết phó thác tính mệnh cho Trời. Tại ICU họ cho chích thuốc mê và cho đeo ống trợ thở (ventilator) ngay lập tức. Tám ngày "đợi mong" liên tục cậu ta vẫn mê man. Gia đình và người thân mù mịt chẳng có tin tức gì, nỗi lo lắng từng giờ từng ngày rồi từng tuần qua đi mà cậu ấy vẫn nằm lì bì bất tỉnh. Ở thời điểm này tin tức của cơ quan y tế hàng ngày cho thấy số ca nhiễm và tử vong rất cao làm sự lo lắng của gia đình tăng lên tột đỉnh, hy vọng mong manh. Rồi như có một phép lạ, sau hơn 10 ngày thì cậu phục hồi từ từ và được xuất viện. Được tĩnh dưỡng tại nhà gần 2 tháng trời mới bắt đầu lấy lại sức, so với lúc xưa sức khỏe kém hẳn đi. Sau này người nhà kể lại là họ rất lo lắng cho sức khỏe của cậu ta sợ không thoát khỏi mối nguy khi vào nằm trong ICU? Từ lúc cậu ấy nhập viện gia đình luôn cầu nguyện ngày đêm và bây giờ mọi người đều tin rằng phải chăng cậu đã được ơn trên cứu rỗi, hoặc do phước ảm của tổ tiên mà cậu ta đã thoát được lưới hái của tử thần. Sở dĩ họ phải tin vào một phép lạ nhiệm mầu vì trong giai đoạn này hầu như những ai vào nằm tại ICU, bị đeo máy trợ thở thì hy vọng sống rất thấp cho nên thằng cháu của họ đã vượt qua được con đường tử một cách cam go khó có thể tin.

Chính vì cơ sự này mà chúng tôi phải tự cảnh giác, mấy đứa con của chúng tôi lại lo lắng cho bố mẹ nhiều hơn vì tụi nó cho rằng bố mẹ già cả, cơ hội lây nhiễm rất cao. Thôi thì biết thân biết phận, chúng tôi cứ tuôn thủ lời đề nghị của chúng cho yên lòng. Có đến hơn 8 tháng chúng tôi cũng như các cháu chẳng ai đến nhà ai thăm viếng nhau, mỗi lần vợ chồng thằng con trai mua thực phẩm cần thiết cho chúng tôi đều gặp nhau tại trước cửa nhà trong khoảng cách ấn định. Tám tháng dài ông bà và các cháu chẳng được hug nhau, nhớ chúng nó quá chỉ biết facetime nói chuyện, chán ghê!

Tám tháng quanh quẩn trong nhà, hai vợ chồng “son” chúng tôi kiếm đủ mọi chuyện để làm hầu không bị quẩn trí. Lâu lâu cuồng chân thì lái xe đi loanh quanh đây đó, ghé trung tâm thương mại Eden tò mò xem sinh hoạt cộng đồng người Việt ra sao... Xe pháo đậu trong bãi cũng khá đông đúc, nhìn có vẻ sầm uất nhưng thực tế hầu hết các tiệm ăn ở đây mở cửa chỉ để bán “food to go”, số thực khách có vẻ rất thưa thớt. Mặc dầu trung tâm này muốn đem lại sinh hoạt thường ngày như trước kia nên họ cho dựng những chiếc lều vải khổng lồ tại bãi đậu xe để thực khách có thể ngồi ăn uống ngoài trời tránh khỏi bị lây lan, tuy nhiên cũng chỉ loáng thoáng một vài cặp ngồi ăn, ai nấy đều như không thoải mái với khung cảnh này, như có một sự e dè sợ sệt

vô hình nào đó vây quanh. Mọi người đều vội vội vàng vàng mua sắm rồi ra về, người ta đâu còn nghĩ đến chuyện ngao du quanh quần ở trung tâm như mấy tháng trước kia. Riêng chúng tôi, vì cũng muốn đóng góp một phần nào đó vào nền kinh tế Hoa Kỳ, và làm cho sinh hoạt cộng đồng khởi sắc, nên đã không ngần ngại mua sắm thoải mái bất kể giá cả đắt rẻ ra sao. Thú thực, lúc chưa xảy ra vụ đại dịch, chúng tôi còn đi đây đi đó, tiêu xài tốn kém nhưng từ ngày bị nhốt kín trong bốn bức tường, không làm gì phải tiêu nhiều tiền, lại may mắn nhận được tiền trợ cấp của chính phủ nữa nên chúng tôi phải tìm cách chi dùng thoải mái số tiền này, chả lẽ đem trả tiền lại cho chính phủ hay sao? Ai đòi lại chề tiền như thế chứ? Dù gì chúng tôi đã dành ra một phần để giúp đỡ những người thiếu may mắn hơn mình, những người thương phế binh ở Việt Nam, nói chung là dùng vào các việc từ thiện ngay cả việc cúng chùa.

Chính cũng vì ham sống sợ chết, chúng tôi lo ngay ngáy mỗi lần đi mua sắm. Tôi rất bức mình khó chịu về việc này. Tôi không muốn cả hai đứa phải lo ngại về chuyện lây lan nên dành phần bước vào siêu thị, còn ông xã ngồi đợi ngoài xe. (Thiết nghĩ đàn bà có sức đề kháng cao có thể chống trả với con virus mạnh hơn đàn ông?) Có thể vì tin như thế nên tôi gồng mình hy sinh làm việc mua bán không do dự với sự đề

phòng cẩn thận tối đa của mình. Bước chân vào tiệm tôi luôn luôn phải cảnh giác để quãng cách (social distancing) càng xa càng tốt. Lúc nào tôi cũng có cảm tưởng hình như con virus chết tiệt này nó rình rập theo sát mình chỉ chờ cơ hội là đột nhập vào người? Sợ thật! Lên xe tôi lột khẩu trang và mắt kính ra ngay, phơi nắng dưới kính xe phía trước để diệt con virus, xoa tay cẩn thận bằng “hand sanitizer”. Về đến nhà bỏ những bịch đồ ăn lên bàn, tôi phải giục ông xã rửa tay liền, không cho ông ấy đụng vào bất cứ thứ gì. Phần tôi cũng vậy, rửa tay, rửa mặt, thay quần áo rồi sau đó mới lo đến phần đồ ăn. Thôi thì mọi thứ đều phải được lau chùi hoặc rửa cẩn thận bằng xà phòng, xả nước lạnh thật kỹ càng, lấy towel lau khô tỉ mỉ trước khi cho vào tủ lạnh hoặc cất vào ngăn chạn. Cũng chưa hết lo, tôi phải theo dõi sức khỏe của mình hàng ngày sau mỗi lần đi chợ về như thế. Phải đợi tới hơn 2 tuần lễ không thấy rục rịch gì mới yên tâm, mừng thầm trong bụng. Thực là điên cái đầu! Làm sao mà không bị stress cho được.

Cũng như thế, vì sợ bị lây nhiễm nên chúng tôi không dám đi Beauty Salon cắt tóc hay làm đẹp chân tay tại Nail Care Parlor hoặc đi shopping mua sắm. Nói như thế không có nghĩa là chúng tôi không muốn giúp một số người có công ăn việc làm nhưng vì tuổi mình cao, cái rủi nhiều hơn. Thế là đành phải tự chăm sóc cho mình và

cho ông xã tại nhà, cũng xong. Đương nhiên tôi đã trở thành “hair designer” bắt đầu từ ngày con covid đe dọa. Xấu đẹp gì lúc này, miễn sao tóc được cắt ngắn gọn gàng để coi là tốt rồi. Cũng may ông xã dễ dãi để tôi làm đẹp cho ông. Bạn tôi phàn nàn các ông chồng kêu tóc dài khó chịu nhưng không để vợ cắt phải đi ra tiệm. Nguy hiểm quá! Thử nghĩ coi, một cái khăn quàng dùng cho nhiều khách hàng làm sao tin tưởng cho được chứ. Còn dao kéo, gương lược tất cả những thứ này thì sao, vi trùng bám chặt ở đấy, liệu có được khử trùng sau mỗi dịch vụ? Có nhiều người cho rằng tôi quá lo xa... Thừa vâng, chính xác là như vậy... cũng vì ham sống mà đâm ra lo đủ điều quý vị ơi. Chính con virus thổ tả này nó đã làm cho phụ nữ chúng tôi già nua và tiều tụy đi nhiều! Vì thiếu sang sửa cho bản thân, không phấn không son, mặt mày tóc tai xơ xác, đầu tóc bạc phơ như tuyết phủ trông quá xệ! Đã vậy lại ăn uống thả giàn, nở bẻ ngang, quần áo chật ních. Nếu tình trạng này tiếp tục kéo dài thêm nữa chắc bạn bè chẳng ai còn nhận ra ai khi cơn dịch tan biến? Buồn 5 phút!

Trở lại chuyện Covid, cho đến nay người ta cũng chưa rõ thực hư về sự xuất xứ của con virus độc hại này, chỉ tạm biết là nó đã xuất phát từ tỉnh Vũ Hán bên Trung Quốc, nhưng gốc gác của nó từ động vật hay từ phòng thí nghiệm ra sao vẫn chưa được khẳng

định rõ ràng. Một loại siêu vi trùng cực kỳ nguy hiểm với sức lây lan, hủy diệt phi thường của nó đã làm cho các giới khoa học điên đầu lo tìm thuốc chùng. Người ta thắc mắc, đặt ra câu hỏi phải chăng đây là một hình phạt, một sự phán xét công minh từ đấng tối cao đối với sự độc ác, tham lam của con người? Thuyết “nhân quả” của đạo Phật cho rằng mọi diễn biến trên thế gian này, xấu tốt gì đều có nguyên nhân của nó. Không có điều gì xảy ra tự nhiên cả, gieo nhân nào gặt quả nấy. Nếu nói virus VH là do con dơi tạo ra thì thử hỏi người Trung Quốc đã ăn loại vật này từ hàng thế kỷ sao không bị lây nhiễm độc? Phải chăng khi con người vô trách nhiệm đã làm cho môi trường vẫn đục, khí thải ô nhiễm từ chất hóa học theo cống rãnh tuôn ra sông ngòi, biển khơi khiến các loài vật ăn vào phát sinh ra độc tố tai hại như chúng ta đã thấy. Nếu nói siêu vi trùng VH là một vũ khí nguyên tử do con người chế tạo để giết hại nhau, để thỏa mãn tham vọng tàn ác thì đó là hậu quả tang thương mà con người phải lãnh chịu. Chung qui là do lòng tham lam ích kỷ mưu đồ làm bá chủ hoàn cầu của con người, tạo nghiệp nào ắt phải lãnh nghiệp đó kéo theo những người vô tội phải chịu chung số phận mà Phật Giáo gọi là cộng nghiệp.

Nói về khẩu trang, lúc đầu việc đeo khẩu trang khi đi ra ngoài, trong đám đông đối với người dân Hoa Kỳ quả là

mới lạ, quả là bực bội. Họ chưa quen với lối bảo vệ an toàn cho sức khỏe mới mẻ này. Họ chống đối, họ biểu tình phản kháng dữ dội, họ coi chuyện Covid như chuyện đùa, cũng như chuyện thông báo của cơ quan y tế là nguy tạo cho đến khi có người thân trong gia đình nhiễm bệnh hoặc thiệt mạng, lúc đó họ mới hối ối!



Lại cũng có người cho rằng, có sức khỏe, cần gì phải đeo khẩu trang, làm sao con virus có thể xâm nhập vào người được, nhưng họ quên rằng chính họ đã truyền virus sang người khác mặc dầu họ không có triệu chứng nhiễm bệnh. Cho nên việc đeo khẩu trang không những để bảo vệ sức khỏe cho cá nhân mình mà còn cho những người xung quanh, và cho cộng đồng. Riêng với chúng tôi, việc đeo khẩu trang là chuyện bình thường có thể vì đã quá quen trong những ngày thăm viếng Việt Nam. Mỗi lần đi xe xích lô hay xe honda “ôm” đều phải đeo khẩu trang cho an toàn vệ sinh, nếu hôm nào quên không đeo thì lúc về nhà hỉ mũi ra hàng mớ bụi theo ra, sợ thật. Khác với

bên Mỹ, ở VN trước đây người ta đeo khẩu trang không phải vì virus nhưng vì không khí ô nhiễm, bụi bặm và khói xe. Do đó người ta không lạ gì khi thấy mọi người đều đeo khẩu trang khi đi ra đường, nhất là các cô gái thì ăn mặc rất đặc biệt... phần đông toàn thân phủ kín, không để...hở một chỗ nào - trông cứ như mấy bà Ả Rập - từ đầu xuống chân, mặc dầu nắng Saigon nóng như thiêu như đốt. Trên đầu đội mũ bảo hiểm (bắt buộc khi lái xe honda), mắt đeo kính dâm, miệng đeo khẩu trang, tiếp theo là khăn quàng cổ, găng tay, vớ dưới chân. Cô nào mà mặc đầm Mini thể nào cũng phải có một tấm khăn quàng phủ cặp đùi nõn nà khỏi bị cháy nắng, nói chung mặc kín đáo là để bảo toàn sức khỏe lẫn sắc đẹp, màu da. Đó cũng là một cái "mốt" đối với các cô gái thời đại tại Saigon lúc này. Quay lại chuyện nước Mỹ, lúc này đi ra ngoài đường hay vào các siêu thị, food stores tôi cảm thấy yên tâm hơn khi chung quanh mình ai cũng đeo khẩu trang và xếp hàng đứng đợi theo khoảng cách ấn định; già trẻ, lớn bé hết thấy đều tuân theo qui luật này. Đó là câu chuyện về khẩu trang, nhưng xét về phần tâm lý, về hình thức bề ngoài tôi có một suy tư kỳ kỳ không sao lý giải... Bạn thấy không, tự nhiên trên khuôn mặt dễ thương của mọi người đều đắp một miếng vải, đủ kiểu đủ màu, bịt mồm bịt miệng chẳng giống ai... làm sao khoe vẻ đẹp, nét duyên dáng nụ

cười tươi nở trên đôi môi tươi thắm của các cô gái thanh xuân, các chàng trai tuấn tú. Cũng như người ta không còn nghe tiếng cười tiếng nói hồn nhiên của lớp trẻ reo vui trên đường phố. Một sự im lặng kỳ lạ khó cắt nghĩa, người ta có cảm tưởng như có chuyện gì đó khiến mọi người phải im hơi lặng tiếng. Nhưng rồi dần dần việc đeo khẩu trang đã trở thành một qui luật khi đi ra ngoài. Có nhiều cơ sở thương mại hay các nơi bán "food to go" đều có dán một tấm bảng yêu cầu khách hàng đeo khẩu trang khi vào tiệm - "No Mask No Service". Giá chi ngay từ lúc đầu mọi người đều chịu khó tuân theo lời khuyên của chính phủ, có lẽ số người lây nhiễm Covid sẽ không tăng quá mức như bây giờ. Giờ thì ai cũng thuộc lòng câu thần chú: "đeo khẩu trang, cách ly xã hội (social distancing) và rửa tay!"

Cũng do bởi cơn đại dịch hoành hành từ hơn nửa năm nay, chính phủ Hoa Kỳ hơn lúc nào hết đã phải đương đầu với những khó khăn cực kỳ phức tạp, nào là phải lo giải quyết vấn đề lây lan mãnh liệt của cơn dịch, lòng tim thuốc chủng đồng thời phải lo ổn định cuộc sống của người dân khi mà nền kinh tế suy thoái tột cùng. Hàng tỷ tỷ dollars xuất ra để chi trả cho tiền thất nghiệp, tiền cấp dưỡng cho mỗi gia đình có số thu nhập thấp v.v...Rồi thì thiên tai lũ lụt, bão tố, cháy rừng ập tới liên tục lại là những lo ngại đáng kể kéo theo những vụ biểu tình bạo động tại

hiều tiểu bang gây xáo trộn, mất an ninh khiến người dân hoang mang lo lắng... Tôi suy nghĩ rất nhiều về nước Mỹ, một đất nước tự do thanh bình ví như một Thiên Đàng nơi trần thế, “giấc mơ Mỹ” của không biết bao nhiêu người mà tại sao bây giờ nó rời tung lên như vậy? Một Thiên Đàng với những con người thánh thiện, đạo đức bao dung ngự trị từ khi lập quốc đến nay, nhưng giờ đây phải chăng “Thiên Đàng” đã mất vì con người ta đã trở nên hung dữ, độc ác, tham lam, ích kỷ, bỗng chốc biến thiên đàng thành một địa ngục trần gian? Suy ra Hoa Kỳ là một Hiệp Chúng Quốc (United States of America), đã có hàng bao nhiêu sắc dân qui tụ về đây, trăm người ngàn ý thì làm sao tránh khỏi những ty hiềm ghen ghét, kỳ thị... Nhìn lại nước Việt Nam của chúng ta, một quốc gia có cùng chung huyết thống, chung màu da và chung tiếng nói cũng như các nước lân cận như Trung Quốc, Đại Hàn v.v... vậy mà vẫn bị chia năm xẻ bảy, tranh chấp dài dài thì đừng nói gì đến Hoa Kỳ!

Nhắm mắt lại thì thôi, mở mắt ra đầu óc tôi luôn bị rối bời, buồn nản bởi những hình ảnh, tin tức lây lan chết người của con virus VH. Thiết nghĩ chỉ những ai quá vô tư, không màng đến chuyện thế gian hoặc những người có bản chất hiền lành, có căn tu thì họa may không suy nghĩ về điều này nên

”buông” thả hết. Lẩn tránh, loanh quanh với những mẩu chuyện không vui về cơn đại dịch Vũ Hán đôi khi đã làm tôi phiền muộn từng giờ từng phút, thôi thì tốt nhất là nên tìm quên trong những công việc không tên hàng ngày như chăm bón vườn tược, may vá, nấu ăn, viết lách cho qua ngày... đợi cho con virus VH được hóa kiếp! Hoặc đợi đến ngày có thuốc chủng ngừa chính thức.



Xin hãy cùng tôi cầu nguyện cho thế giới an bình, không

dịch bệnh, không chiến tranh, không đổ máu. Xin hãy vinh danh đất nước Hoa Kỳ, một quốc gia giàu mạnh, với những tấm lòng trải rộng mà chúng ta, những người tị nạn đã nhận nơi này làm quê hương thứ hai của mình thì không có lý do gì chúng ta, nếu không làm cho nó hưng thịnh, phú cường hơn, cứ chỉ lại làm cho nó tồi tệ xấu xa đi chỉ vì cái tâm “tham, sân, si” của con người.

GOD BLESS AMERICA!

Ỡ NGUYỄN

Maryland, Mùa đại dịch
August 20, 2020

THẰNG MẮT GỐC

** tác giả: **Võ Phú** **

Ông Toán sững sờ đứng lặng người khi nghe thằng Tony, con trai ông, nói như thế:

- Mấy người lúc nào cũng nói muốn cám ơn nước Mỹ mà cứ lợi dụng kẻ hở để moi tiền nước Mỹ. Ơn gì mà ơn... Ơn tiền thì có.

Nói xong, Tony mở cửa đi thẳng ra sau vườn. Cậu ta đóng rầm cánh cửa...

Cơn gió nhẹ thổi qua. Hơi mát của những ngày cuối xuân vẫn còn quanh quần đùi đây, nhưng nỗi bức dọc trong người Tony vẫn chưa nguôi. Câu nói của đứa em gái còn văng vẳng bên tai về việc đi làm rồi mà vẫn còn xin thêm tiền trợ cấp thất nghiệp.

Ở trong nhà, ông Toán mặt ông phừng phừng cơn giận. Ông muốn chạy ra ngoài vườn đá cho cái thằng con mắt gốc này một cái. Nếu ông còn ở Việt Nam, dám có thể ông cầm rựa chém nó một phát vì cái tội hỗn hào, không coi ông ra gì.

Nghe ồn, bà Tâm, vợ ông từ trên cầu thang đi xuống, hỏi:

- Chuyện gì mà cha con ông rần rần dưới này?

Nghe vợ hỏi, ông như người đuối nước vờ được phải phao, nói liền một mạch:

- Thì thằng con của bà kia nó nói tui lợi dụng nước Mỹ để lấy tiền. Mà tui có lấy cũng lấy tiền của Mỹ chứ có lấy tiền của ông cố nội nó đâu mà nó làm ầm lên. Bà coi có được không? Cái đồ mắt gốc.

- Mà chuyện gì mới được? Ông nói không đầu không đuôi tui có biết chi mà lần.

Ông Toán dụi giọng kể lể cho vợ nghe:

- Thì hôm trước tui với bà nói với nó là tuần tới vợ chồng mình dia lại với con Thủy để giữ con cho tui nó đi làm vì tiệm nails của hai vợ chồng nó sắp mở cửa trở lại. Cái thằng đó nó đồng ý xong hết, nhưng khi nãy nghe tui nói chuyện với con Thủy, tự nhiên nó nổi khùng la tui với con Thủy một trận. Con Thủy lật đật cúp máy. Đứng là thằng mắt gốc mà.

- Mà ông với con Thủy nói chuyện gì mới được.

- Thì con Thủy nó gọi cho tui nó hỏi chừng nào ba má dia? Tui nói để cuối tuần. Nó hỏi tui với bà dia sớm để nó chuẩn bị đi ra tiệm nails phụ chủ lau chùi, bắt kiếng chắn, sửa soạn để thứ Hai đi làm. Rồi nó kể chuyện bà chủ tiệm của nó chịu trả tiền mặt thêm mấy tuần để nó ăn tiền thất nghiệp. Tự

nhiên nghe tới đó, thằng Tôn nó nổi khùng rồi nói tui với con Thủy là tham lam lợi dụng để bòn rút tiền của nước Mỹ. Bà nghĩ coi có tức không chứ?

- Cũng tại ông thôi...

- Tại tui? Sao lại tại tui? Tui chưa có đi làm mà sao tại tui?

- Ai biểu ông nói chuyện điện thoại lúc nào cũng oang oang rồi còn mở loa cho lớn. Mở lớn chi cho nó nghe rồi nó la ùm lên?

- Dụng tới quý tử của bà là bà bình chăm chập. Tui nói thiệt với bà chứ hên là nó ở đây chứ như hồi còn ở Việt Nam là tui dzót nó vài đá rồi. Cái đồ mát gốc.

- Mà chuyện tiền thất nghiệp gì mà nó dùng dùng vậy?

- Thì từ lúc dịch con Covid 19 này nè, vợ chồng con Thủy nghỉ ở nhà xin tiền thất nghiệp. Tui cũng có apply và nhận mỗi tuần mà tui có nói với bà đó. Mỗi một tuần vợ chồng con Thủy, mỗi đứa tui nó nhận được một ngàn mấy, trừ thuế ra cũng hơn chín trăm, nhiều hơn đi làm. Nghỉ ở nhà còn được nhiều tiền hơn, nên khi chánh phủ thông báo mở cửa để mọi người đi làm lại tui nó không muốn đi làm liền. Tui nó mới nói với chủ tiệm trả tiền mặt cho để xin thêm tiền thất nghiệp cho đến khi bị cắt thì trả lại check như bình thường. Nghe tới đó là thằng Tôn nó khùng lên. Nó

nói tui mang ơn, nợ nước Mỹ, này nợ mà lợi dụng để trục lợi. Chỉ có cái thằng mát gốc đó mới nói vậy thôi chứ tui thấy ai cũng làm hà rằm. Mình không lấy thì người khác cũng lấy. Mà mình nộp đơn đăng hoàng, chứ có phi pháp đâu mà nó làm ùm. Nước Mỹ này giàu và nhiều tiền mà. Năm bảy ngàn có thắm béo gì đâu. Mùa dịch này bọn Mỹ lờ chán vì số người già chết quá nhiều. Mỹ khổ cần phải trả tiền Social. Tui nói vậy bà thấy có đúng không?

- Nói như ông vậy mà nghe được? Thằng Tôn nó nói cũng phải mà ông...

- Bà lại bênh nó nữa. Đúng là con hư tại mẹ mà...

- Ông với con Thủy mới hư đó. Mình mới vừa lãnh một người một ngàn hai mà. Nước Mỹ đâu có bỏ đói mình đâu mà vợ chồng con Thủy còn bòn rút nữa. Với lại ông phải thông cảm cho thằng Tôn chứ. Nó qua đây từ nhỏ, nên tánh nó dậy thôi. Ông phải từ từ nói cho nó nghe, dạy biểu nó.

- Dạy gì được với cái thằng mát gốc đó. Thôi bà lên trên chuẩn bị quần áo, tui chở bà đi ở với vợ chồng con Thủy. Tui không đợi cuối tuần gì hết nữa.

- Ông nói cuối tuần thì để cuối tuần chứ ông đòi đi giờ thì ai coi tui nhỏ cho vợ chồng nó?

- Không cuối tuần gì hết trọn. Bà khéo lo... Hồi trước khi dịch, không có tui với bà, nó cũng lo được.

- Nhưng...

- Không nhưng nhị gì hết...

- Ông thiệt là... Có muốn gì thì cũng chờ con vợ nó dìu để vợ chồng nó tìm chỗ gửi mấy đứa nhỏ chứ.

- Bà muốn ở lại thì một mình bà ở. Còn tui... Tui dìu. Tui không muốn thấy cái bản mặt thẳng mắt gốc đó nữa.

- Thôi được rồi. Mà thẳng Tôn đâu?

- Nó động cửa cái rầm rồi ra sau vườn...

Bà Tâm đi ra sau vườn tìm con. Bà thấy Tony ngồi trên chiếc ghé đu, cạnh hồ cá. Có lẽ Tony đang nhìn mấy con cá koi đang bơi lội trong hồ. Bà nhớ hồi còn nhỏ, mỗi lần có chuyện buồn là nó hay ra ngoài lu để ngắm cá. Bà đi đến sau lưng con, nhẹ nhàng gọi:

- Tôn...

Tony quay lại, nhìn bà:

- Dạ... Má...

Bà Tâm nhìn con, bà không biết bắt đầu từ đâu. Người đàn ông trước mặt bà không còn là thẳng Tôn mười hai tuổi của ba mươi năm về trước. Mà là cậu thanh niên chững chạc, tóc đã điểm vài sợi bạc. Một người thân

nhưng cũng xa lạ đối với bà... Bà Tâm ấp úng...

- Má...

- Má có chuyện gì nói với con?

- Ủa... Chuyện mà với ba mà khi này... Giờ ông muốn dọn về nhà con Thủy liền thay vì cuối tuần...

- Dạ... Vậy thì má đi với ông đi...

- Còn mấy đứa nhỏ?

- Không sao đâu má. Con với vợ con sẽ gọi vô sở nói họ đổi ca hay vợ chồng con xin nghỉ vài ngày để coi tụi nhỏ chờ lúc daycare mở cửa rồi tụi con đem gửi...

- Má... Má... không biết nói sao... Nhưng...

- Con không hiểu được ba với con Thủy nghĩ gì. Vợ chồng con Thủy đâu có nghèo. Tụi nó cũng dư ăn dư để, vậy mà còn tính bòn rút của nước Mỹ. Còn ba nữa. Ba nghe nó nói ba cũng không khuyên còn nghe theo nó tiếp tục xin thêm tiền thất nghiệp...

- Thì ông thất nghiệp thiệt mà...

- Con biết, nhưng đi làm lại rồi mà còn muốn lấy thêm... Vậy mà cứ nói là yêu nước Mỹ. Nhớ ơn nước Mỹ cứu mạng này kia nọ. Con nghe phát bực.

- Tại con sống ở đây từ nhỏ nên không biết chứ người mình nghèo nên khi có tiền thì...

- Nghèo là hồi còn ở Việt Nam kia má. Giờ mình ở Mỹ rồi đâu có nghèo. Không có tiền thất nghiệp tụi nó cũng không có đói. Bòn rút thêm chi khi nước Mỹ gồng mình trong cơn đại dịch này... Nhưng mà thôi...

Ngưng một chút, Tony tiếp:

- Má lo thu xếp dọn đồ về trên đó với vợ chồng con Thủy đi chứ không khéo ba lại la má.

- Ủa... Vậy má thu dọn xong, chờ con Tina về rồi ba má đi.

- Dạ.

Bà Tâm trở vô nhà rồi đi lên phòng. Lúc vào phòng, bà thấy ông Toán đang nằm trên giường coi điện thoại. Mắt không rời khỏi cái phone, ông hỏi:

- Bà nói chuyện với nó xong rồi hả?

- Ủa. Xong rồi.

- Rồi nó có nói gì không?

- Không. Nó kêu tui lo thu xếp rồi đi theo ông dia. Tụi nhỏ vợ chồng nó lo được.

- Đó, tui nói với bà có sai không. Nó đâu cần mình.

Bà Tâm vừa xếp áo quần vừa nghĩ đến Tony.

Ba mươi năm trước...

Thằng Tôn của bà chỉ là cậu bé mười hai tuổi. Bà còn nhớ rõ, năm đó vào dịp hè, bà cho con ở lại nhà cô Lan để cậu bé vui chơi cùng thằng Hải, đưa em cô cậu, ở thành phố biển Nha Trang. Trong một chuyến vượt biển, cô Lan đã dắt theo thằng con trai của bà. Đùng một cái bà mất con cho đến hai mươi năm sau mẹ con mới được gặp lại mặt nhau. Lúc gặp nhau thằng Tôn của bà không còn là thằng bé thuở nào mà đã là một cậu thanh niên với cái tên rất Mỹ, Tony. Tony giờ đã học thành tài. Một được sĩ với mức lương ngất ngưỡng và chuẩn bị lấy vợ.

Thằng Tôn của bà nghe theo lời cô dưỡng nó, cũng là cha mẹ nuôi trên giấy tờ, nên đã làm giấy tờ bảo lãnh cả gia đình ông bà qua Mỹ trước rồi mới làm đám cưới sau.

Trong ngày cưới của con trai có đầy đủ cả gia đình ông bà. Có cô Lan dưỡng Trung và còn có vợ chồng cô em gái của Tony. Lễ cưới của con trai mà bà cứ tưởng của người ngoài vì mọi chuyện đều do cô Lan lo hết. Ông bà có mặt cũng chỉ làm "hình nền" thêm cho đầy đủ màu sắc trong ngày trọng đại của con. Bà buồn lòng, nhưng không nói ra. Còn ông Toán thì lại trách cô em gái đã qua mặt qua quyền, nên từ đó đã giận luôn cô em. Ông không thèm qua lại với gia đình em gái.

Thời gian trôi qua bà Tâm đã sống ở đất nước này hơn mười năm. Sống

mười năm, vậy mà bà chưa từng đi làm ở bất cứ nơi đâu, ngoài việc chăm lo cho chồng, cho con, cho cháu. Mỗi tháng, con trai, con gái cho bà vài trăm đô để dành dưỡng già. Mấy tháng trước khi dịch cúm vi khuẩn Corona bùng phát, chính phủ đã trợ giúp cho mỗi người một ngàn hai trăm đô la. Gia đình bà trừ con trai và con dâu (vì chúng làm vượt qua mức lương quy định để nhận được sự trợ giúp) thì ai cũng nhận được tiền. Bà thầm nghĩ, nước Mỹ này quá tử tế đối với một người như bà. Bà chẳng làm gì, nhưng vẫn được tiền trợ giúp. Số tiền đó, bà trích ra phần lớn gửi về cho thân nhân bên Việt Nam, phần còn lại bà cất dành.

Bà Tâm nhớ lại trong những buổi tiệc, lễ lộc, chung vui của gia đình, nhất là

ngày Thanksgiving, bà luôn nói với các con là gia đình bà rất biết ơn nước Mỹ đã cứu mang đùm bọc cả gia đình. Bà nói với các con hãy cố gắng hết sức mình để làm việc và đền ơn nước Mỹ, đất nước đã giúp đỡ mình. Chắc có lẽ vì vậy mà Tony nghe và nhớ những lời căn dặn của bà? Thành thử khi nghe em gái và cha bàn chuyện đi làm nhận tiền mặt để xin thêm tiền thất nghiệp, nên nó mới giận cha và em. Nghĩ tới đây bà chợt mỉm cười. Bà nghĩ thầm: "Thôi kệ, thằng Tôn mất gốc, nhưng nó vẫn còn nhớ tới những lời nói của mình. Và, hơn hết, tuy nó mất gốc, nhưng không mất nhân cách làm người. Còn cái gốc như cha con ông Toán cũng chỉ là đồ bỏ."

Võ Phú



Thu Đông Bắc

*Anh dẫn em đi dưới hàng cây
Một buổi sáng sương mờ giăng phủ
Chiếc lá khô cong mình ủ rũ
Quần trên vai những giọt sương bay*

*Anh dẫn em qua công viên nhỏ
Đôi vịt đồng chăm chút rửa lông
Giọt sương đêm ướt mềm trên cỏ
Đôi mắt nào buồn bã mênh mông*

*Anh dẫn em qua vùng Đông Bắc
Gió thu gào rét lạnh căm căm
Chiếc lá con bông bênh trôi chậm
Đôi mắt nào buồn bã xa xăm?*

*Anh dẫn em trở về quán trọ
Ôm vào lòng hơi ấm tìm nhau
Anh biết em vẫn còn nhung nhớ
Quê hương mình xa lắm còn đâu?*

Y Thy

MÙA NGUYÊN THUỶ

** tác giả: Quốc Bảo Faifo **

Gió rít lên liên hồi, tấm mái tôn bật lên bật xuống cố bám víu vào cái xà nhà bởi những cây đinh bé nhỏ. Không chịu nổi, xệt một cái, tấm tôn bị gió giật bay tít không trung, liệng qua, liệng lại như một cánh chim đang tung bay bị mũi tên bắn trúng chao đảo rơi xuống. Từng đoàn thuyền đánh cá gồng gân lấy hết sức lực cuối cùng chạy về đến cửa biển vừa kịp lúc thuyền chết máy. Hết nhiên liệu, cái chân vịt quạt liên hồi nóng rực, cố đập sóng để thuyền khỏi chông chênh, giữa cuồng phong đã tắt thở.

Chỉ hơn hai ngày mưa xối xả, đất đã không còn thấm thấu nữa. Đất đâu còn rộng rãi nữa mà bao dung ôm ấp những cơn mưa. Rừng đã thành nhà, đất đã thành đường, kênh đã bị lấp, sông đã bị chia cắt và lòng sông trở nên nhỏ hẹp như lòng người của thế kỷ tiêu thụ, tận hưởng và huỷ diệt.

Mùa lũ và lụt đã về. Gọi là mùa lũ lụt, vì lũ về thì phải lụt. Lũ về cuộn cuộn chảy giạt dữ như sự chống đối có nguyên nhân của thiên nhiên. Lụt có hữu như một gã thổ phỉ đáng khinh ghét. Nghẹn ngào mùa lũ lụt. Nếu nhắm mắt để trở về quê mẹ Lụt bình trôi tim tím nhuộm thời gian.

Anh vẫn còn nhớ rõ từng cơn gió thổi rít ngày một mạnh hơn từ đại dương bao la mà người có thể cảm nhận thấy từ khắp phương bốn hướng. Nước sông trở nên đục ngầu sau những ngày mưa to, gió lớn kéo dài dai dẳng.

Đôi mắt lo âu, bàn tay lạnh giá, những lời than vãn nào có ích lợi gì. Xin đừng trách cho cái sự vận hành vũ trụ mà cứ luôn mặc định cái khổ đau cần phải chấp nhận như một điều hiển nhiên. Không phải vậy, không được nghĩ như thế vì đó là sự buông xuôi dễ dãi quá.

Lũ có thể mang lại phù sa, cân bằng khoáng chất kia mà. Điều cần được tìm hiểu là tại sao có lũ là có lụt. Lụt mỗi năm mỗi nhiều, mỗi mùa mỗi lớn thì cần phải nghĩ lại, phải không em?

Những trái núi to lớn vững chãi từ ngàn xưa đổ sụp xuống ngày một nhiều không phải là lạ lùng sao.

Những trái núi của đức hạnh ngày càng bị bào mòn và lung lay dữ dội giữa những cơn địa chấn ngày càng xuất hiện nhiều hơn.

Đó là những gì đang diễn ra hiện tại vào lúc này trên quê hương chúng ta. Những cơn bão và lũ lụt như thế sẽ luôn đến nhưng do đâu bão lũ mỗi ngày một nhiều hơn, hung dữ hơn.

Rừng đại ngàn đau đớn bị đốn chặt. Những kiến thiết với công trình bào mòn cái khu vườn tươi mát có cây đa vững chãi. Hàng dương xanh bạt ngàn rì rào tiếng sóng biển giờ đây bật gốc biệt ly. Liệu chúng ta có một lần tỉnh táo đặt câu hỏi chúng ta còn lại gì khi bán đi cái thân xác và cả linh hồn của tổ tiên để lại. Chúng ta sẽ bị phá sản, phải đi vay mượn, phải van xin sự ban phước và thương hại. Giống như ta tự chặt đi cánh tay, đôi chân của chính mình để được bảo hiểm trả tiền bồi thường với mong muốn được một lần sống cuộc sống giàu sang và tự do. Sự khai sáng chỉ thực sự bắt đầu nếu nó không có một chút gì ràng buộc, bó chặt vào những cam kết và bỏ qua phần hậu quả.

Ở đất liền chắc em cũng đã nghe và ngửi chút ít mùi của bão. Chắc em đã nếm được vị của lũ và lụt. Xin em hãy nhắm mắt và mừng tượng xem cuộc đối đầu giữa sóng gió đại dương và con thuyền bé nhỏ của những người đánh cá ngoài khơi khi bão đến sẽ như thế nào. Em có bao giờ hỏi hành trang chúng ta cần gì trước đại dương bao la rộng lớn. Chúng ta cần sự đồng lòng, chúng ta cần sự kiên trì và đoàn kết. Và trên hết chúng ta cần một lương tâm. Em có biết vì sao người dân làm nghề đánh cá gọi là “đi bạn” cho một chuyến ra khơi nào đó không? Cho anh thêm một đôi dòng nữa, để anh giải

thích cho em nghe rõ hơn một chút về ý nghĩa thiêng liêng của từ “đi bạn” mà ngư dân miền trung trân trọng quý mến gọi nhau.



Khi bước lên con thuyền ra khơi đánh cá. Tất cả họ trở thành một khối tập thể vững chắc và hoà hợp. Họ đi cùng một con đường. Con đường của lương tâm và quả cảm mà đôi khi còn thiêng liêng hơn cả tình yêu nam nữ. Chính từ giây phút đó, họ trở thành anh em bền chặt hơn cả cốt nhục vì chỉ có sự bền chặt ấy và một đức tin mãnh liệt họ mới dám bám biển mà làm người con của biển. Để anh kể cho em nghe chuyện của những chiếc thuyền đánh cá bị mắc nạn ngoài khơi khi bão ập đến. Nếu chẳng may thuyền bị đắm, họ sẽ dùng dây cột chặt thân mình họ lại với nhau để sống cùng sống và chết cùng chết. Giữa những cột sóng cao lớn, tiếng thét gào của gió. Giữa đói khát và lạnh buốt, sợ hãi và mệt mỏi, họ vẫn sát cánh cùng nhau. Họ thức trắng đêm đầu an ủi, động viên nhau cùng vượt

nạn. Họ sẵn sàng nhảy xuống biển sống dữ tợn để giành giật lấy cái thân xác vừa mới trả xong cái nghiệp của trần gian.

Giữa cuộc chiến sinh tử, họ luôn chiến đấu để trở về nhà. Những chiếc thuyền tan nát vãn nường dựa vào nhau, diu dặt nhau vào bờ. Nếu có lỡ chiếc nào bị lạc trôi, họ cùng nhau kiếm tìm, che chở, bảo vệ và thề nguyện sẽ đem về những lời trăng trối của người “Đi bạn” xấu số đến cha mẹ, vợ con và những người thương yêu họ ở đất liền. Những người “Đi bạn” không bao giờ bị bỏ quên hay bị quên lãng. Dẫu có chết thì linh hồn họ vẫn luôn có người đón nhận về chứ không bao giờ trở thành những linh hồn cô độc giữa đại dương bao la. Đó chính là ý nghĩa của từ “Đi bạn” mà ngư dân vùng biển miền trung từ khi sinh ra cho đến lúc chết đi đều khắc cốt ghi tâm.

Họ chia cho nhau những chén cháo loãng còn sót lại, không giành giật, không vì sinh tử mà xé nát lương tâm của chính mình.

Sự vùng vẫy trên bờ khốn khổ của những số phận nhỏ nhoi ấy, anh vẫn nghe mỗi năm, mà có phải lỗi của họ đâu! Ấy thế mà lúc nào họ vẫn ăn năn hối lỗi với biển cả. Vì vậy anh nghĩ sống trên đời này cần phải biết ăn năn hối lỗi nếu chúng ta muốn trở thành một con người tử tế.

Nhưng xót xa quá những con người hiền lành chân chất bé nhỏ luôn yêu

biển và đất mẹ giờ đây chỉ còn biết cắn răng nhìn nhau.

Chắc em có đọc tin, có nghe và thấy những hình ảnh bi thương của đồng bào miền trung của em rồi. Cái khúc ruột nằm giữa cơ thể của em đó. Liệu em có suy ngẫm cho cuộc sống quá khác biệt giữa những đô thị sầm uất, nhà cửa cao tầng, đại lộ, xe hơi và những mái nhà tranh lộng gió, những chiếc xe đạp rỉ thép, những con đường đất bùn lầy lội, những mái trường xiêu vẹo. Em có thấy sự khập khiễng quá rõ ấy không em?

Em thử nghĩ coi một lực sĩ khoẻ đẹp có phải là một lực sĩ với bờ vai rộng lớn, cơ bắp cuộn cuộn đứng trên đôi chân nhỏ teo, yếu ớt như hai cây tăm tre không? Nếu người lực sĩ ấy cứ mãi lo tập luyện cho thân hình và đôi tay của mình mà quên mất luyện tập cho đôi chân vững chắc và tôi rèn cho mình một tinh thần minh mẫn thì quả là một điều đáng tiếc. Một người lực sĩ như thế chỉ có thể nhấc một vật nặng nào đó ở tư thế nằm hoặc ngồi mà thôi.

Bây giờ gần như trọn vẹn cái miền trung đang bị thiên tai bão, lũ lụt. Một lực sĩ tinh anh, dũng mãnh phải có một tâm sáng suốt và trái tim nồng ấm. Anh ngồi đây, viết cho em những dòng này mà đôi lúc anh phải dừng lại để suy ngẫm nhiều hơn. Anh nghĩ là em cũng vậy. Anh nghĩ rằng chúng ta sẽ thấy rõ hơn bức tranh tổng thể của đất nước

mình và hy vọng chúng ta sẽ có cách cải thiện nó tốt đẹp hơn.

Tự do và thịnh vượng phải đi đôi với trách nhiệm mà trách nhiệm là phải biết suy ngẫm trước và sau.

Chả có điều gì bận tâm cả nếu chúng ta không cùng chia sẻ nhau một trải nghiệm nào đó. Nỗi khổ nỗi của một kẻ xa lạ mà ta chưa bao giờ gặp mặt chỉ có thể cho ta một chút xót xa thôi rồi lại quên ngay.

Ánh mắt đó, ánh mắt đó, anh vẫn còn nhớ kỹ. Lời nói ấy vắng vắng bên tai không thể nhầm lẫn đâu được cả. Anh đã quên mà reng ánh mắt ấy, thanh âm ấy lại trở về với anh đêm hôm kia, hôm qua và sáng hôm nay.

Quen rồi, có chi đâu.

Biển bạc, có chi buồn.

*Tội nghiệp hấn đòi quá
không biết phải làm reng*

Mà năm mô cũng rứa

Tui khổ đã quen rồi

Có buồn cũng phải cố

Cho hấn miếng cơm ăn

Năm mô mà không rứa,

Nam mô quán thế âm

Năm mô mờ hụ quạnh

Nam mô, nam mô, nam mô...

Phải chăng phải đợi một biến cố, sự đầy đoạ trong khổ đau hay cái lương tâm cắn rứt đến nỗi ta không thể ngủ yên mới giật mình thẳng thốt nhận ra

nỗi đau của người xa lạ chừng như đang sắp chạm tới mình.

Cái tình yêu dân tộc, đồng loại chỉ có thể hiện diện nếu ta đã có sẵn đầy đủ và dư thừa trong ta cái tình yêu chính ta trước hết. Anh hiểu rất rõ về điều đó. Tình yêu sẽ lớn dần theo khuynh hướng từ gần đến xa giống như ta yêu ta, gia đình ta, rồi bạn bè ta, rồi đến đất nước ta để sau cùng lan toả đến nhân loại. Giả dụ như nếu ta thử thay đổi trật tự ấy lại xem biết đâu ta có đủ và nhiều hơn thế nữa cho những gì chúng ta muốn có.

Chắc em cũng có chút gì đó động lòng. Nếu em đã ít nhiều cảm được cái thân phận chính em trong cái khổ nỗi của đồng bào và chợt nhận ra cái Phật tánh của mỗi con người Việt Nam. Người Nam, kẻ Bắc chung tay nhau gói những nôi bánh chưng, góp những lon gạo, giúp nhau tẩm chăn mềm để cho lòng ấm lại - mặc kệ sự thiếu vắng của những bậc minh quân. Anh cảm thấy tự hào nhưng trăn trở. Chỉ có nước ta là dân giúp dân, dân lo cho dân, dân cứu dân, dân tự vượt gió mưa, lũ lụt mang thức ăn đến tận người. Anh ngẫm nghĩ làm thế nào cha ông ta cả ba lần đại thắng quân Mông Nguyên hùng mạnh. Liệu sự đồng lòng toàn dân thôi đã đủ? Nếu không có sự chuẩn bị, một chiến lược tài ba xuất chúng của Đức Trần Hưng Đạo, của vua tôi nhà Trần lỗi lạc và một cam kết không bán rẻ lương tâm của mỗi người dân Việt trước tổ

tiên. Cha ông ta chắc sẽ bị phan thân, phải xấu hổ cúi đầu van xin ân huệ được sống và làm nô lệ cho chúng giặc. Lúc này đây anh cảm thấy chúng ta như những đứa trẻ mồ côi yếu ớt nhưng đầy lòng nghĩa hiệp và giàu có cái lương tâm. Cái lương tâm là điều tiên quyết cho cái hành động đúng. Và anh tin chúng ta sẽ thắng. Chỉ cần luôn giữ sạch cái lương tâm của mình, một đứa trẻ mồ côi có thể sẽ trở thành một vị tướng anh minh xuất chúng.

Nếu có thể trở lại quá khứ chúng ta sẽ làm gì khi đối mặt với những thách thức. Hãy lặng yên mà lắng nghe, hãy lắng nghe tiếng thét gào của biển cả, tiếng khóc thương của đại ngàn, của lòng dân và đất mẹ mà để hiểu và để thương. Đó phải là nhiệm vụ tiên quyết để khỏi phải thờ than.

Chỉ có những hơi thở của trời sẽ mang lại cho người sự sáng suốt. *“Tôi yêu tiếng nước tôi từ khi mới ra đời, mẹ hiền ru những câu xa vời, À à ơi! tiếng ru muôn đời.”*

Anh cố gắng viết cho em vài dòng để chia sẻ cùng em điều anh suy ngẫm. Anh cố tìm hiểu và giải thích nhưng có lẽ sự nhẫn nại cao tốt là sự nhẫn nại lặng im nhìn thấy dân mình, quê nhà đang làm than, đói khổ mà chưa có đủ những đảng minh quân quả cảm sẵn sàng chấp nhận và đón nhận đổi thay.

Hoàn cảnh tạo điều kiện cho sự thay đổi tư duy con người nhưng tự chúng không thể nào làm nên một sự chuyển hoá nội tâm nếu thiếu lương tâm và tình thương.



“Điều sâu muộn là nỗi nhiệt tình đã nguội lạnh”. Anh đã thôi không còn muốn than vãn nữa. Thế mà sáng hôm kia, hôm qua và hôm nay sương mù che phủ kín cả bầu trời thu. Loáng thoáng trong sương cái bóng dáng nhấp nhô của những chuyển động vô hình. Nỗi nhiệt tình trong anh bừng cháy trở lại. Tiếng dế kêu làm anh chợt thấy đâu đó hình bóng em hiện về giữa bầu trời thu tĩnh mịch cùng anh ngồi chơi, nên vội viết lên cuộc gặp gỡ này. Những đoá hoa rừng vẫn nở đẹp rực rỡ trên những phiến đá cao hiểm hóc. Vươn mình cao lớn giữa bầu trời thu chuyển mình trở về nguyên thủy.

Quốc Bảo Faifo

(Virginia tháng 10 năm 2020)

TÌNH NGHĨA THẦY TRÒ

** tác giả: **Lê Mộng Hoàng** **

Tôi bắt đầu nghề “Gõ đầu trẻ” ở quê tôi, tỉnh Quảng Nam, trường trung học Trần Quý Cáp từ năm 1966 cho đến nay 2015 là gần nửa thế kỷ - 49 năm.

Sau khi thi xong chứng chỉ Ngữ Học Việt Nam để hoàn tất mảnh bằng Cử Nhân Giáo Khoa Văn Chương tại đại học Văn khoa, Viện Đại Học Đà Lạt tháng 5/1966, tôi bị bệnh “Phó Thương Hàn” (Paratyphoid) lên cơn sốt, co giật chân tay trong lúc cư ngụ tại Cư xá Nữ Sinh Viên trong khuôn viên Viện Đại học Đà Lạt. Các chị em cùng cư xá hoảng sợ phải cầu cứu Cha Viện Trưởng Nguyễn Văn Lập, ngài bèn cho tài xế chở tôi vào bệnh viện Đà Lạt điều trị. Bác sĩ giám đốc bệnh viện thời ấy là người Pháp, quen với Cha Lập nên tôi được Cha gửi gắm, tôi phải nằm nhà thương 10 ngày, đây là lần đầu tiên trong đời tôi phải “nằm một chỗ” không đi lại, không hoạt động. Các chị em sinh viên cùng cư xá như Bích Lan, Bích Đào, Ngọc Diệp, Kim Châu, Mỹ Linh, Kim Huê, Ngọc Yến thay phiên nhau vào bệnh viện ngủ lại săn sóc “Chị Cả”. Thật là chí tình - tôi được các em bầu làm Chị Cả đại diện cho 13 nữ sinh viên của cư xá.

Đến ngày thứ 9 trước khi tôi rời bệnh viện thì bác Bảy, tài xế của Cha

Viện Trưởng vào phòng báo cho tôi biết “Cha Viện Trưởng sẽ đến thăm cô” tôi rất ngạc nhiên, lo ngồi dậy sửa soạn đón ngài.



Tuy tôi là một Phật tử nhưng tôi rất kính mến và khâm phục tấm lòng nhân ái, quảng đại và hòa nhã, khiêm cung của Cha Lập.

Ngài luôn gần gũi sinh viên, nhất là các sinh viên ở những miền xa xôi lặn lội đến Đà Lạt cố tâm học tập. Lúc Cha Viện Trưởng xuất hiện, ngài có mang theo một bao thư lớn trao cho tôi và nói: “Đây là bằng Cử Nhân Giáo khoa Văn chương Việt Nam của con”. Tôi run run vì quá xúc động, cầm bao thư mà không cầm được nước mắt!

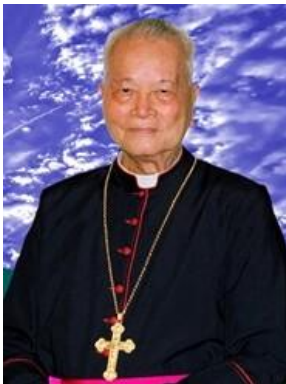
Cha nói tiếp: “Con đậu hạng Bình và đậu Thủ Khoa kỳ thi này”. Tim tôi đập thình thịch, thật là bất ngờ! Cha Viện Trưởng còn cho biết: “Cha sẽ trả tiền bệnh viện cho con nên con khỏi lo xin tiền cha mẹ ở Quảng Nam”. Thừa Cha, những lời ái ngữ này Cha nói cách đây 49 năm mà con không bao giờ quên, có lẽ suốt đời con, tấm lòng độ lượng,

nhân từ và đức hạnh khiêm nhường từ tốn của Cha đã là gương sáng của một bậc Thầy Khả Kính mà con luôn cố gắng noi theo. Tình nghĩa Thầy Trò, tình thương bao dung của Cha đối với các sinh viên trong viện Đại học Đà Lạt đã được truyền miệng lan xa khắp thành phố và các tỉnh nào có sinh viên gia đình hoàn cảnh khó khăn đã được Cha giúp đỡ. Trong đám sinh viên thời ấy đã có câu:

“Ai cần thì Cha đến

Ai thiếu thì Cha cho”

để ca ngợi lòng bác ái, yêu thương học trò của Cha Nguyễn Văn Lập.



Lúc tuổi đã cao, Cha không điều hành viện Đại học Đà Lạt nữa, được vinh thăng Giám Mục về cư trú tại nhà thờ Bình Triệu, Sài Gòn

và tổ chức Chương trình “Huấn Nghệ cho các trẻ vị thành niên, bụi đời” ở Sài Gòn.

Các sinh viên ngày trước theo học Chính Trị Kinh Doanh hoặc Văn Khoa, Khoa Học tại viện Đại học Đà Lạt vẫn không quên nghĩa cử cao quý của Cha đã góp công, góp của, đồng tâm nhất

trí xây dựng cho Cha một căn nhà trong khu đất của nhà thờ Bình Triệu rất khang trang rộng rãi để Cha an hưởng tuổi già. Mỗi năm đến ngày kỷ niệm Lễ Thụ Phong Linh Mục của Cha Lập, các cựu sinh viên Đà Lạt đều tụ họp lại để chúc mừng người Thầy giáo nhân từ, vị cha già giàu lòng thương người, không phân biệt tôn giáo, giới tính, đồng thời cũng để tỏ lòng biết ơn chân tình đối với ngài. Cha Lập rất hân hoan khi gặp lại các sinh viên ngày xưa nghịch ngợm, phá phách ngoài giờ học, nhiều lần hỏi mượn tiền Cha mà không trả, nay đã trở nên ông bà nội, ngoại, có cơ sở kinh doanh, có địa vị trong xã hội. Trước giờ Cha Lập được Chúa gọi về cõi Thiên Đàng, ngài có tâm tình với các người học trò tình nghĩa rằng: “Trong thời gian làm Viện Trưởng, nếu Cha có nói điều gì không đúng làm mất lòng các con thì mong các con bỏ qua cho...” Tôi nghe bạn tôi kể lại mà bái phục tâm hồn cao thượng, rộng lượng của ngài vô cùng!

Trở lại với con đường sự nghiệp gập ghềnh của tôi, sau 3 năm dạy Việt văn và Anh ngữ tại trường Trần Quý Cáp tôi lấy chồng và phải “xuất giá tòng phu” vì ông xã tôi đang dạy tại trường Cao đẳng Quốc Phòng ở Sài Gòn. Tháng 9 năm 1969, tôi chuyển vào dạy tại trường Trung Tiểu học Trung Thu trên đường Thành Thái, Sài Gòn cho đến 30 tháng 4 năm 1975.

Vì nhu cầu của trường cần giáo sư dạy Anh ngữ nên tôi chỉ dạy môn này cho các lớp Đệ Tam A-B mà không dạy Việt văn nữa. Hơn một năm sau tôi sinh con đầu lòng, cháu Lina - Đặng Tống Mộng Quỳnh, vào đầu tháng 11, năm 1970. Lina chỉ mới được 4 tháng tuổi mà phải mồ côi cha! Ông xã tôi Đặng Xuân Dũng bất ngờ gặp một người lính đâm xe Honda vào xe vespa của anh, nên anh bị chấn thương sọ não và từ trần vào tháng 3, 1971 ở tuổi 34 còn rất trẻ!

Tôi chỉ mới bắt đầu dạy tại trường Trung Thu hai năm thì biến cố đau buồn này xảy ra, thay đổi, xáo trộn nếp sống tinh thần lẫn vật chất của tôi!

Tôi bị “chứng mất ngủ” kéo dài nên sụt mất 12 ký thịt, trông gầy gò, ốm yếu, không còn tươi trẻ, khỏe mạnh như trước đây – dù chỉ mới 30 tuổi! Trong giờ Anh ngữ, khi dạy đến bài nào nói về hạnh phúc gia đình, những buổi sum họp đầm ấm vào các dịp lễ Thanksgiving, Christmas nước mắt bỗng dưng chảy dài trên má tôi, mặc dù tôi cố gắng cầm cự, tôi cảm thấy xấu hổ khi nghe tiếng cười của các nam sinh, nói nhỏ “Coi kìa, Cô đang khóc tụi bây ơi...” Tôi vội chạy ra ngoài hành lang thở vào thật sâu để dần cơn xúc động lấy lại bình tĩnh rồi mới vào tiếp tục bài giảng. Các nữ sinh thì tế nhị và thông cảm với “nỗi đau thầm lặng” của cô MH nên không phê bình, cũng

không cười trêu chọc. Có vài nữ sinh đã đến thăm tôi ở NTT, chơi với bé Lina và chỉ dẫn cho cô giáo làm Ô Mai Cam Thảo ngày Tết, lâu quá rồi nhưng tình cảm ngây thơ, chân thật của học trò Trung Thu ngày ấy tôi vẫn nhớ mãi, mà tên các em thì tôi không nhớ hết, chỉ còn nhớ Tuyết Lan, Kiều Nga, Phượng... Sau này, tháng 4 năm 1975, hai chị em Tuyết Lan-Kiều Nga có đi với Ngọc Diệp tìm đến thăm tôi và bé Lina ở trại tị nạn Fort Chaffee, Arkansas.

Tôi luôn luôn trân quý và biết ơn “những tấm lòng trái rộng”, những thăm hỏi ân cần của các bạn đồng nghiệp cô Lệ, cô Uyên, cô Lành, cô Yến, thầy Vị, thầy Hoàn, thầy Sâm và của các em học sinh trường Trung Thu Sài Gòn: Đức, Sơn, Tuấn, Khương, Việt, Nhân Từ, Thông, Kim Phượng, Túy Phượng, Liên, Huỳnh Hoa, Hồng Mai, Hằng, P.Tú... đã luôn “gìn vàng giữ ngọc” duy trì Tinh Nghĩa Thầy Trò sắt son, cho dù thời gian dài nửa thế kỷ và không gian xa xôi cách trở...

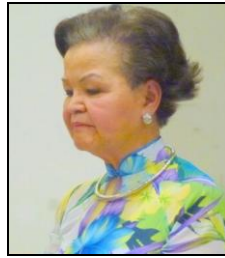
Tôi cũng xin ân cần cảm tạ thầy Huyền đã đem tình “yêu thương thật lòng” sưởi ấm trái tim giá băng và khiến cuộc sống 40 năm qua của tôi được thăng hoa, an lạc.

Tôi cũng luôn cảm phục và ủng hộ “Ban Tổ Chức” các cuộc Hội Ngộ Trường Trung Thu lâu nay. Mặc dù tuổi đời cũng đã cao, tôi luôn cố gắng

tham dự các buổi Họp Mặt này để may ra gặp lại các bạn đồng nghiệp cũ, các em học trò dễ thương của “những ngày xưa thân ái” ấy, mà thật tình tôi rất mừng, các em học trò Trung Thu đúng là “Chí Tình, Chí Nghĩa”; các em đã hy sinh thì giờ, công lao, tiền bạc để tổ chức những cuộc gặp gỡ giữa thầy trò trường Trung Thu, kèm theo lễ tưởng niệm, cầu siêu cho các giáo chức đã từ trần, quà tặng tình thân cho các Thầy cô đến tham dự và một chương trình văn nghệ chan chứa tình thương, nêu cao Tình Nghĩa Thầy Trò. Các buổi hội ngộ này đã “giữ cho đời thầy cô giáo trường Trung Thu còn Chút Dễ Thương” đó các em ơi!

CẢM ƠN CÁC EM HỌC TRÒ CŨ TRƯỜNG TRUNG THU DẦU YÊU LẮM LẮM!

*Tình Nghĩa Thầy Trò thủy chung
Trái qua bao cuộc đổi thay vẫn bền
Cảm ơn tình cảm trắng trong
Món quà quý hiếm cô hằng khắc ghi.*



LÊ MỘNG HOÀNG

9/21/2015



TRÁI TIM THƠ

*Tôi còn một trái tim thơ,
Trăm năm dệt mộng ươm mơ cùng đời
Biết yêu Chúa biết yêu Người
Bể dâu mấy cuộc ngậm ngùi mấy phen!*

*Chuyện tình có tuổi có tên,
Từng mùa Thu đã trở nên áo tình
Tôi yêu Chúa, Chúa yêu mình
Trái tim hơi thở chiều xanh lá vàng.*

*Đón mùa mới nắng thu sang,
Tôi mong tiếng gọi
mượn màng chắt chiu*

*Lòng riêng nắng sớm mưa chiều
Nhớ mùa xưa
cũng ít nhiều băng khuâng...*

*Buồn buồn nắng gió phù vân,
Qua tình tôi ước mơ thắm áo bay
Ngọt ngào tiếng hát tình say
Biết đâu hò hẹn mà vay trả đời.*

*Viết gì cho đẹp nụ cười,
Cho ân nghĩa trọn vẹn lời ước mơ
Tôi còn đây Trái Tim Thơ
Hiển dăng đời để nghìn thu Nụ Vàng.*

Hoa Văn

GIÁNG SINH TRÊN CAO NGUYÊN



Từ phải: Lê Văn Phúc, Tâm Hảo,
Phan A Dũng / 2009

LTS: Nhà văn Lê Văn Phúc, một thân hữu của Cỏ Thơm, sinh năm 1934, qua đời ngày 7 tháng 8 năm 2020, hưởng thọ 86 tuổi. Ông là tác giả của tập truyện nổi tiếng “Tôi Làm Tôi Mất Nước” phát hành năm 1985, Bóng Thời Gian, Khung Trời Kỷ Niệm ... Lê Văn Phúc là môn đệ đầu tiên của Võ sư Sáng lập Nguyễn Lộc, môn phái Vovinam; ông dùng bút danh Châu Ngân viết lời cho ca khúc “Chiều Biên Khu”, “Hoa Cài Thép Súng” nhạc: Tuấn Khanh. Ông đã viết cho nhiều báo ở Sài Gòn trước 1975 và từng là một tay viết chủ lực của nguyệt san Kỳ Nguyên Mới vùng Hoa Thịnh Đốn.

Sau 3 năm thi hành nghĩa vụ quân sự - nói theo điệu lính thú ngày xưa là “trấn thủ lưu đồn” - tôi được giải ngũ vào dịp cuối năm 1956 tại Ban Mê Thuột. Ở cái thành phố “buồn muôn thuở” này mãi nó cũng nấu người ra, nên khi già từ vũ khí, tôi phải tìm đường bay nhảy.

Hồi đó, gia đình tôi ở ngoài Bắc, còn tôi tuy đã hăm mí cái xuân xanh đang đi trên mái tóc mà vườn chưa có em nào “đài gương soi đến dấu bèo”! Chả phải tôi xí trai đâu! Bằng chứng cụ thể và hùng hồn nhất là tiệm hình lớn trên Đà Lạt đã triển lãm hình tôi trong tủ kính cả nửa năm trời. Hình phóng to như thật, ai coi cũng khen thắm là thông minh nhất nam tử, không biết con cái nhà ai mà bô trai đến thế!

Ấy vậy mà vườn không có bóng hồng nào thấp thoáng nẻo xa... Tôi vẫn trầm trách người cũng như tự trách mình là đã bỏ mất những dịp may hiếm có? Bởi cô đơn, lang thang miền đất lạ, tôi mua vé xe đò lên Kontum tìm đến chơi nhà người bạn.

Kontum với tôi hình như có cái gì quyến luyến dễ thương. Trong mấy tỉnh miền cao nguyên, tôi vẫn yêu Kontum hơn cả. Banmethuot đất đỏ mưa buồn, Pleiku phố xá đìu hiu. Chỉ có Kontum là nền thơ rất mực.

Kontum nằm trên một quả đồi cát trắng, bao quanh là dòng sông hiền hòa uốn khúc. Tỉnh lỵ tuy nhỏ nhưng êm đềm, xinh xắn. Những con đường cát trắng, những hàng dừa cao lá bóng thướt tha, những suối nước róc rách có tiếng

chim hót líu lo trong hoa lá, có tiếng nói tiếng cười hồn nhiên của mấy cô con gái giặt giũ dưới suối.

Đời sống thật là an bình, thơ mộng. Làm sao mà tôi không yêu mến thành phố quanh hiu này cho được!

Ở nhà Vũ được 1 tuần, đã tới mùa lễ Giáng Sinh. Đài phát thanh phát đi các bản thánh ca trên làn sóng điện. Ngoài phố, bày bán các loại đèn Giáng Sinh, trang trí, các hang đá, các tượng ảnh... Trong nhà giáo dân, có cây thông giăng đèn hoa lấp lánh, có hang Bélem nơi Chúa ra đời...

Vũ bàn với tôi:

- Cuối tuần tới là Giáng Sinh, tớ đưa cậu lên thăm một làng Thượng theo đạo Công Giáo do một linh mục Việt Nam cai quản, dự lễ trên đó luôn. Cậu chịu không?

Thấy bạn đưa ý kiến có vẻ hay hay, tôi nhận lời liền.

Vũ chuẩn bị thật chu đáo. Chiếc xe Jeep cũ được coi lại máy móc, vỏ xe, xăng nhớt! Vũ mua ít muối, đá lửa, thuốc Aspirin, một chai "nước hoa thợ cạo", một ít bánh ngọt, một ít kẹo, một bao trà sen, vài cục pin, vài tờ báo... Vũ còn đem theo cả cái máy hình và chiếc cassette!

Địa điểm chúng tôi sẽ tới là làng Kon Đú thuộc quận Dakto. Từ Kontum đi

Dakto, nửa đường rẽ tay mặt qua làng Konhoring, xe chạy long xòng xọc lên đồi xuống dốc dăm bảy đoạn đường. Đường sơn cước lên đèo đổ vực quanh co, đồi núi chập chùng, mây thấp ngang tầm mắt.

Có lúc chúng tôi đi trong sương, tưởng như hai chàng Lưu Thần, Nguyễn Triệu chới bỏ tình trần đang tìm đường vào chốn thiên thai, nghe thiên hạ đồn rằng có nhiều nàng tiên cánh trắng. Có khi xe dừng lại bên con suối trong, mọc đầy những cụm hoa rừng màu tím, màu vàng, mào đỏ để Vũ ngắm nghía, loay hoay với chiếc máy hình mong lầy được vài ảnh đẹp.

Có khi chúng tôi nom thấy mấy con gà rừng óng mượt nghênh cổ canh chừng khi thấy xe Jeep nổ máy chạy qua. Có đoạn, xe chạy qua cầu mà cũng vất vả. Cầu làm toàn bằng cây xếp thành hàng ngang, buộc bằng dây thừng, dây kẽm. Xe nhà binh cũng qua cầu nên dễ làm hư cây hư dây buộc. Xe nào chạy sau mà không thận trọng là rất dễ lọt bánh.

Vũ đã có thời phục vụ trong binh đoàn ở vùng này nên có nhiều kinh nghiệm và cứng tay lái nên mọi chuyện êm xuôi. Xe chạy vòng vo một hồi, xa xa ngọn đồi cao ẩn hiện mấy nóc nhà sàn. Vũ nói:

- Đó là làng Kon Đú! Lát nữa cậu sẽ gặp một linh mục rất đặc biệt...

Khi xe chạy tới chân đồi, Vũ bóp còi xe inh ỏi. Không biết từ đâu, lô nhô mấy chục đứa trẻ hiện ra, reo hò vui vẻ, vẫy tay lia lịa. Xe lên tới đỉnh đồi, lũ trẻ hớn hở vây quanh, như bắt được vàng!

Tôi hỏi Vũ:

- Chắc cậu lên đây nhiều lần rồi nên quen thuộc với dân làng này lắm thì phải ?

Vũ đáp lững lơ: - Hình như thế ! Chúng tôi chưa kịp bước ra khỏi xe thì vị linh mục đã từ nhà sàn bước xuống, tươi cười chào đón. Vũ giới thiệu tôi với linh mục Hoàng Ngọc Minh, người lãnh đạo tinh thần sắc dân Sédang vùng này. Sau khi Vũ trình Cha là chúng tôi lên đây dự lễ Giáng Sinh thì Cha tỏ vẻ vui mừng hết sức.

Trò chuyện một hồi, tôi biết tại sao Vũ là thổ công vùng này. Trước đây, hồi ở trong quân ngũ, Vũ là sĩ quan tại quận Dakto, đã nhiều lần thăm nom giúp đỡ cha vài việc nhỏ nên dần dà thành quen lớn. Và dân làng đối với Vũ cũng chẳng còn xa lạ gì.

Chúng tôi theo Cha Minh lên nhà sàn, nơi cha ở. Vũ biểu Cha bao trà tàu, mấy cục pin để chạy radio, ít thuốc cảm để Cha cho con chiên và mấy tờ báo. Chỗ Cha ở là một căn phòng nhỏ mái lá, kê vừa một cái giường tre, một cái bàn gỗ ọp ẹp, ít sách kinh, một ngọn đèn dầu, một cái radio chạy bằng pin...Giang sơn của Cha chỉ có vậy.

Cha đã sống trên vùng này nhiều năm và rất vui vẻ, hăng hái để chu toàn việc thờ phụng Chúa.



Còn mấy hôm nữa là đến ngày lễ. Làng Kon Đú nhận nhịp hấn lên. Dân số đông hơn trăm người đều theo đạo Công Giáo. Ngôi nhà sàn rộng lớn kề cận chỗ Cha ở, là nhà nguyện. Ở đây, người dân sống xa với đô thành nên mọi thứ đều đơn sơ và mộc mạc, cũng như tâm hồn của sắc dân Sédang hồn nhiên, thuần hậu.

Ngày lễ lớn nên nhà nguyện có treo đèn kết lá, có hang Bélem nơi Chúa ra đời, có con lừa bên máng cỏ, có thiên thần, có âm thanh, có ánh đèn lấp lánh... Buổi chiều, chúng tôi xuống tắm dưới suối và nghe tiếng cộp gặm bên kia đồi núi âm u... Bữa cơm tối, có món thịt nai nướng đầy hương vị cao nguyên khiến chúng tôi ăn không biết chán!

Trong lúc ăn, Cha hỏi chúng tôi đủ mọi thứ chuyện. Từ chuyện chính trị, quân

sự đến tân nhạc, cải lương, đào kép, qua cả đến lãnh vực thể thao, văn nghệ. Mục nào Cha cũng gợi ý và chú tâm nghe chúng tôi trình bày. Thỉnh thoảng Cha lại « bỏ nhỏ » vài ý kiến để câu chuyện được đậm đà và khởi sắc. Nụ cười hiền từ của Cha luôn nở trên môi. Đôi mắt tinh anh và đầy nhân ái. Giọng nói thân mật, nhẹ nhàng. Chúng tôi bày tỏ lòng cảm phục và ngưỡng mộ Cha đã lên đây dù dẫu vất vả con chiên trong một hoàn cảnh đặc biệt, sống xa lạ hầu như tách biệt với thế giới bên ngoài. Cha chỉ còn biết gần gũi với con chiên, răn dạy họ những điều lành và lo giáo dục đám trẻ thơ nghèo nàn, khôn khéo!

Nhân có tôi, Vũ trình Cha cho phép chúng tôi được đóng góp giúp vui một chương trình đặc biệt mừng Chúa Giáng Sinh, tổ chức vào buổi chiều ngày 24. Cha chấp thuận liền.

Chiều 24, Cha cho lệnh tập họp bằng một hồi trống. Lũ trẻ con đã đầy đủ quanh khu trình diễn cạnh nhà nguyện từ lâu. Còn người lớn thì tà tà đến sau. Nơi trình đơn giản, chỉ có 1 cái bàn ọp ẹp, trên để linh kính dăm bảy chục gói nhỏ, vài chục gói bánh và một lọ nước hoa thợ cạo. Cạnh bàn là một cây đàn ghi-ta.

Đồng bào thiểu số hầu hết nói và hiểu tiếng Việt lồm bồm nên Cha phụ trách

luôn phần thông dịch qua thổ âm Sédang.

Trước tiên, Vũ nói vài lời cảm ơn đồng bào tới dự, mục đích là mừng lễ Giáng Sinh và sẽ cho quà... Vũ cũng cảm ơn Cha đã cho phép góp vui ngày hôm nay. Mỗi khi Vũ nói câu gì mà đồng bào khoan khoái, họ đều phát biểu bằng cách giơ tay và đồng loạt hí lên một tiếng thật dài...

Mở đầu chương trình, ban nhạc Sédang với 5 em cầm 5 chiếc cồng bằng đồng to nhỏ khác nhau, mỗi cồng là một âm điệu. Trên vùng cao nguyên này, làng nào cũng chơi cồng nhưng số cồng khác nhau. Thấp nhất là chơi 3 cồng, cao nhất là xử dụng 6 cồng. Tiếng cồng cũng định mức độ văn minh tân tiến của khu làng đó nữa. Người Kinh tuy quen mắt với cồng nhưng lại thật lạ tai khi tiếng cồng vang động.

Tiếp đến, Vũ ôm cây đàn cùng tôi đồng ca « Đêm đông lạnh lẽo Chúa sinh ra đời » bằng tiếng Việt còn đồng bào miền Thượng ca bằng tiếng Sédang do Cha Minh dạy. Qua màn hát, chúng tôi xoay sang biểu diễn võ thuật! Vốn là môn đệ của võ sư sáng tổ Nguyễn Lộc từ thập niên 1950, chúng tôi đã dạy Vovinam khi vào quân đội, nay có đám đá vài đường thì cũng dễ thôi! Chúng tôi xoay tròn ra, biểu diễn mấy đường đá căn bản. Còn Cha Minh thì phải giải thích cho con chiên hiểu tại

làm sao mà hai ông bạn đang chơi với nhau thân là thể mà bi giờ lại cời trần trùng trục, đâm đá nhau tung bưng hoa lá như hai kẻ cựa thù... Chúng tôi lần lượt trình bày các thể ngã, lộn, các đòn tay đòn chân, giao đấu tự do. Càng về sau, các đòn càng có vẻ nguy hiểm và gay gắt như đánh gậy, đánh dao, các đòn chân quặp cổ vật ngã đối phương khiến bà con say mê, hí lên từng hồi tán thưởng... Sau màn biểu diễn võ thuật thú vị ấy, một thanh niên Sédang ra giữa sân biểu diễn thổi khèn và một anh khác đánh đàn dây.

Trời đã về chiều nhưng càng lúc càng vui. Vũ yêu cầu mọi người ngồi yên tại chỗ. Những gói quà lớn nhỏ trên bàn, màu sắc khác nhau. Gói màu đỏ, gói màu xanh, gói màu vàng. Đàn bà, Vũ tặng gói màu xanh là gói muối. Trẻ em, vũ tặng gói màu vàng trong có mấy cái bánh ngọt. Gói màu đỏ tặng đàn ông là đá lửa. Ở miền Thượng thì đá lửa và muối là hai món cần thiết trong đời sống hàng ngày nên đồng bào đón nhận thật trân quý.

Màn chót, Vũ cầm lọ nước hoa thợ cạo, lần lượt xịt vào đầu, vào tay bà con, thơm lừng cả một khung trời. Ai nấy khoan khoái với niềm vui hiếm hoi mà cũng hiền lành, đằm bạc như tâm hồn người dân bản Thượng.

Cha Minh tươi cười nói:

- Các ông tổ chức lớn quá ! Các ông làm thế này, năm sau các ông không lên thì tôi biết ăn nói ra sao với đồng bào ở đây?

Vũ đỡ lời :

- Thưa Cha, chúng con góp vui với Cha và đồng bào ở đây thôi chứ có lớn lao gì đâu ! Năm tới, có dịp chúng con sẽ lại lên đây. Ban xiếc lưu động của chúng con mong còn nhiều dịp khác nữa...

Cơm chiều xong, trời gần tối mịt. Những hoa đèn được thắp nên sáng lung linh. Trong nhà thờ đã thấy nhiều giáo dân quỳ gối cầu kinh. Ngoài kia, hang Bélem lấp lánh ánh đèn màu xanh xán. Đồng bào vẫn ăn mặc như ngày thường, chỉ khác là nét mặt có vẻ trang trọng hơn mà thôi. Lũ trẻ con hay nghịch ngợm, tối nay cũng khoanh tay ngồi im lặng.

Gần đến nửa đêm, những bài thánh ca vang lên từ chiếc máy thu thanh. Từng điệu nhạc thiên thần theo lời ca bay bổng. Dân làng Kon Đú đọc kinh mừng Chúa ra đời và cầu được bình an cho người dưới thế. Tôi là người ngoại đạo nhưng trong giờ phút thiêng liêng Chúa ra đời, tôi cũng quỳ gối dâng lời cầu nguyện. Tôi cầu xin đất nước yên vui, mọi nhà đoàn tụ, cuộc sống thanh bình...

Quanh đây, màn đêm đã phủ kín ngôi là Kon-Đú nằm yên lặng xa xôi trên miền Dakto heo hút.

Cuộc đời dâu bể. Chúng tôi cũng phải chia tay mỗi người một ngã, không còn dịp quay lại ngôi làng Kon-Đú nữa. Mấy năm sau, tôi đọc báo được tin Cha Hoàng Ngọc Minh đã bị cộng sản sát hại. Tôi bàng hoàng đến lặng người, bật khóc. Như chính tôi vừa mất một người cha !

Bây giờ, bỗng dưng tôi lại mang thân lưu lạc. Người bạn ngày xưa cùng ôn văn luyện võ, nghe đâu đã bị đi tù, đi cải tạo tận miền bắc mịt mù! Tôi đã qua mấy mùa Giáng Sinh trên đất lạ. Chưa năm nào tôi có được niềm

vui trọn vẹn. Có lẽ tâm hồn tôi vẫn còn bị ám ảnh bởi những đau buồn, mắt mắt không cách gì hàn gắn.

Lễ Giáng Sinh năm nay, tôi sẽ cầu nguyện nhiều hơn nữa. Để những kẻ như Vũ, như tôi có ngày được gặp nhau trong mừng mừng tủi tủi. Để chúng tôi cùng ôn lại những kỷ niệm dẫu yêu nơi khuôn làng Kon Đú xa xôi. Cũng như để tưởng nhớ đến linh mục Hoàng Ngọc Minh đã một đời phụng sự và hy sinh vì lý tưởng. Tám gương cao cả ấy, mỗi mùa Giáng Sinh, dù ở bất cứ nơi nào, tôi cũng vẫn dâng lời cầu nguyện với tất cả tấm lòng cay đắng, thiết tha....

Lê văn Phúc



NGƯỜI EM PHỒ NÚI

*Em thuở đó nụ hồng bên song cửa
Hồn mộng mơ
thích ngắm hạt sương rơi
Đời phở núi lặng buồn như cỏ úa
Đốc mù sương
người phiêu bạt phương trời!
Dãy núi thăm, ngọn đồi xưa hoang phế
Chim chiều bay biệt dấu chân mây
Rừng thay sắc dòng thời gian vẫn thế
Thác ghềnh reo con suối nhỏ vui đầy.
Đời nhón nháo cuộc nhân sinh hối hả,
Em từ bi chịu bao nỗi gian truân!*

*Dòng chảy ngược
sông Dakbla buồn bã,
Về nơi đâu em gọi hết bụi trần?
Mây đỉnh núi
nắng hoàng hôn lóng lánh
Đêm sương đầy
nhìn thung lũng trầm phiêu.
Nhớ bản thượng
tiếng cồng chiêng ngân tỏa
Phổ vắng em hàng cây rữ tiêu điều!*

ĐỖ BÌNH (France)

MOURIR AUPRÈS DE MON AMOUR

Lời: **Alain Morisod** - Chuyển ngữ: **Phạm Thị Nhung**
(Thương mến tặng em Brenda Dzung)

<i>Sil faut mourir un jour</i>	<i>Một mai nếu phải lia đời</i>
<i>Je veux que tu sois là</i>	<i>Anh muốn có em nơi này</i>
<i>Car c'est ton amour</i>	<i>Vì với tình em yêu</i>
<i>Qui m'aidera</i>	<i>Giúp anh lên đường</i>
<i>À m'en aller vers l'au-delà.</i>	<i>Giúp Anh lên đường về chốn Hoàng-tuyền.</i>
<i>À l'aube je partirai</i>	<i>Sớm này Anh sẽ ra đi</i>
<i>Sans peur et sans regrets</i>	<i>Không sợ không nuối tiếc gì</i>
<i>Et dans mon délire</i>	<i>Trong cơn mê hoảng rồi</i>
<i>Je revivrai toute une vie</i>	<i>Anh sẽ sống lại suốt một đời</i>
<i>De souvenirs...</i>	<i>Kỷ niệm chung đôi...</i>
<i>Pour traverser le miroir</i>	<i>Qua cửa tử thần ngoảnh lại tìm</i>
<i>Je ne veux que ton regard</i>	<i>Anh chỉ muốn ánh mắt em nhìn...</i>
<i>Pour mon voyage sans retour</i>	<i>Theo anh ra đi không ngày về</i>
<i>Mourir auprès de mon amour</i>	<i>Được chết bên em, người tình thương yêu</i>
<i>Et m'endormir sur ton sourire.</i>	<i>An giấc ngàn thu với nụ cười em trao.</i>
<i>Le temps qui nous poursuit</i>	<i>Thời gian theo đuổi thể nào</i>
<i>Ne peut nous séparer</i>	<i>Không thể chia lia lứa đôi</i>
<i>Même après la vie</i>	<i>Dù anh đã thác rồi</i>
<i>Nos joies passées</i>	<i>Những ngày vui qua</i>
<i>Vont nous unir à l'infini.</i>	<i>Se kết tinh ta cho đến muôn đời.</i>
<i>Pour m'enfoncer dans la nuit</i>	<i>Phải buông mình chìm vào bóng đêm</i>
<i>Et renoncer à la vie</i>	<i>Từ bỏ cuộc đời bao ấm êm</i>
<i>Je veux dans tes bras qui m'entourent</i>	<i>Anh muốn trong vòng tay em ấp ôm</i>
<i>Mourir auprès de mon amour</i>	<i>Được chết bên em, người tình yêu thương</i>
<i>Et m'endormir sur ton sourire.</i>	<i>Nụ cười ru anh vào giấc miên trường.</i>
<i>Pour traverser le miroir</i>	<i>Qua cửa tử thần ngoảnh lại tìm</i>
<i>Je ne veux que ton regard</i>	<i>Anh chỉ muốn ánh mắt em nhìn...</i>
<i>Pour mon voyage sans retour</i>	<i>Theo Anh ra đi không ngày về</i>
<i>Mourir auprès de mon amour</i>	<i>Được chết bên em, người tình thương yêu</i>
<i>Et m'endormir sur ton sourire.</i>	<i>An giấc ngàn thu với nụ cười em trao.</i>

Alain Morisod hát: "Mourir auprès de mon amour"
<https://www.youtube.com/watch?v=VjycZV-p7W0>

PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn nhà văn, nhà giáo dục:

BÙI NHẬT TIẾN

Pháp danh: **Minh Thành**

Sinh ngày 24 tháng 8 năm 1936 tại Hà Nội

Tạ thế vào ngày 14 tháng 9 năm 2020
Tại Irvine, California Hoa Kỳ

Hưởng thọ **84 tuổi**

Nguyện cầu hương linh Ông Minh Thành Bùi Nhật Tiến sớm về đất Phật.

Xin thành thật chia buồn cùng toàn thể tang quyến.

Ban Điều Hành CoThom Foundation và một số văn thi hữu:

*Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Đỗ Trùng Mỹ Hạnh,
Nguyễn Thị Ngọc Dung, Trần Bích San, Trương Anh Thụy, Tuệ Nga,
Nguyễn Lân & Diễm Hoa, Ngô Tăng Giao, Phạm Văn Tuấn,
Phạm Trọng Lệ, Trần C. Trí, Quản Mỹ Lan...*



Mời xem trang **TƯỜNG NIỆM NHÀ VĂN NHẬT TIẾN** Ở website **Cỏ Thơm**:

http://www.cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1431&Itemid=46

Tiểu Sử Nhà Văn Nhật Tiến

(Nguồn - <https://nhavannhattien.wordpress.com/>)



Nhà văn Nhật Tiến sinh ngày 24 tháng 8 năm 1936 tại Hà Nội trong một gia đình trung lưu, có 7 người con (sau có hai người theo nghiệp văn là Nhật Tiến và Nhật Tuấn). Ông qua đời ngày 14 tháng 9 năm 2020 tại thành phố Irvine, tiểu bang California, Hoa Kỳ.

Thuở nhỏ, ông học trường Hàng Vôi tức trường Nam tiểu học Nguyễn Du, rồi học trung học tại trường Chu Văn An (Hà Nội).

Ông bắt đầu sáng tác từ những năm 50 của thế kỷ 20, cả thơ lẫn truyện, sau chép chung vào một tập mang tên là Những bước đầu tiên của tôi (đã thất

lạc). Năm 1951, truyện ngắn “Chiếc nhẫn mặt ngọc” của ông được đăng trên tờ Giang Sơn của bác sĩ Hoàng Cơ Bình. Đây là tác phẩm đầu tiên của ông được đăng trên báo. Sau đó, những sáng tác của ông, đa số là kịch tiếp tục được in trên những báo Chánh Đạo, Thời Tập, Hồ Gươm, Cải Tạo..... ở Hà Nội.

Năm 1954, ông di cư vào Nam, đầu tiên sống tại Đà Lạt. Hoạt động của ông trong thời gian này là viết kịch cho Đài phát thanh của Ngự Lâm Quân sau đó về Nam, đi dạy học tại Mỹ Tho, Bến Tre, rồi về Sài Gòn dạy Vật Lý và Hóa Học cho các trường tư như Hưng Đạo, Nguyễn Bá Tòng, Bò Đè, Quốc Tuấn, Hồng Bàng....

Tháng 6-1958, khi nhà văn Nhất Linh ra tạp chí Văn Hóa Ngày Nay thì ông được mời cộng tác ngay từ số đầu với truyện ngắn Đồi Guốc Trắng.

Năm 1959-1975, ông làm Chủ biên nhà xuất bản Huyền Trân, và làm Chủ bút tuần báo Thiếu Nhi (1971-1975) do nhà sách Khai Trí xuất bản.

Ngoài ra, ông cũng từng cộng tác với các tạp chí Tân Phong, Văn, Bách Khoa, Văn Học, Đông Phương,...

Năm 1975, ông tiếp tục dạy tại một trường dưới chế độ XHCN, môn dạy vẫn là Vật Lý và Hóa Học cho tới tháng 10 năm 1979 thì vượt biển qua Thái Lan ty nạn rồi định cư tại California (Hoa Kỳ) từ năm 1980. Ở đây, ông viết văn và theo học ngành điện toán ở Control Data Institute, rồi ra làm chuyên viên sửa máy vi điện toán cho hãng VERIFONE ở Hoa Kỳ.

Năm 1998, ông nghỉ hưu. Gia đình ông sống ở Garden Grove, California. Hiền nội của ông là Đỗ Phương Khanh, cũng là một nhà văn, nhà báo.

Tác phẩm:

– Tác phẩm đã in ở trong nước trước 1975: *Những Người Áo Trắng* (1959), *Những Vì Sao Lạc* (1960), *Thềm Hoang* (1961), *Mây Hoàng Hôn* (1962), *Người Kéo Màn* (1962), *Ánh Sáng Công Viên* (1963), *Chuyện Bé Phượng* (1964), *Vách Đá Cheo Leo* (1965), *Chim Hót Trong Lồng* (1966), *Giọt Lệ Đen* (1968), *Tay Ngọc* (1968), *Giấc Ngủ Chập Chờn* (1969) *Quê Nhà Yêu Dấu* (1970), *Theo Gió Ngàn Bay* (1970), *Tặng phẩm của dòng sông* (1972), *Thuở mơ làm văn sĩ* (1974)...và một số truyện viết cho tuổi thiếu nhi như: *Lá Chúc Thưa*, *Đường lên Núi Thiên Mã*, *Săn trong thành phố*...v...v...

- Tác phẩm đã in ở hải ngoại: *Tiếng kèn* (1981), *Hải tặc trong vịnh Thái Lan* (viết chung với Dương Phục và Vũ Thanh Thủy, 1981), *Một thời đang qua* (1985), *Mồ hôi của đá* (1988), *Cánh Cửa* (1990), *Quê nhà Quê người* (viết chung với Nhật Tuấn, 1994), *Hành trình Chữ Nghĩa* (2012), *Sự Thật Không Thể Bị Chôn Vùi* (2012), *Một Thời Như Thế* (2012), *Nhà Giáo Một Thời Nhếch Nhác* (2013), *Mưa Xuân* (Tập truyện-2013).

Hoạt động Văn hóa:

- Năm 1962 ông đoạt Giải Nhất Văn Chương Toàn Quốc với tác phẩm *Thềm Hoang*.
- Nguyên Phó Chủ tịch Trung tâm Văn Bút Việt Nam (1963-1975).
- Nguyên Hội viên Hội Đồng Văn Hóa Giáo Dục Việt Nam Cộng Hòa (nhiệm kỳ II, 1974)
- Nguyên Ủy viên Báo Chí Hội Cựu Giáo Chức Việt Nam Hải Ngoại (1982-1985)
- Nguyên Chủ tịch Ban Chấp Hành Lâm Thời Văn Bút Việt Nam Hải ngoại, Nam California (1988)
- Chủ biên cơ sở xuất bản *Huyền Trân* (từ năm 1959 cho đến nay).
- Cộng tác thường xuyên với tuần báo Việt Tide phát hành ở Nam Cali (từ năm 2001 đến 2010)
- Tổng Thư Ký đặc san *Vietstream* ở Nam Cali từ năm 2015.



Nhà văn Trương Anh Thụy trả lời phỏng vấn của nhà báo Đinh Quang Anh Thái về NHÀ VĂN NHẬT TIẾN

Hỏi: Bà và nhà văn Nhật Tiến thân nhau là do cùng trong giới cầm bút hay lúc làm chung Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biển?



Đáp: Cả hai. Tôi gặp nhà văn Nhật Tiến và nhà văn Phương Khanh lần đầu tại nhà in Trường Sơn, Sài Gòn, hồi thập niên 50, nơi cũng có nhiều nhà văn tên tuổi khác gặp gỡ nhau gần như hàng ngày, kể cả văn hào Nhật Linh. Nhà in Trường Sơn tọa lạc trên đường Nguyễn An Ninh, ngay sau chợ Bến Thành Sài Gòn, vốn là cơ sở thương mại của người anh con bác tôi, nhà văn, dịch giả Trương Bảo Sơn và nhà văn Nguyễn Thị Vinh (vợ anh, lúc bấy giờ), cho nên song thân tôi và tôi tới lui

nơi này như người trong nhà. Riêng cặp Nhật Tiến-Phương Khanh còn có chân trong ban biên tập của tạp chí Tân Phong, một giai phẩm văn nghệ do Trương Bảo Sơn làm chủ nhiệm, Nguyễn Thị Vinh làm chủ bút ở đây nữa. Hai gia đình thân nhau đến độ năm anh chị Trương Bảo Sơn tôi mất ở Canada, chị Phương Khanh lúc đó đã đi lại khó khăn mà cũng lặn lội sang viếng anh chị tôi lần cuối. Về văn nghệ thì Tổ Hợp XB Miền Đông Hoa Kỳ của anh Nguyễn Ngọc Bích và tôi luôn luôn được nhà báo Mai Khanh tận tình hỗ trợ, tổ chức cho tại Little SaiGon Radio tại Quận Cam, cơ sở truyền thông của cô và nhà báo Vũ Quang Ninh thành lập.

Năm 1961 tôi sang Hoa Kỳ du học. Bẵng đi một thời gian khá lâu chúng tôi không có liên lạc cho đến ngày thảm họa xảy ra cho quê hương Việt Nam... Vào khoảng cuối năm 1979, thấy các báo hải ngoại tới tấp đăng các lá thư kêu cứu của Nhật Tiến từ đảo Kra, nơi anh phải chứng kiến hàng ngày những cảnh địa ngục trần gian xảy ra cho đồng bào mình do bọn hải tặc Thái Lan gây ra, tôi, một mặt mừng được biết anh chị và gia đình đã thoát, mặt khác không khỏi mỉm cười hạnh diện, nghĩ đến một Nhật Tiến chẳng khác xưa chút nào! Vẫn lại «giữa đường thấy chuyện bất bình chẳng tha.» Rồi ngay sau đó nghe “Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biển” được thành lập ở

San Diego, do Giáo Sư Nguyễn Hữu Xương và nhà văn Phan Lạc Tiếp ra đời ở cùng thời điểm đó. Đến năm 1981, cuốn sách đầu tiên, “Hải Tặc Trong Vịnh Thái Lan” do nhà văn Nhật Tiến và hai nhà báo Dương Phục-Vũ Thanh Thủy viết chung được ra mắt đồng bào hải ngoại, gồm các Thư Ngỏ của 3 tác giả và các Bản Tường Trình của các thuyền nhân sống trong các trại tỵ nạn.

Riêng với nhà văn Nhật Tiến, chúng tôi nối lại tình văn nghệ ngay khi anh đến định cư tại Quận Cam. Tổ Hợp Xuất Bản Miền Đông Hoa Kỳ của GS Nguyễn Ngọc Bích, Tạp chí Xác Định và tôi mới thành lập năm 1984, thì năm 1985 chúng tôi được nhạc sĩ Phạm Duy và nhà văn Nhật Tiến cho xuất bản tập nhạc Thấm Thoát Mười Năm và tập truyện Một Thời Đang Qua của các ông. Hai cuốn sách này đã được chúng tôi trân trọng tổ chức ở Hoa Thịnh Đốn với sự hiện diện của hai tác giả và được đón nhận nồng nhiệt của độc giả hải ngoại thời bấy giờ.

Đến năm 1987, các luật cho thuyền nhân đã thay đổi, việc vớt người trên biển không còn thực hiện được nữa. Cao Ủy Tỵ Nạn ban hành «Kế Hoạch Hành Động Toàn Diện», rồi «Cưỡng Bách Hồi Hương...» áp dụng cho tất cả các trại tỵ nạn Hồng Kông và Đông Nam Á. Ủy Ban nhanh chóng nhận thấy công việc cứu thuyền nhân ở thời điểm này phải đổi chiều hướng, phải vận động Bộ Ngoại Giao và Quốc Hội, do đó Ủy Ban cần một văn phòng đại diện ở Hoa Thịnh Đốn... thì Nhà văn Nhật

Tiến là người giới thiệu tôi cho Ủy Ban. Đó là lý do «Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biển-Chi nhánh Hoa Thịnh Đốn» ra đời.

Hồi năm 2018, có buổi ra mắt cuốn sách “Vớt Người Biển Đông”, trong đó tác giả Phan Lạc Tiếp ghi lại toàn bộ những hoạt động cũng như những vui buồn trong suốt đoạn đường “vớt người” của Ủy Ban. Về liên hệ giữa Ủy Ban, nhà văn Nhật Tiến và tôi đã được cô Lưu Na gói ghém bằng một câu trong bài tường thuật của cô như sau: “Nhật Tiến chính là nhân tố đầu tiên đưa đến việc hình thành Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biển. Khi việc vớt người biển Đông không còn có thể tiếp tục, Trương Anh Thụy là người cảm được chạy đoạn đường chót của công cuộc cứu người vượt biển.” Tôi cảm ơn cô Lưu Na đã dành cho tôi những lời ưu ái, nhưng tôi chỉ xin nhận làm một cây cầu nối giữa San Diego và Hoa Thịnh Đốn để tiếp tay Ủy Ban trong việc làm đầy ý nghĩa và nhân đạo này. Rồi cũng lại vào năm 1990, khi Ủy Ban quyết định ngưng hoạt động, vì xét ra Ủy Ban không còn đóng vai trò gì nữa trong hoàn cảnh mới, chúng tôi ở chi nhánh Hoa Thịnh Đốn cũng phải đóng cửa theo, mặc dù vấn đề Thuyền Nhân vẫn còn, chỉ chuyển qua một hướng khác. Các thành viên ở Chi Nhánh Hoa Thịnh Đốn quyết định tiếp tục con đường dở dang này. Ngày 22 tháng 9 năm 1999, tại San Jose, trong kỳ Đại Hội «Chiến Dịch Tình Thương Dưới Ánh Mặt Trời 6», Giáo sư Nguyễn Hữu Xương, chủ tịch Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biển đọc diễn văn già

từ và tuyên bố ngưng hoạt động, và tôi, đại diện chi nhánh Hoa Thịnh Đồn tuyên bố quyết định tiếp nối công việc và lý tưởng mà Ủy Ban nguyên thủy đã đi, dưới một cơ cấu tổ chức mới và một danh xưng mới. Đó là lý do mà Ủy Ban Cứu Người Vượt Biển (Boat People S.O.S.) ở Virginia ra đời.

Hỏi: Nhật Tiến nhà văn và Nhật Tiến Ủy Ban Báo Nguy Giúp Người Vượt Biển có khác nhau không?

Đáp: Không! Ở Nhật Tiến, con người viết văn và con người “cứu người vượt biển” bổ túc cho nhau, hỗ trợ lẫn nhau. Là nhà văn thì vốn dĩ (thường) có ba đặc tính: nhạy cảm, đa cảm, thông cảm... cho số phận của mọi sinh vật, mọi sinh linh... Nhật Tiến lại còn là huynh trưởng hướng đạo, làm sao có thể làm ngơ trước những cảnh ý mạnh hiếp yếu? Là nhà giáo làm sao có thể làm ngơ trước những cảnh tồi bại do những kẻ nửa người, nửa thú gây ra? Nhiều người sẽ cho rằng Nhật Tiến là một nhà văn thì “đương nhiên” mang một sứ mệnh. Với tôi, viết là thờ. Trước một cảnh tượng gây xúc động mạnh thì ngọn bút tuôn trào... , ngăn làm sao được!? Cũng như không thờ thì chết!

Hỏi: Điều gì bà cho là nổi bật nhất ở Nhật Tiến?

Đáp: Nếu phải mô tả nhà văn Nhật Tiến bằng 3 câu ngắn gọn thì tôi nói, ông là:

- Nhà văn lớn
- Nhà giáo dục lớn
- Nhà xã hội có trái tim lớn

- Là nhà xã hội: Tôi vẫn tâm đắc với câu nhà văn Mai Thảo mô tả: “Nhật Tiến là người đứng ở ngoài nắng”. Đọc câu này đã lâu rồi tôi không còn nhớ ý nhà văn Mai Thảo là gì, nhưng dựa vào câu nói đó tôi có thể hình dung một Nhật Tiến lúc nào cũng đưa lưng ra che nắng cho những người yếu chịu nắng.

- Là nhà giáo dục thì gần suốt cuộc đời anh là nhà giáo, đào tạo biết bao nhiêu mầm non Việt Nam. Ông làm báo Thiếu Nhi cùng với hiền thi Đỗ Phương Khanh, mà đã có các độc giả, các học trò của họ nay đã thành đạt viết lời tri ân: “Thầy cô đã dạy chúng em nên người.”

- Là nhà văn, Nhật Tiến đã để lại cho đời một gia tài đồ sộ với 100 tác phẩm giá trị. Ai cũng có thể nói là văn Nhật Tiến chịu ảnh hưởng Tự Lực Văn Đoàn. Tôi cũng đồng ý ở phương diện «khuôn vàng thước ngọc», nhưng văn phong Nhật Tiến mới hơn văn Tự Lực Văn Đoàn nhiều. Điều đó cũng dễ hiểu, Nhật Tiến sống thời bây giờ, ông có lối suy nghĩ và ngôn ngữ của thời bây giờ... nhưng cái mẫu mực của câu văn thì vẫn còn nguyên vẹn.

Ba đặc tính trên, không có cái nào trước, cái nào sau, cái nào nhiều, cái nào ít, mà cả ba đã nhào nặn nên một Nhật Tiến con người ./.

Truyện Ngắn (1970)
CÔ GIÁO XÓM NHỎ
** tác giả: NHẬT TIẾN **

– Ê! Tụi bay có im đi không nào. Nghe tao nói đây.

Tiếng ồn ào như chợ vỡ chợt lắng đi, nhưng tiếng khóc lè nhè ở một vài chỗ thì vẫn còn. Lần này tiếng bà Hiệu trường trở nên gay gắt hơn:
– Chết đờn bây giờ. Đứa nào có em sao không dỗ cho nó nín đi.

Rồi dường như cảm thấy sự đòi hỏi cả lớp phải im lặng đến đó là mức tối đa, bà đổi giọng:

– Hôm nay các em có cô giáo mới. Cô giáo cũ bận công chuyện, không tiếp tục được. Vậy phải ngoan mà học, cô giáo đây hiền lắm, nhưng chỉ hiền với đứa ngoan. Đứa nào hư sẽ chết đờn. Nghe rõ không?
Hơn năm chục cái miệng cùng la lên:
– Nghe!

Bà Hiệu trường gật đầu hài lòng, rồi bà đảo mắt một lần để quan sát toàn thể lớp học. Bỗng ngón tay của bà chỉ về phía góc trong cùng và nói lớn:
– Ai cho tụi bay ngồi lộn xộn thế kia! Thành On lớp Ba ngồi ở đâu? Thành Tư, thành Thịnh lớp Tư ngồi ở đâu? Con Sương học Mẫu giáo sao mà leo tới đó mà ngồi! Cha! Tụi bay hết đường rồi đó!...

Lớp học lại nháo lên như ong vỡ tổ. Những đứa ngồi lộn xộn vội vã di chuyển để về chỗ của mình. Vài đứa

leo qua mặt bàn. Vài đứa khác đi chệnh vênh trên ghế. Có đứa đã chen lại phải bé một thằng nhỏ hầu như chỉ mới vừa cai sữa, làm nó quai mồm khóc ré lên. Ở góc này có hai đứa giằng nhau tắm giặt lau bảng. Ở góc kia mấy đứa khác đang chơi trò búng dây thun trên mặt bàn. Ngay sát vách tường ba bốn đứa tay vẫn còn ôm khư khư cái cặp ở nách chưa thềm giờ ra, vì trên tay chúng nó còn nguyên khúc bánh mì hay nắm xôi, mồm miệng nhai nhồm nhoàm.

Thì ra đây là một trường học! Ngôi trường nằm ngay giữa một xóm lao động đông đúc, nghèo nàn. Cả trường chỉ vồn vện có một căn buồng dài rộng mỗi bề hơn bốn thước, nền đất, vách ván thùng, mái lợp tôn thấp lụp sụp.

“Trường” có ba dãy bàn, qui tụ một lúc đủ các trình độ, đủ các loại tuổi: vài đứa Mẫu giáo, vài đứa lớp Năm, non chục đứa lớp Tư, chục đứa lớp Ba, kèm thêm dăm bảy đứa chưa đến tuổi đi học, nhưng cũng được gửi đại vô ngồi lê la chững giỡn, bởi như thế còn hơn là khóa cửa nhốt nó một mình ở nhà trong thời gian bố mẹ đi làm suốt buổi.

Trường ở ngay bên lề một lối đi hẹp, trên mặt đường đi la liệt những hàng quà buổi sáng: mẹt xôi, gánh bún, thúng bánh mì, có cả quầy kính quay

xổ sổ ăn những túi đựng khô bò hay đậu phụng chiên nữa. Đây là nơi tập trung của các hàng quà bánh, vì thế buổi sáng rất ồn ào. Còn ồn ào hơn cả lớp học cách nhau chỉ bằng một cái vách đóng bằng ván thùng. Trong khi đám người lớn ở bên ngoài cũng trò chuyện, cười đùa, chửi bới, khích bác nhau, hò hét như họp chợ thì Cô giáo dù tận tâm đến mấy cũng không có cách gì cai quản lớp học cho xuể. Cho bài lớp Ba làm thì lớp Tư ngồi nghịch. Gò được bọn lớp Tư vào kỷ luật chép tập trên bảng thì lớp Năm, lớp Sáu giáo còn đó, làm sao bắt chúng ngồi được yên. Thế cho nên người dạy ở đây phải lì, có thể ngồi đan đôi vớ trong khi chúng nó hò hét, hoặc khảo bài cho một đứa mà bắt cần những đứa khác đang làm gì.

Cô giáo cũ vì có bệnh đau tim nên không thể kham nổi quá một tháng rưỡi.

Bây giờ là Thúy thay thế. Thúy nhận lời thay thế là do sự giới thiệu của chú Phong!

* * *

Bà Hiệu Trưởng hò hét một lát rồi rút lui, sau khi hắt hàm ra hiệu cho Thúy bắt đầu làm nhiệm vụ. Thúy nhìn theo bà ta với cảm giác như mình vừa bị tuyên án khổ sai và sắp sửa bắt đầu phải thọ hình. Mới chỉ vô đây không đầy năm phút mà lưng áo của bà ta đã ướt đẫm mồ hôi, thì không biết giam hãm ở đây một ngày hai buổi, Thúy sẽ có thể chịu đựng được bao nhiêu ngày.

Mơ hồ, Thúy như thấy bao nhiêu mộng đẹp do mình xây đắp hồi đêm trước đang thi nhau sụp đổ. Khi nghe chú Phong nói sẽ giới thiệu cho mình một chân làm cô giáo, Thúy đã mừng rỡ tưởng đến ngay một ngôi trường xinh xắn có nhà gạch, mái đỏ, bốn bề có sân rộng, có tàn lá che rợp sân, đầy bóng mát, lớp học khang trang, có cửa kính, cửa chớp, nhìn qua bên kia bờ tường là những giàn hoa leo rực rỡ. Đó là quang cảnh ngôi trường mà Thúy đã in sâu vào tâm trí từ hồi nhỏ còn đi học, phải học thuộc lòng bài “Trường tôi”.

Ngôi trường xinh đẹp đã không đến với Thúy như Thúy đã ấp ủ từ bao nhiêu năm. Bây giờ nó là đây, một căn phòng tối tăm, chật chội, một lũ học trò nghèo khó, rách rưới, bẩn thỉu và nghịch như giặc. Nó không phải trường, cũng chẳng ra lớp học, nó là một tập thể hổ lốn, tạp nham, và tất nhiên chẳng còn cái ý nghĩa gì của danh từ giáo dục.

Nghĩ đến chú Phong, Thúy cảm thấy vừa tức lại vừa tủi. Chú nói chú quý mình, mà thật ra chú coi thường mình hết sức. Nếu chú chịu khó hơn một chút, có thể chú sẽ thừa sức tìm cho mình một chỗ dạy khá hơn, ít ra thì cũng là một lớp học đúng nghĩa. Ít ra thì cũng có thể biết mình phải dạy chương trình nào, soạn bài nào, giảng bài nào, và bọn học trò có dốt lắm cũng chẳng đến nỗi chênh lệch quá đáng như ở đây. Vào đến đây, trong lớp học giữa đám con nít hỗn loạn này, Thúy có cảm tưởng như mình bị ném vào một cơn lốc khủng khiếp, tối tăm mặt mày và không biết đằng nào mà định hướng

hết cả. Thúy muốn cất tiếng nói, nhưng cảm thấy ngay giọng của mình quá yếu ớt so với tiếng cãi cọ của người lớn bên ngoài và tiếng ồn ào ở bên trong. Ở góc này, mấy thằng nhóc vẫn búng dây thun trên mặt bàn, ở góc kia thêm một đứa nữa khóc còn to hơn vì bị một đứa nào đó lấy mất cây bút chì hay bút mực gì đó, còn ở sát vách thì đứa ngồi xồm ăn bánh mì, đứa ngồi xồm ăn xôi vẫn tiếp tục nhai, chiếc cặp sách còn nguyên ở trong lòng, chưa được mở ra. Tự nhiên Thúy muốn bật lên tiếng khóc, muốn gào tên chú Phong thật to, muốn có chú ở ngay trước mặt để hét vào tai chú “Cháu ghét chú! Cháu ghét chú!”.

Nhưng rồi Thúy cố nén được lòng mình để đàn áp cơn xúc động. Những giọt nước mắt ngưng lại trên bờ mi, chỉ vừa đủ để Thúy cảm thấy hơi cay cay ở mắt. Thúy nén lòng ngực để thở một hơi dài. Rồi Thúy tiến lại cái bàn ọp ẹp kê sát vào vách tường là bàn dành riêng cho cô giáo. Lúc ngồi yên vị, Thúy ngẩng mặt lên nhìn. Mái tôn không cách đầu Thúy bao xa. Hơi nóng hầm hập bắt đầu phà xuống. Thúy cảm thấy mồ hôi đang rịn ra từ khắp các chân tóc. Thúy mở thử chiếc ngăn kéo ra xem. Bên trong có vài hòn phấn, dăm ba cái quần bút gãy, một đồng hồ đeo phụng lục, và một hòn đá xanh, nhẵn bóng. Thúy cau mày moi óc để suy nghĩ về công dụng của hòn đá ở trong chiếc ngăn kéo xộc xệch này. Và Thúy mỉm cười tìm thấy lời giải đáp không khó khăn gì. Thúy lôi nó ra, đem gõ lên mặt bàn. Tiếng động chát chúa làm tiếng ồn ào hỗn loạn bỗng vơi hẳn đi.

Nắm được giây phút lợi thế đó, Thúy mới bắt đầu cất tiếng nói:

– Bây giờ tất cả các em yên lặng nghe cô hỏi nhé. Các em có biết hát không?

Nghe thấy vấn đề hát hồng thú vị, cả bọn có vẻ chú ý hơn. Một vài đứa nhao nhao:

– Hát bài gì cô?

– Cô hát trước, tụi em hát sau.

– Phải đấy, cô hát trước!...

– Cô hát trước!...

Thúy như thấy lòng nhẹ đi một phần nào nỗi ưu tư, bực dọc. Nụ cười hồn nhiên làm khuôn mặt của Thúy rạng rỡ hơn. Thúy nói:

– Được rồi! Cô hát trước! Nhưng tất cả phải im lặng. Hoàn toàn im lặng!..

Lớp học bỗng chìm hẳn đi. Mấy đứa đang nói vội ngừng lại. Mấy đứa đang cựa quậy vội ngồi ngay ngắn lại. Bọn ăn sáng ở sát vách tường cũng ngừng nhai. Chúng giương cặp mắt thật to lên nhìn Thúy. Thúy chợt thoáng thấy một cảm giác hồi hộp như mình đang sắp sửa ra trình diễn trước khán giả, mặc dầu đây chỉ là một lớp khán giả tí hon, chưa đứa nào vượt quá tuổi lên mười.

Thúy nhìn một lượt khắp lớp học một lần nữa rồi cất tiếng hát:

– Kia đàn vịt bơi dưới ao hồ, thằng bờm xồm vác que đuổi đánh...

Bài hát quen thuộc với lũ trẻ làm cả bọn không ai bảo ai cất tiếng hát theo:

– A... a... a... nó kêu quác quác, quác quác. Chạy xơ xác tan đàn...

Bài hát ngán ngủi chấm dứt bằng một tiếng reo hò. Thoảng qua tai, Thúy nghe thấy một vài đứa la “Quê! Bài hát cũ rích à ời!...”. Quả nhiên khi tiếng hò chấm dứt, một đứa nói to:

- Cô phải hát bài khác. Bài nào tụi em chưa biết hát thì tụi em mới chịu.

Thúy chăm chú nhìn nó. Nó trạc lên bầy. Đầu trọc, trán dô, mắt xéch, vẻ mặt ngỗ ngược, nước da đen đúa, thân hình còm cõi. Nó mang đầy vẻ một con nhà bị thả rông, ít được chăm sóc. Thúy chỉ về phía nó và hỏi:

- Em tên là gì?

Thằng nhỏ rụt rè đứng dậy, trả lời một cách ngượng nghịu:

- Dạ tên Tư!

- Gì Tư?

- Dạ, Tư là Tư, không có gì Tư hết.

- Ồ, phải có họ chứ. Nguyễn Văn Tư, Trần Văn Tư hay Lê Văn Tư chẳng hạn.

Một đứa khác nhanh nhẩu đáp theo:

- Thừa cô, nó là Huỳnh Văn Tư!

Thúy nhắc lại:

- Huỳnh văn Tư phải không?

Thằng bé gật đầu. Thúy hỏi tiếp :

- Em muốn cô hát bài gì? Bài Làng Tôi nhé.

Thằng bé có vẻ cảm động. Nó không ngờ lời yêu sách của nó lại được đáp ứng một cách dễ dàng như vậy. Nó lại gật đầu một cách bẽn lẽn. Trong khi ấy Thúy đã cất tiếng hát:

- Làng tôi có cây đa cao ngất từng xanh, có sông sâu lờ lững vờn quanh...
Tiếng hát của Thúy vừa bay bổng lên cao thì một đám thanh niên ở phía ngoài đã chồm lên vách ván vừa đập thành thịch lên mặt gỗ vừa la:

- Hay! Hay!...

- Ca sĩ hay ác!...

Mặt Thúy đỏ bừng, Thúy nhìn ra phía ngoài. Trước mặt Thúy là cả chục con mắt nhìn Thúy hau háu như muốn ăn sống nuốt tươi. Thúy vừa mắc cỡ, vừa tức ứ lên tận cổ, chỉ thiếu chút nữa thì nước mắt lại trào ra. Lần này Thúy có cảm giác như vừa bị dội vào một bức tường đá mà Thúy thấy khó có thể vượt qua, nhất là đối với đám thanh niên du đãng, ít học ở khu xóm hỗn độn này.

Thúy lại nghĩ đến chú Phong và cơn oán giận chú lại nổi lên dữ dội. Tại sao chú lại đẩy Thúy đến cái chốn cơ cực này. Chú phải biết Thúy đâu có chết đói. Thúy cũng chẳng tha thiết gì đến đồng lương ít ỏi mà bà Hiệu trường đã so kè, bắt Thúy phải dạy đủ ba tháng tập sự mới trả cho bằng cô giáo cũ. Thúy tự nhủ hôm nay đã chót vô đây rồi ta sẽ ở lại cho đến hết giờ. Nhưng ngày mai đừng hòng cho ta quay trở lại. Ta khinh bỉ những nhân vật ở đây, thù ghét bầu không khí xa lạ này. Ta sẽ chỉ coi như vừa sống qua một cơn ác mộng. Tìm được giải pháp đào nhiệm ấy rồi, Thúy thấy lòng thanh thản hơn. Thúy ngưng hát và quay về phía bọn trẻ con và nói:

- Thôi để ngày mai hát tiếp. Bây giờ chúng ta tiếp tục học đi nhé.

Lệnh của Thúy vừa ban ra, thì ba bốn đứa đã xô ghé, thi nhau ùa đến chỗ bàn Thúy ngồi. Chỉ trong một chốc, chúng đã bu đen kín lấy Thúy, làm Thúy không thấy gì hơn là những mái

đầu bản thủ, chốc lờ đưa thoáng qua mũi Thúy một mùi tanh tươi chen lẫn mùi mồ hôi chua nồng. Thúy lại phải đập hòn đá lên mặt bàn lia lia để trấn áp làn sóng hỗn độn cứ mỗi lúc mỗi lúc một gia tăng. Lại phải một thời gian lâu, Thúy mới bắt được chúng nó trở về yên vị. Lần này Thúy bảo những đứa cùng một lớp phải giơ tay lên cho Thúy kiểm soát và phân biệt được đâu là ranh giới của lớp Ba, đâu là ranh giới của lớp Tư cũng như lớp Năm và lớp Mẫu giáo. Tuy vậy sự phân chia này cũng chỉ là tương đối. Bởi vì có những đứa nhỏ nhất định không rời anh hay chị của nó. Cho nên có nhiều bàn thẳng lớp Tư ngồi cạnh con em học Mẫu giáo. Đứa lớp Ba ngồi chung với đứa lớp Năm. Thúy cảm thấy mình điên cái đầu và không hiểu cô giáo cũ đã dùng phương pháp nào để có thể cai trị được cái đám hỗn độn này đến hơn một tháng. Cuối cùng Thúy lấy phấn chia bảng ra làm bốn ô. Cái bảng thật nhỏ, bằng một tấm carton nhàu nát được sơn đen lên bằng những nét chổi cầu thủ. Ở ô thứ nhất, Thúy cho bọn học lớp Ba tập viết câu “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

Một đứa hỏi:

– Ăn quả gì hở cô?

Vài đứa khác trả lời thay:

– Xoài!

– Dừa xiêm!...

– Im đi! Tụi bay tầm bậy, tầm bạ. Nói giỡn hoài cô đánh cho bây giờ.

Thúy nghe thấy hết, nhưng lờ đi. Ở ô thứ nhì, Thúy cho bọn lớp Tư làm hai bài tính cộng. Còn hai ô dưới Thúy vẽ hình cái nhà bằng những nét thẳng và

nét gãy rồi bắt bọn lớp Năm cũng như lớp Mẫu giáo phải vẽ theo y hệt như vậy.

– Vẽ cho đúng, cho sạch rồi cô sẽ chấm điểm. Đứa vẽ đẹp nhất được 10 điểm nghe không.

Lớp học nhờ thế bớt hỗn loạn đi. Nhưng Thúy thấy mình rõ ràng là vừa sử dụng một phương pháp đối trá và trốn trách nhiệm. Thúy tự hiểu rằng dạy đến nơi đến chốn thì không thể nào làm như thế. Đây chỉ là một cách giết thì giờ cho qua buổi và chế ngự một phần nào sự hỗn loạn của đám trẻ gồm đủ mọi thành phần. Niềm kiêu hãnh, tự tin của một cô giáo mà Thúy nuôi dưỡng từ bao lâu bây giờ hoàn toàn sụp đổ. Thúy thấy rõ lúc này mình chỉ là một vú em có bốn phận trông nom đám con nít này trong khi bố mẹ chúng nó vắng nhà. Làm gì cũng được, miễn là cho qua thì giờ. Dạy thêm được vài ba chữ càng hay, mà không thì cũng chẳng có ai trách móc, la rầy. Có lẽ cô giáo lúc trước cũng đã nhìn ra được vấn đề như vậy, và chắc bí quyết của cô khi phụ trách lớp học này là phải bịt mắt để khỏi nhìn cái cảnh nháo nhào, cũng bịt luôn cả tai để không cần nghe bất cứ một lời ồn ào của lũ trẻ con trong này, cũng như người lớn ngoài kia.

Nhưng đối với Thúy thì sự việc không có giản dị như vậy. Thúy nhìn thấy trước mắt Thúy là cả một đám mầm non. Thúy cảm thấy như các mầm non này đang trông cậy vào bàn tay vun tưới của Thúy. Vàng trán cao này, cặp mắt sáng long lanh kia, khuôn mặt bụ bẫm, ngây thơ, hồn nhiên đó, tất cả

đều được giao phó cho Thúy ở những bước đầu chập chững trên đường học vấn. Thúy không thể tàn phá tương lai chúng nó bằng phương pháp giảng dạy là chỉ đi tìm mọi cách để hoãn binh sự nghịch ngợm nô đùa của lũ trẻ. Đứa bé cắp sách vẫn còn y nguyên đó chưa được mở ra, nó vẫn ngồi xồm ở bên cạnh vách và miệng vẫn nhồm nhoàm gặm nhấm từng hạt đậu phụng lẫn giữa đám xôi óng ả và thơm phức mùi hành mỡ. Thế mà nó đã đi học. Ngày này qua ngày khác, tháng này qua tháng khác và cả năm này qua năm khác. Thúy không muốn nhận lãnh trách nhiệm đã giam hãm sự học hành của nó vào cái khung cảnh hỗn độn này. Thúy cảm thấy vô cùng mệt mỏi. Thúy muốn chạy bay về nhà úp đầu vào tường mà khóc lên rưng rức. Thực tế đối với Thúy đã quá phũ phàng. Chú Phong đối với Thúy đã quá tàn tệ. Cháu oán chú. Càng lúc cháu càng oán chú. Chú nói thì rất hay, nhưng chú làm thì thật là dở ẹt. Việc làm mà chú giới thiệu cho cháu đây là một minh chứng hùng hồn và cụ thể.

Thúy như nhược thêm người ra. Phải cố gắng lắm Thúy mới lê được lại phía bàn và ngồi phịch xuống. Mái tôn trên đầu như đã xuống thấp hơn. Mặt trời lên cao làm cơn nóng mỗi lúc một gia tăng dữ dội. Chiếc áo dài của Thúy đã ướt đẫm mồ hôi. Thúy nhìn đồng hồ. Hãy còn quá sớm để rung chuông loan báo đã tan học. Ở lớp Năm đã có mấy đứa đòi góp hình vẽ cái nhà. Thúy hoảng sợ bầu không khí ồn ào lúc trước lại sắp sửa trở lại nên vội vàng

điểm thêm vài nét nữa cho kéo dài thêm thì giờ ra. Có nhà thì phải có sân. Đây là cái sân lát gạch hàng hoàng. Phía trước là cổng ra vào. Phía sau là hàng rào. Chung quanh có cây cối. Thúy vừa giảng vừa vẽ lia lịa. Mấy đứa ở lớp Tư thích quá, bỏ luôn làm tính cộng, xé giấy soàn soạt để ngồi vẽ cái nhà. Chúng đòi nhau gồm, đòi nhau thước, bút và cái nhau ồm tồm. Thằng nhỏ này cái trán khá thông minh, không biết sau này nó sẽ làm gì và nó làm thế nào để phát triển được trí thông minh của nó. Con bé kia có đôi mắt thật đen, khuôn mặt thật bầu bĩnh, dễ thương. Nó sẽ khá, nhưng Thúy không biết sẽ khá bằng cách nào? Đột nhiên Thúy nghĩ đến những đứa em của mình. Chúng nó đồng một lứa tuổi. Tâm hồn trong sáng và hồn nhiên như nhau. Nhưng chắc chắn các em của Thúy không thể bị dồn vào những cái "lò sát sinh" theo kiểu như những lớp học tương tự lớp học này. Bỗng nhiên lòng Thúy nhen nhúm một cảm giác hổ thẹn về tính ích kỷ của mình. Giữa các em Thúy và bọn trẻ này có điều gì khác nhau đâu. Chúng nó cũng có quyền được lớn lên và làm người theo đúng ý nghĩa cao quý ấy. Bàn tay của Thúy nhỏ bé, hẳn nhiên không thể che được mặt trời. Vậy ít ra Thúy cũng không thể tiếp tay cho những tên lái buôn giáo dục như bà Hiệu trưởng mà Thúy mới chỉ gặp mặt cách đây không quá một giờ với một loạt ý nghĩ rằng ta sẽ nghỉ, ta sẽ tránh thật xa cái xã hội kỳ quái này. Rồi sẽ không nhờ đến chú Phong nữa. Ta sẽ tự lực đi tìm ra một ngôi trường lý tưởng ở trong có một lớp học lý tưởng và một đám học trò lý tưởng

cho đúng với lý tưởng mà ta hằng mong thực hiện. Thúy lan man suy nghĩ và quên băng hẳn đi tiếng ồn ào trước mặt. Hình như vài đĩa ở ở góc tay mặt vẫn đang nằm bò xoài trên mặt bàn búng dây thung. Hai đĩa nhỏ ngồi mé sát vách vẫn chưa ăn hết gói xôi và khúc bánh mì của chúng. Bây giờ Thúy mới nhận ra rằng các chỗ ngồi trong lớp đã chật cứng. Chúng nó không còn cách nào khác hơn là ngồi xôm, tựa lưng vào vách gỗ. Kia con bé thật dễ thương. Da nó trắng nhưng cổ đầy ghét bần. Khuôn mặt nhếch nhác mũi và rã. Nếu chú ý nhìn thật kỹ, Thúy thấy nó như một viên ngọc quý còn nằm vùi trong cát sỏi. Ai sẽ làm công việc của người thợ rửa? Chính là kẻ đang ngồi trên bàn này. Ít ra là trên lý thuyết. Còn trong thực tế thì chắc gì viên ngọc đã được lôi ra ngoài ánh sáng. Có bao nhiêu viên ngọc tương tự chưa được lôi ra ngoài ánh sáng.

Thúy khê rùng mình khi thấy mình chợt đối diện với một tương lai đen tối khủng khiếp, không chỉ riêng với em bé này, nhưng mà là của cả hàng trăm, hàng ngàn những đứa trẻ khác đang lớn lên và được trao phó vào những ngôi trường tương tự như thế này đã mọc lên đầy rẫy ở khắp các hang cùng ngõ hẻm. Đã một lần chú Phong nói: “Xứ mình nghèo, lại triền miên trong chiến tranh. Thế cho nên làm hết bổn phận của mình chưa thể coi là đủ. Mỗi người nên cố gắng hơn một chút nữa, bởi chính những nỗ lực phụ trội này sẽ mau chóng đem được quê hương đau khổ này ra khỏi cảnh lầm than.” Ở một vài khía cạnh, Thúy thấy chú Phong tuy

lý tưởng, nhưng có lý một phần nào. Cũng như câu nói của một danh nhân đã nhiều lần đi qua ý nghĩ của Thúy: “Các bạn trẻ, tương lai của xứ sở là ở trong tay các bạn đó”.

Tâm hồn của Thúy bỗng thoáng qua một cơn xúc động nhẹ nhàng. Thúy có cảm giác như giữa mình với em bé hồn nhiên này chợt nảy ra một sự liên hệ tuy xa vời nhưng thâm thía. Có phải chẳng đây là sự liên hệ của Thúy với một thế hệ mầm non vừa bắt đầu nảy nở. Thúy nhìn nó một cách chăm chú hơn. Và con bé giương cặp mắt thật to lên nhìn lại. Ánh mắt trong vắt và sâu thăm thẳm. Thúy muốn bồng nó lên, lau thật sạch khuôn mặt nhếch nhác của nó và chắc chẳng hình ảnh nào đẹp cho bằng những giây phút Thúy cầm bàn tay xinh xắn kia của nó để tập tô lên trang giấy trắng ngần những nét chữ đầu tiên. Thúy bỗng quay lại nhìn tất cả đám học trò nhón nháo trước mặt. Thúy so sánh nhiệm vụ chần dặt đám trẻ thơ này với bất cứ nhiệm vụ nào khác mà Thúy ước ao. Chẳng hình ảnh nào khác làm Thúy hãnh diện hơn khi Thúy tưởng tượng ra lúc mình chu toàn công việc ở khung cảnh thiếu thốn chật chội này. “ Xứ mình nghèo, lại triền miên trong chiến tranh...” Vậy hãy bắt đầu từ mọi sự thiếu thốn, điều đó quả thực là đã mang một ý nghĩa sâu xa.

Thúy lan man suy nghĩ và quên băng hẳn đi tiếng ồn ào ở trước mặt. Ngoài đường, lác đác đã thấy một vài người lớn đến đón vào giờ tan học. Thúy nhìn thấy một bà cụ già với nước da sù sì,

nhấn nhúm, mái tóc bạc phơ, thân hình còm cõi, đôi vai gầy nhô lên sau lần áo mỏng rách vá tứ tung. Chỉ còn đôi mắt của bà cụ là thấy sáng lên một niềm vui, niềm hãnh diện có cháu đi học. Đứng cạnh bà cụ là một người đàn bà xanh rớt, vẻ mặt đầy nét cần cỗi, lo âu, cặp mắt lơ đãng của sự thiếu ngủ thường xuyên. Thình thoảng bà ta lại ghé đầu nhìn vào lớp học để dò tìm đứa con yêu dấu của mình. Chắc bà ta hài lòng khi thấy nó cũng sinh hoạt như ai trong cả tập thể này. Chắc đầu óc bà ta xây dựng biết biết bao nhiêu mộng đẹp. Con sẽ học hành chăm chỉ. Con sẽ lớn lên về vang. Con sẽ mang má ra khỏi đời sống tối tăm khổ cực này. Nguồn hy vọng tràn ngập làm tươi thêm đôi môi đượm chút cuộc đời héo úa, quanh năm không thấy nhếch lên một nụ cười.

Rồi số người đến đón mỗi lúc một đông hơn. Họ đứng xúm xít ở ngay cửa ra vào. Người nào cũng cố chen vào để được nhìn thấy con mình, cháu mình đang thực sự hòa mình vào đời sống tập thể. Mỗi người đều nhen nhúm lên một nguồn hy vọng vô biên. Con bé ăn nắm xôi ở sát tường bây giờ đã ăn xong nắm xôi của nó. Cái cặp sách vẫn chưa được mở ra. Nhưng nó nhảy quẩng lên gọi “Má ơi, Má ơi” bằng một giọng to nhất. Một người đàn bà xò xè cố chen vào, giơ tay vẫy và nhoèn với nó một nụ cười. Ánh mắt của bà ta đầy triu mến. Bà ngắm cái cặp trên vai nó một cách hãnh diện. Ôi, cái cặp đã chưa được mở ra, và cả một buổi sáng trong tuổi ấu thơ của nó đã qua đi với chỉ một nắm xôi nhôi nhai ở trong miệng. Ai hay được điều đó, ngoại trừ

Thúy. Thúy tự hỏi trong những giờ của cô giáo cũ trước đây, đã có bao nhiêu buổi sáng tuổi ấu thơ của nó vẫn chỉ qua đi không ngoài một gói xôi sáng, và đã có bao nhiêu lần về mặt của người đàn bà kia bùng lên một tia hy vọng sáng ngời, vành môi héo úa kia nhoèn lên một nụ cười triu mến, kiêu hãnh.

Lúc đúng giờ tan học, Thúy giơ tay cho học trò ra về. Thúy đi giữa những tiếng động ồn ào. Bọn trẻ chúi đầu qua chân của Thúy để lẩn đi như những con chuột. Chúng nó chạy huỳnh huých trên con đường đất gồ ghề, hai bên có rãnh, cống đen sì chảy róc rách. Nếu nhắm mắt lại để khỏi trông thấy cảnh nghèo khó chung quanh, thì tai Thúy chỉ còn nghe thấy muôn ngàn tiếng cười của giọng trẻ hồn nhiên và thơ ngây. Những giọng trong trẻo biểu lộ cả một thế hệ mầm non đang bắt đầu nhô lên giữa lòng cuộc đời. Vậy chúng nó có gì khác đâu so với những đứa trẻ cùng lứa mà Thúy mừng tượng qua ý nghĩ về ngôi trường lý tưởng của mình. Dù ở đâu, trong hoàn cảnh nào, thì chúng nó cũng chỉ là một. Một thế hệ của tổ quốc, một tương lai của đất nước, một nguồn hy vọng của quê hương. Thúy chợt nghĩ đến nỗi gian nan trong những công cuộc khai sơn, phá thạch của cha ông vẫn được mô tả trong sách vở. Hãy nổi gót cha ông, thầy cô giáo của Thúy hồi mấy năm trước vẫn nhắc nhở như thế.

Vậy thì riêng với Thúy, nơi bắt tay khởi sự “nổi gót cha ông” là ở đây rồi. Thúy sẽ vất vả, Thúy sẽ tủi cực, nhưng chắc chắn Thúy sẽ được bao dung bằng

những nụ cười hy vọng như nụ cười của bà cụ già với mái tóc bạc phơ, ánh mắt triu mến, hy vọng chứa chan, hay của người đàn bà gầy còm với vành môi héo hắt, chỉ trông vào sự lớn lên của con mình làm nguồn vui bất tận.

Dưới ánh nắng chói chang, lũ trẻ ùa đi như đàn ong vỡ tổ. Khung cảnh của giờ tan trường không giống bất cứ một cảnh tan trường nào đã được tả trong sách vở. Bởi quê hương mình nghèo. Bởi đất nước mình triền miên trong ba mươi năm khói lửa. Hầy bằng lòng với hiện tại và khởi sự từ những gì mình đang có. Chính vì lẽ đó, ta còn đáng kiêu hãnh hơn người. Những ý nghĩ đã làm cho Thúy cảm thấy mình như đang lớn lên. Thúy đứng lại nhìn đám đông quanh Thúy tản mác dần. Bên tai Thúy tiếng nước róc rách chảy vang lên từ hai bên cống rãnh đen sì. Những mái nhà tôn thấp chói lòa ánh sáng. Hình ảnh lớp học chật hẹp hiện ra với đám học trò chen nhau hỗn loạn. Bàn tay của Thúy tuy bé nhỏ nhưng thừa sức nắm chặt và lôi đi những bàn tay xinh xắn và bé nhỏ hơn. Lớp học này phải

tiến bộ để tránh xa hố thẳm chôn vùi những viên ngọc quý của đất nước.

Chú Phong,

Bây giờ thì cháu hiểu chú rồi. Chú có thể xếp cho cháu một chỗ dạy học tốt đẹp hơn, nhưng cháu lại thấy không nơi nào cần cháu bằng lớp học nghèo nàn mà cháu đã nhận từ sáng hôm nay. Có thể nhiều người sẽ cho sự lựa chọn của cháu là kỳ quặc. Nhưng có như thế mới đúng nghĩa là sự lựa chọn của tuổi trẻ. Và chỉ có thế cháu mới xứng đáng là cháu của chú, phải không chú nhỉ.



NHẬT TIẾN



PHÂN ƯU

Nhận được tin buồn:

Ông **LÊ VĂN DINH**
tức nhạc sĩ **LÊ DINH**

Sinh ngày 8 tháng 9 năm 1934 tại Gò Công, Việt Nam
Qua đời ngày 9 tháng 11 năm 2020 tại Longueuil, Canada

Hưởng thọ 86 tuổi

***Nguyện cầu hương linh nhạc sĩ LÊ DINH
sớm được tiêu diêu nơi miền cực lạc.
Xin thành kính phân ưu cùng bà quả phụ Trần Thị Kim Quyên,
nhạc sĩ Lê Duy và toàn thể tang quyến.***

Cơ Sở Cỏ Thơm và thân hữu:

*Phan Anh Dũng, Phan Khâm, Đỗ Tràng Mỹ Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Dung,
Trần Bích San, Ngô Tăng Giao, Phạm Văn Tuấn, Trần Quốc Bảo, Huy Lãm,
Nguyễn Lân, Diễm Hoa, Hồng Thủy, Phạm Trọng Lệ, Tiểu Thu, Đỗ Bình,
NS Phạm Mạnh Cường, NS Trường Sa, NS Phan Ni Tấn, NS Lê Văn Khoa,
Việt Hải, Dương Ngọc Hoán, Thy Nga, Trần Công Lão Mã Sơn...*



TƯỜNG NIỆM NHẠC SĨ LÊ DINH (1934-2020)

Chiều thứ hai 9 tháng 11, 2020 nhận được email của nhạc sĩ Trường Sa (Canada) thông báo tin nhạc sĩ Lê Dinh vừa qua đời lúc 4 giờ sáng cùng ngày tại thành phố Longueuil, Québec, Canada.

Nhạc sĩ Lê Dinh là tác giả của những nhạc phẩm được phổ biến rộng rãi như: *Ngày ấy quen nhau (1959)*, *Thương đời hoa (1960)*, *Tám ảnh ngày xưa (1961)*, *Cánh thiệp hồng (1961)*, *Ga chiều (1962)*, *Xác pháo nhà ai (1964)*, *Chiều lên bản Thượng (1964)*, *Tình yêu trả lại trăng sao (1964)*, *Ngang trái (1965) ...*

Tôi thật bàng hoàng trước tin này vì thấy ông khỏe mạnh, trả lời vui vẻ, mạch lạc trong phỏng vấn với Jimmy Thái Nhựt cuối năm 2019 và ông vừa gửi email cho tôi hôm tháng 7 như sau:

Le Dinh < dinhle@videotron.ca >
22-07-20

*Phan Anh Dũng & Tâm Hảo mến,
Gửi PAD & TH bài Căn Nhà Cuối Thôn,
sáng tác mới của anh, do ca sĩ Thanh
Hiền trình bày.*

*Ca sĩ Thanh Hiền, người trình bày bài
"Căn nhà cuối thôn" này là một ca sĩ
đường phố ở Việt Nam.*

Link youtube:

<https://www.youtube.com/watch?v=Ll6236jVdAo>

Mến, LD

Tôi chúc mừng ông, thầm phục sức sáng tác và mối liên lạc của ông với "thế giới âm nhạc" bên ngoài. Tôi đã đăng ca khúc này vào mục "Thơ nhạc thân hữu tháng 8, 2020":

http://www.cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1426&Itemid=47

Tôi còn nhớ rõ mùa hè năm 2009, Tâm Hảo và tôi qua California dự buổi ra mắt sách vinh danh nhạc sĩ Anh Bằng do nhà văn Việt Hải/ nhóm Văn Đàn Đồng Tâm tổ chức và dự buổi trình diễn nhạc của Trung tâm Asia kỷ niệm 30 năm thành lập/vinh danh nhạc sĩ Anh Bằng. Đó là lần đầu tiên tôi gặp mặt nhạc sĩ Lê Dinh, ông có nụ cười thật tươi, niềm nở bắt tay, nói chuyện thân mật trước khi vào Long Beach Performing Arts Center (trước đó tôi đã có email qua lại với ông qua lời giới thiệu của nhạc sĩ Anh Bằng để xin bài Nỗi Lòng Người Đi).

http://www.cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=777&Itemid=47

Sau đó, tôi thường liên lạc với ông mỗi khi có câu hỏi về gốc gác các bản nhạc hay chuyện về giới văn nghệ âm nhạc trước 1975. Nhạc sĩ Lê Dinh thành thật vui vẻ chia sẻ những điều ông biết - nhưng đôi khi, những chuyện có điểm tế nhị, ông dằn dò kỹ: "chỉ nên nghe qua rồi bỏ ...".

Ông thường gửi cho tôi các ca khúc mới sáng tác, một số tôi đã đăng vào website Cỏ Thơm như: *Tuy Xa Nghìn Trùng, Nhớ Anh Phai Màu Tóc, Lời Người Viễn Xứ, Cảm Ơn, Sài Gòn Còn Mãi Trong Tôi, Căn Nhà Cuối Thôn ...*

Năm 2013 Tâm Hảo đã thu âm và thực hiện youtube tặng nhạc sĩ Lê Dinh ca khúc *Tuy Xa Nghìn Trùng* - sau khi ông sáng tác bản nhạc này "kỷ niệm 30 tháng 4, viết cho người ở lại":

http://www.cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1128&Itemid=47



*Nhạc sĩ Anh Bằng, Nhạc sĩ Lê Dinh,
Tâm Hảo, Phan Anh Dũng*

Cảm ơn người nhạc sĩ tài hoa gốc Gò Công đã dâng cho vườn âm nhạc Việt Nam những đóa hoa tươi sắc muôn màu. Ông cùng 2 nhạc sĩ Minh Kỳ và Anh Bằng - nhóm Lê Minh Bằng - đã sáng tác những bản nhạc bất hủ như: *Đêm Nguyễn Cửu, Truyện tình Lan và Diệp, Linh hồn tượng đá, Trở về cát bụi, Đêm vũ trường,...* Nhóm Lê Minh Bằng cũng đào tạo một số ca sĩ thành danh như Giáng Thu, Hải Lý, Mạnh Quỳnh, Thanh Mai, Trang Mỹ Dung, Kim Loan ... (Nhạc sĩ Minh Kỳ qua đời năm 1975, nhạc sĩ Anh Bằng qua đời năm 2015).

Thành thật chia buồn cùng bà quả phụ Trần Thị Kim Quyên, trưởng nam Lê Duy và toàn tang quyến. Cầu mong hương linh nhạc sĩ Lê Dinh sớm về cõi Phật.

Phan Anh Dũng - 11/11/ 2020

Mời xem trang tưởng niệm nhạc sĩ Lê Dinh với nhiều chi tiết ở website Cỏ Thơm dưới đây:

http://www.cothommagazine.com/index.php?option=com_content&task=view&id=1440&Itemid=47



2 Ca Khúc Nổi Tiếng
“THƯƠNG ĐỜI HOA” – Nhạc & lời: Lê Dinh
“ĐÊM NGUYỄN CẦU” – Nhạc & lời: nhóm Lê-Minh-Bằng



CÔ MAI HƯƠNG

T H U Ơ N G Đ Ờ I H O A

NHẠC VÀ LỜI : LÊ DINH

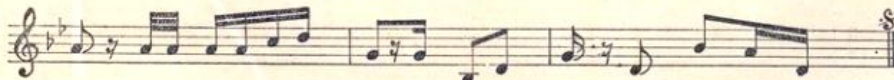
CHÚT TÌNH , THƯƠNG GỬI NGÀN HOA
 THÙ ĐỒ 39
 L . D .

Héo trước trăm hoa , hoa bạc mệnh
 Đang xuân đề khôì thấy xuân tàn
 Chứa xuân vì biết tình hoa thể
 Xin kiếp sau đừng nở thế - gian
 JEAN LEIBA

TANGO-HABANERA



NHẠC MỞ ĐẦU



Buồn viết nên bài



ca vì nhớ thương đời hoa. Mặn mà thay lúc

ẤN PHẨM CỦA DIÊN - HỒNG XUẤT BẢN
 110-4 ĐAI - LỘ - LÊ LỢI SÀI GÒN

CẤM TẮT CẢ MỌI SỰ IN LẠI , NẾU CẦN
 XIN THƯƠNG LƯỢNG VỚI NHÀ XUẤT BẢN

đầu dịu dàng khoe sắc mầu nhìn giòng đời vui biết bao

Ngày ấy nay còn đâu vì xác hoa tàn mau

Ngại ngùng hoa biếng cười vì đời hoa úa rồi mà thời gian lạnh lùng

trời. Thôi nhè hoa ơi, buồn chỉ cho duyên kiếp, mau héo úa tà

toi. Tháng năm dần trôi thương cánh hoa lẻ loi . u buồn dâng khắp

trời, kiếp hoa tàn rồi. Vì nhớ thương đời hoa mà viết nên bài

ca. Dù rằng năm tháng dài, một lòng thương nhớ hoài, tình này không hề lạt

phai. buồn viết nên bài phai.

Thanh Thúy hát “THƯƠNG ĐỜI HOA”:
<https://www.youtube.com/watch?v=HgIL54kC22Y>



Nữ ca-sĩ KIM - LOAN

Kính dâng Tổ-quốc mến yêu -
chân thành ghi ơn những người đã
và đang chiến đấu cho hòa bình
Việt-Nam.

L. M. B.
(QUỐC-KHÁNH 66)

ĐÊM NGUYỆN CẦU

Lê-Minh-Bằng

(Lê-Dinh Minh-Kỳ Anh-Bằng)

BLUES



Hãy lắng tiếng nói vang trong tâm hồn mình người ơi !
(Có những lúc tiếng chuông đêm đêm) vọng về rừng sâu.



Con tim chân chính không bao giờ biết đến nói dối Tôi đi chinh chiến qua bao năm
Rung rung tôi chấp tay nghe hồn khóc đến rướm máu Băng khuâng nghe sừng vang trong xa



trường rồi miệt mài, và hồn tôi mang vết thương vết thương tràn ối
mờ buồn gục đầu, nghẹn...



Có những lúc tiếng chuông đêm đêm, ..
..ngào cho non nước tôi trăm ngàn u sầu.

ẤN PHẨM SỐ 29 CỦA SÓNG NHẠC
Kiểm duyệt số 4024 BTT/BCS/XB ngày 23-12-66

An-quân HỒNG-KY 140, đường An-Bình Cholon
Cliché QUẢN-SANH 9, đường Kỳ-Hòa Cholon

Elvis Phương hát "ĐÊM NGUYỆN CẦU":
<https://www.youtube.com/watch?v=gglfoRRLV0s>

Thượng Đế hỡi có thấu cho Việt Nam này nhiều sóng gió trời dạt lâu dài từng
 chiến đấu tiêu diệt quân thù bạo tàn Thượng Đế hỡi hãy lắng nghe người dân hiền vi
 đất nước đang còn ưu phiền còn tiếng khóc đi vào đêm trường triền
 miên Có những lúc tiếng chuông đêm đêm vọng về rừng sâu
 Rung rung tôi chấp tay nghe hồn khóc đến rướm máu Quê hương non nước tôi ai gây
 hận thù tội tình Nhà Việt Nam yêu dấu ơi bao giờ thanh bình ?

29

Nhạc phẩm **ĐÊM NGUYỄN CẦU** của **LÊ-MINH-BẰNG** do **SÓNG-NHẠC** xuất bản,
 in lần thứ nhất 10.000 bản thường và 200 bản đặc biệt dành riêng cho tác giả đề tặng.

(Bản nhạc Đêm Nguyễn Cửu do Đông Thương gửi tặng Cổ Thơ)

NHỮNG MÙA THU RẤT NHỎ

** Tác giả: **Tiểu Thu** Canada **

Không biết từ bao giờ, tôi có một thói quen không thể bỏ được. Cửa sổ phòng ngủ của chúng tôi nhìn ra khu vườn khá rộng phía sau nhà. Mỗi buổi sáng thức dậy, sau khi vén hai tấm màn cửa sổ sang hai bên là tôi phải đứng đó, nhìn ra vườn ít nhất là năm ba phút. Xuân, Hạ, Thu, Đông... không bao giờ thay đổi. Mùa Xuân thì ngắm hoa đào nở đầy cành trên cây hạnh đào sát gần cửa sổ, mỗi trận gió thoảng qua làm những cánh hoa màu hồng bay phát phới như trận mưa hoa, phủ đầy trên thảm cỏ xanh non phía dưới. Xa hơn nữa, sát hàng rào là cây lê nhật, từng chùm hoa màu trắng tinh khiết, cánh hoa mỏng manh nổi bật giữa giàn hồng Tường vi và giàn Clématis trổ đầy hoa màu huyết dụ. Còn nhiều, nhiều loại hoa khác mà tôi không biết tên. Chỉ đứng nơi này mới nhìn bao quát trọn khu vườn. Mùa Hạ khu vườn rục rờ hơn bao giờ hết. Hoa thơm quyến rũ bao nhiêu là ong bướm để tôi tha hồ chụp hình. Cây lê Nhật trái chi chít nặng trĩu cả cành. Mùa Thu đến, cây hạnh đào lá đổi màu vàng, đỏ sớm nhất và cũng rụng sớm nhất. Vài loại hoa bắt đầu tàn trong sự luyến tiếc khôn nguôi của chủ nhân khu vườn. Nhưng đến cuối Thu thì thật là ảm đạm, cây cối trơ cành: Buồn ơi chào mi!!! Bù lại, nhìn những chú sóc xinh xắn, dạn dĩ chạy loanh quanh trong vườn tìm thức ăn để dự trữ cho mùa đông cũng vui vui. Đông đến mang theo cái lạnh cắt da và những trận bão

tuyệt toại bời. Thuở thanh xuân, chúng tôi rất thích tuyết vì còn có thú đi trượt tuyết. Trên núi cao, đi giữa những hàng thông phủ đầy tuyết trắng khiến mình có cảm tưởng như lạc vào chốn thiên thai. Nhưng giờ đây, đang ở giai đoạn Mùa Thu Cuộc Đời, mình chỉ còn cái thú đứng sau khung cửa, trong căn phòng ấm áp, nhìn cả khu vườn ngập đầy tuyết trắng cũng thấy lòng bình yên, thanh thản. Và nếu như mùa Đông bình lặng, mùa Xuân reo vui, mùa Hạ tưng bừng, thì tôi thích nhất mùa Thu. Mùa Thu của thi nhân, của mộng mơ. Cái lạnh vừa đủ để chúng ta có thể mặc chiếc áo ấm nhẹ, cổ quàng khăn san mỏng, đi dạo trong những khu rừng ngập đầy lá vàng, hoặc những con đường có hai hàng cây rục rờ ánh vàng, ánh đỏ của muôn vạn chiếc lá đổi màu. Mùa Thu nơi này đẹp lắm!

Nhưng năm nay, với đại dịch Covid-19, chúng ta (Những người không còn trẻ nữa!) được khuyến cáo nên ở nhà tối đa. Nhớ tới bạn bè và nhất là những đồng nghiệp của bạn hữu, đã lần lượt bị con virus ác nghiệt cướp đi mạng sống mà lòng se thắt. Giây phút cuối đời họ cũng không được gặp mặt người thân. Họ ra đi âm thầm, lặng lẽ trong nỗi đau đớn tột cùng của con cháu, họ hàng. Lắm đêm chong mắt nhìn vào khoảng không, tôi tự hỏi không biết có phải mình đang nằm mơ? Một cơn ác mộng, mà mai đây khi trời sáng, cơn ác mộng ấy sẽ biến mất?!

Nhưng hơi ối, chẳng những nó không biến mất mà càng lúc nó càng hoành hành dữ dội. Cả thế giới sống trong sự kinh hoàng tột độ! Chưa bao giờ nhân loại phải chịu đựng nỗi sợ hãi trước kẻ thù vô hình như hiện tại. Rồi tương lai của con, của cháu chúng ta sẽ đi về đâu? Hàng ngày nhìn chúng đi làm, đi học mà trong dạ bồn chồn lo lắng không yên. Trận đại dịch đến bao giờ mới chấm dứt? Một năm? Hai năm? Nào ai biết được! Các bạn tôi và chúng tôi chỉ còn biết cầu nguyện. Cầu nguyện đáng Tới Cao ban cho nhân loại sự bình an. Với tôi, năm nay không có Mùa Thu Mơ như những năm xưa. Không còn cánh lang thang trong rừng thu để chụp hình kỷ niệm. Mùa Thu thì vẫn thế. Trăng thu vẫn sáng lồng lộng, vẫn đẹp mơ màng. Nhưng thời điểm này, mùa Thu đến càng khiến cho dịch bệnh tăng lên đáng sợ. Tôi nghiệp những vị bác sĩ, y tá, nhân viên y tế trong các nhà thương. Hàng ngày họ phải chiến đấu với con virus ác nghiệt, cố gắng giành giật mạng sống của bệnh nhân ra khỏi bàn tay tử thần. Biết bao người trong số đó đã hy sinh mạng sống của mình cho tha nhân? Nhiều... nhiều lắm. Vì thế họ xứng đáng cho nhân loại vinh danh và nhớ ơn muôn đời.

Hôm nay buồn quá, ngồi giờ cuốn album xem lại những hình ảnh cũ. Chợt nhìn thấy tám ảnh chụp tại Paris. À, đây là những tám ảnh kỷ niệm ngày Văn Hóa Thu Tao Ngộ Paris năm 2009. Nhắc đến Thu Tao Ngộ làm tôi nhớ da diết nhà văn Hồ Trường An, một tên tuổi lớn trong giới văn chương Việt

Nam. Anh ra đi để lại cho chúng ta một gia sản văn chương đồ sộ với hơn 60 tác phẩm. Tôi nể phục anh vì tư cách đối với những cây bút mới. Anh cho những lời khuyên chân thành, anh khuyến khích những người tập tễnh sáng tác như Vũ Nam, như tôi... Vì thế tôi xem anh như một người anh lớn đáng quý, đáng trân trọng. Tôi hân hạnh quen anh Hồ Trường An qua thi văn sĩ Dư Thị Diễm Buồn. Sau đó ít lâu tôi có nhờ và anh đã hoan hỉ nhận lời viết Bạt cho Tập Truyện Ngắn đầu tay “Sóng Nước Tình Quê” xuất bản năm 2002 của tôi. Năm 2003, anh Hồ Trường An có nhã ý cho tôi tham dự trong cuốn Bút Khảo Tập Diễm Ngưng Huy (Tập Diễm: kết tập biết bao cái đẹp của những nàng hoa. Ngưng Huy: Ánh sáng vẫn ngưng đọng).



Thăm nhà văn Hồ Trường An 2009

Năm 2006, anh từ Paris gọi điện thoại phỏng vấn và tôi được hiện diện trong “Giai Thoại Văn Chương” cùng với các văn thi sĩ Trần Bích San, Vi Khuê, Nguyễn Thị Ngọc Dung, Việt Bằng, Dư thị Diễm Buồn, Phan Khâm và Vũ Nam. Giai Thoại Văn Chương

được Cơ sở Văn học Cỏ Thơm xuất bản.

Năm 2007, một lần nữa tôi lại có mặt trong cuốn “Quê Nam Một Cõi”, Bút Khảo về Hồ Biểu Chánh, Phi Vân, Sơn Nam, Xuân Vũ, Nguyễn Thị Thụy Vũ, Song Thi, Anh Vân, Phương Triều, Hoàng Xuyên Anh, Dư Thị Diễm Buồn, Nguyễn Phan Ngọc An, Tiểu Thu, Vũ Nam và Bài kết “Chú Tư Cầu” của Lê Xuyên. Sau đó 1 năm, chúng tôi gồm 12 cây bút khắp nơi cùng tham gia viết chung tác phẩm Món Ăn Theo Bước Chân Di Tản với nhà văn Hồ Trường An. Năm 2007, anh Hồ Trường An từ Pháp qua San Jose ra mắt tác phẩm Quê Nam Một Cõi. Nhân cơ hội này tôi cũng sang Bắc Cali để gặp anh HTA và những người bạn có mặt trong cuốn Bút Khảo. Lần đầu gặp anh tôi không khỏi ngạc nhiên vì anh trông khác với những bức hình tôi thấy trước kia. Trước mặt tôi là một HTA cao ráo, hồng hào, phương phi, nói năng nhẹ nhàng, từ tốn và trẻ hơn tuổi rất nhiều. Các nữ độc giả ái mộ thi nhau chụp hình lưu niệm với anh. Lần ra mắt sách ở Bắc Cali thành công tốt đẹp. Anh trở về Pháp và ít lâu sau chúng tôi không khỏi bàng hoàng khi nghe tin anh bị stroke và phải ngồi xe lăn. Tháng mười năm 2009, được biết anh Đỗ Bình cùng các thi văn sĩ bên Paris có tổ chức một ngày Văn Hóa Thu Tao Ngộ, chúng tôi (gồm những người viết trong tác phẩm Món Ăn Theo Bước Chân Di Tản) đồng ý sẽ gặp nhau tại Paris. Với tôi thật quan trọng, vì đây là cơ hội đi thăm anh Hồ Trường An. Một ngày sau khi đặt chân trên đất Pháp, nhóm chúng tôi gồm có chị Nguyễn Thị Ngọc Dung đến

từ DC, anh Duy An Đông, Tôn Nữ Mặc Giao và Nguyễn Phan Ngọc An đến từ Bắc Cali, Tiểu Thu Canada đã đi thăm anh An ở vùng Troyes. Tôi bùi ngùi xúc động trước thân hình tiều tụy của anh. HTA ngày nay chỉ còn là cái bóng mờ của HTA 2 năm về trước. Giờ đây anh chỉ còn nhúc nhích được 1 bàn tay. Tuy vậy anh vẫn sáng tác đều đặn với một ngón tay gõ bàn phím. Chúng tôi cúi đầu thán phục trước sự quyết tâm, không đầu hàng số mệnh của anh. Cả nhóm đã dùng cơm trưa và cơm chiều tại nhà anh trước khi trở về Paris. Hình như phái nữ chúng tôi, người nào cũng có chút ướm mị vì biết rằng khó có thể gặp lại anh lần nữa! Ngày chính của Thu Tao Ngộ Paris 2009, Anh HTA được người bạn đời Bernard lái xe đưa từ Troyes lên. Nhìn cách Bernard săn sóc anh Hồ Trường An thật xiết bao cảm động. Quả thật anh rất may mắn, cuối đời còn có người yêu thương, săn sóc trong trong lúc bệnh hoạn.

Cũng nhân cơ hội này, tôi có cơ duyên gặp gỡ nhà thơ họa lừng danh Vũ Hối, nhạc sĩ Lê Trạch Lưu (nhạc phẩm Em Tôi) và nhạc sĩ Lê Mộng Nguyên (nhạc phẩm Trăng Mờ Bên Suối) cùng một số Giáo Sư, Thi, Văn, Ca, Nhạc sĩ tiếng tăm lẫy lừng ở Paris. Nhưng người gây ấn tượng sâu đậm nhất trong lòng tôi là thi văn sĩ Đỗ Bình cùng phu nhân là ca sĩ Thúy Hằng. Thơ văn anh đã tuyệt hay, mà tấm lòng yêu văn hóa Việt Nam, tấm lòng nhân hậu đối với bạn bè xa gần mới đáng quý làm sao! Nhớ lúc, dù rất bận rộn với khách mời, anh vẫn cố gắng dẫn vợ chồng chúng tôi chạy đi kiểm station

métro khá xa nơi tổ chức Thu Tao Ngô, mà lòng bồi hồi xúc động. Xin anh Đỗ Bình nhận nơi đây lòng tri ân chân thành của chúng tôi... Giòng sông đời vẫn lặng lẽ trôi. Mới đó thoáng cái đã 11 mùa thu qua. Nhưng tôi vẫn có cảm tưởng như mới ngày nào không xa lắm. Rồi gần đây, trong nhóm thân tình ngày ấy đã có anh Nguyễn Văn Nhiệm và Vũ Nam ở Đức Quốc đã từ giã chúng ta để về miền Miên Viễn. Thật đáng tiếc vì Vũ Nam là người trẻ nhất và sáng tác đều đặn, hăng say nhất. Hai tuần trước còn gửi điện thư qua lại, dùng một cái nhận được tin buồn, bảo sao ta không bàng hoàng, hụt hẫng!

Mùa Thu năm nay, với tình trạng dịch Covid-19 lan tràn nhanh chóng, dân chúng Québec lại bị nhốt trong nhà nghiêm ngặt lần thứ 2. Bạn bè không còn dịp thỉnh thoảng gặp nhau như trong suốt mùa hè. Họ chẳng chỉ gửi điện thư hay điện thoại cho nhau mà thôi. Sáng sớm thứ hai ngày 9-11, một người bạn thân, vốn là bác sĩ gia đình của nhạc sĩ Lê Dinh, điện thoại báo tin anh Lê Dinh vừa qua đời vào lúc 4 giờ sáng. Trước đây, dù biết anh không khỏe lắm với bệnh cao máu và bệnh tim, ở tuổi đời 86 anh có ra đi cũng có thể xem là thọ, nhưng chúng tôi vẫn không ngăn được xúc động đến thần thờ! Lại một ngôi sao sáng vụt tắt trên vòm trời Âm Nhạc Việt Nam. Anh Lê Dinh ra đi để lại cho người thưởng ngoạn một gia tài âm nhạc đồ sộ với hơn 200 tác phẩm. Như chúng ta đã biết, những nhạc sĩ tài danh của Việt Nam trước năm 1975, phần lớn đều tự học hoặc học hàm thụ với trường âm

nhạc École Universelle de Paris, Pháp. Anh Lê Dinh cũng không ngoại lệ. Anh bắt đầu sáng tác từ năm 1953, nhưng tới năm 1956 mới chính thức trình làng tác phẩm đầu tay “Làng Anh Làng Em” và sau đó (trừ 3 năm sống dưới chế độ Cộng sản) cho đến những năm cuối đời tại Montréal, Canada anh chưa bao giờ ngừng sáng tác. Trước khi hợp tác với hai nhạc sĩ Minh Kỳ và Anh Bằng để thành lập nhóm Lê-Minh-Bằng, nhạc sĩ Lê Dinh đã thành danh với nhiều nhạc phẩm (tôi đặc biệt thích Thương Đồi Hoa, Tình Yêu Trả Lại Trăng Sao). Có câu “văn là người”. Với tính tình hiền hòa, chân thật, mộc mạc, những tác phẩm của nhạc sĩ Lê Dinh cũng toát lên cái tinh thần của tác giả. Chúng ta hãy nghe Anh Ngọc, ca sĩ hàng đầu của làng ca nhạc Việt Nam thời bấy giờ, trong chương trình phê bình nhạc trên đài phát thanh Sài Gòn, nói về nhạc sĩ Lê Dinh: “Qua Lê Dinh, người ta tiếp nhận được âm điệu uyển chuyển, dồi dào không nhàm chán và phần lời ca của Lê Dinh rất chân thật, rất đơn sơ nhưng không kém phần điêu luyện và nhờ đó đi thẳng vào lòng người nghe một cách dễ dàng”.

Từ năm 1966 nhóm Lê-Minh-Bằng đã cho ra đời rất nhiều tuyệt phẩm như Đêm Nguyễn Cầu, Chuyện Tình Lan Và Điệp I, II, III, Linh Hồn Tượng Đá, Cho Người Tình Nhỏ ...vv..vv... Tên tuổi nhóm Lê-Minh-Bằng sáng chói trong giới ca nhạc Miền Nam, cho đến năm 1975 mới tan rã. Chúng tôi quen anh chị Lê Dinh từ rất lâu. Trước kia (lúc Vua Nhạc trẻ Trường Kỳ còn tại thế), hàng tuần chúng tôi hay tụ họp tại

quán Phương Thảo để vừa ăn uống vừa tán gẫu đủ thứ chuyện trên trời dưới đất. Anh Lê Dinh đương nhiên đóng vai trò anh Cả. Vì thế, những buổi văn nghệ do báo Nghệ Thuật của anh tổ chức, chúng tôi không bao giờ vắng mặt. Sau này, do lớn tuổi không tiện lái xe, anh chị không còn tham dự, chỉ những dịp thật đặc biệt anh chị mới có mặt. Năm anh lên Thượng Thọ Bát Tuần (2014) chúng tôi và một nhóm bạn thân đã tổ chức một buổi dạ tiệc nho nhỏ mừng Sinh nhật anh tại nhà một người bạn. Hôm ấy trông anh vui và xúc động.



Đặc biệt hơn nữa, vào năm 2009, qua lời mời của nhạc sĩ Anh Bằng, vợ chồng chúng tôi đã tháp tùng anh Lê Dinh sang Nam Cali để ra mắt tác CT-SỐ 90

phẩm “Kỷ Niệm về Nhạc Sĩ Anh Bằng, Dòng Nhạc Trong Lòng Dân Tộc” do Văn Đoàn Đồng Tâm chủ trương. Nhân dịp này tôi được diện kiến nhạc sĩ tài hoa Lê Văn Khoa và một số văn nghệ sĩ nổi tiếng khác đến từ khắp các tiểu bang Hoa Kỳ, cũng như từ Âu Châu và Úc Châu sang. Hai ông bạn già Anh Bằng và Lê Dinh ngồi cạnh nhau chắc hẳn có muôn vàn kỷ niệm để kể cho nhau nghe. Ôi, giờ đây cả hai đều đã ra người thiên cổ!

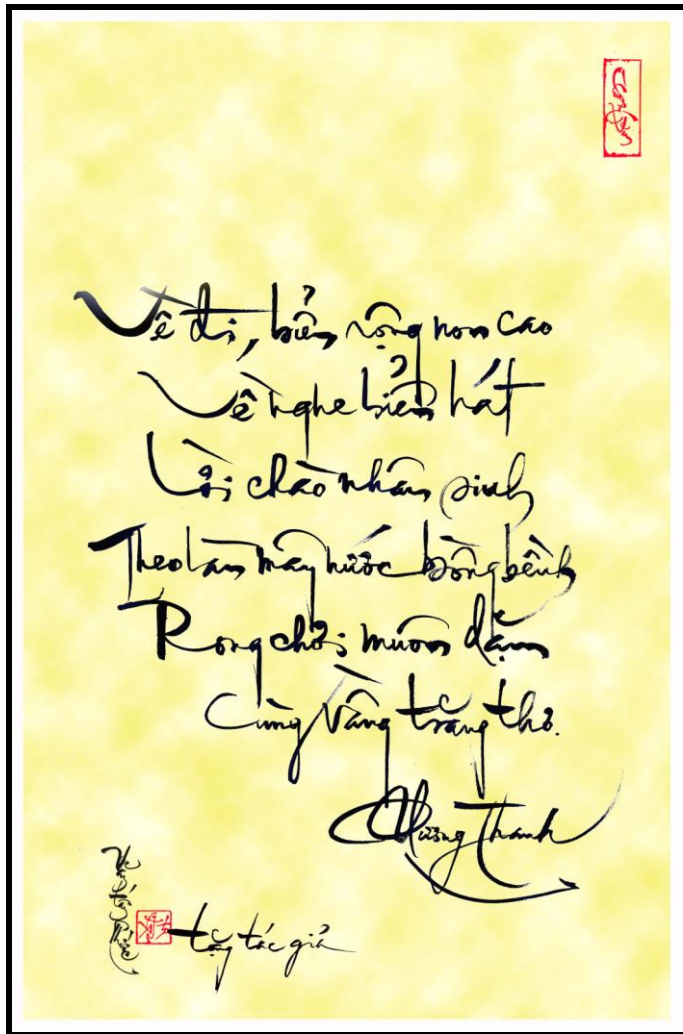


Dẫu biết con người ai cũng phải trải qua Sinh, Lão, Bệnh, Tử... nhưng những người như các anh, suốt đời vắt cạn tim óc để dâng cho đời bao hoa thơm cỏ lạ, nên dù đã về bên kia thế giới, vẫn để lại bao tiếc thương trong lòng mọi người. Xin vĩnh biệt nhạc sĩ Lê Dinh. Anh ra đi nhưng dòng nhạc đầy ắp tình tự dân tộc của anh vẫn còn sống mãi!

Tiểu Thu

Montréal, Canada - Mùa Thu 2020





Thơ: **Vương Thanh**
Thư pháp: **Văn Tấn Phước** (France)

Tiếp trang 71, bài “Tia Thủy Tiên, Thú Vui Tao Nhã ngày Tết“, tác giả Thu Lê

Xin mời quý vị thưởng lãm một vài dáng dấp của nàng tiên áo trắng đã thăm chúng tôi trong thập niên vừa qua:





Xin cảm ơn nhà thơ Lan Đàm đã cho những vần thơ diễm lệ làm tăng vẻ đẹp thanh nhã quý phái của Thủy Tiên, và con gái Quỳnh Thư đã cho những bình thủy tiên đẹp (hậu sinh khả úy, con trẻ học nhanh và mắt tinh hơn mẹ nên làm đẹp hơn!...)

Từ xưa nay đã có bao nhiêu dòng thơ ca tụng loài hoa đẹp này. Chỉ xin viết vào đây bài thơ “Thủy Tiên Kiều Nữ” mà nhà văn Nguyễn Lân tặng chúng tôi mười năm trước để nghe lời ca tụng kiều nữ Thủy tiên.

THỦY TIÊN KIỆU NỮ

Một đêm trừ tịch
Em đến bên anh
Vóc mai, mình hạc thanh thanh
Đợi chờ em ...một năm tròn xa vắng...

Trong tay anh thủy tiên mảnh khảnh
Trang nhã và ý nhị làm sao,
Chiêm ngưỡng em, anh tự hào
Em vẫn đẹp, vẫn vô cùng thu hút!

Ngày từng ngày, nâng niu chăm chút
Em héo mòn ủ dột nét hoa
Em ra đi trong nắng chiều tà
Nhìn nhau lần cuối,
tưởng là vĩnh quyết!

Bao tháng qua, tin em biển biệt
Em ở đâu? Em ở nơi đâu?
Nhớ em, trần trọc canh thâu
Nhớ em, rưng rưng mắt lệ...

Bỗng, một chiều...
Trong huy hoàng tráng lệ
Em trở về ngào ngạt hương hoa
Em trở về lộng lẫy, kiều sa
Em trở về như lòng ta mơ ước!

Lặng ngắm em trầm mình
trong giòng nước
Thân nõn nà, tươi mát Thủy Tiên ơi!
“Bên mình một đóa hoa trời
Bao nhiêu hoa thế rã rời hết hương...”

NGUYỄN LÂN

PHIẾU MUA/GIA HẠN/QUẢNG CÁO

(SUBSCRIPTION & ADVERTISEMENT FORM)

Họ và tên (Reader's Name):

Địa chỉ (Address):

Phone, Fax, Email:

Ngày đặt mua (Order date): Từ số (From issue #):..... tới số (To issue #):.....

Kèm theo chi, ngân phiếu số (Enclosed check, money order #)

Số tiền (US dollar amount) \$

GIÁ MỘT NĂM 4 SỐ BÁO CỔ THƠM, kể luôn cước phí media mail

PRICE OF 4 ISSUES, including media mail cost

Nội địa Hoa Kỳ (In USA): US \$40.00 - Gia Nã Đại (In Canada): US \$100.00

GIÁ QUẢNG CÁO TRẮNG ĐEN MỖI SỐ

Trên Tạp Chí Cổ Thơm (7 x 8.5")

1/2 trang trong: US \$30.00

1 trang trong: US \$60.00

Trang trong bìa trước: US \$100.00

Trang trong bìa sau: US \$100.00

Dùng ngân phiếu, lệnh phiếu Mỹ kim, xin ghi trả và gửi về:
(Check payable in US dollars to Cothom Foundation; send to):

COTHOM FOUNDATION

105 WINDY KNOLL DR

ROCKVILLE, MD 20850

USA

**QUÝ VỊ ĐỘC GIẢ MUA BÁO DÀI HẠN, QUÝ THÂN CHỦ CHO QUẢNG CÁO
LÀ ÂN NHÂN YẾM TRỢ TAM CẢ NGUYỆT SAN VĂN HỌC CỔ THƠM.**